

TRUNG-HỌC VIỆT-NAM

VIỆT-NAM THỊ VĂN HỢP TUYỂN



DƯƠNG - QUẢNG - HÀM

SOẠN

Hiệu-đính theo chương-trình mới bậc Trung-học

In lần thứ tám 1962

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

TRUNG - HỌC VIỆT - VĂN GIÁO - KHOA - THƯ

**VIỆT-NAM
THI-VĂN HỢP-TUYỂN**

QUYỂN II

- 1.— Trong quyển này, ba chữ « Phần thứ nhất » dùng để chỉ quyển thứ nhất của sách *Việt-văn giáo-khoa thư* này biệt-nhan là **Việt-Nam Văn-học Sử-yếu**.
- 2.— Trong các bài thơ văn, những chữ *in nghiêng* tức là có bản chép khác chưa ở dưới.

CA - DAO

1. — Súc-sắc súc-sẻ (1)

Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa,
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp ;
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng chầu ;
Bước ra dâng sau, thấy nhà ngồi lợp.
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm,
Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lẻ.
Vợ ông sinh dẻ, những con tốt lành,
Những con như tranh, những con như rối.

CHÚ-THÍCH.— (1) Vào khoảng nửa đêm hôm ba mươi tết, trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến cửa các nhà xin tiền. Đầu đi đầu cầm một cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên thành tiếng «súc-sắc», rồi vừa lắc chúng vừa hát bài này.

2. — Thằng Bờm

Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú-ông xin dỗi ba bò chín trâu.
Bờm rắng : Bờm chẳng lấy trâu.
Phú-ông xin dỗi một xâu cá mè.
Bờm rắng : Bờm chẳng lấy mè.
Phú-ông xin dỗi một bè gỗ lim.
Bờm rắng : Bờm chẳng lấy lim.
Phú-ông xin dỗi con chim đồi-mồi.
Bờm rắng : Bờm chẳng lấy mồi.
Phú-ông xin dỗi năm xôi, Bờm cười.

3.— Ru con

Bao giờ cho đến tháng ba,
 Êch cắn cỗ rắn tha ra ngoài đồng.
 Hùm năm cho lợn liếm lông :
 Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
 Năm xôi nuốt trẻ lên mươi ;
 Con gà, be rượu nuốt người lao-dao.
 Lươn năm cho trúm (1) bò yào ;
 Một đàn cào-cào đuôi bắt cá rô.
 Lúa mạ nhảy lên ăn bò ;
 Cỏ năn (2), cỏ lác (3) rình-mò bắt trâu.
 Gà con đuôi bắt diều-hâu ;
 Chim ri đuôi đánh vỡ đầu bồ-nông.

CHÚ-THÍCH.— (1) Trứm : một thú đó đê bắt lươn.— (2) Cỏ năn : một loài cỏ mọc dưới nước.— (3) Cỏ lác : thứ cỏ xấu.

4.— Chèo đò

Chẳng giật thì thuyền chẳng đi,
 Giật ra ván nát, thuyền thì long đanh.
 Đôi ta lên thác, xuống ghềnh,
 Em ra đứng mũi đê anh chịu sào.

5.— Chặt củi

Tay cầm con dao,
 Làm sao cho sắc,
 Đê mà dê cắt,
 Đê mà dê chặt,
 Chặt lấy củi cảnh.
 Trèo lên rừng xanh,
 Chạy quanh sườn núi,
 Một mình thui-thủi,
 Chặt cây chặt củi.
 Tìm chốn mà ngồi,
 Ngồi mát thảh-thơi.

Kia một đàn chim,
 Ô đâu bay đến,
 Ô đâu bay lại ;
 Con đang cắn trái ;
 Con đang tha mồi,
 Qua lối nọ nó ăn,
 Cái con hươu kia,
 Mày đang ăn lộc,
 Lộc vả, lộc sung.
 Mày trông thấy tớ,
 Tớ không đuổi mày,
 Mày qua lối nọ làm chi ?

6.- Mẹ dạy con gái

Con ơi ! Mẹ bảo đây này :
 Học buôn học bán cho tay người ta.
 Con đừng học thói chua ngoa,
 Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười.
 Dù no, dù đói, cho tươi ;
 Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
 Phòng khi đóng góp việc làng :
 Đồng tiền, bát gạo, lo toan cho chồng,
 Trước là đặc nghĩa cùng chồng.
 Sau là họ-mạc cũng không chê cười,
 Con ơi ! Nhớ bấy nhiêu lời.

7.- Chồng khuyên vợ

Nhà anh chỉ có một gian,
 Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng.
 Anh cậy em coi sóc trăm đường,
 Đề anh buôn bán trầy-trương thông-hành,
 Còn chút mè già, nuôi lấy cho anh,
 Đề anh buôn bán thông-hành đường xa.

Liệu mà thờ kính mẹ già,
Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.
Dù no, dù đói, cho tươi :
Khoan ăn, bớt ngủ, liệu bài lo toan.
Cho anh dành dạ bán buồn.

8.— Vợ khuyên chồng

Canh một dọn cửa, dọn nhà ;
Canh hai dệt cửi, canh ba dì năm.
Canh tư bước sang canh năm,
Trinh anh dậy học, chờ năm làm chi.
Nữ mai Chúa mở khoa thi,
Bảng vàng chói-lợi kia đề tên anh.
Bố công cha mẹ sắm-sanh,
Sắm nghiên, sắm bút cho anh học-hành.

9.— Thói hay ché-giếu

Ở sao cho vừa lòng người :
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê ;
Cao chê ngông, thấp chê lùn,
Béo chê béo trực béo tròn,
Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra.

10.— Thói ham danh lợi

Cái vòng danh lợi cong cong,
Ké hòng ra khỏi, người mong bước vào.
Sự đời nghĩ cũng nực cười :
Một con cá lội, mấy người buông câu.

11.— Cảnh chồng con

Chồng em nó chẳng ra gì :
Tô-tôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang,
Nói ra, xấu thiếp hồ chàng.
Nó giận, nó phá tan hoang cửa nhà.

Nói đây, có chị em nhà :
 Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông.
 Em bán đi trả nợ cho chồng,
 Còn ăn hết nhện cho hả lòng chồng con.
 Đắng cay ngậm quả bồ-hòn :
 Cửa nhà gia thế, chồng con kém người.
 Nói ra, sợ chị em cười :
 Con nhà nho-giáo lấy phải người đàn ngu.
 Rồng vàng tắm nước ao tù,
 Người khôn ở với người ngu nặng minh.

12.— Tình-cảnh người nhà quê

Làng ta phong cảnh hữu tình,
 Dân cư giang khúc như hình con long.
 Nhờ trời hạ kế sang đông,
 Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.
 Vụ năm cho đến vụ mười,
 Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.
 Trời ra, gắng ; trời lặn, về,
 Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân.chiên.
 Dưới dân họ, trên quan viên,
 Công-bình giữ mực cầm quyền cho thay.
 Bây giờ gặp phải hội này,
 Khi trời hạn hán, khi hay mưa dầm ;
 Khi trời gió bão ầm-ầm,
 Đồng dien lúa thóc mười phần được ba.
 Lấy gì dăng nạp nữa mà,
 Lấy gì công việc nước nhà cho dang.
 Lấy gì sưu thuế phép thường,
 Lấy gì bồ chợ đong lường làm ăn.
 Trời làm khổ cực hại dân,
 Trời làm mất-mát có phần nào chăng.

13.— Việc làm ruộng

Tháng chạp là tháng giồng khoai,
Tháng giêng giồng đậu, tháng hai giồng cà.
Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.
Ai ai cùng vợ cùng chồng.
Chồng cày, vợ cấy trong lòng vui thay !
Tháng năm gặt gái đã xong,
Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy :
Năm nong đầy, em xay, em giã,
Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
Sang năm lúa tốt tiền nhiều,
Em đem đóng thuế, đóng sưu có chồng.
Đói no có thiếp cõ chàng.
Còn hơn chung-dĩnh giàu sang một mình.

14.— Ba mươi sáu phố ở Hà-nội

Rủ nhau chơi khắp Long-thành (1),
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai ;
Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay,
Mã-vĩ, hàng Điếu, hàng Giầy,
Hàng Lò, hàng Cót, hàng Mây, hàng Đàm,
Phố Mới, Phúc-kiến, hàng Ngang,
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than, hàng Đồng,
Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đồng,
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,
Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà.
Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem hàng phố, thật là cũng xinh.
Phố hoa thứ nhất Long-thành,

Phố dăng mắc cùi, dèng quanh bàn cờ,
 Người về nhớ cảnh ngàn-ngo,
 Bút hoa xin chép nên thơ lưu-truyền.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Long-thành* : tức là Thăng-long thành 龍城
 tên của thành Hà-nội đặt tự năm 1010 về đời Lý Thái-tô.

15.— Con trai ngo ý với con gái

Hôm qua tát nước đầu đình,
 Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
 Em được thì cho anh xin,
 Hay là em dề làm tin trong nhà.
 Áo anh sứt chỉ đường tà,
 Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
 Áo anh sứt chỉ đã lâu,
 Mai mượn cò ấy vào khâu cho cùng.
 Khâu rồi, anh sẽ trả công.
 Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho :
 Giúp em một thúng xôi vò,
 Một con lợn béo, một vò rượu tăm ;
 Giúp em đói chiếu em nằm.
 Đói chǎn em đắp, đói trǎm em deo ;
 Giúp em quan tám tiền cheo,
 Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.

16.— Con gái ngo ý với con trai

Vào vườn hái quả cau xanh,
 Bồ ra làm sáu, mời anh xoi trầu.
 Trầu này tèm những vôi tàu,
 Giữa đệm cát cành, hai đầu quẽ cay.
 Trầu này ăn thiệt là say,
 Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng,
 Dù chǎng nên đạo vợ chồng,
 Xoi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương !

17.— Tiếc sự biết nhau quá chậm

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
 Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.
 Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,
 Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay !
 — Ba đồng một mớ trầu cay,
 Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
 Böyle giờ em đã có chồng,
 Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
 Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ ;
 Chim vào lồng, biết thuở nào ra !

18.— Trách sự sai lời nguyện ước

Đồng tiền Vạn-lịch (1) thích bốn chữ vàng,
 Anh tiếc công anh gắn bó với cô nàng bấy lâu,
 Böyle giờ cô lấy chồng đâu ?
 Đề anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng :
 Năm trăm anh đốt cho nàng,
 Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.
 Xưa kia nói nói, thề thề,
 Böyle giờ bẻ khóa, trao chìa cho ai ?
 Böyle giờ nàng đã nghe ai.
 Gặp anh ghé nón, chạm vai, chẳng chào ?

CÙU-THÍCH.— (1) Vạn-lịch : niên-hiệu vua Minh Thần-tôn bên Tàu (1573-1620).

19.— Nỗi ly-biệt

Đôi duyên ta như loan với phượng,
 Nở lòng nào đề phượng lia cây.
 Muốn cho có đó có đây,
 Ai làm nên nỗi nước này, chẳng ôi !
 Thà rằng chẳng biết thì thôi,
 Biết chi gối chiếc lê-loi thêm phiền.

20.— Bài hát đố

Ở đâu năm cửa, nàng oi !
 Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng ?

Sông nào bên đục bên trong ?
 Núi nào thắt cổ bồng mà có thánh sinh ?
 Đền nào thiêng nhất tỉnh Thanh ?
 Ở đâu lại có cái thành tiên xây ?
 Ở đâu là chín tùng mây ?
 Ở đâu lăm nước, ở đâu nhiều vàng ?
 Chùa nào mà lại có hang ?
 Ở đâu lăm gỗ thời nàng biết không ?
 Ai mà xin lấy túi đồng ?
 Ở đâu lại có con sông Ngân-Hà ?
 Nước nào dệt gấm thêu hoa ?
 Ai mà sinh ra cửa, ra nhà, nàng ơi ?
 Kia ai đội đá vá trời ?
 Kia ai trị thủy cho đời được yên ?
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 Xin em giảng rõ từng nơi từng người.
 — Thành Hà-nội năm cửa, chàng ơi !
 Sông Lục-dầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
 Nước sông Thương bên đục bên trong.
 Núi đức thánh Tân thắt cổ bồng mà lại có thánh sinh.
 Đền Sông thiêng nhất tỉnh Thanh,
 Ở trên tỉnh Lạng, có thành tiên xây.
 Trên trời có chín tùng mây.
 Dưới sông lăm nước, núi nay lăm vàng.
 Chùa Hương-tích mà lại ở hang ;
 Trên rừng lăm gỗ thời chàng biết không ?
 Ông Nguyễn Minh-Không xin được túi đồng :
 Trên trời lại có con sông Ngân-hà.
 Nước Tàu dệt gấm thêu hoa ;
 Ông Hữu-Sào sinh ra cửa, ra nhà, chàng ơi !
 Bà Nữ-Oa đội đá vá trời ;
 Vua Đại-Vũ trị thủy cho đời yên vui.
 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 Em xin giảng rõ từng nơi từng người.

TRÊ CÓC VÔ - DANH

Truyện Tré cóc là một câu truyện ngữ-ngôn chủ-ý cốt bày tỏ cái thói « tranh hơi tức khí » gây nên những cuộc kiện tụng và chỉ trích cái tệ nhũng lam của bọn sai-nha cùng cái hại « xui nguyên giục bì » của bọn thầy cò.

Lược truyện.— Vợ chồng cóc vốn ở gần bờ ao. Đến khi đẻ, vợ cóc xuống ao sinh hạ một đàn nòng-nọc. Trê ở dưới ao thấy nòng-nọc giống mình, bèn bắt cả về nuôi. Khi cóc trở lại, thấy trê chiếm đoạt con mình, mới đem việc đến kiện ở cửa quan. Quan sai đòi trê cùng chứng-tá đến hỏi. Trê và chứng-tá đều chối; lại vu cho cóc đang đêm đến rình ở ao trê định ăn trộm. bị phát giác, nên thù trê mà đi kiện. Trê lại nhờ Lý-Ngạnh lo-lót với nha-lại nên khi quan sai nha về khám xét thì nha cũng về trình rằng đàn nòng-nọc quả là con trê. Cóc bị bắt giam. Vợ cóc bấy giờ mới đến hỏi kẽ của Nhái-bén. Nhái-bén khuyên cóc cứ đợi đàn nòng-nọc đứt đuôi tự-nhiên chúng về với mình, không cần phải kiện-cáo gì cả. Quả nhiên được ít lâu, khi cóc ra bờ ao thì bọn cóc con theo mẹ về. Vợ cóc bèn cùng đàn con đến kêu quan. Quan sai tra hỏi, trê phải thú tội và bị kết án « lưu tam thiền lý » (đày xa ba ngàn dặm). Hai vợ chồng cóc lại đoàn tụ như cũ.

21.- Trê, cóc sinh sự kiện nhau

- 5 Nhớ xưa Trè, Cóc dời nhà,
Vì tình nên phải sinh ra oán thù.
Cóc quen vui thú bờ hồ,
Khi ra dài các, khi vô cung đình.
Tới khi thai sản thành hình,
10 Xuống ao Trè, mới đem mình thoát xong.,
Nhìn xem lòng những mùng lòng,
Trở về ngồi chốn nghiêm-phòng nghỉ.ngơi.
Chàng Trè đâu mới đến nơi,
Thấy đàn nòng-nọc nhảy, ngoi đá rầm.
15 Nhìn xem dạ đã mùng thầm,
Giống Trè như lột chẵng nhầm vẻ chi.
Bắt về nuôi nấng phù-trì :
Con nuôi cũng chẳng khác gì con sinh.

- Hay đâu Cóc cũng vô tình;
- 20 Nhờ ngày dày cũ ra rình thăm con.
 Tới nơi, chờ đợi nỉ non :
 Vắng tanh dấu cũ, nước còn, tăm không.
 Lâu-lâu nghĩ cũng giận lòng,
 Vội-vàng nhảy xuống bên trong đạo tim.
- 25 Bọt bèo lầm nước tối-tăm.
 Động tin, Trè mới hăm-hăm hỏi dò.
 Lảng ra, thấy Cóc bên bờ,
 Trè liền quát mắng tri-hô vang rầm :
 « Cóc kia đâu đó tối-tăm ?
- 30 « Dạ gian, phi đạo tắc đâm (1), chẳng lành ».
 Cóc rắng : « ai kẻ gian manh,
 « Gây ra những sự sinh tình gớm-ghê.
 « Vì con nên phải sớm khuya,
 « Không dung, ai có tội chi chốn này ? »
- 35 Nghe lời Trè tức giận thay !
 Vennen râu, mắng Cóc : « Tình say lầm điều k;
 « Cóc kia quả quyết gan liều,
 « Bọn người coi đã mỹ-miều lầm thay !
 « Một ngày là giống chúng bay !
- 40 « Nghè bơi vôi vẫn nồng thay chẳng chừa..
 « Một tội mất, mười tội ngờ.
 « Biết đâu mà khéo tri-hô hỏi dồn.
 « Thôi đừng đua dại, tranh khôn,
 « Trở về ngồi tối gầm giường cho xong »..
- 45 Cóc liền giương mắt trừng-trừng,
 Rắng : « Khôn, người cũng ở trong ao tù,
 « Ta đây đâu có hèn ngu,
 Nhà ta cũng có cơ-dồ đĩnh-đang (2).
 « Ra vào gác tia nhà vàng,
- 50 « Cõi bờ mặc sức nghêng-ngang chơi-bời,,

« Nghiến răng chuyền chin phuong trời,
 « Ai ai là chăng rụng-rời sợ kinh.
 « Tuồng gì giống cá hói-tanh,
 « May chăng được một môi canh ra gì ».

- 65 Cầm lòng. Cóc trở ra về,
 Vợ chồng bàn định sớm khuya ngại.ngùng.
 Răng : « Con đương độ ấu trùng (3).
 Xa-xôi non nước lạnh-lùng biết sao.
 « Khuyên chàng chờ nghĩ thấp cao.
 ·60 « Công bao cũng chịu, của bao cũng dành ».
 Cóc răng : « Nàng khéo lo quanh
 « Can chi chịu phí xem tình ra sao.
 « Đàn bà nồng-nỗi khác nào,
 « Biết đâu những chuyện mưu cao mà bàn.
 ·65 « Trè kia đã có lòng tham,
 « Được thua quyết kiện một phen xem mà ».
 Tức thì đến cửa quan nhà,
 Làm đơn khất lĩnh minh tra lỗ tường.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Dạ gian, phi đạo túc dâm* 夜 間 非 盜 則 淫 : ban đêm (đến nhà người ta), không phải kẻ trộm thi là người gian-dâm— (2) *Đỉnh đang* 鼎 立 cái vạc và cái xanh, nói về nhà giàu sang — (3) *Ấu-trùng* : nhỏ thơ.

22.— Nhái-bén khuyên bảo Cóc cái

- Cóc nghe lời nói tự-nhiên.
 290 Trở về dạo khắp các miền hỏi thăm,
 Nước non cày cối âm-thầm.
 Một mình Cóc lại băn khoăn một mình,
 Hay đâu cảnh thú hữu tình.
 Lui chán bóng mát, nương mình cối râm.
 295 Gió đưa ngọn cỏ lầm-rầm.
 Nhác trông thấy Bén đang nằm nghỉ-ngơi.
 Chào răng : « Chị Cóc lại chơi,
 « Việc gì mà phải tìm tôi những là ?
 « Dặm ngàn non nước thăm xa, *
 ·300 « Cớ sao mà khéo lâu-la biết đường ? »

- Cóc rắng : « Muòn đợi ơn chàng,
 « Vì tình, nên phải da-mang với tình.
 « Nói ra lầm sự bất bình,
 « Vì Trê nên phải dẹm mình đến anh.
- 305 « Xiết bao kẽ nỗi ức tình,
 « Nhịn đi chẳng được, tức mình lầm thôi.
 « Cố lòng lấy của, cướp người,
 « Đơn-tử diên-dảo mấy hồi khổ thay !
 « Quan tham, lại cũng chẳng ngay
- 310 « Vậy nên bắt Cóc tội rầy bấy lâu.
 « Nghĩ tình càng thảm càng rầu.
 « Biết ai là kẻ nồng sâu mà bàn ?
 « Vậy nên bao quản đường trường,
 « Trước vì biết Éch, sau tường tôn-nhan (1).
- 315 « Dù trong lẽ đại, đường khôn,
 « Dám xin chỉ giáo (2), tôi con được nhờ »
- Bén rắng : « Ngán chuyện đàn bà,
 « Làm gì việc ấy, khéo mà nói quanh.
 « Tuy cùng một kiếp phù-sinh,
- 320 « Giống nào giống ấy, tranh giành làm chi ?
 « Trê kia là đứa ngu-si,
 « Chẳng qua tham dại nghĩ gì nồng sâu.
 « Thôi đừng kiện cáo chi nhau,
- 325 « Con đường dưới nước, dễ hẫu làm chi.
 « Để cho Trê nó phù-trì,
 « Đứt đuôi, nó lại tìm về là hơn.
 « Muốn cho êm ái hai bên,
- 330 « Thời dem trình Phủ mà xin cóc về.
 « Nhược bằng có dạ tranh thi,
 « Lại làm đơn phục (3) cho Trê khó gì ».

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tôn-nhan* 尊顙 : (*Tôn* : kính-trọng ; *nhan* : mặt) : Chữ dùng để gọi người khác, tỏ ý kính trọng.— (2) *Chỉ giáo* 指教 : Trò bảo dậy đỡ.— (3) *Đơn phục* (phục : lại một lần nữa) : đơn kêu lại.

PHAN, TRẦN 潘 陳

VÔ DANH

Truyện *Phan, Trần* lấy sự-tích ở bên Tàu, về đời Tĩnh-khang và Thiệu-hưng nhà Tống (tự năm 1126 đến năm 1147). Truyện cốt kề cuộc tình-duyên trắc-trở của hai người là Phan-Sinh và Trần Kiều-Liên. Hai bên đính ước với nhau từ lúc còn ở trong thai, rồi sau một hồi loạn-ly cách-biệt lại được cùng nhau sum-hợp.

Các cụ xưa thường răn các người con trai không nên đọc truyện này : « Đàn ông chớ kề Phan, Trần » vì trong truyện có một đoạn tả Phan-sinh vi tướng nhở người yêu sinh ra ốm tương-tư và quá si-tinh đến nỗi toan bẽ tự-tận.

Lược truyện.— Truyện (gồm 954 câu) có thể chia ra làm bốn hồi :

I.— *Họ Phan và họ Trần đính ước gả con cho nhau* (câu 1-150).— Phan-công và Trần-công vốn là bạn đồng-song và bạn đồng-liêu. Khi hai Phu-nhân thụ thai thì hai họ đính-ước, hễ một bên đẻ con trai, một bên đẻ con gái, sẽ gả lẫn cho nhau. Quả nhiên họ Phan sinh ra Phan-sinh (tên là Tất-Chánh) và họ Trần sinh ra Kiều-Liên. Phan-công và Trần-công bèn xin về trí-si để dạy con. Phan-sinh đi thi hương đỗ thủ-khoa, nhưng hỏng thi hội, & lại kinh-đô học-tập.

II.— *Phan-Sinh và Kiều-Liên phải xa cách nhau* (câu 151-302).— Trong khi ấy Trần-công mất. Lại gặp lúc giặc nỗi lên, mẹ con Kiều-Liên phải chạy loạn ; đi nửa đường, lại lạc nhau, mẹ thì đến nương-náu ở nhà Phan-công, còn Kiều-Liên thì gặp Chương thị đưa vào tu ở một ngôi chùa ở Kim-lăng và đổi tên là Diệu-Thường. Diệu-Thường nhở mẹ và nhở tinh-nhân phát bệnh, bà sư khuyên giải mãi mới nguôi.

III.— *Phan-Sinh Diệu-Thường gặp nhau* (câu 303-774).— Phan-Sinh chợt nhớ có cô tu ở Kim-lăng gần chỗ trại, bèn đến thăm, cô bảo & lại chùa học tập, Phan-Sinh trông thấy Diệu-Thường, phải lòng, bèn nhờ vài Hương-Công làm mối đến hỏi nàng, nàng cự tuyệt. Phan-Sinh vì thế ốm tương-tư, bà cô biết chuyện phải nói với Diệu-Thường đến thăm chàng. Khi chàng khỏi, lại phỏng Diệu-Thường để cảm ơn ; trước nàng không cho vào, sau thấy Phan-Sinh toan tự-tận, nàng phải cho vào. Rồi nàng đem chuyện gia-dình ra kể, nhân thể mà hai người nhận được nhau.

IV.— *Phan-Sinh và Kiều-Liên lấy nhau* (câu 775-954).— Phan-Sinh đi thi đỗ thám-hoa, về nói rõ chuyện mình cho cô biết. Cô khuyên Phan-

Sinh làm lẽ cưới Kiều-Liên ở nhà Chương-thị, rồi hai vợ chồng cùng về vinh quí. Về đến nơi, gặp cả cha mẹ và Trần phu nhân, cả nhà mừng rỡ. Sau vua triều Phan-Sinh về kinh, sai đi dẹp giặc có công, cả hai vợ chồng đều được hiển-vinh sung-sướng.

23.— Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa

- 213 Thoát khỏi về chốn tĩnh-đường (1),
Buồn trông phong-cảnh tha-hương ngập-ngừng.
- 215 Kia thì bụi, nọ thì tảng.
Chẳng hay từ-mẫu lạc chừng phuong nào ?
Than rằng : « Đội đức cù-lao,
« Bề sâu mẩy trượng, trời cao mẩy trùng !
« Ví sinh làm kiếp đàn ông.
- 220 « Gióng tim nước thảm non Bồng, quản chi
« Bởi sinh làm phận nữ-nhi,
« Nghĩ thi càng tủi, nhớ thi luống thương.
« Từ ô (2) chim-chóc vật thường,
« Còn mong kiêm chốn tìm đường trả ơn.
- 225 « Mưa sầu gió thảm túng cơn,
« Dê ai chực phận thòn-bon một bè (3) !
« Biết ai dãi tấm lòng quê ?
« Có chăng đội đức từ-bi chuyền-vần.
Nghĩ xa thời lại nghĩ gần.
- 230 Chạnh lòng xây nhớ Châu-Trần nghĩa xưa (4)
Dãi-dầu kẽ mẩy nắng mưa.
Thè phai, nguyễn lạnb, bây giờ biết đâu ?
Quạt này ai dê cho nhau (5) ?
Phong-phong mở-mở dãi sầu làm khuây.
- 235 Chốn Lam-Kiều (6), cách nước mây,
Bùi-Hàng (6) kia dê biết dây nẻo nào ?
Non Thiên-thai (7), mẩy trượng cao,
Lưu-lang (7) chưa dê tìm vào tới nơi !
Đã dành góc bê bên trời,
- 240 Lân-la ngày bạc, qua vời xuân xanh,
Một mình nhũng tủi duyên mình,
Nén hương biếng thấp, quyền kinh ngại nhìn.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tinh đường 精 堂* : nhà im lặng, chỗ tu-hành.— (2) *Tử ô* : con quạ hiền. Giống quạ có hiếu thường đi kiếm mồi về nuôi mẹ — (3) Câu 226 : tục-ngữ có câu : « Thòn-bơn chịu ép một bè ». Cả câu ý nói trong tình-cảnh ấy, dẽ có ai ngồi yên được. — (4) *Châu Trần nghĩa xưa* : đây là nói về việc đính-hôn với Phan-Sinh. — (5) *Quạt này* : cái quạt của nhà họ Phan trao cho họ Trần để định việc đính hôn. — (6) *Lam-Kiều. Bùi-Hàng* : Tích chép trong sách *Thái-binh quảng ký* : Bùi-Hàng 裴 航, người đời Đường, hóng thi đi chơi ở Ngạc-chữ, gặp nàng tiên là Vân-Kiều phu-nhân, Nàng đưa cho bài thơ rằng : « Nhát ấm quỳnh-tương bách cảm sinh, Nguyễn sương đảo tận kiến Vân-Anh. Lam-Kiều tiện thi thần tiên quật, Hà tất kỵ-khu thương ngọc kinh 一 飲 瓊漿 百 感 生 , 元 霜 擣 盡 見 雲 英' 藍 橋 便 是 神 仙 窟' 何必 崎 嶇 上 玉 京 », (Hết uống chén rượu quỳnh-tương thi trăm mối cảm-xúc sinh ra; nhưng có tán hết thuốc nguyên-sương (giống như sương) mới thấy Vân-Anh. Lam-kiều (cầu Lam) vốn là chỗ thần-tiên ở, hà tất phải đi đường gập-ghềnh lên chốn ngọc-kinh). Sau Bùi-Hàng đi qua Lam-kiều (tên một cái cầu ở đất Tràng-an), khát nước vào hàng một bà lão thi thấy bà hàng gọi tên một người con gái là Vân-Anh ra lấy nước cho uống. Thấy người con gái đẹp lắm, muốn lấy, mới ngỏ lời hỏi thi người ta bảo phải có cái chày và cái cối bằng ngọc đem đến thì gả cho. Về sau, Bùi-Hàng gấp tiên cho chày và cối bằng ngọc, dùng tán thuốc tiên, rồi lấy được Vân-Anh. Được ít lâu, cả hai vợ chồng đều lên được cõi tiên. — Vậy chữ « Lam-Kiều » ở đây chỉ chỗ Kiều-Liên ở, mà chữ « Bùi-Hàng » thi chỉ Phan-Sinh. — (7) *Thiên-Thai, Lưu-lang* : do tích Lưu Thần và Nguyễn-Triệu, người đời nhà Tấn đi hái thuốc hôm mồng năm tháng năm lạc vào núi Thiên-Thai là chỗ tiên ở; lấy tiên được nửa năm, đến khi về nhà thi thần-thích đã chết được bảy đời rồi. — « Thiên-thai » đây cũng chỉ chỗ Kiều-Liên ở mà « Lưu-lang » thi chỉ Phan-Sinh.

24.- Phan-sinh gấp Diệu-Thường lần đầu

- 387 Bồng may, may khéo là may !
Nhác trông ra mái lầu tây, thấy nàng,
 Thần-thơ trước dãy hàng-lang (1).

390 Vin cảnh biếc, hái hoa vàng, làm thịnh.
Xa-xa phảng-phất dạng hình :
Đức Quan-âm đã giáng-sinh bao giờ !
 Vội-vàng làm khách bo-lơ,
Đến gần ướm hỏi khách thơ một lời :

395 « Kẻ từ đến cảnh Bồng-lai,
« May thay đã trộm thấy người tiên cung.

- « Mới hay hai chữ sắc, không (2).
 « Chẳng tơ mà dẽ rồi lòng trần-duyên,
 « Ba sinh ước vụn mười nguyễn,
 400 « Chiêm-bao lẩn-quất ở bên giảng-định.
 « Sư còn lân-mẫn (3) chúng-sinh,
 « Xin thương đến tấm lòng thành mây nao ! »
 Bỗng nghe tiếng lạ-lùng sao !
 Trái tai, nào biết lẽ nào dám thưa,
 405 Nghĩ mình ở dám rau dưa,
 Há nên tìm tiếng dong-dưa cùng người,
 Làm thính thà chịu mắt lời (4),
 Thèm hoa lẵng bóng, phỏng trai giờ giầy,
 Vội vàng khép bức rèm mây,
 410 Ngoài hiên còn chút hương bay với chàng.
 Một mình lui tời bẽ.bàng,
 Khôn đường năn.nỉ, dẽ đường nhăn.nhe !
 Đeo sầu, chàng trở ra về,
 Xem chiều hèn-thẹn, e-e, nực cười.
 415 Trách người một, trách ta mười,
 Bởi ta sờm-sỡ, nên người dây-dun.
 Còn trời, còn nước, còn non,
 Còn trăng, còn gió, hãy còn dây dây.
 Trăng trăng, gió gió, mây mây,
 420 Biết là giờ nỗi nước này cùng ai ?

CHÚ-THÍCH—(1) *Hành-lang* : 行廊 : dãy nhà ngang chạy dài ở nơi
 đèn dài cung điện.—(2) *Sắc, không* : 色空 : tiếng nhà Phật. Sắc là nói cái
 hình-tượng hiện rõ ra : phàm những vật có hình có tượng ở trong thế-
 gian đều là sắc. Không là hư-không chẳng có gì cả. Thuyết nhà Phật
 chia thế-gian ra làm ba giới : dục giới, (cõi tình-dục), sắc giới (cõi còn
 có hình sắc, nhưng hết thị-dục), vô-sắc giới (cõi không có hình sắc,
 được hưởng thú vui không gì bằng).—(3) *Lân mẫn* ; 憐憫 thương xót.—
 (4) *Mắt lời* (mắt đây nghĩa là qui giá) : lời nói qui giá : ý nói không
 thèm trả lời.

25.— Phan-sinh và Kiều-Liên nhện nhau

- 707 Gửi rằng : « Phận cánh hoa rơi,
 « Bây giờ còn dám giấu người sao nê.
 « Năn-nỉ mới giờ sự duyên,
 710 « Dẫu lòng vàng đá cũng nghìn xót-xa.

- « Đàm-chu, quê thiếp còn xa,
 « Họ Trần, tên đặt vốn là Kiều-Liên.
 « Bào thai đã hẹn nhàn-duyên,
 « Quạt ngà, châm ngọc (1), kết nguyễn họ Phan.
- 715 « Rồi ra cách-trở quan-san,
 « Chẳng may tiếng hạc khơi ngàn non hoa (2)
 « Cô đơn con trẻ, mẹ già,
 « Phấn trôi cuốn má, sương pha bạc đầu,
 « Cửa nhà bình lửa đâu đâu,
 720 « Tuyết sương quảy một gánh sầu ra đi.
 « Đoạn-trường thay ! lúc phân-kỳ (3).
 « Mẹ thì bãi bắc, con thì non tẩy.
 « Khóc than cũng thấu cao dày.
 Xui nàng Chương lại dắt tay tham thiền (4).
 725 « Oan chi chút phận thuyền-quyên,
 Chữ tình cảm cảnh, chữ duyên bẽ-bàng !
 Rừng thiền (5) ơn đã động thương.
 « Khàn-cầu vả sẵn đèn hương cửa người.
 « Họa khì dun-dủi ơn trời,
 730 « Đèn ơn sinh nặng, giải lời nguyễn sâu,
 « Thân này mà dở-dang nhau,
 « Thị xin tu lấy thân sau để dành.
 « Hoa trôi, nước chảy lênh-dênh,
 « Mặt nào còn dở tâm-tình cùng ai ?
 735 « Dù chàng ép trúc, nài mai,
 « Tìm nơi giếng cạn, thấy người hồng-nhan.
 « Đè ai ngọc nát, hoa tàn,
 « Giải oan, chàng phải lập đàn cho nhau ».
 Sinh nghe ngần mặt giờ lâu.
- 740 Gãm rằng : « Con tạo cơ mầu khéo thay !
 « Bấy lâu mơ tưởng đêm ngày,
 « Ai ngờ Phan đó, Trần đây mà nhầm !
 « Tri-âm chưa tỏ tri-âm,
 « Thị xin bèn quạt, bèn tràm sóng vào ».

- 745 Vội-vàng mở tráp tay trao,
Nhìn xem, nào có chút nào là sai.
Cành trâm thích, quạt chữ bày.
Rành-rành tên tuổi hai người song-song.
Mừng nhau lần kẽ sự lòng :
750 Gián-nan ngày trước, lạnh-lùng bấy nay.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Quạt ngà châm ngọc* : Khi hai họ đính-ước gả con cho nhau, thi họ Trần trao quạt ngà cho họ Phan, mà họ Phan thi trao trâm ngọc cho họ Trần, hai bên giữ lấy làm tin.— (2) *Tiếng hạc khơi ngàn non hoa* : ý nói cha mất. Con hạc là biều-hiệu của sự sống lâu, nên khi người già mất ta thường nói : hạc bay lên trời.— (3) *Phân kỳ 分歧* : chia đường ly-biệt nhau.— *Tham thiền 参禪* (tham : xen vào, dự vào) : học theo phép thiền-định, nghĩa là yên lặng, chuyên chú mà tư tưởng.— (5) *Rừng thiền* : Thiền 禪 : tiếng nhà Phật dịch theo âm chữ Phạn *dhyana*, nghĩa là yên-lặng và nghĩ-ngợi thường dùng để nói về đạo phật (như thiền-gia : người tu đạo Phật) hoặc về chùa thờ Phật (như thiền-môn : cửa chùa); vậy « rừng thiền » nghĩa là cảnh Phật, cảnh nhà chùa.

QUAN-ÂM THỊ-KÍNH 觀音氏敬 VÔ DANH

Truyện này cốt tả đức nhẫn-nhục và lòng từ-bi của bà Thị-Kính vì đó mà sau bà được thành Phật Quan-âm.

Lược truyện.— Truyện này (gồm 786 câu) có thể chia làm năm hồi.

I.— *Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng* (câu 1-224) — Bà Thị-Kính, người nước Cao-ly, nguyên kiếp trước là đàn ông, tu hành đặc đạo sấp thành Phật; nhưng đức Thích-ca muốn thử lòng, mới bắt đầu thân xuống làm con gái nhà họ Màng, rồi suốt đời bắt gặp nhiều cảnh oan khổ để xem sao. Lớn lên, có tài sắc, có nết na, cha mẹ gả cho một người thư-sinh tên là Thiện-Sĩ con nhà họ Sùng. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa-thuận. Một đêm chồng ngồi đọc sách, bà ngồi cạnh khâu chọt khi chồng mệt tựa bên cạnh ngủ, bà trông trên cầm chồng thấy râu mọc ngược, săn con dao cầm tay bà sấp cắt đi. Bỗng chồng giật mình thức dậy, thấy thế tưởng vợ có bụng hại mình, liền kêu lên; cha mẹ chồng chạy đến cứ một mực đố riết tội cho bà, rồi sai mời cha bà sang trách móc và trả lại con.

II.— *Thị-Kính đi tu* (câu 225-370).— Bà về nhà cha mẹ, nỗi oan ức, tình âu-sầu không thể lộ cho ai biết được. Thoạt tiên toan bùi tự tận, nhưng nghĩ mình là con mọt, cha mẹ thì già, không nỡ dứt tình; bà bèn

quyết chí đi tu cho tròn quả phúc để đèn ơn sinh thành. Bà mới giả hình nam tử, đổi tên là Kính-Tâm, trốn nhà đi tu ở chùa Vân-tự.

III.— Thi-Kính mắc tiếng oan thông dâm (câu 371-584).— Kính-Tâm đương náu cửa chùa, mối sầu nguôi dần. Bỗng đâu một cái tai vạ bắt kỳ xảy đến. Nguyên ở gần chùa có một người con gái là Thị-Mẫu đương kén chồng thường đến lề chùa, thấy Kính-Tâm dáng người có duyên, sinh ra phái lòng. Kính-Tâm thì vẫn hờ hững thờ ơ : nhưng Thị-Mẫu thì lừa dục đã nhom lên khó lòng dập tắt được, mối thông dâm với đứa thương đầu (đầy tó) thành ra có mang. Làng biết, gọi ra tra hỏi. Thị-Mẫu đỗ cho Kính-Tâm ; Kính-Tâm khó bề biện bạch, làng mới sai đánh và bắt khoán ; thế là lại mắc oan tày đình lần thứ hai nữa.

IV.— Thị-Kính nuôi con Thị-Mẫu : (câu 385-692).— Được ít lâu, Thị-Mẫu sinh đứa con trai, đem ra chùa bảo trả Kính-Tâm, Kính-Tâm nghĩ thương đứa hài nhi, mới đem về nuôi nấng, chỉ mình biết lòng mình, Được ba năm đứa bé đã khôn lớn, coi bộ khôi ngô, thì Kính-Tâm bỗng bị đau rồi chết. Trước khi chết, có viết một bức thư để lại cho cha mẹ.

V.— Thị-Kính rửa sạch tiếng oan và thành Phật (câu 693-786).— Sau sự vui trong chùa ra liệm thi hài, mới biết Kính-Tâm là đàn bà : bấy giờ làng mạc đều thấu tình oan của bà. Lại đến khi người nhà xem bức thư tuyệt mệnh, mới biết tội giết chồng là oan. Chồng từ khi bà đi, cũng có lòng thương nhớ ; đến khi thấu tình đầu, bèn cùng cha mẹ bà đến chùa lo việc ma chay, rồi cũng trọn đời tu hành ở đây. Sau đức Phật xét bà quả là người tu hành đặc đạo, cho bà được siêu thăng làm Phật Quan-âm.

26.— Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng

- | | |
|-----|---|
| 123 | Hôm nay trong chốn thảm khuê,
Kẻ duòng kim chỉ, người nghè bút nghiên. |
| 125 | Canh khuya bạn với sách đèn.
Mỗi lung, chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng. |
| | Thấy râu mọc ngược ở ngang cạnh cằm,
Võ-tâm xui bỗng gia-tâm. |
| 130 | Đao con săn dây, mới cầm lên tay
Vừa giờ sắp tiên (1) cho tayı,
Giật mình, chàng đã thức ngay bấy giờ.
Ngán thay sửa dép vườn dưa (2).
Đau ngay cho chết, cũng ngò rằng gian! |

- 135 Thất-thần, nào kịp hỏi-han,
 Một lời la lối rắng toan giết người.
 Song-thân nghe tiếng rụng-ròi,
 Rắng : « Sao khuya-khoắt mà lời gớm thay ? »
 Chàng rắng : « Giác bướm vừa say.
- 140 « Dao con, nàng bỗng cầm tay kề gần.
 « Hai vai hộ có quỷ-thần,
 « Thực hư đôi lẽ, xin phân cho tường ».
 Nàng vâng thưa hết mọi đường,
 Rắng : « Từ gảy khúc phượng-hoàng đến nay,
- 145 Án kia nàng ở ngang mày (3)
 « Sạch trong một tiết, thảo ngay một bể.
 « Bởi chàng đèn sách mỏi mè,
 « Gối Ôn-công (4) thuở giặc hòe (5) thiu thiu
 « Thấy râu mọc có chẳng đều,
- 150 « Cầm dao tiễn đê một chiều như nhau.
 « Há rắng có phụ tình đâu,
 « Muôn trông xét đến tình đầu kéo oan.
 « Thác đi, phỏng lại sinh hoàn,
 « Thị đem lá phổi, huồng gan dãi bày ».
- 155 Công cõi (6) rắng : « Bảo cho hay.
 « Trộm hương, cắp phấn, cũng đầy chan-chan.
 « Mấy người một ngựa một yên (7).
 « Nay Trương, mai Lý, thế-gian hiếm gì ?
 « Ấy may mà tinh ngay đi,
- 160 « Đindh-dindh-dindh nữa có khi còn đòn ! »
 « Sự này chờ lấy làm chơi.
 « Sai người túc khắc đến mời Mãng-ông (8).
 « Trách rắng : Sự mới lạ lùng !
 « Sinh con ai dễ sinh lòng ấy đâu ?
- 165 « Khúc cầm bỗng dở-dang nhau.
 « Say đâu với đứa trong đâu hẹn-hò (9).
 « Sòng kia còn có kẻ dò,
 « Lòng người chưa dẽ mà do cho cùng !
 « Sự này mười mốt đều trông,
- 170 « Thôi dừng tra hỏi gạn-gùng nữa chi !

« Nghe anh, nào có bụng gì,
« Đem về dạy dỗ sao thì mặc anh.

Bản chép khác.— Câu 144... *dâng* khúc *loan* hoàng đến nay.— Câu 157... *tiết quyết* một an.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tiên 翦* : cắt.— (2) *Sứa dép vùờn dura* : nghĩa bóng là làm việc vô tình mà khiến cho người ngoài nghi mình là gian; do câu chữ nho : « Qua diền bất nạp lũ, lý hạ bất chính quan » 瓜田不納履 李下不正冠 (古樂府'君子行). (Ở trong vùờn dura, không nên (cúi xuống) đi dép : ở dưới gốc mận, không nên đội mũ lại), vì tuy bụng mình có ngay thật, mà làm thế, người ta cũng nghi.— (3) *Án kia nâng ở ngang mày* : ý nói kính trọng chồng lắm. Do diền Lương-Hồng với nàng Mạnh-Quang, hai vợ chồng kính trọng nhau như khách. Khi dâng cơm lên chồng ăn, nàng ấy nâng mâm cơm cao ngang lông mày.— (4) *Gối Ôn-Công* : Ôn-công tức là Tư-mã Ôn-công đời nhà Tống, tinh hay học khuya. Gối Ôn-công là gối của người chăm học.— (5) *Giác hè* : giác mộng, giác ngủ. Do tích chép trong *Nam kha ký* của Đường-Lý công Tà : Thuần Vu Phần 淳于芬 ngủ dưới gốc cây hè, nằm mơ đến nước Hòe-an 槐安 được vua nước ấy gả con gái cho, lại cho làm quan Thái Thủ đất Nam-Kha 南柯' rất mực hiển vinh. Sau đánh giặc bị thua, vợ lại chết, vua nghỉ kỹ, đuổi đi. Lúc thức dậy, chỉ thấy dưới gốc cây hè có một cái tó kiến. Thi ra quận Nam-kha (nghĩa đen là cành cây phía nam) chỉ là cái tó kiến ở dưới cành cây hè hướng về phía nam vậy. Nhân câu chuyện ngũ ngôn ấy, người ta mới gọi giác mộng là « giác hè » hay « giác Nam-kha ».— (6) *Công có 公子* : bố chồng và mẹ chồng.— (7) *Một ngựa một yên* : nghĩa bóng là gái lấy một chồng.— (8) *Măng-ông* : cha bà Thị-Kính.— *Dừa trong dâu hẹn hò* : dừa tình nhân. Chữ lấy trong *Kinh Thi* : « Kỳ ngã vu tang trung, 期我于桑中 », (Hẹn ta ở trong nương dâu), nói về thói dâm bôn của trai gái hẹn hò nhau ở nơi bụi rậm.

27.— Thị-Kính xin vào tu ở chùa Văn-Tự

- 291 Nàng từ xa chốn hương khuê,
 Nỗi nhà man-máu mọi bề mà lo.
 Cũng toan gõ môi tơ vò,
 Thành sầu cao ngất phá cho tan-tành,
295 Tưởng ơn trời bề mong-mênh,
 Đê mà đèn được ân tình ấy đâu.
 Tà-tà bóng ngả cành dâu,
 Sớm khuya dưới gối, ai hầu-hạ thay ?
 Vắng lời, khuất mặt lúc này,
300 Lòng người thiều-não biết ngày nào người?

- Nghĩ điều mưa nắng xa-xôi.
 Cảm thương đói đoạn, bồi-hồi từng nao.
 Chán trời đất khách đã lâu,
 Chiêm-bao lẩn-thẩn ở đâu quê nhà.
- 305 Hỏi thăm dặm liêu dàn-dà.
 Ngỡ đâu Vạn-tự chẳng là ở đây.
 Bốn bề phong-cảnh lạ thay !
 Bồng-lai kia cũng thế này mà thôi.
 Cửa thiền sẽ lén chân coi,
- 310 Trông lên sư cụ vừa ngồi tụng kinh.
 Mưa hoa (1) rẩy khắp bên mình.
 Nhấp-nhỏ đá cũng xếp quanh gật đầu (2).
 Mời hay phép Phật rất mầu.
 Nghĩ đây cũng dễ dãi sầu làm vui.
- 315 Chờ khi kinh giáo vừa rồi.
 Lạy sư, mời bạch khúc-nhôi tỏ-tường
 Trình bày tên tuổi gia-hương,
 Nhà xưa theo dấu, vẫn chương cũng là.
 Chán vùng danh-lợi phồn-hoa,
- 320 Chắp tay xin đến thiền-già (3) qui-y.
 Sư rắng : « Này đạo tử-bi.
 « Rộng đường phồ-dộ hép gì trần-duyên.
 « Nhưng sao đương-dộ thiếu-niên,
 « Nhìn xem phong-thê cũng nên con người.
- 325 « Có chi nhà lỗi xa khơi,
 Đem mình dài các vào nơi lâm-tuyền ?
 « Hay là túi phận hòn duyên ?
 « Hay là đeo lụy, mang phiền chí chặng ?
 « Chỗ e vượn Sở lạc chừng,
- 330 « Bận lòng đến cả cây rừng chặng sinh ! (4)
 Thưa rắng : « Trẻ mỏ thư sinh,
 « Làm chi cho được lụy mình, chờ e !
 « Len chán nhò bóng sân hòe (5),
 Cũng mong tranh đấu ngựa xe với người.
- 335 « Đoái trông thế-sự nực cười,
 « Như đem trò rối mà chơi khác gì.

- « Phù-vàn một dóa bay đi,
 « Khi thì áo trắng, lúc thì muông đen (6).
 « Chặt đường Nam-thoán như ném,
 840 « Cùn dai nhan-nhan người quen với mình (7).
 « Chẳng thèm ra áng công-khanh,
 « Mù dem thân-thề làm hình dịch chi (8) :
 « Cho nên mến cảnh từ-bi,
 « Dám xin nhờ đức tăng-ni mở lòng ».

Bản chép khác. — Câu 381 : ...mưa nắng ngược xuôi — Câu 302 : ...tùng đan. — Câu 308 : ... khi cung thế này mà sao. — Câu 309 : Thiền-phong sê lén chân vào. — Câu 312 : ... Nhơn-nhon đá cũng xúi quanh... — Câu 313 : đạo Phật phép mầu. — Câu 317 : Kế từ. — Câu 322 : Rộng thương... Câu 323 : Nhưng sao phú đích... — Câu 325 : Cơ già nhà cách... Câu 330 : cây rừng chưa minh — 333 : Nền nhân.... — Câu 334 : Cũng mong rạng cửa... — Câu 341 :thịt ướp quân khanh. — Câu 343 : ...mến cảnh trụ-trì — Câu 345 : ... nhở bóng tăng-trí xét lòng.

CHÚ-THÍCH. — (1) *Mưa hoa* : do tích ông sư Nghiêm đời Đường ngài tụng kinh ở chùa Vân-hoa, trời mưa hoa xuống rất nhiều. — (2) *Đá gật đầu* : do tích người học trò sư La-Thập giảng kinh Nát-bàn ở núi Hồ khưu, rồi hỏi mấy hòn đá ở xung quanh xem lời giảng có hợp với lòng Phật không, thi thấy mấy hòn đá gật đầu. — (3) *Thiền già* 禅 伽 : chùa thờ Phật. — (4) Câu 329, 330 : nguyên vua nước Sở có nuôi một con vượn ; một hôm, con vượn ấy trốn vào trong rừng, vua sai dốt cả rừng để tìm. Vậy hai câu này ở đây ý nói : chỉ sợ Thị-Kính trốn nãa đi tu, rồi lại liên lụy đến nhà chùa chăng. (5) *Sắc hè* : Vương Hựu đời nhà Tống trồng ba cây hè ở trong sân, chủ ý mong cho con sau này làm đến chức tam công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội họp có ba cây hè chỉ chỗ của ba vị tam công). Sau quả nhiên con ông là Vương-Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ « sân hè » ở đây nghĩa là nhà thế-phật. — (6) Câu 337, 338 : hai câu này đặt theo hai câu thơ của Đỗ-Phủ : « Thiên thượng phù vân như bạch y, tự tu biến ảo vi thương cầu, 天上浮雲如白衣 '斯須變幼爲蒼狗 ». (Mây nổi trên trời như áo trắng, bỗng chốc biến đổi thành chó xanh). Ý nói cuộc đời biến đổi thất thường. — (7) Câu 349, 340 : Hai câu này đặt theo câu trong bài thơ đề đèn Từ-hạo : « Sơn hạ hồng trần Nam thoán lộ, Bất tri quan dài ký nhân hoàn, 山下紅塵南竄路'不知冠帶幾人還 ». (Dưới núi bụi hồng đường Nam thoán, chẳng biết mấy người đội mũ đeo dai trở về). Nam-thoán là một con đường dưới núi Thương-son (thuộc tỉnh Thiểm-tây) qua đất Trường-an là kinh-đô cũ của nước Tàu. Vậy hai câu này ý nói : trên con đường công-danh, có rất đông người chen chúc, khó lòng chen chân vào được. — (8) *Mù dem thân-thề làm hình dịch chi* (hình : hình thế ; dịch : sai khiến) : ý nói : há vì sự giàu sang mà làm khổ cái tâm thân.

BÍCH CÂU KỲ-NGÔ 碧 溪 奇 遇

VÔ DANH

Truyện này kể một sự tích ở nước ta, tức là việc một người học trò tên là Trần Tú-Uyên gặp một nàng tiên ở đất Bích-câu, bởi thế mới đặt tên truyện là *Bich-câu kỳ ngô* (sự gặp gỡ lạ lùng ở Bich-câu).

Bich-câu (nghĩa là ngòi biếc), trước thuộc làng yên-trạch, tổng Yên-hòa, huyện Thọ-xương, tỉnh Hà-nội, nay sáp nhập thành phố Hà-nội là phố Cát-linh, ở đây hiện còn có đền Tú-Uyên là cái di-tích của câu truyện hoang-đường này. (Xem thêm ở *Phần thứ Nhất, năm thứ nhì chương XIX*).

Lược truyện.— Truyện này (gồm 648 câu) có thể chia làm bốn hồi :

I.— *Tú-Uyên gặp Giáng-Kiều, về ốm tương-tư* (câu 1-272).— Trần-Tú-Uyên, một người học-trò nghèo, thường hay đi chơi những nơi thêng-canh, một lần đến đất Bích-câu, thấy phong-cảnh đẹp, bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm, ông đi xem chùa Ngọc-Hồ (tức chùa bà Ngôi ở phố Sinh-Tử Hà-nội). Chiều đến, sắp về, chợt thấy bay đến trước mặt một bài thơ có ý ghẹo mình Trông ra cửa tam-quan, thấy một người con gái rất đẹp; ông bèn đi theo, đến Quảng-văn đình, (nay là chợ Cửa Nam Hà-nội) thì chợt người ấy biến mất. Từ đấy, Tú-Uyên sinh ra ốm tương-tư.

II.— *Tú-Uyên kết duyên cùng Giáng-Kiều* (câu 273-428).— Sau Tú-Uyên đến đền Bạch-mã (nay ở phố Hàng Buồm) cầu mộng; đêm thần bảo ông sáng hôm sau ra đợi ở Cầu Đóng (nay ở Phố Hàng Đeutong) thì gặp người con gái ấy. Hôm sau ra đợi mãi đến chiều, chỉ gặp một ông lão bán bức tranh vẽ một người tảo-nữ giống hệt người đã gặp hôm trước. Ông bèn mua về, treo ở nhà, cứ đến bữa ăn, dọn hai cái bát, hai đũi đũa, mời người trong tranh ăn. Một hôm, ông đi học về, thấy có mâm cơm dọn sẵn, trong bụng sinh nghi. Hôm sau, ông rình ở một chỗ, thấy người trong tranh bước ra, ông vội chạy lại hỏi, thì người ấy nói tên mình là Giáng-Kiều ở trên cung tiên xuồng, xin kết duyên cùng ông. Giáng-Kiều mới làm phép biến chỗ nhà ở của ông thành lâu-dài tráng lệ.

III.— *Giáng-Kiều giàn Tú-Uyên bỏ đi sau lại trở về nhà* (câu 429-558).— Tú-Uyên lấy Giáng-Kiều được ba năm, thường cứ rượu chè say sưa, nàng can ngăn, ông không nghe, lại còn đánh đập. Một lần, nàng quá giận, bỏ ông biến đi. Đến lúc tỉnh, ông hỏi lại, đi tìm đâu cũng không thấy, chỉ than khóc thương tiếc. Một hôm buồn quá,

ông toan tự-tận : chở nàng Giáng-Kiều hiện ra, ông bèn từ-tạ, hai bên lại đoàn-tụ như xưa.

IV.— Tú-Uyên và Giáng-Kiều lên cõi tiên (câu 559-648).— Từ bấy giờ Tú-Uyên đổi dài tử-tế với Giáng-Kiều. Sau sinh được một đứa con trai đặt tên là Chân-Nhi. Nàng Giáng-Kiều bèn khuyên ông nên lên ở cõi tiên và trao cho bùa tiên cùng thuốc tiên để ông tu-luyện. Rồi một hôm sau khi đã dặn-dò Chân-Nhi ở tại cõi trần, hai vợ chồng cùng cõi hạc bay lên cõi tiên.

28.— Tú-Uyên mắc bệnh tương-tư

- 163 Nỗi nàng canh-cánh nào quên.
 Vẫn còn quanh-quắt giấc tiên khéo là !
- 165 Bướm kia vương lấy sầu hoa,
 Đoạn tương-tư ấy nghĩ mà buồn tênh !
 Có khi gảy khúc đàn tranh.
 Nước non ngao-ngán ra tình hoài nhàn (1)
- 170 Cầu hoàng (2) tay lụa nên vần,
 Tương-Như (2) lòng ấy, Văn-Quân (2) lòng nào
 Có khi mượn chén rượu đào.
 Tiệc mời chưa cạn, ngọc dao đã đầy.
 Hơi men chưa nhấp đã say.
 Như xông mùi nhớ, như gảy giọng tình.
- 175 Có khi ngồi suốt năm canh,
 Mõ quyên điềm nguyệt, chuông kèn nên sương,
 Ôi tai những tiếng đoạn-trường.
 Lửa tình dễ nguội, sông Tương (3) khôn hàn.
 Có đêm ngắm bóng trăng tàn.
- 180 Tiếng quyên hót sớm, trận nhàn (4) bay khuya.
 Ngòn-ngang cảnh nọ tình kia.
 Nỗi riêng riêng biết dài-dề với ai !
 Vui xuân chung cả một trời,
 Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hoài nhàn* 懷人 : nhớ người.— (2) *Cầu hoàng* : tức là « Phượng cầu kỳ hoàng », tên khúc đàn của Tư-mã Tương-Như, người đời nhà Hán gảy, tiếng đàn nao-nùng ai oán, nàng Trác Văn-Quân là một người đàn bà trẻ tuổi góa chồng nghe phải cảm động sinh mè, sau hai bên lấy nhau.— (3) *Sông Tương* : nghĩa bóng là nước mắt. Do tích bà Nga-Hoàng và bà Nữ-Anh ngày xưa khóc vua Thuấn ở sông Tương, nên chữ « sông Tương » hoặc « mạch Tương » dùng để chỉ nước mắt.— (4) *Nhàn* : tức là chữ « nhạn » đọc chệch ra cho thành âm bằng.

29. Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên

- Một khi ra việc tràng văn,
 330 Trở về đã thấy bát tràn (1) sẵn sàng.
 So xem phong-vị khác thường,
 Mùi hoa sực nức, mùi hương ngọt-ngào.
 Bếp trời sẵn đấy hay sao ?
 Cửa đâu thấy lạ, lòng nào chẳng nghi ?
 335 Rạng mai cứ buồi ra đi,
 Liệu chừng thoát trở lại về thử coi.
 Uầy đâu thấy sự lạ đời :
 Trong tranh sao có bóng người vào ra ?
 Nhơn-nhơn mày liêu mặt hoa,
 340 Nay người khi trước, đâu mà đến dày ?
 Nàng đương trang điểm nào hay,
 Cửa ngoài sẽ hé cánh mây bước vào.
 Vội-vàng đánh tiếng xa chào,
 Bên mừng, bên lệ, xiết bao là tình !
 345 Rắng : « Bấy lâu một chữ tình,
 « Gặp đây, xin ngỏ tình danh cho tường ».
 Nàng rắng : « Bồ liêu phận thường,
 « Vì mang má phấn, nền vương tơ điều,
 « Vốn xưa thiếp khách thanh-tiêu,
 350 « Tiễn-thù là hiệu, Giáng-Kiều là tên,
 « Ba sinh đã nặng vì duyên,
 « Đem thân liêu yếu, kết nguyễn đào thơ.
 « Nhàn duyên đã định ngày xưa,
 « Tơ trăng xe đến bây giờ mới thân.
 355 « Cũng là nhờ đức tiên-quân,
 « Đóa hoa biết mặt chúa xuân từ rày ».
 Sinh rắng : « Trong bấy lâu nay,
 « Nhấp sầu, gối muộn, có ngày nào ngoi !
 « Đã rắng : tác hợp duyên trời (2).
 360 « Làm chi cho vẫn lòng người lắm nau (3) ? »
 Nàng rắng : « Xin quyết gieo cầu (4).
 « Tấm son thề với trên đầu xanh-xanh.
 « Dám đâu học thói yến oanh,

- « Mặn tinh trăng gió, nhạt tinh lửa hương.
- 365 « Gieo cầu trước đã dở-dang,
- « Sau nén nát đá phai vàng như chơi.
- « Máu tay còn đê tiếng đời,
- « Treo gương kim cỗ cho người soi chung.
- « Lạ chi hoa với gió đông,
- 370 « Tiếc hương, và cũng nê lòng chim xanh.
- « Một mai mưa gió bất tình.
- « Vóc tàn, nén đê yến oanh hưng-hờ.
- « Nghĩ trong thân-phận yếu-thơ,
- « Làm chi đê tiếng sò-sò lại sau ? »

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bát trân* (bát : tám ; trân : quí) : tám thức ăn qui. Theo sách *Chu lê* thì tám thức ăn ấy là : bột ngào, bánh mõ, heo thui, dê thui, chả quết, thịt ướp, nem luộc và gan nướng.— (2) *Tác hợp duyên trời* : theo câu trong *Kinh Thi* : « Thiên tác chi hợp 天作之合 ». (Trời làm cho hai bên kết-hợp với nhau) : ý nói cái duyên tự trời gây nên.— (3) *Lắm nau* : (nau : từng cơn đau) nhiều cơn đau-dớn — (4) *Gieo cầu* : chọn người đê lấy làm chồng. Do tích vua Hán Vũ-đế muốn kén rể, cho công-chúa ngồi trên lầu nem quả cầu xuống, ai cướp được thì lấy người ấy (tích chép trong sách *Tam hợp bảo kiêm*).

NHỊ ĐỘ MAI 二度梅 VÕ DANH

(Xem phần thứ nhất, năm thứ nhì. *Chương thứ XIX*)

Lược truyện.— Truyện gồm 2820 câu, có thể chia làm bốn hồi.

I.— *Họ Mai bị gian-thần làm hại* (15-574). Về đời Đường Đức-Tôn (780-805) có vị trung-thần là Mai Bá-Cao làm tri-huyện Lịch-thành. Ông có người con trai tên là Mai-Bích, tự là Lương-Ngọc. Bấy giờ trong triều có hai tay gian-thần Lư-Kỷ và Hoàng-Tung, ông vốn căm tức. Chợt có chỉ triều ông về kinh làm lại-khoa cấp-sự. Ông nhất quyết nhẫn dịp ấy triệt bọn gian-thần, thành thì sống, bại thì chết. Dẫn-dò vợ con, rồi ông lên đường.

Khi đến kinh, ông đến yết-kiến Lư-Kỷ, quan hầu của tướng-phủ đài tiền lẽ trình, ông mắng, rồi không vào nữa. Cách ít lâu, nhân ngày lẻ sinh-

nhứt Lư-Kỷ, bắt-dắc-dĩ ông phải đến mừng, nhưng lẽ mừng chỉ đem có cân miển, cây sáp. Trong khi tiếp chuyện, ông đem chuyện xưa ra chỉ-trích Lư, Hoàng và không thèm uống rượu.

Lư-Kỷ căm lắm, lập tâm hâm hại. Nhân có giặc Thái, Lư tâu xin cử hai người ban ông Mai Bá-Cao là Phùng Lạc-Thiên và Trần Đông-Sơ đi đánh giặc. Ông Cao nói giặc Thái không cần phải dùng binh mà Phùng, Trần là vân-quan không kham nổi việc binh. Lư bèn khép Cao vào tội hoãn binh giúp giặc, tâu vua, rồi chém Bá-Cao và cách chức Phùng, Trần. Lại ra lệnh tróc nã cả nhà họ Mai.

II.— *Mai Lương-Ngọc nương náu ở nhà họ Trần* (câu 475-878).— May có người báo tin, Mai phu-nhân và Lương-Ngọc trốn thoát. Phu-nhân đến chỗ ly sô của em ở Sơn-đồng ăn náu. Còn Lương-Ngọc thì cùng với đầy tớ là Hỉ-đồng sang ly sô ông bố vợ chưa cưới là Hầu-Loan. Muốn thử bụng Hầu-Loan, Hỉ-đồng ăn mặc giả làm Lương-Ngọc vào thăm. Quả nhiên Hầu-Loan sai bắt Hỉ-đồng, đợi giải kinh nộp. Hỉ-đồng uống thuốc đặc tự-tử. Lương-Ngọc buồn rầu lang-thang, đến trước cửa một ngôi chùa thất cổ trên cây. May có nhà sư trong chùa ra cứu, cho vào ở đây trồng cây sửa hoa.

Em ông sư ấy lại chính là Trần Đông-Sơ, từ khi bị cách chức, về ngõ quê nhà. Một hôm, ông sang chơi chùa, nhân cần một người làm vườn, bèn đem Lương-Ngọc (đổi tên là Hỉ-đồng) về nhà. Hôm giờ Mai Bá-Cao, Trần Công nhớ bạn, sửa lẽ & ngoài vườn, khăn bạn và cầu nguyện rằng : nếu họ Mai còn dòng-doi thì xin cho hoa mai trong vườn nở đều. Đêm hôm ấy, trời nổi cơn mưa gió, hoa mai rụng sạch. Ông buồn, muốn đi tu, người con gái là Hạnh-Nguyên khuyên-giải, xin khăn cầu lần nữa xem sao. Ba hôm, hoa mai lại nở đặc trên cành (vì việc này nên mới đặt tên truyện là *Nhị độ mai*, nghĩa là cây mai nở hoa hai lần). Ông mừng, sai làm rượu vịnh thơ, chợt thấy ở vách hoa-đình có bài thơ của Hỉ-đồng đã đề. Sau hỏi ra mới biết Hỉ-đồng tức là Mai Lương-Ngọc, ông mừng rõ, định bụng gả Hạnh-Nguyên cho.

III.— *Họ Trần bị hại : Mai-Lương-Ngọc và Trần-Xuân-Sinh gặp cảnh lưu ly* (câu 879-1974). Lư-Kỷ ghét Trần-Công, tâu vua bắt Hạnh-Nguyên sang cống Phiên. Hạnh-Nguyên đi đến nửa đường, đâm đầu xuống sông tự-tận, may giật vào nhà bà Châu-Bá-Phù, được nuôi làm con nuôi, cùng ở với con gái bà là Vân-Anh. Nhân việc ấy, Trần-Công bị bắt giam, cả nhà bị nã. Lương-Ngọc cùng với Xuân-Sinh (con Trần-Công, chạy trốn ; giữa đường gặp cướp, hai người lạc nhau. Lương-Ngọc (đổi tên là Mục-Vinh) may gặp ông Phùng Lạc-Thiên (ông được khai

phục vô kinh), ông bèn giới thiệu để Lương-Ngọc được giúp việc quan Tuần-án Hà-nan-Châu Bá-Phù. Sau Châu quân thấy Lương-Ngọc có tài văn-chương, mới cho chàng về quê ông học tập để đi thi và định gả Văn-Anh cho, nhân thể Lương-Ngọc lại được gặp Hạnh-Nguyên đương ở đây.

Còn Trần Xuân-Sinh, vì bị lưu lạc khổ-sở, đâm đầu xuống sông tự tử. May có một bà thuyền chài cứu và nuôi lại hứa gả con gái là Ngọc-Thư cho. Sau gặp Khâu đê-dốc (em Mai phu-nhân) nuôi làm nghĩa tử (lấy tên là Khâu-Khôi) và định gả con gái là Văn-Tiên cho.

IV.—Bạn gian thần bi tội : họ Mai và họ Trần được hiển vinh (câu 1975 - 2780) — Mục-Vinh và Khâu-Khôi thi, một người đã trạng-nguyên một người đã bảng-nhờn. Lư-Kỷ muốn ép Khâu-Khôi lấy con gái mình. Khôi không chịu, Lư-Kỷ bắt bỏ ngực. Học trò nỗi giận, đón xe Lư Hoàng đánh, rồi vào chầu vua kể hết tội lộng quyền của hai tên giao thần. Vua xét rõ, bèn chém Lư, Hoàng, phong chức cho Trần-Công, ban chức cho Lương-Ngọc, Xuân-Sinh.

Lương-Ngọc về đón mẹ, viếng Hỉ-đồng, rồi về kinh làm lễ thành hôn cùng Hạnh-Nguyên (chánh thất) và Văn-Anh (thứ thất). Còn Xuân-Sinh thì làm lễ thành hôn với Văn-Tiên và Ngọc-Thư.

30. Mai-công đến mừng lễ thọ Lư-Kỷ

Ngày xanh thăm-thoắt đưa thoi,
Lư-công tuổi thọ sáu mươi vừa tuần.

- Định ngày vui mở tiệc xuân,
340 Vua cho lễ-vật, nội thần đem ban.
Lại truyền văn vũ bá quan,
Cứ ngày cũng đến tướng-môn lễ mừng.
Phủ-đường dọn-dẹp tung-bừng.
Rõ-ràng kết thái trương dǎng trong ngoài.
345 Vóc dẽ chữ, gấm thêu bài,
Vịnh ca thiên-bảo, chúc lời nghiêng-hoa
Dập-diệu chốn vũ, nơi ca,
Trò bày bách-hi (2), dịp hòa bát âm.
Gióng-giá nến, quạt lò trầm,
350 Rót bình rượu ngọc, nâng mâm đào vàng.
Võng đầy cửa, ngựa chen dảng.
Khắp triều-quan đến, khắp hoàng-thân (3) ra.
Bày phô chén ngọc, dưa ngà,
Gia-hào (4) mấy thức, trân la (5) mọi mùi,
355 Tướng-công thăm-thẳm xa ngời,
Tiếp tân phô mặc con nuôi họ Hoàng.

- Mai-công lẽ-vật tầm-thường.
 Miến vài cân với lạp hoàng (6) vài đỏi.
 Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,
 360 Tim Lư-công, đến tận nơi, tiễn trình.
 Tướng-công ngồi trước thọ-bình,
 Chói vàng bông mũ, ngắt xanh hoa bào.
 Tú bè trường gấm màn dào,
 Mùi hương xạ ngát, tiếng thiều-nhạc (7) rung.
 365 Trông xa nhác thấy Hoàng Tung,
 Xem đơn lẽ (8) mời thung-dung dạy lời :
 « Ít nhiều có lẽ thi thôi,
 « Hãy thu lấy đây, khuyên, mời hẳn.hoi.
 « Tay này là bức đại.tài,
 370 « Đề ta mua chuộc làm tôi tớ nhà ».
 Cứ lời, Tung mới bước ra,
 Chào rằng : « Vâng mệnh ân-gia mời ngồi,
 « Lê đơn đây đã thu rồi,
 « Dám khuyên vài chén tiệc vui gọi là ».
 375 Mai-công rằng : « Nhũng ở xa,
 « Chẳng hay qui.chức tuổi đà bao nhiêu ? »
 Tung rằng : « Tuổi cũng chưa nhiều :
 Năm mươi tư tuổi gần theo cõi già ».
 Công rằng : « Thực cũng khéo là !
 380 « Thể mà nghĩa-phụ (9), thể mà ân-nhi (10) !
 « Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,
 « Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng dồn ?
 « Mới hay vượng-khí tướng-môn ?
 « Năm lèn sáu tuổi sinh con đầu lòng ! »
 385 Tung nghe ra giọng đậm hông,
 Mặt ngăn-ngắt tím, mắt sòng-sọc trông.
 Các quan biết ý Hoàng-Tung,
 Giả điếu mời rượu Mai-công ép nài.
 Ông rằng « Lượng rượu kém ai,
 390 « Tiệc vui dù chẳng đợi mời cũng say.
 « Nghe hơi tử.khí đâu đây,
 « Đầu rằng nứa chén đưa say, chẳng mang.

« Đến đây vàng mệnh Thánh-hoàng.

« Sá vui kèo rót mấy tuồng quyền gian ? »

395 Hoàng-Tung đỏ mặt, sốt gan,

Bất *thinh-linh*, *bỗng* trong *bản* mắt vui

Như mèo tiu-nguỷu mắt tai,

Chẳng thu một lẽ, chẳng mòi một ai,

Vào trong tóc thẳng một hơi,

400 Bên màn Lư-Kỷ, kè ngồi nỉ-non.

Nhỏ to chua cái, chua con.

« Hôm xưa, kiệu đến nghi-môn (11) còn ngồi.

« Mới rồi, dưa lê giêu chơi,

« Đã câu rửa mát, lại lời dưa chênh.

405 « Gần chùa gọi Bụt là anh,

« Không văn-pháp nữa, còn danh-giá gì ! »

Lư rắng : « Con chờ lo chi :

« Ra tay, rồi sẽ liệu bè bỉ mai.

« Cho vào bạn-dảng (12) thời thoi,

« Bấy giờ dẫu nghĩ kêu trời cũng xa ».

Bản chép khác.— Câu 339 : Định ngày *mở tiệc vui xuân*.—

Câu 396 : Bất *bình bỗng giận* trong *màn* mắt vui.— Câu 405 : . . . ,
bỗng anh.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kết thái trương dặng* 結綵張燈 : tết lụa màu và treo đèn.— (2) *Bách hi* 百戲 : trǎm trò chơi.— *Hoàng thân* 皇親 : chú bác anh em vua.— *Gia hào* 嘉餚 ; (*Gia* : ngon ; *hào* : đồ nhắm) : đồ nhắm ngon.— (5) *Trân la* 珍蘿 : (*trân* : quí ; *la* : một thứ rau có mùi thơm) ; rau quí.— (6) *Lạp hoàng* : túc là hoàng lạp 黃蠟 : sáp vàng.— (7) *Thieu nhạc* :韶樂 : bài nhạc cổ về đời Nghiêu, Thuấn bèn Tàu.— (8) *Đơn lẽ* : cái lẽ đơn sơ.— (9) *Nghĩa-phụ* 義父 : bố nuôi.— (10) *Án-nhi* 愚兒 : con nuôi.— *Nghi-môn* 儀門 : cửa lớn ở các dinh thự hay nhà lớn.— (12) *Bạn dảng* 叛黨 : bọn làm phản.

31.— Hạnh-Nguyên trǎm mình

1185 Lên yên, gióng ngựa ra đi,

Núi cao đã thấy hầu kè tới nơi.

Hỏi tên là Lạc-nhận-dài,

Trùm mây mù-mịt, ngắt trời chon-von,

- Nàng rắng : « Tích trước ghi lòng.
- 1190 « Chiêu-quân gửi nhạn thư phong chốn này.
 « Đường đi nhân tiện qua đây,
 « Nhắn nhàn, bắt chước chuyện người ấy chơi ».
 « Kíp truyền man-tốt (1) mấy lời :
 Dọn đường núi Nhạn, kíp dời gót loan.
- 1195 Phù nàng ngồi kiệu dặng san,
 Hai hàng thị-nữ, một đoàn Phiên-binh.
 Bước cao, bước thấp gập-ghènh,
 Quǎn-queo đuôi chuột, chênh-vênh tai mèo.
 Nương đá quạnh, vịn cành oeo,
- 1200 Chim xào-xạc lá, vượn leo-lắt cành.
 Săn-sàng cảnh-vật chung-quanh :
 Phong đồn mở quạt, mây xanh buông màn (2)
 Bước lên tuyệt đỉnh làn-làn,
 Trông nhường chật đất, với toan đến trời.
- 1205 Mặt sau lầu bước xem chơi,
 Nhìn lâu, bỗng thấy một noi có đầm,
 Mặt mèo trong vắt (3) nỗi tăm,
 Rắn quǎn-quǎn khúc, määng (4) nhom-nhép hàm,
 Cheo-leo sườn núi trông sang ;
- 1210 Khe kia, suối nọ, ngõn-ngang mấy trùng.
 Nửa ngày nỗi trận âm-phong (5).
 Phết-phết lật lá, lạnh-lùng thấu xương.
 Đất đâu sơn-thủy lạ nhường !
 Ngắn-ngo mình những cảm thương nỗi mình.
- 1215 « Xót thay đôi đức sinh-thành,
 « Bao giờ người được chút tình nhớ thương.
 « Một ngày một ngả bóng tang,
 « Da mồi xám mặt, tóc sương diêm đầu.
 « Biết nhau thèm dở-dang nhau.
- 1220 « Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rắng !
 « Ấy ai chắp mối xích-thẳng !
 « Biết rắng đứt chỉ, thà dừng vương tơ,
 « Như lời thần-mộng (6) họa là,
 « Còn duyên chẳng nữa, cũng chờ tái-sinh.

- 1225 « Đường cùng giữ lấy thơm danh,
 « Thôi thi gác hiếu với tình một bên.
 « Chấp kinh, nếu chẳng lòng quyền,
 « Nữa khi nước đến, e nên cát lầm »,
 Tắt lòng cả quyết khôn cầm,
 1230 Tấm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu.
 Thị-tỷ trông trước nhìn sau,
 Nàng đà gieo ngọc, chìm châu bao giờ.

Bản chép khác.— Câu 1222 : Biết mà... — Câu 1228 : ...
 phiên — Câu 1229 : Tắt lòng quả-quyết...»

CHÚ-THÍCH.— (1) *Man tốt* 磐 卒 : quân Man ; đây chỉ quân Phiên.— (2) *Câu 1202* : tả cảnh núi ; những chùm lá cây phong 枫 trông như quạt mở, những đám mây che phủ như màn buông.— (3) *Mắt mèo trong vắt* : Tả cảnh nước trong xanh như mắt mèo.— (4) *Măng* 蟒 : rắn lớn có hoa.— (5) *Âm phong* 風 風 : cơn gió lạnh-lěo tưởng như ở dưới âm-phủ đưa lên.— (6) *Lời thán mộng* : Hạnh-nghuyên trước có vào lỗ đèn thờ Chiêu-Quân kèm nấm chiêm-bao thấy Chiêu Quân báo cho biết rằng : « Rồi ra về đến quê mình. Sau này phú quý phụ vinh vẹn tròn » (câu 1171-1172).

32.— NHÂN NGUYỆT VĂN ĐÁP 人月問答 VÔ DANH

« Nhân nguyệt văn đáp » nghĩa là người và trăng hỏi và đáp nhau. Tác-giả bài này, không rõ là ai, nhưng chắc là một nhà nho chán đường danh lợi, ghét thói đua tranh, mượn câu chuyện ấy để dặn bày tâm-sự của mình.

- Tiết thu dạ, thiên quang vân tĩnh (1),
 Chốn lữ-dịnh (2), giấc tĩnh canh khuây.
 Tai nghe vắng-vắng bốn bề,
 Gương Nga vắng-vặc soi hè quế lan.
- 5 Thấy trăng, thêm động lòng vàng,
 Ngâm câu văn Nguyệt mà than mây lời.
 Hỏi chí Nguyệt mây lời sau trước :
 « Duyên-cớ sao mà được thành-thoi ? »
 Nguyệt rằng : « Vật đổi sao dời.
 10 « Thân này trời để cho người soi chung.
 « Làm cho mỗi mệt anh-hùng.

- « Ngàn thu sương tuyêt, một lòng thanh-quang ».
Hỏi chị Nguyệt : « Có đường lên tối ?
« Chốn thiêm-cung (3) phỏng độ bao xa ? »
- 15 Nguyệt rắng : « Ta lại biết ta,
« Có cây đan-quế (4) ấy là chị em.
« Anh-hùng thủ tối mà xem :
« Kia gương ngọc-thỏ (5), nọ rèm thủy-tinh ».
Hỏi chị Nguyệt : « Có tinh chăng tá ?
- 20 « Chứ xuân-thu phỏng đã nhường bao ? »
 Nguyệt rắng : « Yếu liêu thơ đào,
« Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
« Mảnh gương vắng-vặc chẵng mòn,
« Bao nhiêu tinh-dầu là con cái nhà ».
- 25 Hỏi chị Nguyệt : Hằng-Nga mấy tuổi ?
« Cứ năm năm đến tối lại ra ? »
 Nguyệt rắng : « Ta lại biết ta,
« Minh minh trường dạ (6), ai mà biết ai ?
« Vậy nên mở mặt soi đời,
- 30 « Biết nơi nham-hiểm, biết người tà-gian ».
 Nghe Nguyệt nói, lòng càng yêu Nguyệt,
Biết lòng ta có nguyệt hay chăng?
Muốn lên cho tối cung trăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.
- 35 Một trăng với *lại một ta*,
Biết nhau chỉ lúc canh ba điểm *thùng* !
 Nguyệt thong-thả ướm lòng lại hỏi :
« Cõi trần-gian là cõi làm sao? »
 Ta rắng : « Thế cuộc chiêm bao,
- 40 « Công-hầu khanh-tướng xôn-xao trong vòng.
« Tranh nhau chỉ vị hoi đồng,
« Giết nhau vì miếng dĩnh chung (7) của trời ».
 Nguyệt lại hỏi *đến* người quân tử.
Buổi vân-lôi (8), hai chữ kinh-luân (9),
 Ta rắng : « Có dâng thánh-thần.
- 45 « Ra tay dẹp loạn, đem công-trị bình.
« Còn phường trực lợi tham danh.
« Chẳng qua như chuyện minh-linh, áu-phù (10) ».

- 50 Nguyệt lại hỏi : « Rừng nho mấy kẽ,
« Rõ ra tay bẻ que Tràng-an (11) ? »
Ta rắng : « Cá bèle, chim ngàn,
« Đời nào chẳng có phượng-hoàng, kinh-nghê (12) ».
Ta hỏi Nguyệt ngàn-ngo. ngo.-ngần,
Nguyệt hỏi ta thơ-thần thần-thơ.
55 Chồi hoa trước gió phất-phơ,
Hiu-hiu gió thổi, hương dưa ngọt-ngào.
Canh càng thâm, Nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta Nguyệt biết bao nhiêu tình !
Mấy câu ngàn chốn lữ-dinh,
60 Có ai biết Nguyệt biết mình cho chăng ?

Bản chép khác — Câu 4: ... trải kề ... — Câu 6: ... đọ
ngang với trời.— Câu 20: ... niên hoa... — Câu 26: ... ngày
rằm ... thì ... — Câu 30: ... loài — Câu 31: Thấy... — Câu
35: ... một mình ... — Câu 36: ... có ... tùng. — Câu 39:
Cuộc đời xem như ... — Câu 43: ... tối ... — Câu 46: ... thân,

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thiên quang vân tĩnh* 天光雲淨 : trời sáng mây tạnh.— (2) *Lữ đình* 旅亭 (*lữ*: đất khách ; *đình*: nhà) : nhà trọ.— (3) *Thièm cung* 嬪宮 : thièm là con cóc ; thièm cung là cung trăng vi *Hằng-Nga*, vợ *Hậu-Nghệ*, sau khi ăn cắp thuốc tiên của chàng trốn lên cung trăng thì hóa ra con cóc.— (4) *Đan quế* 丹桂 : cây quế đỏ ở cung trăng. Theo tích vua Đường Minh-hoàng lên chơi cung trăng, thấy các nàng tiên mùa hát ở dưới bóng cây quế.— (5) *Ngọc thỏ* 玉兔 : chỉ mặt trăng. Theo tích chép trong Kinh Phật: một con thỏ nhân đức, thấy các con thỏ khác đói bèn nhảy vào đống lửa để làm chả cho dòng loại ăn đỡ đói. Khi các con thỏ kia ăn hết thịt rồi, đức Phật Thích-Ca đem đống xương còn lại để trên cung trăng.— (6) *Minh minh trường dạ* 春冥長夜 : đêm dài mờ tối.— (7) *Bình chung* 鼎鐘 : đỉnh là cái vạc có ba chân dùng để nấu ăn ; chung là cái chuông ; hai thứ đồ dùng của nhà phú quý, bày vạc để ăn và lúc ăn thì rung chuông. Nghĩa rộng là giàu sang — (8) *Vân lôi* 雲雷 : mây và sấm ; nghĩa bóng là loạn lạc. — (9) *Kinh luân* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 82. (10) *Minh linh du phủ* : 蟠蛉 蜴蜉 minh linh là một thứ sâu sắc xanh, ăn các lá rau, lớn lên hóa ra bướm du-phù, tức là phủ-du : con vò, một thứ côn trùng nhỏ, sinh ở dưới nước, khi hóa, có cánh bay được.

chỉ ít lâu thì chết. Người ta chỉ nói con phù-du, không bao giờ nói du-phù ; ở đây tác giả vì túng vẫn phải đặt như thế.— (11) *Bé quế Tràng an* : bé cành quế ở đất Tràng an (kinh đô) nghĩa bóng là đi thi đỗ.— (12) *Phượng-hoàng, kinh nghê* : 凤凰鯨鯢 : phượng hoàng là một loài linh điểu trong tứ linh (phượng là con trống, hoàng là con mái); nghĩa bóng chỉ người tài giỏi. Kinh nghê là loài thú lớn ở bể túc là cá ông voi (kinh là con đực, nghê là con cái) : đây chỉ người anh hùng.

BẢN NỮ THÁN 女嘆 VÔ - DANH

« Bản nữ thán » là lời than thở của người con gái nghèo. Đại ý nói : mình vốn có tài sắc, những mong sớm lấy được người chồng khá thế mà chỉ vì nỗi nghèo, thành ra duyên-phận dở-dang ; sau kết lại cái ý bền chí đợi chờ, tất có ngày kỳ-ngộ. Bài này gồm 216 câu.

33.— Chi vì nỗi nghèo

- Tưởng-thế sự ai làm nên nỗi,
Nghĩ càng thêm tức-tối trăm chiều.
75 Hay là số phận ra sao ?
Xui ra duyên-phận hẩm-hiu thế mà !
Hay là kém da ngà, mắt phượng ?
Hóa cho nên bướm chán, ong chè.
Hay là nắng chẳng thương huê ?
80 Đề dầu bông thắm, đề xơ nhì vàng !
Hay là kém màu gương, nước thủy ?
Hay là thua màu quí, vẻ thanh !
Hay là thua đẹp, thua xinh ?
Thua son, thua phấn, thua tinh, thua duyên ?
85 Vì một nỗi thua tiền, thua bạc,
Hóa cho nên thua sắc, thua tài.
So ra, ai đã thua ai :
Kẻ kia tám lặng, kẻ này nửa cân.
Vốn đã biết làm thân kẻ khó,
90 Có dám đâu đánh đọ với giàu.
Rằng thì mang túi, deo sầu !
Nói càng ấp-úng, nghĩ thêm ngại lời (1).

Xuân xanh kẽ đôi mươi có lẻ,

Quả mai còn ba bảy dương tơ (2).

95

Kia như dòng-bích làn-gia,
Kè đà bốc phượng (3), người đà mộng lan (4)
Cũng mang tiếng hồng-nhan với thế,
Nỡ nào nên ruồng-rẫy chẳng thương,
Bao nhiêu thùy dệt y-thường.

100

Vì người ta sửa tư-trang lấy chồng.
Cũng mang tiếng má hồng mặt phấn.
Luống năm năm chực phận phòng không.
Há rằng hoa chẳng chiều ong,
Cho nên tủi phấn thẹn hồng lấm thay !

105

Bắc thang đến cung mây mà hỏi,
Biết bao giờ phượng tới cành ngô (5)
Bao giờ bắc lại cầu ô,
Mà cho á Chức, chàng Ngưu tới gần (6).

Bản chép khác. — Câu 91.— *Đành rằng* — Câu 96 — *mình hôi...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Hai câu 91-92, trong các bản chúng tôi được coi đều chép như trên cả, nhưng ta nên nhận rằng tiếng « sầu » ở câu trên không ăn văn với tiếng « thèm » ở câu dưới.— (2) *Quả mai còn ba bảy dương tơ*: nghĩa bóng nói về một người con gái đương thi lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh thi* (Thơ Xiếu hữu mai): « Xiếu hữu mai, kỳ thực thất hè. Cầu ngã thứ-sĩ, dãi kỳ cat hè. Xiếu hữu mai, kỳ thực tam hè. Cầu ngã thứ-sĩ, dãi kỳ kim hè. 楠有梅其實七兮·求我庶士'逮其吉兮·楠有梅其實三兮求我庶士逮其今兮 ». (Quả mai rụng, mươi phần còn bảy phần. Ai người cầu ta, kíp chọn ngày lành đi. Quả mai rụng, mươi phần còn có ba. Ai người cầu ta, kíp ngày hôm nay đi) — (3) *Bốc-phượng* 卜鳳: bói chim phượng; nghĩa bóng là tim được người xứng-đáng để gả chồng cho con gái. Lấy diễn trong *Tả-truyện*: Ý-thị xem bói để xem có nên gả con gái cho Kim-Trọng không; vợ đoán quê, bảo nêu, vì trong quê có câu: Phượng-Hoàng vu phi, hòa minh tương tương 鳳凰于飛, 和鳴鏘鏘» (Chim phượng trống và chim phượng mái cùng bay, hòa tiếng hót kêu lanh lanh.— (4) *Mộng lan* 夢蘭: năm mộng thấy có người cho lan; nghĩa bóng là có mang. Lấy diễn trong *Tả-truyện*: người thiếp Trịnh-Văn-công nắm mộng thấy thiên sứ cho một khóm lan, rồi sau

sinh ra Trịnh-Mục-công.— (5) *Phượng tới cành ngô* : chim phượng đến đậu cành cây ngô đồng ; ý nói được người sang trọng đến hỏi mình.— (6) Câu 107.108 : Hai câu này nhắc đến cái điền Nguru-lang, Chức-nữ. Chức-nữ (nghĩa đen là người con gái dệt vải), và Nguru-lang hoặc Khièn-nguru (nghĩa đen là gã dắt trâu) nguyên là tên hai chòm sao ở trên trời, chòm trên ở phía đông sông Ngân-hà, chòm dưới ở phía tây, mỗi năm chỉ có một lần là ta trông thấy cả được hai chòm. Nhân thế bèn Tàu mới có câu chuyện cổ tích này : Chức-nữ vốn là con đức Thiên-de (vua trên trời), chăm chỉ dệt gấm để may áo cho Trời. Trời thương phải lè loi một mình, mới gả cho Nguru-lang. Nhưng từ khi lấy chồng sinh ra lười biếng, bỏ cả dệt cửi. Thiên-de giận, lai bắt về chỗ cũ ở phía đông sông Ngân-hà và mỗi năm chỉ cho gặp Nguru-lang có một lần là tối hôm mùng bảy tháng bảy. Đêm ấy, chim ô (quạ) và chim thước (chim khách) bắc cầu qua sông Ngân-hà để cho Chức-nữ sang với Nguru-lang. Chữ « nguru » đọc chệch ra chữ « ngàu » bởi thế ta thường gọi nó là « ông Ngâu bà Ngâu ».

LỤC SỨC TRANH CÔNG 六畜爭功 VÔ DANH

« Lục súc tranh công » nghĩa là sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau công-trạng của mình.. Sáu con ấy là : trâu, ngựa, chó, dê, gà, và lợn. Trâu thì rằng làm ăn vất vả, có công sinh ra thóc, gạo, ngô, đỗ ; chó thì rằng có công coi nhà giữ trộm ; ngựa thì rằng có công đem chủ đi quán về quê, đánh đồng dẹp bắc ; dê thì rằng có công trong việc tết-lễ ; gà thì rằng có công gáy sáng, xem giờ ; lợn thì rằng có công trong việc quan, hôn, tang, tết. Sáu con cùng tranh-luận, người chủ phải can-thiệp vào, dàn hòa mới yên. Bài này viết theo thể « nói lối ».

34. Trâu kể công trạng mình

Trâu mồi nhọc, trâu liền năn-nỉ,
Một mình trâu kề nỗi gian.nan :
« Lóng canh gà vừa mới gáy tan,
« Chủ đã gọi thằng chăn voi-vãi,
« Dạy rằng : Đuổi trâu ra thảo-dã,
« Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng.
« Chưa bao lâu thoát đã rạng đông,
« Vừa đến buổi cày bùa búa việc,
« Trước cõi đã mang hai cái niết (1)

« Sau đuôi thêm kéo một cái cày.
 « Miệng dã dàm, mũi lại dòng dây,
 « Trên lưng ruồi bâu (bu), dưới chân đỉa cắn,
 « Trâu mệt đà thở dài thở vắn.
 « Người còn hầm-hết mắng ngược mắng xuôi,
 « Liệu vừa đứng đóng mới thôi,
 « Đói hòa mệt (2), bước khôn dời bước.
 « Ai thong thả, trâu nào ben (3) được ?
 « Trâu nhọc-nhăn ai dẽ thế cho ?
 « Cày ruộng sâu, ruộng cạn cho no,
 « Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở.
 « Làm không kịp thở,
 « Ăn chẳng kịp nhai.
 « Tắm mưa, chải gió chí nài ?
 « Đẹp tuyết, giày sương bao sá ?
 « Có trâu, săn tằm, tơ, lúa má ;
 « Không trâu, không hoa, quả, đậu, mè.
 « Lúa gặt cắt lên, đã có trâu xe :
 « Lúa chất trữ lại, để đánh trâu đập.
 « Từ tháng giêng cho đến tháng chạp,
 « Kể xuân, hè nhẵn đến thu, đông,
 « Việc cày bừa công-vụ vừa xong,
 « Lại xe gỗ dầm công liên khói (4)
 « Bắt luận xe rào, xe củi,
 « Nhẫn đến loài phân, bồi (5) tranh, tre,
 « Hè bao nhiêu nhất thiết của chi,
 « Thị đã phú mặc trâu chuyên chở,
 « Bao quản núi non hiềm-trở.
 « Chi nài khe suối dầm-dề.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Niết*: dày to buộc ở cổ trâu — (2) *Đói hòa mệt*: (hòa : lẩn với): vừa đói vừa mệt.— (3) *Ben*: bị kẹp — (4) *Dầm công liên khói*: làm việc liên miên không dứt như khói tuôn lên vậy.— (5) *Bồi*: cỏ rác.

CÁC TÁC-GIẢ

TÁC-GIẢ ĐỜI TRÀN

35.— Vua dù Vương Tường để gả cho chúa Thuyền-vu (1)

Hán Hồ vẫn muốn vẹn trãm đường,
Há trãm riêng tây có phụ nường,
Bắc-quốc (2) tuy rằng ngoài di-tục.
Vương-dinh (3) song cũng một biên-phương.
Ở đây hạnh thắm nên mai nhạt,
Về dãy sen tàn lối cỏ hương. (4)
Hơn thiệt thôi đừng ai oán nữa.
Bõ ngay áo gấm lại hoang lương.

Bản chép khác.— Câu 3 : . . . vñrc.— Câu 8 : *Thò... (hoặc) :*
Chò...

CHÚ-THÍCH.— (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài thơ sau, xem *Phản thú nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ II*. *Vương Tường* là tên Chiêu-quân, cung-nữ vua Hán Nguyên-đế, sau đem gả cho vua nước Hồ. Người nước Hồ gọi vua họ là *Thiền-vu* 单于.— (2) *Bắc quốc*: đây chỉ nước Hồ, ở phía bắc nước Tàu.— (3) *Vương-dinh*: đây chỉ chỗ vua Hồ ở.— (4) Câu 5, 6: ý nói: ở cung nhà Hán có nhiều người đẹp, nên Vương-Tường không được vua yêu; nhưng sang bên nước Hồ vì không có con gái đẹp thì Vương-Tường sẽ được chiêu-chuộng. «*Lỗi 羁*» là nhò cao lên, trồi lên.

36.— Vương Tường vào bái-yết Hán-vương

Từ nan khôn chối lệnh quân-vương.
Rõi-rõi thêm đau nỗi đoạn-trường.
Khùm-núm khẩu đầu ngoài bệ ngọc,
Thẹn-thùng ra mặt trước nhà vàng.
Mặt hoa dười-dượi chiều deo tuyết,
Mày liễu rầu rầu dáng ủ sương,

Hàng thẳm phen này xuân nở phụ,

Lòng què khôn biết ngóng về dương (1)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Què* 雀 : tên một thứ hoa cù xoay theo hướng mặt trời. *Dương* 陽 là mặt trời.

TRINH THỦ 鼠

Trần-triều xứ-si Hồ Huyền-Qui tiên-sinh soạn

(Xem phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII)

« Trinh thủ » nghĩa là con chuột có lòng trinh-tiết. Truyền này là một câu chuyện ngụ-ngôn : tác-giả mượn chuyện của loài chuột để tán-dương cái lòng trinh-tiết và chỉ-trích cái dâm-là của người đời.

Lược truyện.— Truyền gồm 850 câu ; trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm ba đoạn như sau :

I.— *Chuột đực quyến-dũ chuột bạch* ; *chuột bạch cự-tuyệt* (câu 11-526).— Một hôm, chuột bạch góa chồng đi kiểm mồi để nuôi con, chởt gặp con chó đuôi, phải chạy vào ẩn trong một cái hang. Không ngờ trong hang có một con chuột đực, nhân lúc chuột cái đi vắng, định bụng quyến-rũ, đem hết thuyết này lý nọ và dẫn các sự-tích xưa để làm xiêu lòng, nhưng chuột bạch nhất-định cự-tuyệt, bác lại các lỗ của chuột đực và quyết liều chết để bảo toàn chữ trinh. Chuột đực thấy vậy, phải nón chồng chẽ cho đỡ xấu-hổ.

II.— *Chuột cái về, nỗi ghen, rầy-rà chuột đực và sinh sục với chuột bạch* (câu 527-718).— Giữa khi ấy, chuột cái về, nghe rằng chồng với chuột bạch có tình gian, tỏ ý giận dữ. Chuột bạch giải bày đầu đuôi để biện bạch lòng trinh-tiết của mình, rồi từ biệt trở về. Nhưng chuột cái không tin, nỗi ghen, rầy-rà chuột đực, rồi đến nhà chuột bạch rêu-rao. Đường khi ấy, có con mèo thỉnh-linh đến, chuột cái sợ chạy, ngã xuống ao.

III.— *Hồ sinh cùu-vót và khuyên-nhủ chuột cái* (câu 719-802).— Hồ sinh (người biết tiếng muông chim đã đứng nghe câu chuyện này từ đầu) thấy thế, bèn đuổi mèo đi, vót chuột cái lên, rồi lấy lời lẽ phải trái nói rõ lòng trinh-tiết của chuột bạch và khuyên-nhủ chuột cái về đạo cù-xử trong gia-dinh.

Lời văn.— Lời văn truyện này bình-thường giản-dị mà vẫn chải-chuốt thanh-tao, và có một điều đặc-sắc là dùng được nhiều câu phuơng-ngôn tục-ngữ một cách rất khéo.

**37.— Chuột đực lấy lời lẽ ngọt ngào
quyến-rũ chuộc bạch**

- Nàng nghe chàng nói thấp cao,
 50 Nỗi mình mới kẽ tiêu hao xa gần :
 « Thiếp nay ở mái đồng-lân,
 « Vì cơ thương-cầu (1) lang-quân têch ngàn.
 « Nỗi lòng khôn xiết thở than,
 « Thương chồng lại xót một đàn con thơ.
 55 « Rồng-rồng theo nạ (2) sớm trưa,
 « Cửa đâu cho được dư thừa miếng ăn.
 « Pha-phoi chảng quản nhọc-nhắn,
 « Chân le chân vịt, nào phán đêm ngày.
 « Nghe quan thủ-tướng (3) bên này,
 60 « Cửa nhà tráng-lệ của dày băng non,
 « Muốn ăn hét, phải đào giun :
 « Pha bò, xông bụi, nào còn biết e !
 « Đêm hôm cũng giãn mình đi,
 « Sang dây kiếm ít đem về làm lưng.
 65 « Ai ngờ gặp đứa gió trăng,
 « Cho nên khuất nẻo lạc chừng, khốn thay ! »
 Chàng nghe nồng-nỗi giải bày,
 Quyết lòng cẩn-sắt một hai dỗ dành,
 Rằng : « Nàng giải hết chán-tinh :
 70 « Thương thay phận gái một mình long-dong !
 « Đã hay trong đạo vợ chồng,
 « Nghĩa sâu tình nặng, há lòng chảng thương ?
 « Kinh quyển (4) đời lẽ là thường,
 « Được nơi tựa ngọc nương vàng thi thôi.
 75 « Chẳng lo mẹ góa con côi,
 « Sớm khuya loan-phượng no đói nhường nào,
 « Chẳng lo liêu cợt hoa chào,
 « Bướm gìn ong giữ làm sao cho tuyển ?
 « Vả nàng là gái thuyền-quyên,
 80 « Phỏng khi gặp kẽ vô duyên khôn dè.

- « Ví mà dốc tâm lòng quê,
 « Giữ sao cho được trọn bè hướng dương (5) ? »
 Nàng nghe ăn nói sô-sàng,
 Muôn sầu tăm-tã hai hàng châu chan,
- 85 Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :
 « Thiếp như phận liêu gặp cơn gió doài.
 « Đã thương, mời dám ngỏ lời :
 « Thơ trong sách sử hôm mai ghi lòng.
 « Chữ rằng : Tòng nhất nbi chung (6),
- 90 « Gái hiền thò chỉ một chồng không hai,
 « Cương-thường đạo cả, há chơi !
 « Một niềm hăng giữ mấy lời định-ninh.
 « Và nay bóng đã xế mành.
- 95 « Dám đâu mà lại gieo mình nữa sao !
 « Mặc ai ong bướm xôn-xao,
 « Mười phần cũng chẳng chuyền-giao một phần,
 « Hạ qua, dám ước lại xuân,
- 100 « Dẽ hầu gà lược mấy lần hay sao ?
 « Phận dành như ả họ Tào (7),
 « Mong sân hòe (8) được thanh-tao là mừng.
 « Bây giờ sảy bước lỡ chừng.
- 105 « Tới đây đã được ơn chung lòng chàng,
 « Đoái thương thân-phận lỡ-làng,
 « Dạy đường phuong-tiện, lòng chàng cảm ơn.
 « Tóc-to giải hết nguồn cơn.
- 110 « Quyết liều chịu tốt thòn-bơn một bè.
 « Vu-qui (9) nùi chỉ non thè,
 « Tắc lòng đá tạc vàng ghi, dám dời.
 « Ở đời chen cạnh với đời,
 « Kéo e anh yến những lời khen chê ».

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thương cầu* 苍 狗 : nghĩa đen là chó xanh; nghĩa bóng là sự biến đổi bất thường. Chữ lấy ở hai câu thơ của Đỗ-Phủ : « Thiên thương phủ-vàn như bạch y. Tư tu biến hoán (ảo) vi thương cầu 天上浮雲如白衣. 斯須變幻爲蒼狗 » (Trên trời mây nồi nhu áo trắng, bỗng chốc biến đổi làm chó xanh) hoặc « vàn, cầu » (mây, chó, cũng nghĩa ấy.— (2) *Rồng rồng* theo nɑ:

rồng rồng là cá con, đây chỉ đàn con của chuột bạch; nụ là mèo.
— (3) *Thú tướng*: trong truyện chép chuột đực ở trong vườn nhà quan thủ tướng Hồ Lý Lê (có người cho rằng tên sau này ám chỉ Hồ Quý Ly lúc bấy giờ).— (4) *Kinh quyền*: xem câu chú-thích số (2) ở Bài 115 — (5) *Hướng dương* 向 陽: theo hướng mặt trời; nghĩa đen nói về hoa qui xoay theo mặt trời; đây dùng theo nghĩa bóng để nói về người đàn bà một lòng theo chồng.— (6) *Tòng nhất nhi chung* 從 一 而 終: theo một chồng cho đến lúc chết.— (7) *Á họ Tào*: tức là Tào lệnh nữ 曹 今 女, vợ góa của Tào Văn Thúc, nhất định không chịu cài giỏ: người ta ép lẩn đầu, nàng cắt tóc; ép lẩn nữa, nàng tự cắt mũi để thủ tiết.— (8) *Sân hòe*: đây chỉ là đàn con.

38.— Hò-sinh khuyên-răn chuột cái

Liệu lời Sinh (1) mời dạy cho,

760 Lấy đường khuyên giải diền-mô (2) mọi lời:

« Việc này cơn-cớ vì người;

« Liệu về nói rõ, chồng người thôi là.

« Muốn cho yên cửa yên nhà,

« Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau,

« Để ai đội áo qua đầu ?

« Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tầy ?

« Ai ân là nghĩa nặng thay !

« Vợ chồng há phải một ngày dám quên,

« Ở đời vô sự là tiên,

770 « Mà đều êm đẹp hơn bên cục-cắn.

« Chót đà cùng chiếu cùng chǎn.

« Lẽ nào con nhện mấy lần vương to ?

« Tình sâu như thế nước cờ,

« Nghĩ cho một phải hai vừa thi thôi,

« Chớ toan những sự tranh-phôi,

« Bởi bèo ra bọ tanh hôi cửa nhà,

« Đàn bà như hạt mưa sa (3):

« Gặp sao hay vậy, biết là đâu hơn ?

« Dẫu chồng trăm giận nghìn hờn,

780 « Cũng nên bấm bụng mời răn dỗ-dành.

« Một câu nhịn chín câu lành,

« Chớ nghè tật-dố (4), cậy mình cậy công,

- « Mời là phải dạc xướng tòng.
 « Chiều người lấy việc, chiều chõng lây con,
 785 « Cơm chắng lành, canh chắng ngon,
 « Rành-rành thôi hết khéo khôn đòn bà,
 « Mèo lành ở mả đâu là ?
 « Của yêu đâu có bày ra ở ngoài ?
 « Thời dừng đua sức thi hời,
 790 « Há rắng ba chốn bốn nơi được nào ?
 « Tránh voi, xấu mặt hay sao ?
 « Hãy xem súra vượt được nào qua dǎng ?
 « Làm chi mắt vượt mắt lăng ?
 « Dứt dây, chắng sợ động rùng kia ru ?
 795 « Thi hời kèn giải thời thua,
 « Đòn-bà đâu có tranh đua cho đòn.
 « Kíp toan cải giữ làm lành,
 « Ất là sum hợp yến anh một nhà,
 « Dịu-dàng phải phép đòn-bà,
 800 « Chẳng thời chua xót lệ xa dòng-dòng.»

CHÚ-THÍCH.— (1) *Sinh*: tức là Hồ Sinh, người đã được nghe và chép lại câu chuyện « Trinh thủ » này.— (2) *Điền mô* 典模: phép tắc.— (3) Ca-cao ta có câu: « Đòn bà như hạt mưa sa. Hạt vào gác tía, hạt ra ruộng cày (hoặc): Hạt rơi xuống giếng, hạt ra ngoài đồng »— (4) *Tật dỗi* 嫉妬: ghen ghét.

39.— Tặng Nguyễn Biểu

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH 陳帝季擴

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,
Trịnh-trọng rày nhân dựng khúc ca.
 Chiếu phượng mười hàng tơ cẩn-kẽ,
 Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
 Tang bồng (2) đã bầm lòng khi trẻ.
 Khương quế (3) thêm cay tính tuổi già.
 Việc nước một vai công ngỗ vẹn,
 Gác lân (4) danh tiếng đợi lâu xa.

Bản chép khác.— Câu 2 : *Trân . . . nay . . . mờ . . .* — Câu 3 : . . . *vài . . .* Câu 8 . . . *dời gần*.

CHÚ-THÍCH.— (1) Về lai-lịch bài thơ này và bài sau, xem *Phần thứ nhất, năm thứ nhì, chương thứ VIII*.— (2) *Tang bồng* : tức là tang hò bồng thi 痴孤蓬矢, cái cung làm bằng gỗ dâu và cái tên làm bằng cổ bồng. Theo *Kinh Lê*, khi nhà vua sinh con trai cả thì sai người lấy một cái cung bằng gỗ dâu và sáu cái tên bằng cổ bồng bắn trên trời, dưới đất và ra bốn phương. Làm như thế là có ý mong cho người con trai sau này có chí vĩ-vùng trong khoảng trời đất bốn phương. Các nhà làm thơ văn thường dùng những chữ «tang bồng», «hò thi», «cung tên» để chỉ cái công việc của người con trai phải gánh vác ở trên đời hoặc cái chi lập nên công-danh sự-nghiệp.—(3) *Khương quế* 麟桂 : gừng và quế.—(4) *Gác lán* : tức là Kỳ-lan các, tên một cái gác do vua Hán Tuyên-de sai làm, trong vẽ tượng mười một người công-thần.

40.— Bài họa lại NGUYỄN - BIỂU 阮表

Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng-vọng thuở thi ca.
Đường mây vó ký lần lần trái.
Ái tuyết cờ mao thức thức pha.
Há một cung tên lòng chi trẻ,
Bội mười vàng sắt dúc gan già,
Hồ minh vả thiếu tài chuyền đổi.
Dịch-lộ ba ngàn dặm ngại xa,

NGUYỄN - TRÃI 阮主席 (1380-1442)

(Xem *Tiểu-ruyện* của tác-giả ở *Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*)

GIA - HUẤN CA 家訓歌

(Xem *phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ sáu*)

41.— Phép dạy con

- 221 Ngày con đã biết chơi, biết chạy,
Đừng cho chơi cầm gậy, trèo cao,
Đừng cho chơi búa, chơi dao,
Chơi vòi, chơi lửa, chơi ao, có ngày...
- 225 Lau cho sạch, không hay dầm nước;
Ăn cho vừa, đừng ước cao lương (1).

- Mùa đông, tháng hạ, thích-thường (2).
Đừng ôm-ấp quá, đừng suồng-sã con.
- Dạy từ thuở hấy còn trứng nước :
230 Yêu cho đòn (3), bắt chước lấy người.
Trinh, thura, vâng, dạ, đứng, ngồi ;
Gái trong kim chỉ, trai ngoài bút nghiên.
Gần mực đen, gần đèn thì sáng ;
Ở bầu tròn, ở ống thì dài
235 Lạ gì con có giống ai :
Phúc-đức tại mẫu (4) là lời thế-gian.
Làm mẹ chờ ăn càn, ở dữ ;
Với con đừng chửi rủa quá lời.
Hay chi thô-tục những người :
- 240 Hôm nay cụ cụ, ngày mai bà bà.
Gieo tiếng ra, gãy cây gãy cối (5) ;
Mở miệng, nào có ngon có ngành (6) ;
Đến tai bụt cũng không lành,
Chồng con khinh-dè thế tinh mỉa-mai.
- 245 Ấy những thói trên đời ngoa dại,
Khôn thời chừa mới phải đứng người,
Sinh con thời dạy thời nuôi.
Biết câu phải trái, lựa lời khuyên răn.

(Bài ca dạy vợ con)

CHỦ-THÍCH.— (1) *Cao-lương* 膏粱 : cao là thịt béo, lương là gạo
ngon : nói chung về đồ ăn ngon và quý — (2) *Thích-thường* 適常 :
hợp với mực thường : vừa phải — (3) *Yêu cho đòn* : tục ngữ có câu :
« Yêu cho vợt, ghét cho chơi ». — (4) *Phúc đức tại mẫu* 福德在母 :
phúc đức ở mẹ ; ý nói : người mẹ mà nhân từ và có đức-dộ thì người
con cũng bắt chước — (5) *Gãy cây gãy cối* : ý nói lời nói nặng-nề,
hung-tợn — (6) *Có ngon có ngành* : ý nói thâm độc.

49.— Việc nội-trợ

- Bè nội-trợ việc trong xem xét,
50 Siêng-năng thời trãm việc đều nên
Chớ khoe-khoang lầm thóe nhiều tiền :
Ngồi ăn mãi, non mòn, núi lở.
Việc nhà có kẻ ăn, người ở,
Từ trong ngoài nhủ bảo trước sau.

- 55 Đồ làm ăn ngày dề đâu đâu,
 Ban tối phải thu về cho dù,
 Trống canh một chớ đà vội ngủ ;
 Siêng-năng thường chăm chủ việc ta.
 Lũ nô-tì trai gái năm ba,
- 60 Cơm chưa chin, không cho khua xáo.
 Đứa xay thóc, đứa thời giã gạo,
 Đứa bếp thời chủ việc dọn cơm.
 Ăn đoạn rồi, cho chúng nghỉ-ngơi,
 Đèn ta sẽ soi trong bếp lại.
- 65 Đừng tin trẻ tôi-dòi thơ dai ;
 Lời dạy rằng : « Giữ lửa chẳng chơi »,
 Cho hay đại phú bối trời,
 Nhưng mà ở thế thì người hết chê.
 Cầm then khóa, giữ đường lùu phat,
- 70 Chắt-chiu mà dè-dặt mới nén.
 Coi-sóc từ hạt gạo, đồng tiền,
 Đừng cậy có, ăn càn tiêu giờ.
 Bữa thường phải xem cho con ở.
 Cũng đừng thừa, chớ thiếu làm chi.
- 75 Kẻ tân-bằng (1) đến một đời khi,
 Đồ thết-dãi xem cho tử-lế,
 Trong nhà phải bảo nhau có ý :
 Đừng chửi mèo mắng chó mà quê.
 Trong anh em, thiên tài nhất thi (2),
- 80 Sang vì vợ nhưng giàu vì bạn.
 Chiều rộng hẹp, tùy cơ ứng biến ;
 Đạo tri gia (3) dãi khách khác màu.
 Trần-trần một mực, nên đâu !
 Phò loài bồ-cát (4) biết đâu nhẽ gì !

(Bài ca dạy con gái phải ở cho có đức hạnh)

CHÚ-THÍCH.— (1) Tân bằng 賓朋 : khách-khứa bạn-bè.— (2) Thiên tài nhất thi 千載一時 : nghìn năm một lúc ; ý nói : thuỷnh-thoảng mới có một lần.— (3) Tri gia 持家 : (tri : cầm, giữ) : giữ-gìn giáo-dạo cho khỏi suy.— (4) Bồ-cát: một loài chim, lông đen có đốm trắng ở ngực.

LÊ-THÁNH-TÔN 參聖宗 (1449-1491)

(Xem *tiêu-truyện* của tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhất, Chương X).

43.— Người ăn mày

Chẳng phải ăn đồng, chẳng phải vay,
Khắp hòa thiên hạ đến ăn mày,
 Hạt châu, chúa cất *trao ngang mặt* ;
 Bệ ngọc, tội *từng* đứng *lượm* tay.
 Nam, bắc, đông, tây đều *tới* cửa ;
 Trẻ, già, lớn, bé, cũng *xưng* thầy.
 Đến đâu, *dẹp* hết loài muông *cầu* (1),
 Thu cả *kiền khôn* (2) một túi đầy.

Bản chép khác.— Câu 2 : *Lộc trời để lại được...* — Câu 3 : ... *trao ngang miệng* (hoặc)... *cao ngang mặt* — Câu 4 : ... *chấp tay*, — Câu 5 : ... *đến* — Câu 6 : ... *trai gái...* *triều*... Câu 7 : ... *sắn* *có lâu dài đáy* — Câu 8 : *Bốn bề thu về*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Muông cầu* (*muông*: loài thú; *cầu* chó): loài chó.— (2) *Kiền khôn* 色紳: tên hai quẻ trong bát quái, quẻ *kiền* (hoặc *càn*) chỉ tượng trời, quẻ *khôn* chỉ tượng đất; nói chung về trời đất.

44.— Con chó đá

Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,
 Cửa nghiêm chem-chém một mình ngồi.
 Quần bao xương tuyết nào chi kề.
 Khéo giữ cao lương (1) cũng chẳng nài.
 Mặc khách thị-phi giương tráo mắt,
 Nhũng lời trán-tục biếng vào tai.
 Một lòng thờ chúa, nghìn cân nặng (2) :
 Bền vững ai lay cũng chẳng dời.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cao lương*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 45.— (2) *Nghìn cân nặng*: ý nói coi cái nghĩa-vụ của mình làm nặng, làm trọng mà dốc lòng vào đấy.

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)

(Bốn bài thơ sau đây là trích ở *Hồng-đức quốc-âm thi tập*. Về tập này xem Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VIII).

45.— Nguyệt

Khuôn cả trao nên khéo hữu tình,
 Hòa cao, hòa sáng, lại hòa thanh.
 Gương gió vắng-vặc soi muôn dặm,
 Bóng tỏ lầu-lầu suốt mây canh.
 Ông nọ vì đâu se chỉ đỏ,
 Nàng nào chơi đấy trải mây xanh,
 Ngắm xem khi tượng hình dung ấy,
 Chợt lộ ra, thời nhạt chùng tinh.

(*Hồng-đức quốc-âm thi tập*)

46.— Cảnh một

Đúng-dĩnh trời vừa mọc đầu.tinh,
 Ban khi trống một mới thâu canh.
 Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc,
 Sườn núi chim gù ần lá xanh.
 Tuần điểm kia ai khua mõ cá,
 Dâng hương nọ kẻ nẹn chày kính.
 Nhà nam, nhà bắc đều no mặt,
 Lừng-lẫy cùng ca khúc thái-bình.

(*Hồng-đức quốc-âm thi tập*)

47.— Hẹ thử (1)

Cũng thời dắt chở, cũng trời che.
Nồng-nã làm chi *mây*, hối hè !
 Khắc-khoải đã đau lòng cái cuốc,
 Bắn-khoän thêm tức *cắt* con ve.
 Người nǎm trưởng vóc mồ-hôi *mướt*,
 Kẻ hái rau tần nước bột se.
 Nào khúc Nam-huân (2) sao *chứa* gảy,
 Chẳng thương bồ-liêu (3) phận le.te.

(*Hồng-đức quốc-âm thi tập*)

Bản chép khác. — Câu 2 : *Nồng nã...* (hoặc) : ... *thể...* —

Câu 4 : ... *ngực...* — Câu 5 : ... *gáu..chá* — Câu 7 : ... *sao biếng* gảy (hoặc) : ... *ai biếng* gảy.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hạ* 炎暑 : nắng mùa hè.— (2) *Nam-huân* 南薰 : gió phương Nam ấm. Chữ láy, trong khúc *Nam-phong ca* của vua Ngu-Thuấn : « *Nam-phong chi huân hè, Khả dĩ giải ngô dân chi uán hè. Nam-phong chi thời hè, Khả dĩ phụ ngô dân chi tài hè* 南風之薰兮可以解吾民之愠兮 南風之時兮可以阜吾民之財兮 ». (Gió phương Nam ấm chừ ! Có thể giải được nỗi giận của dân ta. Gió phương Nam thuận chừ ! Có thể thèm được của cải cho dân ta).— (3) *Bồ-liếu* 蒲柳: Tên một loài cây, tức là thùy-dương. Trong các loài cây thì cây bồ-liếu chóng rụng lá hơn cả, nên thường dùng để ví với người thê-chát yếu đuối như người đàn bà.

48.— Lăng mẫu tống sứ-giả (1)

Đinh phô dảng-dảng ngựa dừng chân,
Nỗi mẹ con, rày gửi sứ-quân,
Nhờ Hán, lòng còn son một tăm,
Thương Lăng, đầu dã bạc mười phân.
Niềm trung hiếu, khôn hai vẹn,
Hội công-danh, dẽ mấy lần.
Mình thiếp già này bao nỡ tiếc,
Về thời khuyên nó nghĩa quân-thần.

(*Hồng-đức quốc-âm thi tập*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Lăng mẫu tống sứ-giả* : mẹ Vương-Lăng tống sứ-giả. Việc chép trong *Hán-sử* : Vương-Lăng là người có tài giỏi đi theo vua Hán-Cao-tồ. Hạng-Vũ thấy thế, bắt mẹ Lăng giam. Khi sứ-giả của Lăng đến, Hạng-Vũ bắt mẹ Lăng dụ Lăng về với mình. Bà Mẹ lúc tống sứ-giả ra một mình, nhờ sứ-giả dặn Lăng cứ một lòng thờ Hán-Vương, rồi bà tự đâm chết.

NGÔ CHI LAN 吳芝蘭

Theo sách *Toàn-Việt thi lục*, bà người làng Phù-lô (nay thuộc huyện Kim-anh, Phúc-yên), vợ ông Phù-Thúc-Hoành (người làng Phù-xá cũng thuộc huyện ấy, làm quan đến chức Đông-các đại-học-sĩ), thiên-tư thông minh, có tài văn-chương, được vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497) phong làm Phù-gia nữ-học-sĩ dạy các cung-nữ học.

49.— Thơ tú thời

Mùa xuân

Khí trời ấm-áp đượm hoi dương,
Thấp-thoáng lâu dài vẻ ác vàng (1).
Rèm liêu lưu lo oanh hót gió,
Giệu hoa pháp-phói bướm chàm hương.

Mùa hè

Gió bay bông lụu đỏ tơi-bời,
 Tựa gốc cây du đứng nhơn chơi.
 Oanh nọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
 Én kia nhớ cảnh cõng gào hơi.

Mùa thu

Gió vàng (2) hiu-hắt cảnh tiêu-sơ,
 Lẻ-tẻ bên trời bóng nhạn thưa.
 Giếng ngọc sen tàn bông hết thắm,
 Rừng phong (3) lá rụng tiếng như mưa.

Mùa đông

Lò sưởi bên mình ngọn lửa hồng,
 Giải buồn chén rượu lúc sầu đong.
 Tuyết đưa hơi lạnh xông rèm cửa,
 Gió phài mưa băng giải mặt sông.

CHÚ-THÍCH : (1) *Ác vàng* (ác : con quạ) dịch chữ « *kim ô* 金鳥 »
 chỉ mặt trời.— (2) *Gió vàng* : dịch chữ « *kim phong* 金風 » chỉ gió
 mùa thu, vì mùa thu thuộc hành Kim.— (3) *Phong* 楓 : một thứ cây,
 thân cao hai ba trượng lá hình bàn tay rẽ ra làm ba, đến mùa thu thì
 đỏ ; dáng đẹp, mùa xuân nở hoa họp thành chùm như quả cầu tròn.

NGUYỄN HÃNG 阮沆

(Xem *Tiểu-truyện* ở phần thứ nhất. Năm thứ nhì, trang 248, *Lời chia* (10))

50.— Vui cảnh ẩn-dật

Khi thi : Cầm quạt lá phất-phơ, quẩy túi thơ xốc-xếch.

Léo-deo thăng hè mọn, trước ngàn mai thơ-thần đứng chờ ; lèn-khẽn vó lừa gầy bên cầu trúc dầm-dà sê tách.

Hem-hém đường mây lẩn bước, đứng nhìn non gió thổi
 hiu-hiu ; phây-phây sườn núi rủ đầu, ngồi xem ác bóng tà
 chéch-chéch.

Giặt giỏ hái rau thung quế, đủng-đỉnh nách mang : treo
 bầu chắt nước suối khe, thảm-thoi tay xách.

Quét am tiên, sớm đê luyện đan : tựa tòa đá, hôm rầu xem sách.

Cầm lâu (1) canh an-dật (2) đành-hanh rừng gióng diêu chim (3), vỗ khúc nhạc ưu-du (4), đồng-vọng ao khua trống éch (5).

Nương gác tre, khua nhịp gỗ, thuở hưng nhàn dũng-dinh, ngồi bên khe dịp miệng hát ngao ; giải chiếu lá, ngả giường song, khi hóng mát la-dà, về dưới cửa vắt chân nằm dêch.

Tinh dâng dê say mùi đạo, gối quyền vàng êm giấc ngáy o-o ; mình an xẩy tinh niêm trần, chỉ mây bạc vỗ tay cười khách-khách.

Nghiệm thuở lá tàn, nhị nở ; biết tuế thời sớm muộn, diêm tay suy giáp tý (6) lân-la ; xem tuần én tới nhạn về, dòm khí-hậu đổi thay, vui dạ hỏi dương-xuân thóc-mách.

Cỏ cây thương vì nết lãn-dung (7), nước non thấu thửa lòng thanh-bạch.

Nghiệm một phút diều bay cá nhảy, mồi hay lý ngũ huyền-vi (8) ; thấy doi vừng thỏ lặn ác tà, biết thuở cơ thường biến dịch (9).

Phương (10) nhân nghĩa đê hòa dưỡng tinh (11) báu nhì-ton ráp hãy nặng chìm (12) ; chữ thanh-nhàn lợ phải mua ai, tiền mẫu-tử (13) túi đầy xóc-xách.

(Trích ở bài Tịch cư ninh thê phủ).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Lâu* 漏: rõ giọt ; đây là nói về cái đồng-hồ ngày xưa làm bằng một cái bình trong đựng nước, dưới có lỗ nhỏ, nước rõ dần ra, xem mực nước biết được thời khắc.— (2) *An-dật* 安 違: yên-ôn, nhàn-rỗi.— (3) *Rừng* gióng diêu chim (diêu 鸠: đồ bằng đồng, dùng để cầm canh trong trại quân): tiếng chim kêu trong rừng gióng-giả như tiếng diêu.— (4) *Uu-du* 優 遷: gióng chơi.— (5) *Ao khua trống éch*: éch ở dưới ao kêu như khua trống.— (6) *Giáp*, *tý* 甲, 子: hai chữ đầu ở hàng can và hàng chi dùng để chỉ năm, tháng, ngày.— (7) *Lãn dung* (lãn 懈: lười; dung 容: dáng-dấp, hình-dung): lười sự trang-diễm hình-dung.— (8) *Lý ngũ huyền-vi*: ngũ một cái nghĩa-lý mẫu-nhiệm, sâu-xa.— (9) *Cơ thường biến*

dịch: cái máy trời thường thay đổi.— (10) *Phương*: đây là phương thuốc, bài thuốc.— (11) *Dưỡng tính* 養性: nuôi lấy cái thiên-tính.— (12) *Báu nhi-tôn tráp hẵng nặng chìm* (báu: cửa báu; nhi-tôn: con cháu); theo câu Lưu-Hường nói: «Nhân di tử, kim mãn doanh, bất nhược ngã di tử nhất kinh 人遺子金滿贏, 不若我遺子一經. » (Người ta dễ cho con đầy tráp vàng không bằng ta dễ cho con một quyền sách)— (13) *Tiền mẫu-tử* (mẫu: mẹ; tử: con; tiền mẹ và tiền con, tức là tiền vốn và tiền lãi.

NGUYỄN BÌNH-KHIÊM 阮秉謙 (1491 - 1585)

Xem *Tiểu-truyện tác-giả* ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ VIII* (trang 283).

51.— Vui cảnh nhàn

Lợ là thành-thị, lợ lâm toàn :
Được thú thì hơn, miễn phận nhàn.
Vụng, bất tài nên kém bạn ;
Già, vô sự ấy là tiên,
Đồ-thư một quyền nhà làm của,
Phong.nguyệt năm hồ khách nỗi thuyền.
Dù nhân chê khen, dù miệng thế,
Cơ mầu tạo.hóa mặc tự-nhiên.

(*Bach-vân quốc-ngữ thi*)

52.— Cảnh nhàn lúc tuổi già

Tóc đã thưa, răng đã mòn ;
Việc nhà đã phó mặc dâu con.
Bàn cờ, cuộc rượu, vầy hoa trúc :
Bó củi, cần câu, chõn nước non.
Nhàn được thú vui hay bao nǎ (1) ;
Bữa nhiều muối bồ chúa tươi ngon.
Chín mươi thời kẽ xuân đã muộn ;
Xuân ấy qua, thì xuân khác còn.

(*Bach-vân quốc-ngữ thi*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bao nǎ* : không biết chứng nào.

53.— Nhân-tình thế-thái

Thế gian biến cải vũng nêu dồi ;
 Mặn, nhạt, chua cay, lắn ngọt bùi.
 Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử ;
 Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
 Xưa nay đều trọng người chân-thực ;
 Ai nấy nào ưa kẻ dãi-bôi.
 Ở thế, mới hay người bạc ác :
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

(Bach-vân quốc-ngữ thi)

Bản chép khác. — Câu 4 . . . giao . . . — Câu 8 : Sang . . .

54.— Dĩ hòa vi quý

Ở thế, đừng tranh tiếng trượng phu,
 Làm chi cho có sự đồi-co.
 Đây cậy dây khôn, dây chẳng nhịn ;
 Đấy rẳng dây phải, dây không thua.
 Duật nợ hãy còn đua đến bụng (1) :
 Lươn kia hẫu dẽ kém chi cò.
 Chữ rắng : « nhân dĩ hòa vi quý »,
 Vô sự thì hơn, kéo phải lo.

(Bach-vân quốc-ngữ thi)

Bản chép khác. — Câu 4 : . . . chớ . . . với . . .

CHÚ-THÍCH. — (1) Câu 5 : Duật là con dê giun ; bụng là con trai. Câu này nhắc đến câu chuyện chép khác trong *Chiến-quốc sách* : Một hôm con trai đang há miệng phơi mình ; con dê mổ vào thịt trai ; trai liền ngậm miệng cắp chặt lấy mổ dẽ. Hai con cù thế găng nhau ; bỗng có người đánh cá, trông thấy, bắt cả hai con. Bởi câu chuyện này chữ nho mới cho câu : « Bụng duật tương trì, ngư ông đắc lợi 蟬相持，漁翁得利 ». « Trai và dê cắp lấy nhau, thành ra ông lão đánh cá được lợi ». Có bản viết « quạ nợ » có nhẽ sai.

55.— Mùa thu đi chơi thuyền

Nước xuôi, nước ngược, sóng dâng triều ;
 Thuyền khách chơi thu, nợ phải diu,
 Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hứng ;
 Buồm gióng ngọn gió mặc cơn siêu.

Phơ-phơ dầu bạc óng câu cá
 Leo-léo dòng xanh con mắt mèo ;
 Le viet cùng ta như có ý :
 Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

(Bach-vân quốc-ngữ thi)

ĐOÀN THỊ-ĐIỂM 段氏點

(Xem Tiêu-truyện ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ IX,
 lời chú (20).

CHINH PHỤ NGÂM 征婦吟

(Xem Phần thứ Nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X).

56.— Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng

- 65 Chàng từ đi vào nơi gió cát,
 Đêm trăng này, nghỉ mát phương nao ?
 Xưa nay chiến địa, nhường bao :
 Nội không muôn dặm xiết bao dài-dài !
 Hơi gió lạnh, người rầu mặt dạn ;
 70 Dòng nước sâu, ngựa nắn chân bon,
 Ôm yên, gối trống đã chồn ;
 Năm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
 Nay Hán xuống Bạch-thành (1) đóng lạt,
 Mai Hồ vào Thanh-hải (2) dòm qua ;
 75 Hình khe, thế núi gần xa,
 Đứt thoi lại nối, thấp dà lại cao.
 Sương dầu núi buổi chiều như giội,
 Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
 Não người áo giáp bấy lâu :
 80 Lòng quê (3) qua đó mặt sầu chẳng khuiây.
 Trên trường gấm (4) thấu hay chẳng nhẽ ?
 Mặt chinh-phu ai vẽ cho nên ?
 Tưởng chàng gióng.ruồi mấy niên,
 Chẳng nơi Hân-hải (5) thì miền Tiêu-quan (6),

- 85 Đã trắc-trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh-lùng nhũng chỗ xương phong ;
Lên cao trông thíc mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi-thương ?
Chàng từ sang đông-nam khơi nẻo.
- 90 Biết rằng chàng tiến-thảo (7) nơi đâu.
Những người chinh-chiến bấy lâu.
Nhẹ xem tinh-mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi lạnh, ơn dày từ trước (8) ;
Trải chốn nghèo (9) tuổi được bao nhiêu ?
- 95 Non kỳ (10) mờ-chỉ (11) trăng treo,
Bến Phì (12) gió thổi diu-hiu mấy gò (13).
Hòn tử-sĩ gió ù-ù thổi.
Mặt chinh-phu trăng dõi-dői soi,
Chinh-phu, tử-sĩ mấy người,
- 100 Nào ai mặc mặt (14), nào ai gọi hồn ?
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương,
Phận trai, già ruồi chiến trường,
Chàng Siêu (15) mái tóc diêm sương mới về.
- 105 Tưởng chàng trai nhiều bè nắng-nở.
Ba thước gươm, một cỗ nhung-yên ;
Xông-pha gió bãi, trăng ngàn,
Tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành (16)
Áng công-danh trăm đường rộn-rã,
- 110 Những nhọc-nhăn nào dã nghỉ-ngơi,
Nỗi lòng biết ngõ cùng ai ?
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chán mây.

Bản chép khác.— Câu 80 : *rằn...—* Câu 82 : *Dạng...—* Câu 89 : *Tù trầy... ngắt.—* Câu 90 : *... ray...—* Câu 95 : *quạnh cõi...—* Câu 104 : *... tóc đã...—* Câu 106 : *.. hờ...—* Câu 108... *treo... pháo ran...—*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bạch thành*: tức là Bạch-dặng thành 白登城, ở tỉnh Sơn-tây nước Tàu, vua Hán Cao-tô bị quân Hung-nô vây ở đấy.— (2) *Thanh-hải* 青海 : tên đất, ở phía tây tỉnh Cam-túc nước

Tàu, rợ Hồ hay sang quấy-nhiễu ở đấy.— (5) *Lòng quê* : lòng nhớ đến quê hương.— (4) *Trên trường gấm* : đây chỉ nhà vua.— (5) *Hǎn-hải 涵海* : bāi sa-mạc.— (6) *Tiêu quan 渾闊* : tên một cái cửa ải ở tỉnh Cam-túc nước Tàu.— (7) *Tiến-thảo* : tiến lên để đánh giặc.— (8) *Câu 93* : Khi ra trận, nức lòng hăng-hái đánh giặc vì đã chịu ơn dày của vua từ trước.— (9) *Nghèo* : đây là hiềm nghèo.— (10) *Non Kỳ* : tức là núi Kỳ-liên ở tỉnh Cam-túc nước Tàu, chỗ Hoắc Khứ-Bệnh, tướng đời Hán, đánh Hung-nô ở đấy.— (11) *Mộ chí 墓址* : (mộ : mả; chí : nền) : mồ-mả.— (12) *Bến Phi* : bến sông Phi một con sông phát-nguyên ở huyện Hợp-phì tỉnh An-huy, chỗ Tần Bồ-Kiên bị quân nhà Tần đánh thua, quân mười phần chết đến tám chín.— (13) *Gò* : đây cũng nghĩa là mả.— (14) *Mục mặt* : vẽ nét mặt người chinh-phu.— (15) *Chàng Siêu* : tức là Ban-Siêu 班超, một vị danh tướng về đời nhà Hán.— (16) *Câu 108* : câu này dịch câu nguyên văn chữ nho : « Mǎ đầu minh trích, thành thượng duyên can, 馬頭鳴鏑，城上緣竿 ». (Mũi tên kêu trên đầu ngựa, leo cát giáo lên trên mặt thành). *Minh trích* là thứ tên khi bắn kêu vang lên thành tiếng, chúa Hung-nô dùng để ra hiệu lệnh ở trong quân. *Duyên can* là theo cái cát giáo bằng tre mà leo lên mặt thành.

57.— Nỗi trông đợi

Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương-liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong (1).

Chẳng hay muôn dặm ruồi giong.

300 Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chàng ?

Lòng chàng ví cũng bằng như thế,

Lòng thiếp nào dám nghĩ gần xa.

Hướng dương (2) lòng thiếp đường hoa,

Lòng chàng lẩn-thẩn e tà bóng dương.

305 Bóng dương dề hoa vàng chẳng đoái.

Hoa dề vàng, bởi tại bóng dương

Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,

Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần.

Chồi lan nở trước sân dã hái,

310 Ngọn tàn (3) kia bên bãi dưa hương.

Sứa xiêm dạo bước tiễn-đường (4),

Ngửa trông xem vẻ thiên-chương (5) thẳn-thờ;

Bóng ngân-hán (6) khi mờ khi tỏ.

Độ khuê-triền (7) buổi có buổi không.

- 315 Thức mây đòi lúc nhạt nồng,
 Chuôi sao bắc-dầu thôi đóng lại doié (8)
 Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
 Bừng mắt trông, sương gọi cảnh khô.
 Lạnh lùng thay, bấy nhiêu thu !
- 320 Gió may hiu-hắt trên dầu tường vòi,
 Một năm một nhạt màu son phấn,
 Trương-phu còn thơ-thần miền khơi.
 Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
 Bây giờ nỡ dẽ cách vời sâm, thương (9).
- 325 Chàng ruồi ngựa dặm trường mây phủ,
 Thiếp dạo hài lối cũ rêu in.
 Gió xuàn ngày một vắng tin,
 Khá thương lõi hết mấy phen lương-thì (10).
- Bản chép khác.**— Câu 298 : *Thời . . . — Câu 302 : . . . dầu . . .*
 — Câu 303 : *núi hoa — Câu 309 : . . . nó . . . — Câu 310 : Ngọn hồng-tần . . . — Câu 326 : lầu . . . Câu 328 : lầu . . .*
- CHÚ-THÍCH.**— (1) Câu 297 - 298 : hai câu này đặt theo hai câu Đường-thi : « Hốt kiến mạch dầu dương-liếu sắc, Hối giao phu-tế mịch phong hầu 忽見陌頭楊柳色，悔教夫婿覓封侯。 (Chợt thấy sắc cây dương-liếu ở bên bờ đường. Hối rằng đã xui chồng đi lập công để được phong-hầu) — (2) *Hướng-dương* 向陽 : xoay về phía mặt trời, nghĩa đen nói về hoa qui xoay về mặt trời ; đây là người chính-phụ ý nói lúc nào cũng nhớ đến chồng. — (3) *Tàn* 薄 : thứ rau mọc ở dưới nước, dàn bà bên Tàu hối xưa thường hái dẽ dùng vào việc cúng tế. — (4) *Tiền đường* 前堂 : nhà ở phía trước — (5) *Thiên-chương* 天章 : vẻ đẹp ở trên trời, tức là mặt trời, mặt trăng và các tinh-tú. Theo câu : « Nhật, nguyệt, tinh-tú, thiên chi văn-chương 日月星宿天之文章 ». — (6) *Ngân Hán* 銀漢 (ngân : bạc ; Hán : tên một con sông) : cũng nghĩa như « ngân hà ». — (7) *Khuê-triền* 奎璣 (khuê : một chòm sao trong nhì thập bát tú, chủ về văn-chương ; triền : độ đường đi của mặt trời, mặt trăng và sao) : đường đi của chòm sao khuê. — (8) *Đoài* 兮 : Phương tây. Theo bát quái thì quẻ doié chỉ phương tây — (9) *Sâm, thương* 參商 : tên hai chòm sao, sao sâm ở phương tây, sao thương ở phương đông, một chòm hiện ra thì một chòm lặn đi, không bao giờ cùng trông thấy ở trên trời. Nghĩa bóng nói về hai người cách biệt, không gặp được nhau. Thực ra chỉ có một vì sao, tức là Kim-tinh — (10) *Lương thi* 良時 : thời tiết tốt lành.

NGUYỄN CƯ-TRINH 阮 居 貞 (1716—1767)

(Xem *Tiêu-truyện phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ IX,
Lời chú (17.)

58.— Sãi vãi (trích một đoạn)

(Xem *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ X § I)

VÃI RĂNG.— . . . Sãi thấy vãi tu có một mình ; sãi tưởng vãi không thông thể sự. Đã hay răng nam-tử thì có chí kinh luân (1) : song-le dâng phụ-nhân cũng có tài tể-thế (2). Kia như Chu Thái-tự (3), kinh còn khen đức sáng (a) khuê-môn ; nọ như Tống Tuyên-nhân (4), sử còn ngợi nữ-trung Nghiêu, Thuấn (5). Gái như Tạ Đạo-Uần (6), gái mà hay vịnh tuyết thành (b) thơ ; gái như Thái Văn-Cơ (7), gái mà biết phân (c) cầm nên khúc. Chương giàn chúa khỏi vòng (d) dài-dục, ấy là (e). Đường Từ-Huệ thứ-phi (8) ; thư (f) cứu cha khỏi chốn tai-nguy, nọ như (g) Hán Đề-Oanh (9) thiếu-nữ. Nam-tử nhiều trang nam-tử : phụ-nhân ghê dâng phụ-nhân. Thuyền bách trót nghìn dặm hãy mênh-mênh (h) : sách Hán đề muôn đời còn (i) vặc-vặc. Gái mà có tài có sắc, gái mà có đức có công. Thuyền-quyên đâu dẽ kém anh-hùng ? Ông sãi chờ (j) phụ chi mụ vãi !

SÃI RĂNG.— Rất phải, rất phải ; mừng thay, mừng thay ! Khát hạn luồng trong mây ; ôm cầm đà (k) gấp khách. Chẳng gió cả sao hay cây cứng (l) ; không đường dài nào biết ngựa hay ? Vậy thời sãi vén mây mù, phát (m) chông gai ; dặng cho vãi thấy trời xanh, lùm đường cả.

Thiếu chi điều lạ ; hết mấy chuyện kỳ (n)... Sãi muốn nói một chuyện xa xa cho vãi biết, trong kinh chép đã nêu xe, sãi muốn nói một chuyện gần gần cho vãi (o) nghe, trong sử chép đà nêu đồng. Chuyện Hán, chuyện Đường, chuyện Tống, chuyện Thương, chuyện Hạ, chuyện Châu. Chuyện phụ-tử làm đầu ; chuyện quàn thần rất hè. Sãi muốn nói một chuyện « Quàn sứ thần dĩ lê » (10), sãi lại e Trần. Vệ (p) (11) phiền lòng ; sãi muốn nói một chuyện « Thần sứ quàn dĩ trung » (12), sãi lại sợ Mãng, Tào (13) sinh (q)

oán. Sái muốn nói một chuyện « Vi phụ chỉ ư tử » (14) cho vãi hắn, sái lại e ông Cồ-Tâu (15) la ngày; sái muốn nói một chuyện « Vi tử chỉ ư hiếu » (16) cho vãi hay, sái lại sợ Tùy-Dương (17) chê ngộ. Sái muốn nói một chuyện « Vi nhân bất phú » (18), sái lại e Nhan-tử (19) mắng rằng: ai mượn nhạy (r) miệng mà tiến on? Sái muốn nói một chuyện « Vi phú bất nhân » (20), sái lại sợ Thạch-Sùng (21) trách rằng: sao khéo thối lông mà tim vết? Sái muốn nói một chuyện « Tài tụ tắc dân tán » (22) cho vãi biết, thì Thương (23) làm sao mất phải bày; sái muốn nói một chuyện « Tài tán tắc dân tụ » (24) cho vãi hay, thì Chu (25) làm sao hưng phải thuyết.

Bản chép khác.— (a) *rạng*.— (b) *nén*.— (c) *ngầm*.— (d) *mưu*
cửu... nơi.— (e) *chẳng là*.— (f) *chước*.— (g) *chẳng là*.— (h) *thừa...
 nhẫn-nhẫn* (i) *còn... nám*.— (j) *nô*.— (k) *mà*.— (l) *cây cứng... búa sắc*.—
 (m) *rẽ*.— (n) *Hiếm... chuyện... điều ghê*.— (o) *lâm... cò du... mà*.—
 (p) *Tần, Sở*.— (q) *gây*.— (r) *khiên mà*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kinh luân*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86.—
 (2) *Tế thế* 漆世: giúp đời.— (3) *Chu Thái-tụ* 周太叔: vợ vua Văn-vương nhà Chu bên Tàu. (4) *Tống Tuyên-nhân* 宋宣仁: tức là Tuyên-nhân hoàng-hậu, vợ vua Tống Anh-tôn (1064-1067). Khi vua Thần-tôn mất, vua Triết-tôn còn nhỏ, bà nhiếp chính, truất đảng Vương-An-Thạch dùng Tư-Mã-Quang, bỏ tân pháp, người đương thời khen bà là « nữ trung Nghiêu, Thuấn ».— (5) *Nữ trung Nghiêu, Thuấn* 女中堯舜: vua Nghiêu, vua Thuấn (hai bậc thánh quân ở đời thương cõi bên Tàu) trong phái đàn bà.— (6) *Tạ-Đạo-Uẩn* 謝道韞: vợ Vương-Ngung-Chi đời Tấn, thông-minh, có tài thơ văn.— (7) *Thái Văn-Cơ* 蔡文姬: người đời Hậu-Hàn sớm tinh âm-nhạc: mới lên sáu tuổi, ban đêm nghe cha gầy đàn, một sợi dây đàn đứt, biết ngay là sợi nào; cha lại cố ý đánh đứt một dây nữa, hỏi nàng cũng nói trúng.— (8) *Tử-Huệ* 徐惠: người đời Đường, con gái Tử Hiếu-Đức, lên tám tuổi đã biết làm thơ, được triệu vào làm tài nhân trong cung vua Đường Thái-Tôn. Một lần, vua vời, nàng không đến, vua giận. Nàng dâng bài thơ rằng: « Triệu lai lâm kính dài, Trang bái độc bồi hồi Thiền kim mãi nhất tiếu, Nhất triệu khởi nồng lai. 朝來臨鏡臺, 紫罷燭徘徊, 千金賣一笑, 一召豈能來» (Buổi sớm đến chỗ dài gương; trang-diễm xong, một mình bồi-hồi. Nghìn

vàng mua một nụ cười, một lần với há có thể lại?) Vua bèn tha tội cho.— (9) *Đè Oanh* : người đời Hán; cha nàng phải khép án tử hình, nàng dâng thư lén tâu vua Văn-đế, xin chuộc tội cho cha; vua cảm lòng hiếu của nàng, tha tội cho người cha.— (10) *Quân sự thần dī lě* 君使臣以禮 : vua lấy lẽ sai khiến bầy tôi.— (11) *Trần-Vệ* : vua nước Trần, nước Vệ là hai nước không biết lẽ.— (12) *Thần sự quân dī trung* : 臣事君以忠 bầy tôi lấy lòng trung thờ vua.— (13) *Mãng Tào* : tức là Vương Mãng 王莽 và Tào-Tháo 曹操 : đều là bầy tôi bất trung. Vương Mãng thi cướp ngôi nhà Tiền-Hán, Tào-Tháo thi cướp ngôi nhà Hậu-Hán.— (14) *Vi phụ chỉ ư từ* 爲父止於慈 : làm cha phải giữ lòng hiền từ.— (15) *Cồ Tâu* 曷跋 : cha vua Thuấn yêu người con vợ kế mà rất ghét vua Thuấn. Một lần ông sai vua Thuấn đào giếng, rồi lấp đất đi, may nhờ có con đường hẻm ở bên, vua Thuấn trốn ra được; lại một lần nữa ông sai vua Thuấn làm lầm thóc, rồi ông đốt cái lầm ấy, nhưng vua Thuấn cũng chạy thoát.— (16) *Vi tử chỉ ư hiếu* 爲子止於孝 : làm con phải giữ lòng hiếu.— (17) *Tùy Dương* tức là Tùy Dương-đế 隋煬帝 ; (605-617) con thứ hai vua Tùy Văn-đế. Khi vua Văn-đế đau, thấy Dương-đế ăn ở vô đạo, muốn bỏ không cho nối ngôi, Dương-đế bèn giết cha lèn làm vua.— (18) *Vi nhân bất phú* 爲仁不富 : làm điều nhân không trở nên giàu được — (19) *Nhan-tử* : tức là Nhân-Uyên 顏淵 (514-483 tr. T. C.), học trò hiền của Đức Khổng-tử, chỉ ham học đạo mà rất nghèo.— (20) *Vi phú bất nhân* 爲富不仁 : làm giàu thì không giữ được lòng nhân.— (21) *Thạch-Sùng* 石崇 : người đời Tấn, từng làm quan thứ-sử đất Kinh-Châu, sai người vượt bắc buôn bán trở nên giàu lớn; sau cùng với một nhà cự-phú đương thời là Vương Khải ganh đua nhau về sự ăn chơi xa xỉ.— (22) *Tài tụ tắc dân tán* 財聚則民散 : của cải tụ lại một nơi thì dân xiêu-tản — (23) *Thương 商* : tên một triều vua ở bên Tàu (1558-1051 tr T.C.) Đây nói đến Vua Trụ 射, ông vua cuối cùng nhà Thương, rất là dâm-bôn tàn-bạo, vì thế nhà Thương mất.— (24) *Tài lán tắc dân tụ* 財散則民聚 : của cải tản mát ra mọi nơi thì dân họp lại đông.— (25) *Chu 周* : tên một triều vua ở bên Tàu (1050-256 tr. T.C.) Đây là nói về vua Văn-Vương nhà Chu có nhân chính, bởi thế nhà Chu mới hưng thịnh mà con là Chu Vũ-vương mới lấy được thiên-hạ.

NGUYỄN BÁ-LÂN 阮伯麟 (1701-1785)

(Xem Tiêu-truyện lác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ X, Lời chú (1))

59.— Ngã ba Hạc (1) phú

(Đọc vận : Hạc)

Vui thay ! Ngã ba Hạc ; vui thay ! Ngã ba Hạc.
Dưới họp một dòng ; trên chia ba ngác.

Ngóc-ngách khôn đo rộng hẹp, dòng biếc lẩn dòng đào
(2) ; lèn-lang dẽ biết sâu nông, nước đen (3) pha nước bạc.

Nhớ xưa : Vũ-trụ mờ-màng ; cản khôn (4) xêch-xác.

Vua Bàn-cỗ (5) khai lò tạo-hóa, hồng-mộng (6) dà phơi-phói hơi xuân ; họ Hữu-ngu (7) khơi mạch sơn-hà, cương-giới vẫn rành-rành dấu tặc.

Vậy có : Năm đất Đoài-phương (8) ; cạnh giời Nam-quốc.

Ba góc bờ chia vành-vành, huyệt kim-qui (9) hẻm đá rộng hông-hèn ; hai bên cỏ mọc lâm-dâm, hang anh.vũ (10) giữa dòng sâu huyéch-hoá.

Mọi thú mọi vui ; mỗi chiều một khác.

Lơ-thơ đầu ông Lã (11) thả cần ; trần-trụi mặc Chử-dòng (12) ngâm nước.

Bè khách-thương bạ (13) bến, cắm neo quỳ gối lắc cày xuôi (14) ; thuyền ngư-phủ thuận dòng, giường nách khom lưng chèo tách ngược (15).

Dùi điềm thùng thùng trống gọi, cửa tuần-ty (16) rộn-rã khách chen vai, chày đâm văng-văng chuông dưa, nền Phật-tự (17) lao-xao người rén bước.

Khác gì : Những chốn Tiêu Tương (18) ; đồ tranh thủy mặc (19)

Trên lợ phải vén quần vua Tống (20), ra sức anh uy ; dưới cũng vui vỗ bụng giờ Nghiêu (21) dắt ca canh tặc (22).

Ta nay : Qua miền Tam-dái (23), dứt dải sông Lô ; thấy Ngã ba Hạc vui thay, làm chơi một đạc (24).

Ai hữu tình ngắm lại mà coi , kẽ làm cực nhân-sinh chi khoái-lạc.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ngā ba Hạc*: chỗ hợp-lưu của ba ngọn sông là sông Đà (hoặc sông Bờ), sông Lô (hoặc sông Tuyên) và sông Nhị-Hà, ở giáp huyện Bạch-Hạc (nay thuộc tỉnh Vĩnh-Yên).— (2) *Dòng biếc lắn dòng dào*: dòng biếc là sông Lô nước trong xanh; dòng dào là sông Nhị nước đỗ.— (3) *Nước đen*: nước sông Đà đen.— (4) *Càn khôn*: xem câu chú-thích số (2) ở bài 47.— (5) *Bàn-cỗ 盘 古*: theo thần-thoại của Tàu, họ Bàn-cỗ phân ra trời đất tự đẩy mòi có thế-giới và vạn-vật.— (6) *Hồng-mông 洪 蒙*: mènh-mông mờ-mịt; đây là nói về vũ-trụ lúc mới khởi thủy.— (7) *Hữu-Ngu 有 虞*: họ của vua Thuấn (2042-1989). Vua Thuấn sai ông Vũ trị thủy và định cương giới chín châu trong nước Tàu.— (8) *Đoài phượng*: phượng tây. Huyện Bạch-hạc trước thuộc về Sơn-Tây.— (9) *Kim qui*: con rùa vàng. Tục truyền ở sông Hạc có con rùa vàng ở trong hang đá.— (10) *Anh-vi*: tên một thứ cá, thịt ngon, ở Sông Hạc có nhiều.— (11) *Ông Lã*: tức là Lã Thượng 吕 尚 hoặc Khương Tử-Nha 姜 子 牙 (còn gọi là Thái-công-Vọng 太 公 望 hoặc sư-thượng-phu 师 尚 父), một bậc hiền-thần đời nhà Chu. Cuối đời nhà Thương, về đời nhà Trụ, ông ẩn cư ở Bàn-Khê 番 溪 (thuộc tỉnh Thiểm-tây); một hôm ông ngồi câu cá trên bờ sông Vị, vua Chu Văn-vương đi săn gặp, đón ông về dùng. Sau giúp vua Chu Vũ-vương (con Văn-vương) đánh vua Trụ, lập nên co-nghiệp nhà Chu.— (12) *Chử đồng*: tức là Chử-dồng-tử 祇 童 子. Theo sách *Lĩnh nam trích quái*, vua Hùng-vương thứ ba có người con gái là nàng Tiên-Dong một lần đi chơi thuyền trên sông Nhị-hà, ghé vào bến làng Chử-xá (nay thuộc huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh), lèn trên bãi cát tắm không ngờ gặp Chử-dồng-tử trán trọc (vì quá nghèo không có khổ đóng) đang ném mình trong cát; nàng cho là duyên trời xui khiến, bèn lấy Chử-dồng-tử. Sau vua cha giận. Sai quan quân đến bắt, thì cả hai vợ chồng hóa phép bay lên trời.— (13) *Bạ*: đến gần.— (14) *Cắm neo quỷ gối lắc cày xuôi*: tả việc nhà thuyền neo thuyền cho chặt theo xuôi dòng nước.— (15) *Giuơng nách khom lưng chèo tách ngược*: tả việc chèo thuyền ngược dòng sông.— (16) *Tuần ly 巡 伺*: sở của Chánh-phủ lập ra để đánh thuế các hàng-hóa của người buôn-bán.— (17) *Phật tự 佛 寺*: chùa thờ Phật.— (18) *Tiêu, Tương 湘 湘*: sông Tiêu và sông Tương hợp-lưu với nhau ở địa-phận tỉnh Hồ-nam bên Tàu.— (19) *Thủy mặc 水 墨* (nước và mực): lối vẽ không dùng đến các màu, chỉ dùng mực hòa với nước.— (20) *Vén quần vua Tống*: theo câu trong *Tống sử*: «Kiến dân cơ hàn tắc kiền thường nhu túc dĩ círu chí 見 民 鐵 寨, 則 寨 衣 流

足以救之». (Thấy dân đói rét thì xắn quần ngâm chân xuống nước để cứu lấy) câu ấy khen Vua Tống-Thái-Tô thấy dân đói thì phát chẩn cũng như người thấy người khác sắp chết đuối thi xắn quần lội xuống nước mà cứu — (21) *Võ bụng giờ Nghiêu* : đời vua Nghiêu (một bậc thánh-quân về đời thượng-cổ nước Tàu) có ông Lão vỗ bụng mà hát để người khen cái cảnh thái-bình.— (22) *Canh tac* : đây nhắc đến hai câu trong bài hát của ông lão đời vua Nghiêu nói trên : Canh điền nhi thực, tac tĩnh nhi ăn 耕田而食, 鑿井而飲». (Cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống).— (23) *Tam dài* : tên phủ về đời Hậu Lê thuộc Sơn-tây, gồm có sáu Huyện : Phù-ninh (nay thuộc Phú-Thọ), Bạch-hạc, Lập-thạch, Yên-lạc (nay thuộc Vĩnh-yên), Yên-lăng (nay thuộc Phúc-yên), Tân-phong (nay là Quảng-oai, thuộc Sơn-tây).— (24) *Đạt* : đây tức là một bài.

TRỊNH-SÂM 鄭森 (1742-1782)

60.— Chơi động Hương-tích (1)

Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền,
Khoan mai chèo lan; ghé bến tiên.
Phong nguyệt thò-ơ bầu ngọc đúc :
Giang-sơn bồ-ngthơ bức tranh in.
Kia kia qui phượng ngong kinh bối (2);
Nó nó lân long lăng giáo thiền (3).
Cánh lợ thú màu khôn xiết kề;
Thanh kỳ đệ nhất chốn Nam-thiên.

(Tâm thanh tồn duy thi tập)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Động Hương-tích* 香蹟 : tên một cái động ở trong núi Hương-Sơn thuộc địa phận làng Yến-vĩ, phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà Đông trong thờ Phật Quan-Âm, hàng năm cứ đến tháng hai, tháng ba, thiện nam tín-nữ trẩy hội rất đông.— (2) *Kinh bối* : tức là bối diệp kinh 見葉經, kinh Phật viết lên lá bối.— (3) *Thiền* 禪 : nhà chùa, giáo thiền tức là lê giáo của nhà chùa.

61.— Tây-hồ (1) túc cảnh

Lợ là đòn hỏi chốn bồng Doanh (2).
Này thú này âu cũng có tinh,
Đôi đóa nhị hồng in dáng tia;
Một doanh nước biếc ánh trời xanh.

Làu-làu các nọ phong rèm nguyệt,
 Văng vẳng chiền kia dõi tiếng kinh (3).
 Lần trại nắng sương đà mây tá,
 Kim-ngưu (4) dấu trước hấy rành rành.

(Tâm thanh tồn duy thi tập)

CHÚ-THÍCH : (1) *Tây hồ* 西湖 : tên một cái hồ ở phía tây bắc thành-phố Hà-nội, tên cũ là *Lăng bạc hồ* 浪泊潮.— (2) *Bồng, Doanh* : núi Bồng-lai 莲蓬 và đất Doanh-châu 滂洲 đều là nơi tiễn ở.— (3) *Tiếng kinh* : tiếng chuông chùa vì cái chày đánh chuông thường làm theo hình con cá kinh (hoặc kèn) 鯨 (cá ông voi) bởi thế cái chày đánh chuông thường gọi là ‘chày kinh’.— (4) *Kim-ngưu* 金牛 : con trâu vàng. Theo một câu chuyện tục truyền thì chỗ Tây-hồ nguyên xưa là một khu rừng ở trong có con yêu-tinh hay làm hại người. Sau khi ông Khổng Lồ (tức Nguyễn-minh-Không) dúc xong một quả chuông ở núi Phao-Sơn (thuộc tỉnh Bắc-ninh) ông đánh thử ba tiếng kèn rất to ; ở bên Tàu có con trâu vàng, nghe tiếng chuông, tưởng là tiếng trâu mẹ gọi, mới chạy sang nước Nam ; khi chạy đến khu rừng ấy, không thấy mẹ, mới vùng vẫy, thành ra khu rừng sụt xuống, hóa ra cái hồ, tức là Tây-hồ.

NGUYỄN HỮU-CHỈNH 阮有鑒 (?-1787)

(Xem *Tiểu truyện* ở Phần thứ nhất. Năm thứ nhì, Chương thứ X, lời chú số (3))

69.— Than thân

Tóc chen hai thứ chưa danh chi.
 Thân hối là thân ! Thị hối thì (1) !
 Chưa trả chưa đèn ân đệ-tử :
 Thèm ngừng thèm tui chí nam-nhi.
 Kẻ yêu, nên ít bẽ cao hạ (2) :
 Người ghét, càng nhiều tiếng thị phi (3).
 Tay bé khòn bung vừa miệng thế (4) ;
 Giải lòng ngay thảo cày thiên tri (5).

(Ngôn-ân thi-tập)

Bản chép khác.— Câu 7 : tay đt...

CHÚ-THÍCH.— *Thì 時* : thời thế, cơ-hội.— (2) *Cao hạ* : cao thấp trên dưới, ý nói phân bì, khinh bỉ.— (3) *Thị phi* : phái trái ; ý nói khen chê, bình phẩm.— (4) *Câu 7* : ý câu này cũng như câu tục ngữ : « Tay đâu bịt được mồm thiên hạ » ; ý nói mình không thể cầm giữ được người khen chê, bình phẩm.— (5) *Thiên tri* : trời biết.

63.— Tự biết mình

Ai có hay, chẳng là chẳng hay ?
 Lòng này vốn đã dạy thân này,
 Kéo lầm kéo lở người yêu ghét ;
 Đà tò da tường kẻ thảo ngay.
 Xem nỗi thế-thời (1), xem đã nhạt ;
 Bén mùi đạo-lý, bén càng say.
 Phải cơ, mới biết cơ trời nhiệm (2) ;
 Có rủi, băng đường (3) lại có may.

(*Ngôn-ản thi tập*)

CHÚ-THÍCH.— *Thiê-thời* : tức là thời-thế.— (2) *Nhiệm* : mầu-nhiệm thần-bí, không thể lường trước được.— (3) *Băng đường* : dễ có khi.

HOA TIÊN 花 簡

NGUYỄN HUY-TỰ 阮 辉 似 soạn

NGUYỄN-THIỆN 阮 健 nhuận-sắc

(Xem *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ X*)

Lược truyện.— Truyện này (gồm 1858 câu) có thể chia làm bốn hồi :

I.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên* thề *nguyên cùng nhau* (câu 1-829).— Lương-Sinh chính tên là Phượng-Châu (con quan Lương tướng-công ở Tô-Châu), nhân sang trợ học ở nhà mợ là họ Diêu ở Tràng-Châu, gặp nàng Dương-Dao-Tiên (con quan Dương tướng-công) sinh ra tương-tư nhau. Sau hai bên thề-nguyên gắn bó với nhau (lời thề viết trên hai tờ giấy hoa-tiên : nhân thế đặt tên truyện), tướng là duyên phận không còn trắc-trở gì nữa.

II.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên xa cách nhau* (câu 830-1128).

— Ngờ đâu Lương tướng-công và Lưu tướng-công vốn là người đồng

quận và bạn đồng-liêu, lúc cùng về trí sĩ, hẹn gả con cho nhau, thế là Lương-Sinh đã đính hôn với Lưu-ngọc-Khanh (con gái Lưu-tướng-công) rồi. Khi Lương-Sinh về nhà thăm cha, nghe thấy tin ấy, như sét đánh ngang tai, nhưng cũng đành phải theo mệnh cha mẹ. Dương-Dao-Tiên nghe được tin ấy, tưởng rằng Lương-Sinh bội ước, lấy làm buồn rầu lắm. Chợt khi ấy, Dương-tướng-quân phải đi đánh giặc, chẳng may bị giặc vây ; còn nàng Dương-Dao-Tiên phải tạm nương-náu ở chốn kinh-đô.

III.— *Lương-Sinh ra đánh trận, bị giặc vây* (câu 1129-1556).— Về phần Lương-Sinh cũng phải dập sầu làm vui, cùng với Diêu-Sinh (con mợ) đi thi đỗ, được bổ làm quan. Lương-Sinh nhậm chức ngay ở kinh-đô, tình cờ được gặp Dương-Dao-Tiên, giải bày tâm sự cùng nàng. Lương-Sinh mới xin vua ra giải vây cho Dương-tướng-quân ; ngờ đâu cũng lại thua, bị giặc vây. Tin đồn sai rằng Lương-Sinh bị tử trận : nghe tin ấy Lưu-Ngọc-Khanh cải phục cù tang ; vì mẹ bắt ép nàng lấy chồng khác, nàng phải trầm mình ; may gặp thuyền của quan Long đê học trẩy kinh vớt được.

IV.— *Lương-Sinh và Dương-Dao-Tiên lấy nhau* (câu 1157-1858).

— Sau Diêu Sinh ra đánh tan quân giặc, giải vây cho Dương-tướng-quân và Lương-Sinh ; vua bèn thưởng cho cả mấy người. Lương-Sinh vẫn tướng nàng Lưu đã thác, mới dâng biểu tâu việc nàng tử-tiết, vua bèn sắc phong cho nàng. Vua lại tự đứng làm媒 gả Dương-Dao-Tiên cho Lương-Sinh. Dương-khi Lương còn dùng dằng thì Long đê học cùng Lưu-Ngọc-Khanh cũng vừa đến kinh-đô, Long dâng sớ tâu việc nàng Lưu, vua ngợi khen, rồi cả hai người Ngọc-Khanh và Dao-Tiên cùng lấy Lương-Sinh ; thế là một nhà đoàn viên vui vẻ.

64.— Lương-Sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau

- | | |
|-----|---|
| 627 | Hương (1) đã lén trước bình thêu,
Tình hôm nay, hẳn vì điều hôm qua (2).
<i>Thưa</i> rằng : « Vườn mới thêm hoa. |
| 630 | « Em cơn phải buồn hay là <i>dạo chơi</i> ».
<i>Thực lòng</i> , nàng cũng tin lời,
Một Hương theo gót, vội dời sân ngõ.
Chòm chòm sương diềm, khói tờ,
Đầu cảnh rắc phấn, mặt hò lau gương. |

- 635 Dần-dà nhẹ bước lẩn sang.
Cửa son bồng nhác thay chàng tối sau,
 Tiếng vàng vội gọi con hầu,
 Gót sen nhè-nhé bước mau về nhà.
 Cố tình ép liêu nài hoa,
- 640 Lối về, sinh đã rẽ qua theo đoàn.
 Nước thu long-lanh một làn (3),
 Mọi dào e-ấp, vẻ lan dạn-dày,
 Thực tình Sinh mới giải bày ;
 « Duyên chi may lại phen này gặp nhau.
- 645 « Tấm riêng đắng-dót bấy lâu,
Tiên làn phỏng thấu bèn lầu chút chăng ?
 « Ngày xuân đã dễ đâu rắng,
 « Luống thay cũ gió tuần trăng, hối người !
 Ngượng ngùng e tiếng, lệ hoi,
- 650 Gọi Hương mau bước, liệu lời cho nao :
 Rắng : « Nay sửa mũ dưới đào (4),
 « Vá trong lê cầm phép ráo, sao nên ? »
 Ngập-ngừng Sinh mới rén chiềng (5) :
 « Lê chung dành vậy, tình riêng sao mà ?
- 655 « Đeo dai trót một tiếng đà,
 « Đài thiêng (6) hồ có trăng già chứng lâm.
 Nghĩ quyền vi chặng tòng tâm,
 « Cũng liều đầu bạc cho nhầm tuổi xanh ».
 Nặng lời, dở lẽ làm thịnh,
- 660 Rắng : « Trong cửa cùi phòng canh, biết gì ?
 « Dẫu cho nền lê, sân thi,
 « Cùng nhau đợi lứa cũng tùy nơi xe.
 « Chia đường hãy lành cho về,
 « Lê thường hẳn chẳng e nè chút ru ?
- 665 Nề lời, có lẽ cầm lâu,
 Lành ngang Sinh lại theo sau gặn nài :
 « Lời vàng ý ngọc dám sai,
 « Lứa gặn, lại bảo cho bài nước xa.
 « Tin kinh diệu vợi tin nhà,
- 670 « Thưa chừng những sơ hoặc là sao chăng.

« Chút chi gắn bó gọi rắng »
 « Cho dành mỗi gió, tin trăng sau này »
Nghé lời, vội dạo gót giầy.
 Mắt đưa ai luống trông ngày tận lầu.

Bản chép khác.— Câu 627 : *lết trước bình thêu.*— Câu 629 : *Gửi rắng..— Câu 630 :.. sang chơi.— Câu 631 : Phái lời..*— Câu 644 : *Đầu cây.— Câu 635 : rón bước (hoặc) rén bước.*— Câu 636 : *Gác son bồng thấy bồng chàng tối sau (hoặc) Cửa son bồng lén thấy chàng đến sau.— Câu 638 : dạo mau..— 640 : Nàng về (hoặc) Lối về, sinh đã dạo ra bên đường.— Câu 641 : Nước thu sóng-sánh.— Câu 643 : *Định tình .. (hoặc).. sê bày,— Câu 644 : khéo lại.., Câu 645 : Doanh riêng .. (hoặc) đang đột bấy lâu.— Câu 646 : Sír làn ..— Câu 647 : Ngày xanh.— Câu 649 : Ngại ngùng.*— Câu 651 : « Khi nay...— Câu 652 : Có chi lẽ cấm phép nào chàng kiêng.— Câu 653 : *Ngân ngờ sinh rén rén chiềng (hoặc) Ngân-ngùng sinh mới thưa chiềng.— Câu 654 :.. sao là — Câu 657 : Thờ phai nguyên nhạt khôn cầm.— Câu 658 :.. đám nhầm.— Câu 663 : Rẽ đường..— Câu 664 : e-dè.. Câu 666 : Tránh ngang ra, lại theo sau gạn lời.— Câu 670 : Thưa đang cá lợt...— Câu 673 : Tai nghe...— Câu 674.. kẽ luống coi ngay nơi lầu.**

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hương* : tên một đứa thi tỳ của Dương Dao Tiên.— (2) *Điều hôm qua* : hôm trước, Dao Tiên cùng với hai người thi tỳ là Hương và Nguyệt nói truyện về cây với trăng, rồi nghĩ lan-man đến sự tuổi xuân chóng tàn mà sinh ra buồn.— (3) *Nước thu láng láng một lần* : do câu trong *Tinh sử* : « Nhỡn như thu thủy 眼如秋水 » (Mắt trong như nước mùa thu).— (4) *Sứa mủ dưới đào* : nghĩa bóng là làm một việc để cho người ta nghi (Xem câu chú-thích số (2) ở Bài 30).— (5) *Chiềng* : trinh, thưa.— (6) *Đài thiêng* : dịch chữ « linh đài 灵臺 » tức là tấm lòng.

65.— **Lương-Sinh** từ biệt **Dương Dao-Tiên** về thăm quê nhà

Chợt nghe (1) chín khúctoi bời,
 900 Thềm lan lăng đăng ngại dời gót lan,
Duyên tra mai liêu một đoàn,
Này ai vội đã giờ màn đình Cao (2).

- Sinh rắng : Chút nghĩa *tri* giao,
 « Chưa cùng sum-hợp, nỗi nào chia-phôi.
- 905 « *Chắp* tơ nay mới vâng lời,
 « Đành hay người định thì trời cũng theo.
 « *Sớm khuya* gác gấm buồng thêu,
 « Ngọc vàng minh phải nưng-niu lấy minh.
 « *Rày mai* lá thắm chim xanh (3),
 910 « Quả mai chi đê trên cành bảy ba (4),
 « Tình xa bao quản người xa,
 « Tương-tri có thể mới là Tương-tri ».
- Rắng : Nay Nam Bắc phản kỳ,
 « Đã dành trăng nọ trời kia với lòng.
- 915 « *Gió mây* hãy gắng chí hồng,
 « *Tâm lòng* cho bõ *trông mong* những ngày,»
 Lửa phiền như đốt niềm tây,
 Non tà liêu dã tơ xoay bóng vàng.
 Gửi tình nửa ngọn cành dương,
- 920 *Tâm thần* một tấm băng đường theo ai.
 Tuyệt mù cây khuất bóng người,
 Ngài-ngắn năm bước ra mười về hiên.
 Thanh gươm cặp sách xuống thuyền,
 Lưng khoang chất thảm, đầy then chứa sầu.
- 925 Song buồng mưa dập giò mau,
 Trận nhàn chép nhớ, ngọn lau gảy buồn.
 Dòng xuôi một dải nhường tuôn.
 Đầu mui dã thấy hương thôn gần gần.

Bản chép khác. — Câu 900 : ... *lặng* *đứng* *với* *dời* ... — Câu 901 : *Lục* *đang* *tơ* *liêu* *một* *lần*. — Câu 903 : *tương* *giao*. — Câu 906 : *Dát* *tơ* ... — Câu 907 : *Êm* *nềm*... Câu 909 : *Dập* *dù*... — Câu 915 : *sớm* *khuya*... — Câu 916 : *Trông* *mong* *cho* *bõ* *tâm* *lòng* *bảy* *nay*. — Câu 917 : *Mặt* *nhìn* *chẳng* *nỡ* *rời* *tay*. — Câu 920 : *Hồn* *quê* *thơ* *thảo* *như* *dương*.. Câu 921 : *Nhờn-nhor* *liêu* *khuất*... — Câu 925 : ... *mưa* *rúc*... — Câu 926 : *Thiệu* *nhân* — Câu 927 : ... *một* *sợi*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Chợt nghe* : nghe tin Lương-Sinh phải về quê thăm cha.— (2) *Đình Cao* : chỗ tiên biệt. Do câu thơ cổ : « Cao-dinh trong biệt xứ 皋亭相別處 » (Cao-dinh là chỗ biệt nhau) : « Xuân-dinh thoát đã dạo ra Cao-dinh (*Truyện Kiều*, câu 1500).— (3) *Lá thắm chim xanh* : nghĩa bóng là mối lái. *Lá thắm* : do tích Vu-Hựu người đời Đường, bắt được cái lá đỏ từ trong cung vua trôi ra, trong có đề bài thơ. Hựu lại đề một bài thơ và cái lá ấy, thả xuống ngoài cho nó trôi vào. Cung-nhân là họ Hàn bắt được. Sau vua thải ba nghìn cung-nữ ra. Hựu lấy được Hàn-thị, mới biết thơ đề trong lá đó ngày trước là thơ của hai bên. *Chim xanh* : do tích Hán Vũ-Đế xưa đương ngụ chơi, chợt có hai con chim xanh bay đến. Vua hỏi, Đông Phương-Sóc-tâu : đó là sứ-giả của Tây-vương-mẫu. Được một lát thì Tây-vương-mẫu đến thật.— (4) *Quả mai chi dề trên cành bảy ba* : ý nói không khi nào phải lỡ thì, *Kinh Thi* (thơ Xiêu mai) có câu : « Xiêu hưu mai, kỳ thực thất hè... ; kỳ thực tam hè... 標有梅, 其實七
乞... ; 其實三兮... » (Quả mai rụng, chỉ còn có bảy phần... chỉ còn có ba phần...); đó là lời của một người đàn bà thấy tuổi một ngày một cao, than về nỗi sợ quả lúa lở thì.

66.— Lương-Sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên

Tự khi nương-náu phần-hương (1).

- 1060 Trời thu ba cữ, sông Tương một ngày (2),
 Bụi rong muôn hộc sầu đầy,
 Cánh nào bay đến ngõ bày trước trang.
 Liệu cơ' ra lạy tôn-đường,
 Tràng-châu (3) xin lại tìm sang cựu-trình.
 1065 Được lời, tức tốc khởi hành,
 Ruồi quen một lá, thèn-thèn xuôi dòng.
 Sông nguyễn, bè dặn trùng-trùng,
 Phụ-phàng lo những thiện-thùng nước non.
 1070 Vườn riêng còn thú cầm tôn (4),
 Hồng còn vẫn thắm, tía còn chưa phai.
 Cành trông, cõi ngắm chờ ai,
 Đầy song tuyết diêm bông mai trắng ngàn.
 Lần sang thăm thú vườn gần,
 Một vùng cỏ biếc, mẩy lần cửa son.
 1075 Lơ-thơ cây cõi, cành non,
 Rêu đầy cầu đá, lối mòn đường thơm.
 Lầu thưa, khói tỏa, sương trùm.

- Chồi sai *biěng bě*, khóm sờm vắng vin (5).
 Biết ai hẫu hỏi sự duyên,
 1080 Viên-công đã thấy trong miền lợ ra.
 Mon-men thăm hỏi gần xa,
 Mới tường mòn-mạch *nàng* đà *thăng* kinh.
 Ngán chiều *lă-chă* dội doanh (6),
 Tựa lẵn bên triện, *dạo* quanh khắp tòa.
 1085 *Băń-khoăń* đến trước dinh Ba,
 Lương không yến dẻ, song tà nhện trăng.
 Dấu thơ vách hãy dăng-dăng,
 Lầu thơ cách mấy mươi tùng người thơ.
 Nửa rèm lác-dác *hoa mura*,
 1090 Sân rêu này dấu ngày xưa chén đồng.
 Mày dương-liễu, mặt phù-dung,
 Ngắm hoa mà nhắc tấm lòng sinh-ly :
 « Trăng thề vẫn đó chi chi,
 « Liễu ChưƠng-dài (7) biết nay đi đâu rồi.
 1095 « Mừng xuân đào hãy ngâm cười,
 « Vẻ hồng như cũ, mặt người nào đâu,
 « Nào khi gương gác, phẫn lầu,
 « Giờ sao tạnh ngắt mặc dầu khói sương.
 « Nay ai dập lửa vùi hương ?
 1100 « Đè ai nát đá, phai vàng với ai ».

Sản chép khác. — Câu 1059 : *Sinh từ núm-náu...* — Câu 1060 : ... *doanh* Tương... — Câu 1061 : *Bụi chóng* muôn hộc *chát* đầy. — Câu 1063 : *Phô sông* gửi đèn... — Câu 1064 : ... *sau* trình. — Câu 1065 : *Được lời*, theo *lối* thủy hành. — Câu 1066 : *Thăng* dong *buồm* lá... — Câu 1067 : *Biết* bao dặn bể *thề* sông. — Câu 1068 : *Nhat* vời... — Câu 1070 : *Hoàng - Diệu* Từ - *Ngụy* vẫn còn... — Câu 1071 : *Ngắm* thơm sào cảm... — Câu 1072 : *Đầy* song *mây* điểm *hoa* mai... — Câu 1075 : ... *gốc* cõi... — Câu 1076 : *Sương* in cầu đá, *tuyết* mòn *lối* thơm (hoặc) *Rêu* in cầu đá, *tuyết* mòn *lối* thơm. — Câu 1077 : *Lầu* thơ... *mây* om. — Câu 1078 : *thưa* bẽ — Câu 1080 : ... *rò* ra. — Câu 1082 : ... *nay* đà *phó* kinh. — Câu 1083 : *lở-tở..* — Câu 1084 : *Buồn* nưƠng.. *sầu* quanh... — 1085 : *Ngán* ngám.. — Câu 1087 :

Tiên thơ...— Câu 1088 : Xã thơ..— Câu 1089 : *Hien cài.. sao thura.*
 — Câu 1090 :... nọ rời (hoặc) : nọ chốn...— Câu 1092 :... thêm
 nhá...— Câu 1093 : *Chi thè trăng vẫn chi chi.*— Câu 1094 :... *Tay ai*
chênh-mảng còn chi chươn dài— Câu 1096 : *Vẽ hồng trời* đỗ.—
 Câu 1097 : *Khi sao son gác...*— Câu 1098 : *Giờ sao tan-uất..*—
 Câu 1099 : *Áy ai...*— Câu 1100 :... nơi đây.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phản-hương* : quê hương ; do chữ « phản-du
 反 榆 » (xem câu chú-thích số (20) ở Bài (96) — (2) *Trời thu ba
 cữ, sông Tương một ngày* : Câu này đặt theo câu : « Nhất nhật bất
 kiến, như tam thu hế 一日不見，如三秋兮 ». (Một ngày
 không thấy, như ba mùa thu (ba năm) vậy. (*Kinh Thi*, thơ Thái-cát).
 và ý nói : một ngày xa cách nhau, tưởng chừng lâu như ba năm
 vậy. Còn chữ *sóng Tương* chỉ sự xa cách của hai tinh-nhân, là do
 câu trong *Tinh-sử* : « Quân tại Tương-giang đầu, Thiếp tại Tương-
 giang vĩ; Tương tư bất tương kiến, Đồng âm Tương-giang thủy.
 君在湘江頭，妾在湘江尾：相思不相見。同飲湘江水 »
 (Chàng ở đầu sông Tương, Thiếp ở cuối sông Tương ; Nhớ nhau
 không thấy mặt nhau, Cùng uống nước sông Tương).— (3) *Trăng
 chầu* : tên đất, chỗ quê Dương Dao-tiền.— (4) *Cầm tòn* 琴樽 :
 đàn và chén rượu.— (5) *Chòi sai thura bẻ, khóm sòn vắng vin* : tả
 cảnh một khu vườn không có người trông nom, sirs sang ; những
 mầm mồi mọc rất nhiều mà ít khi bẻ đến ; những bụi cây rậm-
 rạp mà không có ai vin.— (6) *Đôi doanh* : (doanh: dòng nước) ;
 hai dòng nước mắt.— (7) *Liễu-Chương-dài* : nghĩa bóng là tinh-
 nhân. Lấy chữ ở một câu trong bức thư của Hàn-Hoành gửi cho
 Liễu-thị (*Tinh-sử*) : « *Chương-dài-liễu!* Tịch nhật thanh thanh, kim
 tại phủ ? Giả ưng phan chiết tha nhân thủ. 章臺柳！昔日
 青青，今在否？... 也應舉拆他人手，» (Cây liễu Chương-
 dài ! Ngày xưa xanh xanh, nay còn không ?... Hắn là tay người
 khác đã vin bẻ rồi).

67.— Cuộc trùng-phùng của Lương-Sinh và Dương Dao-Tiên

- 1201 Diêu (1) ra quan-chính cõi ngoài,
 Lương vào Hàn-uyễn (2), thảm-thoi ngọc.dường (3).
 Vườn sau trúc thạch sǎn-sàng,
 Liền công.thự đó, là tường Tiền.nha (4).
- 1205 Nàng từ tin ái truyền ra (5),
 Nỗi minh, nỗi khách biết là bao nhiêu !

- Trọn ngày khóa lặng song thêu,
 Nguyệt, Hương (6) biết ý mời dùn ra chơi.
Trêu thèm hoa quét chẳng roi.
- 1210 Dưới thèm lẩn bóng, trăng soi người sầu.
 Cảnh dâu dẽ nhắc lòng dâu,
 Nhữngh than tình mời, thêm rầu nỗi xưa :
 « Ngàn mây trắng bạc như tờ,
 Bóng dâu chênh-chêch đã vừa ngang vai.
 « Bờ sương đỗi tuyêt bao nài.
 Lấy ai ấm lạnh, lấy ai ngọt bùi ?
 Tưởng người chén nguyệt thè bồi.
 « Phòng hương trộm tưởng đã người nào thôi !
 « Ba xuân nhữngh chốn làm vui,
 1220 « Dương thanh liễu lục nhữngh ai đó chứ !»
 Cho hay thanh khí tương cờ.
 Cách tường Sinh cũng khi vừa dạo thanh.
 Buồn tênh gió ngọt trăng cảnh.
 Dịp chàm dạ khách, tiếng kẽnh đêm thâu.
 1225 Cảnh sầu như ghẹo người sầu.
 Khi than-thở bóng, khi cháu-chan mày.
 « Nghĩ người mặt sóng chán mày,
 « Tiên thè dành để đến ngày tái sinh.
 Nhỡ-nhang bèo nỗi nước lênh,
 1230 « Ấy duyên phụ khách, hay minh phụ duyên ?
 « Nào ai hề dặn non nguyễn,
 « Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn (8) với ai !»
 Ni-non đêm ngắn tình dài,
 Nguyệt cài bèn triện, hoa rơi trước thèm.
- 1235 Vườn xuân xa ngắm cảnh rèm,
 Mây hồng tha-thuốt bóng xiêm một người.
 Cây quỳnh thánh-thót sương rơi,
 Đào rầu-rầu ủ, liễu hơi-hơi gầy.
 Rõ người ngày trước chẳng sai,
- 1240 Nguyệt, Hương cũng đến chi dây lạ đời !
 Nhữngh là cách mặt khuất lời,
 Bồng-son xem ngỡ mấy mươi, mươi trùng |

Tường hoa quanh-quất mẩy vòng.

Dưới hoa nhường cò néo thông cuối tường.

1245 *Hài-văn làn bước, bước sang,*

Rấp-ranh đã dựng tiếng vàng xa dưa :

 « *Tường bảy giờ là bao giờ ?*

 « *Song-song đôi mặt còn ngờ chiêm bao.*

 « *Bảy lâu gió khóa mura rào,*

1250 « *Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình ! »*

Bản chép khác.— Câu 1201 : ... việc ngoài.— Câu 1209 :

Trước hoa làn bóng hoa rơi.— Câu 1210 : *Dưới lầu mèch bóng* (hoặc) :

Dưới trăng lầu bóng....— Câu 1211 : *Cánh nào sê...*— Câu 1212 : *Vira*

than tình mới *vừa săn...*— Câu 1216 : *Nào...* nđo.— Câu 1218 : *Buồng*

đóng vừa ý...— Câu 1220 : *Những hương những lửa...* (hoặc) *Trăng...*—

Câu 1221 : *Tiếng ve cao thấp gió đưa.*— Câu 1223 : *Cành trăng ngọn gió*

mong manh (hoặc) : *Buồn tênh trăng ngọn gió cành.*— Câu 1226 : *Khi*

than thi bóng... (hoặc) *Khi trần troc đá, khi rawn rī cây.*— Câu 1229 : .. béo

nước lèn đèn.—Câu 1231 : *Nào ta...*— Câu 1234 : *Nguyệt kề...* *hương*

lay...— Câu 1235 ; *Cách hoa lặng ngầm bóng thiềm.*— Câu 1236 : ... *lan*

xiêm.— Câu 1237 : *Áo đơn bụi lợt ngắn rơi.*— Câu 1239 ; *Người xưa*

sẽ nhớ những ngày.— Câu 1241 : *vắng mặt...*— Câu 1242 : *Nou Bông...*—

Câu 1243 : *Đạo quanh núi già đi vòng.*— Câu 1244 : *Bến hoa...*— Câu

1246 : *Cách tường đã dựng...* (hoặc) *Cách tường vắng-vắng...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Diêu* : tức là Diêu-Sinh, con ông cậu Lương-Sinh.— (2) *Hàn-uyễn* 翰范 (hàn : lông dùng làm bút ; uyễn : vườn) ; tức là Hàn lâm viện 翰林院, viện dùng những người văn-học.— (3) *Ngọc-đường* 玉堂 (ngọc : ngọc ; đường : nhà, chỗ làm việc quan) ; chỉ viện Hàn-lâm. Vua Tống-Thái-Tôn (976-998) ban cái biển đê bốn chữ « Ngọc đường chí thị 玉堂之署 » để treo ở viện Hàn-lâm.— (4) *Tiên nha* : tên người em Dương phu-nhân (mẹ Dương-Dao-Tiên) Bay giờ Dương phu-nhân và Dương-Dao-Tiên đến trú ở nhà người ấy trong khi Dương-tưởng-công đi đánh giặc.— (5) *Tin ái* : tin ở cửa ái dưa về rằng Dương-tưởng-công bị giặc vây.— (6) *Nguyệt, Hương* : tên hai người thị-tỷ của Dương-Dao-Tiên.— (7) *Chuông vạn, ngựa nghìn* (chuông : đồ dùng để đóng lương) ; dịch chữ « thiên tử vạn chung 千鈞萬鐘 » (nghìn cỗ xe đóng ngựa, muôn chuông tháp lương) ; nói chung về sự giàu sang.

**ÔN-NHƯ HÀU NGUYỄN GIA-THIỀU 温如候阮嘉炤
(1741 - 1798)**

(Xem *tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ Nhất*, *Năm thứ nhì*,
Chương thứ X Lời chú (5))

CUNG OÁN NGÂM KHÚC 宮怨吟曲

(Xem *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ X*).

68.— Lúc được nhà vua yêu mến

- 161 Khi ấp mặn, ôm dào-gác nguyệt ;
Lúc cười sương cợt tuyết đèn phong (1)
Đóa lê ngon mắt cửu-trùng.
Dẫu mày diễm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.
- 165 Vẻ vưu-vật (2) trăm chiều chải-chuốt,
Lòng quân-vương chi-chút trên tay ;
Má hồng không thuốc mà say.
Nước kia muôn đỗ, thành này muôn long.
Vườn Tây-uyên (3), khúc trùng « thanh dạ » (4) ;
- 170 Gác Lâm-xuân (5), diệu ngữ « đình hoa » (6)
Thùa àn (7) một giấc canh tà,
Tỏ mờ nét ngọc, lợp-lởe vẻ son.
Trong trường gấm chí-ton (8) voi-voi,
Những khi nào gần-gui quân-vương.
- 175 Dẫu mà ai có nghìn vàng,
Đỗ ai mua được một tràng mộng xuân (9) ?
Thôi cười nụ, lại nhăn mày liễu,
Gheo hoa kia lại diều gót sen (10).
Thân này uốn-éo vì duyên,
- 180 Cũng cam một tiếng thuyền-quyên với đời.
Lan mẩy đóa lạc loài sơn dã,
Uồng mùi hương vương-giả lᾶm thay (11) !
Ngâm như cân chất (12) duyên này,
Cam công đặt cái khăn ngày tắc-ơ (13) !
- 185 Tranh ti-dục (14) nhìn ưa chim nụ,
Đỗ liên-chi (15) lần trổ hoa kia,
Chữ đồng lấy đầy làm ghi,
Mượn lời thất-tịch mà thè bách niên (16)

Hạt mưa (17) đã lọt miền dài-các.
 190 Nhữnng mừng thầm cá nước duyên may !
 Càng lâu, càng lăm màu hay,
 Cho cam công kẻ dúng tay thùng chàm (18).

Bản chép khác. — Câu 162 : ... hoa... — Câu 164 : Tuy... —
 Câu 169 : ... Thương (hoặc ; Thành)... nguyệt... — Câu 170 : ... ngà... —
 Câu 180 : ... với người (hoặc : đê đời) ... — Câu 182 : ... nhiều... —
 Câu 184 : ... này... — Câu 188 : ... điền...

CHÚ-THÍCH. — (1) *Đèn phong* : đèn chung quanh có trống cây phong 枫 (xem câu chú-thích số (3) ở Bài 53). — (2) *Vưu vật* 尤物 : vật rất lạ, rất qui. — (3) *Tây-uyễn* 西苑 : tên một cái vườn ở phía tây huyện Lạc-dương, tỉnh Hà-nam bên Tàu, do vua Tùy Dương-đế lập ra, thường đêm thanh vua đêm cung nữ dạo chơi trong vườn. — (4) *Thanh dạ* 晴夜 là « Thanh dạ du du 清夜遊 » (di chơi lúc đêm trong), tên một khúc hát đặt về đời vua Tùy Dương-đế. — (5) *Lâm xuân* 臨春 : tên một cái gác của vua Trần Hậu-chủ dựng lên bằng gỗ dàn-hương cho nàng Trương qui phi ở. — (6) *Đinh hoa* : túc là « Ngọc thụ hậu dinh hoa 玉樹後庭花 », tên một khúc hát làm về đời vua Trần Hậu-chủ. — (7) *Thứa ân* 承恩 : đội ơn ; đây ý nói được nhà vua yêu mến. — (8) *Chi tôn* 至尊 : rất tôn trọng ; đây chỉ nhà vua. — (9) *Một tràng mộng xuân* : một giấc chiêm-bao êm-dềm vui thú về mùa xuân. — (10) Câu 177-178 : *Nhǎn mà liễu* : xưa nàng Tây-Thi đau bụng nhǎn mặt, trông lại đẹp thêm. Diễu : đi có diệu bộ. — Gót sen : bước chân của người dàn bà đẹp. Do tích Tề Đòng-hôn hầu lấy vàng dát thành hoa sen lát xuống dát cho nàng Phan-phi đi và nói rằng : « Mỗi bước đi của Quý nương này ra một bông sen ». Cả hai câu tả cách nũng-nịu uốn-éo của người con gái được vua yêu chuộng. — (11) *Mùi hương vương giả* : mùi hương của nhà vua, ý nói rất quý. — (12) *Cán, chắt* 卮榼 : khăn và lược ; nói đạo làm vợ phải sủa soạn khăn lược cho chồng. — (13) Câu 184 : *Đặt khăn* : dịch chữ « thiết thuê 設帨 » nói về sự sinh con gái. Theo sách Lê-ký, hễ sinh con trai thì đặt cái cung ở bên trái cửa, sinh con gái thì đặt cái khăn ở bên phải cửa. *Tắc-or* : Tiếng mẹ hỏi chuyện con khi con còn bé chưa biết nói. Cả câu ý nói : bỏ công cha mẹ đã sinh ra mình là phận con gái. — (14), (15) *Tỷ-dực* 比翼, *Liên-chi* 離枝 : liền cánh và liền cành. Chữ lấy trong bài *Trường hận-ca* của Bạch Cư-Dị nói về vua Đường Huyền-tòn cùng nàng Dương Qui-phi thề nguyên với nhau rằng : « Ở trên trời xin làm chim liền cánh ; ở dưới đất xin làm cây liền cành ». (16) Câu 188 : *Thất tịch* 七夕 : là đêm mồng bảy tháng bảy. Theo tục truyền, thi trong một năm chỉ có ngày ấy là Ngưu-lang và Chức-nữ mới được

gặp nhau. Vua Đường Huyền-tôn cũng nhân đêm ấy thè với nàng Dương Quí-phi câu nói trên. *Bách niên*, tức là « Bách niên gai lão 百年皆老 » (sống cùng nhau đến trăm năm). Cả câu ý nói : cũng theo như vua Đường Huyền-tôn và nàng Dương Quí-phi ngày xưa mà thè ăn ở cùng nhau đến lúc trọn đời.— (17) *Hạt mưa* : ví với thân phận người đàn bà. Do câu ca-dao « thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa ».— (18) *Câu 192* : Tục-ngữ có câu : « Tay trót đúng chàm ». Cả câu ý nói : đã trót đem thận đi làm cung phi mà được vua yêu dấu cũng bõ công.

69.— Sau khi bị nhà vua chán bỏ

- 245 Nào thuở dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng-đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối du-tiên (1) hãy rành rành, song-song,
Bây giờ đã ra lòng rέ-rúng,
250 Đề thân này cỏ-úng tơ mành (2) !
Đông-quân (3) sao khéo bắt tình (4) ?
Cành hoa tàn nguyệt (5) bức minh hoài xuân (6)
Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ,
Cành liễu mành bẻ thuở đang tờ,
255 Khi trường ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân-y (7) hãy sờ-sờ dấu phong,
Bây giờ đã ra lòng ruồng-rây,
Đề thân này nước chảy hoa trôi !
Héra-công sao khéo trêu ngươi ?
- 260 Bóng đèn tà nguyệt (8) dữ mùi ký sinh (9) ;
Cành hoa lạc, nguyệt minh (10) nhường ấy,
Lửa hoàng-hôn như cháy tấm son,
Hôn-hoàng thôi lại hoàng-hôn (11)
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.
- 265 Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng ;
Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn,
Tình buồn, cảnh cũng vô duyên,
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.
Khi tràn gió lung lay cành bích (12),
- 270 Nghe rí-rầm để mách ngoài xa.

Mơ-hồ nghĩ tiếng xe (13) ra.

Đốt phòng hương hả mà hơ áo tàn

Ai ngờ tiếng dể than ri-ri,

Giọng bi thu (14) gọi kẻ cô phòng (15).

275 Vắng tanh nào thấy vân-mồng,

Hơi thè-luong (16) lạnh ngắt song phi-huỳnh.

Khi bóng thỏ chèn-vènh trước ốc (18).

Nghé vang-lùng tiếng giục bên tai.

Đè chừng ngờ tiếng triệu đài,

280 Nghiêng bình phẩn mốc mà giồi má deo.

Ai ngờ tiếng quyên kêu ra-rả.

Điệu thương xuân (19) khóc à sương-khuê (20).

Lạnh-lùng nào thấy ỏ.ê (21),

Khi bi-thương sực-nức hè lạc-hoa (22).

Bản chép khác. — Câu 245 : lúc (hoặc : lối)... — Câu 249 ...

đồng... ruồng-rẫy.— Câu 250... cõi áy (hoặc tóc mồng)... Câu 253...
thờ... đạo vườn xuân... — Câu 257: rún-rẫy.— Câu 259: Dữu...
— Câu 262... sầu tràng — Câu 263: hôn-hoảng.— Câu 264...
hè-bàng.— Câu 267... lại... — Câu 269...: cạnh vách,— Câu 270...
rào... — Câu 272... tạ... — Câu 273... ran. — Câu 274... gheo..
Câu 276... leo. — Câu 277... nóc.— Câu 279... nghĩ.. tiều (hoặc,
ban...) — Câu 280..., se...

CHÚ-THÍCH. — (1) *Gối du tiên* : Du tiên 遊仙 là chơi cõi tiên.

Theo sách *Khai thiên dị sự*, về đời Đường, nước Qui-tư dâng
vua Tàu một cái gối đỏ như mă-não, đẹp như ngọc, hễ gối đầu
vào thì nằm mơ thấy được đi chơi các nơi tiên-cảnh, nhàn thế
vua Đường mới gọi gối ấy là «gối du-tiên».— (2) *Cô úng tơ mành*:
úng là thối nát; mành là mành nhỏ.— (3) *Đông-quân* 東君 (vua
phương đông): vị thần làm chủ cho gió đông thổi về mùa xuân;
cũng nghĩa như chữ «chúa xuân».— (4) *Bất tình* 不情: không có
tình, lãnh-dạm. Những bản chép là «bất bình» là sai, vì hai chữ
sau này ở đây không có nghĩa.— (5) *Cánh hoa tàn nguyệt*: tàn nguyệt
殘月 là mặt trăng đã tàn; đây mượn hai chữ ấy làm phâm-tù
đề nói về cảnh hoa đã tàn.— (6) *Hoài xuân* 懷春: tưởng nhớ
đến mùa xuân.— (7) *Xuân y* 春衣: áo mặc về mùa xuân.— (8)
Bóng đèn tà nguyệt: tà nguyệt 斜月 là trăng đã xế, đã lặn;
đây mượn hai chữ này làm phâm-tù đề nói về ngọn đèn sắp tàn.

— (9) *Ký-sinh* : sống gửi, theo câu trong *Hoài-nam-lữ* : « Sinh ký, tử qui 生寄, 死歸 » (sống gửi, thác về). — (10) *Hoa lạc, nguyệt minh* 花落月冥: hoa rụng và trăng mờ. — (11) *Hoàng-hôn* 黃昏 (hoàng: vàng; hôn: tối): lúc xẩm tối. *Hòn hoàng* lúc mặt trăng sắp lặn, ánh sáng lờ mờ. — (12) *Cành bích*: cành cây sắc xanh. — (13) *Tiếng xe* : đây là tiếng xe của nhà vua. — (14) *Bi thu* 悲秋: buồn bã vì cảnh sắc mùa thu. — (15) *Cô phòng*: 孤房: buồn của người nằm một mình. — (16) *Thê lương* 凄凉: buồn rầu, lạnh lẽo. — (17) *Phi huỳnh* 飛螢: con đom đóm bay. — (18) *Ốc 屋* : nhà. — (19) *Thương xuân* 傷春: đau đớn vì nhớ mùa xuân. — (20) *Sương khuê* 婦闌: (sương: ở góá; khuê: buồng) buồng của người đàn bà ở góá. — (21) *Ô é*: săn-sóc đến, trông nom đến. Ta thường nói: « Nhìn-nhõ ô-é ». Những bản chép là « ủ-é » là sai. — (22) *Hè lạc hoa* : cái hè có hoa rụng.

NGUYỄN HUY-LƯỢNG 阮輝亮

(Xem *Tiểu-truyện* ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ X*, *Lời chú* (7).)

70.— Tụng-tây hồ phú 頌西湖賦

(Trích một đoạn)

(Xem *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ X*, § 1)

Bài này là một bài phú độc vận (lấy văn hồ), gồm có 86 liên, có thể chia làm các đoạn như sau : 1o Lai-lịch Tây-hồ (liên 1-4) ; — 2o Hình-thể Tây-hồ (liên 5-8) ; — 3o Các đèn chùa chung quanh hồ (liên 9-13) ; — 4o Các thăng-cảnh chung quanh hồ (liên 14-27) ; — 5o Hồ Tây trong các triều vua (liên 28-32) ; — 6o Hồ Tây trong buổi Lê-mạt (liên 33-46) ; — 7o Hồ Tây trong đời Tây-sơn (liên 47-59) ; — 8o Tân-tụng công-đức nhà Tây-sơn (liên 60-83) ; — 9o Đoạn kết (liên 84-86).

28.— Phong-cảnh cũ nhiều nơi thăng-lãm ; — triều đời xưa mấy lớp thanh-ngu (1).

29.— Tựa bóng hoa đặt quán quan ngư (2), kia đời Long-khánh (3) : — đè mặt sóng đem đường dụ lượng (4), nơ thuỷ kiền phù (5).

30.— Trải Trần trước đã nhiều phen xe ngựa : — tới
Lè sau càng lầm độ tàn dù.

31.— Trộm nhở thiên « bát vịnh du hồ » (6), trong tǐ,
hứng (7) cũng ngũ lời qui-phùng (8); — *chanh* nhở khúc
« liên ngâm thường nguyệt » (9) lúc tiếu Đàm đường thỏa
ý giao-phù (10)

32.— Tòa đá nọ hãy ghi câu canh-họa (11); — dòng
nước kia đường nỗi chén tặc-thù.

33.— Năm sau từ nỗi bụi tiêu-tường (12), ba thước
nước khôn cầm màu hiệu-khiết (13); — buổi ấy cũng góp
phần tang hải, sáu thu trời bao xiết nỗi hoang-khô (14).

34.— Hình cây đá ; mưa trôi, gió giật ; — sắc hoa
chim : mây vẫn sương mù.

35.— Chốn trì Đàm (15) làm bợn vẻ thanh quang, xuôi
ngược những vây đuôi khoa-dầu (16); — nơi phạm-vũ (17)
để che màu sáng-lặng (18), dọc ngang trao mặc bóng tri-
thù (19).

36.— Hương cõi-miếu đói chòm lạnh-lẽo ; — đèn viễn-
thòn mấy ngọn lù-mù.

37.— Kènh đâu đâu chảy đến trung-sa (20), lầu túc điểu
(21) gió còn sớm quạt ; — sen chốn chốn đã bay về Tây-
vực (22) vũng du-ngư (23) nguyệt hãy tối mù.

38.— Kêu trị loạn, đau lòng con đỗ vũ (24); — gọi
công tư mỗi miệng cái hà-mô (25).

39.— Lũ cày mày lần thường bóng nghè (26), thơ thất
nguyệt thở than cùng mục thụ (27); — khách điếu nguyệt
(28) biếng tim tăm cá, chửi Tam mô bàn bạc với tiểu phu (29).

40.— Nghe xóm nọ dù-dì ve nhặng (30); — ngắm ghềnh
kia thấp thoáng trai cò (31).

41.— Thú cao lưu (32) chéch-mác thế cò, người nhạo
thủy (33) ôm cầm khi rạng quế (34); — màu yên cảnh (35) băng
khuảng hồn rượu, khách dǎng dài (36) gác bút buổi bay ngô (37).

42.— Chiều phong-vị xem đường quạnh.quẽ ; — dấu dờ-thư (38) ngắm hây mơ-hồ.

43.— Dưới cầu vòng nước chảy mènh mòng, đường xưa: đưa ngựa ; trên thành trĩ (39) đá xây chõm.chõm, bến cũ gọi dò.

44.— Trước cổ-cung treo nứa mảnh gương loan (40),
vùng trăng he-hé ; — sau cổ tự gửi mấy phong da ngựa (41) dám cổ lù-rù.

45.— Lớp canh-dịch (42) người xưa man.máy ; — vẻ-tiêu lương (43) cảnh cũ thẹn-thò.

46.— Ánh phồn-hoa vì cảnh muôn phô người, người
trái khi vật đồi sao dời, cảnh phải chiều người buồ
ý ; — thời thanh-lãng (44) có người còn mến cảnh, cảnh
cô sẵn nước trong trăng sáng, người nên phụ cảnh này ru ?

47.— Vầng trăng nọ buồi tròn buồi khuyết, — ngọt
nước kia nơi hoảm nơi nhò.

48.— Tới mậu-thàn (45) từ rõ vẻ tường.vân (46), sông
núi khắp nhở công dãng dịch (47) ; qua canh-tuất (48) lại
tưới cơn thời-vũ (49), cổ cây đều gội đức triêm nhu (50).

49.— Vũng tri-chiều (51) nước dần-dần lặng ; — nở
đinh-dài hoa phơi-phơi đưa.

50.— Chốn bảy cây (52) còn mấy gốc lặng vân (53), chẳng
tùng bách cũng khoe hình thương lão (54) ; — nơi một bên dã
đông đoàn hí thủy (55), uyên ương đều thỏa tính trầm phù (56).

51.— Vẻ hoa-thạch (57) châu théu, gấm dệt ; tiếng trùng
cầm (58) ngọc gỗ, vàng khua.

52.— Bãi cỏ non : trâu thả, ngựa buông, nội Chu (59),
đã lăm người ca ngợi ; làn nước phẳng : kẽm trầm, ngạc
lặn ao Hán (60) nào mấy trẻ reo hò.

53.— Mặt đất dùn này thóc, này rau, dầu lòng Cô-trúc
(61) ; — làn nước chảy nọ dòng, nọ bến, mặc chí Sào, Do (62).

54.— Cây quán kia còn đứng dây thần uy, đoàn Mán
tới dám khoe lời « Tày hữu » (63) : — sen chùa nọ lại bay
về Phật cảnh, lũ Ngô về từng niệm chữ « Nam-mô » (64).

55.— Dấu linh-bị rành-rành vân sáng ; — mạch hậu-nhân (65) dăng-dặc bao rò.

56.— Mặt thành xưa đem lại thế kim-thang (66), đất xây phẳng-lặng ; — cánh hàn cũ sửa ra hình chỉ trụ (67), đá xếp xô-bồ.

57.— Nghé vùng danh nోo lợi bấy lâu, cảnh tuy rǎng nhở ; — song nước tri non nhân (68) mấy chốn, cảnh dã chi thua.

58.— Trải mấy thu từng lụa bóng tàn xanh, thâu cảnh dã vào trong vũ-trụ ; — song nghìn dặm dã xa vời bè tía, góp cảnh còn gọi chốn biền-ngu (69).

59.— Tuy thú vị dã giải bày ra đó ; — song thanh dung còn trang điểm lại cho.

Bản chép khác. — Liên 30... *xu mā* ; — Liên 31 : *tại...* — Liên 36 ... *du...* — Liên 37... *chạy xuồng...* — Liên 40... *doanh...* — Liên 41 *thương...* — Liên 47 : *Vành* (hoặc *vòng...*) — Liên 48... *góp nhớ công* (hoặc : *khắp nhờ ơn*) .. — Liên 52... *còn...* — Liên 53 .. *mặt...*

CHÚ-THÍCH. — (1) *Thanh ngu* 清 媚 : thanh lịch, vui vẻ.— (2) *Quan ngư* 觀 魚 : xem đánh cá. Vua Trần Duê-tôn sai làm quán ở Hồ Tây để xem đánh cá.— (3) *Long khánh* : niên hiệu vua Trần Duê-tôn (1373-1377).— (4) *Dụ tượng* 誘 象 : Dụ voi. Xưa ở phía Hồ Tây có quả núi tên là « Phục tượng-son 伏 象 山 » (núi Voi phục).— (5) *Kiền phủ* : tức là Kiền phủ hữu đạo : niên hiệu vua Lý Thái-tôn (1039-1042).— (6) *Bát vịnh du hồ* 八 詠 遊 湖 : tám bài hát đi chơi hồ của chúa Trịnh sai các quan làm ra.— (7) *Tỉ, hirsing* : hai thể của các bài thơ trong *Kinh thi* (Xem *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhất, Chương 1-2).— (8) *Qui phúng* 規 謂 (qui : khuôn tròn, nghĩa bóng là phép tắc ; phúng : nói bóng) : lấy lời bóng bẩy mà khuyên can.— (9) *Liên ngâm thường nguyệt* 聯 吟 賞 月 : bài thơ liên ngâm để thường cảnh trăng của bà Liêu Hạnh cùng làm với Phùng-Khắc-Khoan và một ông họ Lý, một ông họ Ngô khi đi chơi Hồ-Tây.— (10) *Giao-phù* : 交 手 chữ trong *Kinh Dịch* nghĩa là : đồng-chí tương-đắc mà không nghi nhau.— (11) *Canh họa* 𩷉 和 : (canh là nối tiếp), họa theo bài xương.— (12) *Tiêu-tường* 蕃 牆 : (tiêu : nghiêm kinh ; tường : bình-phong) : chỗ vua tôi tiếp-kiến. Nói bụi tiêu-tường : ý nói có nội-loạn.— (13) *Hiệu-khiết* 鮑 漵 : trong sạch.— (14) *Hoang-khô* 荒 枯 : Bỏ hoang và khô-héo.— (15) *Tri đậm* 池 谯 : ao, đậm.— (16) *Khoa dẫu* 蝌 蛙 : con nòng-nọc.—

- (17) *Phạn-vũ 梵宇* : nhà chùa.— (18) *Sảng-lãng 爽朗* : sáng sủa.— (19) *Tri-thù 蜘蛛* : con nhện.— (20) *Trung-sa* : địa lý có tǎ-sa, hữu-sa và trung-sa.— (21) *Túc-diều 宿飄* : (túc : ngủ ; diều : chim) : kiều đất như con chim nằm ngủ.— (22) *Tây-vực 西域* : cõi Tây, cõi Phật ở.— (23) *Du-ngư 遊魚* : (du : lội ; ngư : cá) : kiều đất như con cá lội.— (24) *Đỗ-vũ 杜宇* : cũng như « Đỗ-quyên » xem câu chú-thích số (16) ở Bài 87.— (25) *Hà-mô 蝦蟆* : con ếch-ương. Vua Tân-Huệ-Đế một hôm nghe tiếng ếch-ương kêu, hỏi các quan rằng : Con ếch-ương kêu như thê, là vì việc công hay việc tư.— (26) *Lũ cày mây lẩn tròng bóng nghê* : (cày mây : cày ruộng ở dưới bóng mây ; nghê : cầu vòng ; đặt theo câu trong sách *Mạnh-tử* : « Nhược đại-hạn chi vọng vân nghê 若大旱之望雲覓 » (Như lúc giờ đại-hạn mà tròng mây và cầu vòng) ; ý nói : đương lúc loạn lạc, mong cảnh thái-bình.— (27) *Thơ thất-nguyệt thở-than cùng mục-thụ* (Thất-nguyệt : tên một bài thơ trong *Kinh Thi* do ông Chu-công làm ra để kể việc dựng nghiệp nhà Chu khو' nhọc ; mục-thụ : trẻ chăn trâu) : thở than với đứa trẻ chăn trâu về cơ-nghiệp nhà vua.— (28) *Điếc-nguyệt* : đi câu ở dưới bóng trăng.— (29) *Chữ Tam-mô bắn bạc với tiều-phu* (Tam-mô : ba thiên trong kinh Thư (Vũ mô, Cao-Dao mô, Ích-Tắc mô) nói những phép-tắc về chính-trị) : đem việc chính-trị ra bắn bạc với người kiếm c小事.— (30) *Ve nhặng* : con ve và con nhặng ; nghĩa bóng chỉ kẻ tiếu-nhản.— (31) *Trai cỏ* : nghĩa bóng chỉ những kẻ tranh giành nhau (xem câu chú-thích số (1) ở Bài (58) (duật không phải là cỏ).— (32) *Cao lưu* : cũng như chữ « thương-lưu ».— (33) *Nhạo-thủy* : thích nước. Theo câu trong sách *Luận-ngữ* : Tri-giả nhạo-thủy 知者樂水». (Người tri-thức thích nước).— (34) *Khi rạng quê* : (quê : đây chỉ mặt trăng ; xem câu chú-thích số (4) ở Bài (36) : khi mặt trăng sáng.— (35) *Yên cảnh 煙景* : cảnh đẹp.— (36) *Đăng dài 登臺* : lên dài cao.— (37) *Buổi bay ngô* : lúc lá ngô-đồng rụng mà bay xuống, tức là mùa thu.— (38) *Đồ thư 圖書* : tranh và sách.— (39) *Trĩ 雄* : xay cao một trượng và dài ba trượng.— (40) *Gương loan* : Loan là con cái của chim phượng. Loan phượng là biểu hiệu cho tình vợ chồng : gương loan là gương hai vợ chồng soi chung. Đây nói về cung nữ trong cung vua Lê phải chạy loạn.— (41) *Da ngựa* : da ngựa bọc thây người chết ở trận tiền. Theo câu của Mã-viện, tướng nhà Hán, nói : « Làm tài trai, nên chết ở chiến trường, lấy da ngựa bọc thây ». Đây nói về các binh-sĩ chết trận.— (42) *Canh dịch 更易* : thay đổi.— (43) *Tiêu-lương 蕭涼* : tiêu điều, lạnh lẽo.— (44) *Thanh-lãng 清朗* : trong-trءo, sáng sủa.— (45) *Mậu-thân* : tức là năm 1788, năm ông Nguyễn-Huệ xưng Hoàng-đế.— (46) *Tường-vân 祥雲* : đám mây báo điềm lành, chỉ cảnh

thái-bình.— (47) *Đăng-dịch 敌* : dẹp yên giặc-giã.— (48) *Canh-tuất* : tức là năm 1790.— (49) *Thời-vũ* : mưa phải thời. Theo câu trong sách *Mạnh-lữ* : « Thời-vũ giáng, dân dại duyệt 時雨降, 民大悅 ». Khen công đánh dẹp của vua Thang, ví quân của vua ấy đi đánh đến đâu như « mưa phải thời xuống, dân sự vui mừng lắm ».— (50) *Triêm-nhu 沾濡* : dầm-thấm ; nghĩa bóng nói ơn trên ban khắp như mưa móc thấm-nhuần.— (51) *Tri chiêu 池沼* : ao chuôm.— (52) *Chốn bảy cây* : ở chỗ hồ Tây giáp với hồ Trúc-bạch, xưa có bảy cây to.— (53) *Lăng-vân 凌雲* : lán cả mây ; ý nói cao lắm.— (54) *Thương-lão 舊老* : (Thương là lốm dốm trắng, lão là già) : già cỗi.— (55) *Hí-thủy 猥水* : chơi đùa ở dưới nước.— (56) *Trầm-phù 沉浮* : chìm và nổi.— (57) *Hoa-thạch 花石* : đá hoa.— (58) *Trùng-cầm 虫琴* : trùng loài sâu ; cầm : đàn) : tiếng các loài côn-trùng kêu như tiếng đàn.— (59) *Nội-Chu* : vua Vũ-vương nhà Chu thả ngựa trâu ra ngoài nội, tö ý không dùng đến việc binh nữa.— (60) *Ao Hán* : sách *Hán-sử* có câu : « Xích tử lộng giáp binh ư Hoàng-trì chí trung 赤子弄甲兵於潢池之中 » trê con đùa bọn áo giáp, đồ binh ở trong ao Hoàng-trì) ; ý nói : giặc giã chẳng ra gì, như bọn trẻ đùa nghịch.— (61) *Cô-trúc 孤竹* : tên nước (nay thuộc tỉnh Trực-lệ bên Tàu). Đây là nói đến hai anh em ông Bá-Di và ông Thúc-Tề, con vua Cô-trúc, sau khi nhà Thương mất nước, không chịu ăn thóc của nhà Chu, lên núi Thủ-duong hái rau vi, rồi chết đói ở đấy.— (62) *Sào, Do* : tức là Sào Phủ và Hứa Do : hai bậc cao-sĩ bên Tàu. Vua Nghiêu xin nhường ngôi cho Hứa Do, Hứa Do không muốn nghe chuyện ấy, ra bờ sông Dĩnh-thủy rửa tay, gặp Sào-Phủ dắt trâu đi uống nước, thấy thế, sợ nước ấy làm bẩn cả miệng trâu, bèn dắt trâu lên quang sông trên cho uống.— (63) *Tây-hữu* : chữ láy trong *Hán-sử* : « Tây vực hữu thần, kỳ danh viết Phật 西城有神, 其名曰佛 ». (Phượng Tây có vị thần tên là Phật).— (64) *Lũ-Ngô về-từng niệm-chữ* « *Nam-mô* » : lũ Ngô chỉ bọn quân Tàu của Tòn Sĩ-Nghị bị Nguyễn-Huệ đánh thua, được tha cho về nước ; niệm chữ « *Nam-mô* » ý nói : ca tụng nhà Tây-sơn như Phật, chữ vò đây phải đọc mô mới đúng âm.— (65) *Hậu-nhân 厚仁* : phúc hậu nhân đức.— (66) *Kim-thang* : tức là kim thành thang trì 金城涉池, thành đúc bằng kim khí và ao nước nóng, ý nói kiên cố hiểm trở.— (67) *Chi-trụ 磐柱* : cột đá.— (68) *Nước-trí non-nhân* : chữ láy trong sách *Luận-ngữ* : « Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy 仁者樂山, 知者樂水 ». (Người nhân thích núi, người tri thích nước).— (69) *Biên-ngu 邊隅* : ở ven ngoài, ở góc ; chốn biên-ngu cũng như chốn biên-thủy.

PHẠM-THÁI 范彩 (1777-1813)

(Xem *Tiểu truyện tác-giả* ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, *Chương thứ X*, *Lời chú* (8).)

71.— Tự trào

Năm bảy năm nay những loạn-ly :
 Cũng thi duyên phận, cũng thi thì.
 Ba mươi tuổi lẻ là bao nǎ ;
 Năm sáu đời vua khéo chóng ghê !
 Một tập thơ dày ngâm sảng-sảng :
 Vài nai rượu kẽch ních tí-tí.
 Chết về tiên bụt cho xong kiếp ;
 Đù ỏa (1) tràn-gian, sống mãi chi ?

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đù ỏa* : tiếng chửi.

72.— Chiến tụng Tây-hồ phú 戰頌西湖賦

(Trích một đoạn)

«Năm canh-thân (1800) mùa hạ, ta đến chơi với bạn & Tràng-an, nghe bạn ngâm bài *Tụng Tây hồ phú*. Hỏi ai làm bài ấy mà hay thế? — Bạn rằng : *Chương-linh* hầu *Hữu-hộ Lượng* làm ra. — Ta rằng : Chao ôi ! Hữu-lộ Lượng à ! Xưa hắn làm tài *Triều Lê*, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây hồ mà chẳng thẹn mặt ! Ghét đứa nịnh làm sao ! Nhớ xưa có bài thơ «Chiến cổ», nay nhân bỉ kẽ làm bài *Tụng*, ta cũng làm bài «Chiến-tụng» để góp một chút trò cười với đời.» (*Lời tiểu-dẫn của tác-giả*).

Bài này họa đủ 86 vần của bài *Tụng Tây-hồ phú*. Dưới đây cũng trích tự liên 28 đến liên 59 để có thể so-sánh với đoạn đã trích-lục của bài trên (Xem bài số 70).

28.— Bấy nhiêu *dã láy chi* làm *khẳng-khai* ; — còn những đầu mà dám nói nhảm ngu?

29.— Cao-minh chi mà biết phép quan ngư, nào có phải Ba-la *cỗ* sắt (1); — tài cán ấy khó làm mưu dụ tượng, đẽ mà như Hu-Tĩnh thư phù (2).

30.— Đường ngoạn thường lờ-mờ bóng ngựa (3); — cung dù quan mù-mịt bóng dù (4).

31.— Đồ ăn, thức mặc, ngán nỗi phố-phường, xem phong-vị khó như đời đại-hữu (5); — kẻ ám, người gian, gớm thay quân tướng, ngầm minh-lương nào phải đạo trung phu (6).

32.— Chữ lối cua bò, lang-nhăng thư thảo; — thơ rồng chó chạy, lão-nháo xướng thù.

33.— Nhạc tiều-thiều (7) còn lõm-bõm khúc xưa, tiếng thanh-diều (8) gọi người đi, kẻ lại; sắc chương-phủ (9) hẫy lờ-mờ dấu cũ, ngọn kim phong (10) lay lá rụng chồi khô.

34.— Con túc-vụ (11) mờ-mờ về lĩnh quạnh; — cái cô hồng (12) thăm-thẳm têch sương mù.

35.— Chốn thi-dinh (13) ve giục mới hè sang, bốn vách in sâu thơ bạch-nhạn (14); — mái cầm viện (15) dẽ kêu liền thu đến, vài gian kết thảm lười thanh-thù (16).

36.— Đàn dẽ, rúc sương, cung inh-ỏi; — lứa huỳnh đưa gió, bóng lù-mù.

37.— Cát xô lên, mặt nước trắng phau-phau, nghĩ ấy thầy Tân (17) dem hạc múa, — trắng lặng xuồng, đáy hồ trong vắng-vắng, tưởng rằng ông Lý (18) cưỡi kính mô.

38.— Khóc khi vận tốl căm con đỗ-vũ; — kêu co-hoang (19) sóm túi cái hà-mô.

39.— Quên théth lâu thì luống dẽ hòn lâu, bên cầu vồng nghe dịp trống khua trăng, vì Nam-tướng phải căm lòng Bắc-sĩ (20); ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trì lắng ngọn còi huýt gió, bởi Tây-triều mà ghét chí Đông-phu (21).

40.— Than với đất cả đàn ong lũ kiển; — thở cùng trời từ con cúc cái cò.

41.— Tưởng nghiên trà cho cá đớp hạc bay (22), khi hừng vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế; — nhớ thuần lư (23) sẵn ngoài sâu nước rộng, buổi qui lai (24) gió thổi rụng cành ngô.

42.— Kẻ cao-sĩ ắt nhiều nơi trực bút (25); — đưa tiều-nhân âu lầm sự hàm-hồ.

43.— Phường Khán-sơn (26) hoa kết *võng* vừa rồi,
đoàn kỹ-nữ bέ-bai hình dến phố; — chợ Võng.thị (27)
ruou nồng hương mới chín, lũ túy-ông tất-tưởi dạng
sang đò.

44.— Khói viễn-thôn khi ngọn gió ra vào, trống thoang-
thoảng ngõ nhà mở cửa lấp; — trăng cồ-quán lúc tắm
mày cuốn mở, thấy xa xa đường núi *ngất cày rù*.

45.— Chim bay nhảy dẫu non vi.vút, — cá xuống lên
mặt nước thèp-thò.

46.— Cảnh vừa khi quân tướng những ta xưa, thú
cỏ hoa thì ai cũng chiều chơi; nào ngờ tuyết lạnh sương
tan, lòng dạ ấy phải biết cho người với; — người đến
buổi quan-hà về kẻ khác, thù non sông nghĩ mình chưa trả
được, dẫu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào *vui với*
cảnh ru!

47.— Quay cả vǎn-chương, hòn đất lấp! — Chảy băng
danh-vọng, khúc sông nhô!

48.— Quỉ dạ-thoa (28) quấy bụi xuống chi đây, người
bách nghệ đến đâu đều khổ-não; — thần han-bạt (29) nát
ai ra đáy tá, kẻ tam nòng (30) mong chẳng được lô
nhu (31).

49.— Cơn binh-hỏa trải mấy *tao* dời đổi; — buồi phong
trần thêm mấy dịp tranh đua.

50.— Lớp tang-thương rời rụng tựa hoa tàn, ngâm
thien-lạo cũng vui thay cảnh thù; — cuộc nam bắc được
chẳng đường chớp giật, nghĩ thời-cơ thêm ngắn nỗi khuông
phù.

51.— Đường vinh nhục nọ dòng nước chảy; — áng lợi
danh kia đá lửa khua.

52.— Gánh quân thân ai đã mỏi vai rồi, kẻ *tráng-sī*
lãm thính đi chẳng *cắt*; — vạc quốc-bảo khách *đà dang*
tay kéo, đứa nhâm-nhân (32) gắng sức lại mà hò.

53.— Du hồ dẽ mấy ai Phạm Lãi (33)? — Phù hải âu
chẳng một Tứ Do (34)!

54.— Cửa âm dương khép mở sớm khuya liền, cơ huỵễn-diệu khó lường sinh với tử; — xe nhật nguyệt dày dui xuôi ngược mãi, kiếp phù sinh khôn tình hữu hay vô.

55.— Vầng trăng nở tròn rồi thời lại khuyết; — bình nước kia đầy lầm có khi dò

56.— Nhớ khi thanh dạ tuần trăng, hương thoang-thoảng đưa phòng trà ướp mộc; — tưởng buổi đoan-đương quạt gió, lùa bàng-bàng đun ấm rượu ngâm bồ (35).

57.— Thanh cung (36) khi hạ tối nắng dương nồng, giời phấn phun hương, so thanh lãnh với đông kia chảng kém; — lồng uyển (37) lúc thu tàn hoa chửa rã, thêu hồng kết gấm, ví phượng-phi (38) cùng xuân ấy không thua.

58.— Thuở ngực du đưa đĩnh phượng thuyền rồng, thả thanh-hồng (39) hoa cẩm chặt ao tiên, thu được cả vương hầu khanh tướng; — khi từ yến bày đàn loan quán phượng, khúc vũ-nghê (40) gió thổi lên cung nguyệt, vui mừng đều thành thị hải ngũ (41).

59.— Nồng nỗi ấy, kẻ càng thêm thảm nhỉ! Cơn cờ này ai hầu dê biết cho?

Bản chép khác. — Liên 28:... thí cung kẽ... thẳng... — Liên 29: Vũng du ngực khi Quảng-bá dày xuôi, quan ngực thể khéo như đồi Hương-khánh: — đoàn chiến tượng buổi Tam-Sơn rách ngực, dù tượng kia không phép Kiền phủ. — Liên 30:... thường ngoại bụi... v.v... mây... — Liên 31:... cảnh.. cõ.. — Liên 32:... viết.. lồng nhăng. — Liên 33:... quán.. đồng-vọng.. quen, khách lạ.. thương.. mơ-màng.. canh.. — Liên 34:... cõ.. đĩnh.. chính.. — Liên 35:... hụ.. gọi.. ba.. — Liên 36:... nhạn rong.. soi.. rù (hoặc: dù) — Liên 37:... khua.. ngờ.. vặc — Liên 38:... túi thay.. trách.. xót lè.. — Liên 39:... hụ.. vè.. hụ.. chú.. — Liên 40: lũ chim đàn sè.. lũ đê đàn (hoặc con cóc con).. — Liên 41:... Thường.. lội (hoặc: ng López) tui khoái (hoặc: tui khái).. sông.. chói.. — Liên 42:.. ít.. lúc.. — Liên 43:.. mang.. tả dáng.. — Liên 44:.. ma lấp.. lù.. — Liên 45:.. sườn.. — Liên 46:.. duyên.. dày.. cho người biết.. gặp.. vui với cảnh này.. — Liên 47:.. Hoa cỏ xiết toan chừng trời ủ: — tang thương khôn tình nỗi gấp-gồ. — Liên 48:.. sao.. thay.. — Liên 49:.. phen.. lúc.. càng lầm.. — Liên 50: Dùi hàm-

nhiên đương nén nguyệt cồng kềnh hồi thú cỗ đã rong sần lạc quốc ;— chày cỗ-tięc mới khua chuông chénh-choảng, đích chính nhân đà hót oán diêm-phù...— Liên 51 :... đám :... — Liên 52 :... chí... đứt... còn... cánh...— Liên 54 :... đồng... áo... khó ;... keo vẫn... hư... — Liên 55 :... Đường... ru... như bình...— Liên 56 :... câu... sen... ngại... hâm... — Liên 57...: nhả ngọc phun châu... này... thương... buổi... về... nở.. lục... phân phương...— Liên 58 :... buổi... tấu... quản hạc... từ— Liên 59 :... ta... cảm nhẽ.. đâ.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ba la cỗ-sắt* : ông phật Ba-la gảy đàn sắt để xem cá (2).— *Hư Tĩnh thư phù* : (thư phù 禪符) : thư là viết, phù là bùa ; nói về phép phù-thủy, dùng hương mà viết trống không, cho thành bùa để yểm trấn ma quỷ hoặc sai khiển âm-bình ; ông Hu-Tĩnh học được phép tiên, dùng phép thư phù mà hàng được ròng, phục được hô.— (3) *Lò mờ móng ngựa* : ít có chân ngựa đi lại.— (4) *Mù-mịt bóng dù* : không thấy bóng dù long lui tới.— (5) *Đại hưu* : một quẻ trong Kinh-Dịch, nghĩa là thịnh-vượng, giàu có.— (6) *Trung-phu* ; một quẻ trong Kinh-Dịch, nghĩa là trong lòng ngay thẳng.— (7) *Tiêu-thiều* 蕭 錄 (tiêu: sáo ; thiều : nhạc cỗ) : nói chung về âm-nhạc của nhà vua.— (8) *Thanh diêu* 青 鳶 : con chim xanh.— (9) *Chương-phù* : thứ mũ cỗ của các sĩ-phu thường đội.— (10) *Kim phong* 金 凤 : giò mùa thu, vì mùa thu, thuộc hành kim.— (11) *Túc vụ* : 宿 鶩 : con le ngũ.— (12) *Cô hồng* 孤 鴻 : chim hồng bay một mình.— (13) *Thi đình* 詩 庭 : sân thi lê, nơi học hành.— (14) *Thơ bạch nhạn* : thơ của Đỗ Phủ đời Đường trong có câu : « Cố quốc sương tiền bạch nhạn lai 故 國 霜 前 白 雁 來 (Nước cũ trước khi có sương chim nhạn trắng lại).— (15) *Cầm viện* 琴 院 : viện gảy đàn.— (16) *Thanh thù* 靑 蛛 : con nhện xanh.— (17) *Thây Tân* : túc là Lã Đêng Tân cưỡi hạc qua bể đến dự yến ở Dao Tri của bà Tây Vương mẫu mòi.— (18) *Ông Lý* : túc là Lý Bạch tự xưng là « Hải thương kỵ kinh khách 海 上 騎 鯨 客 » (người khách cưỡi cá kinh ở trên bể.— (19) *Cơ hoang* 飢 荒 : dói và mất mùa.— (20) *Nam tướng* : tướng phuơng Nam túc là của Tây-sơn ; Bắc-sĩ : sĩ tốt phía Bắc, túc là của Tôn Sĩ-Nghị.— (21) *Tây triều* : túc là triều Tây son ; Đông-phu : túc là sĩ-phu ở Đông-kinh (Hà-nội).— (22) *Tưởng nghiên trà cho cá dớp hạc bay* : theo hai câu thơ của Lâm-Bồ « Tây nghiên ngư thôn mặc, phanh trà hạc lị yên 洗 瓢 魚 吞 墨 , 烹 茶 鶴 遇 煙. » (Rửa nghiên thì con cá nuốt mực, Đun chè thì chim hạc tránh khói).— (23) *Nhỏ thuần lư* : Trương

Hàn dời Tán, đến mùa thu, nhớ canh rau thuần và gỏi cá lư, ở quê mình, liền từ quan về.— (24) *Qui lai*: đi về. Đào Tiềm dời Tán, lúc từ quan về có làm bài *Qui khứ lai từ* 归去來辭。— (25) *Trực bút* 直筆: thẳng bút mà chép.— (26) *Khán son* 看山: tên một cái mỏ đất ở phía nam Hồ Tây và ở phía Tây thành Thăng-Long, vua Lê Thánh tôn thường lên đây xem tập trận giả.— (27) *Võng thi* 綱市: Tên một làng ở phía Bắc Hồ Tây (nay thuộc huyện Hoàn long Hà-Đông) xưa làm nghề nấu rượu.— (28) *Đại thoa* 夜叉: tên một thứ quỷ.— (29) *Thần hạn bat*: thần làm đại hạn.— (30) *Tam nồng*: ba hạng người làm ruộng. Theo sách *Chu lě* ba hạng ấy là người làm ruộng ở đồng-bằng, ở đồng lầy và ở núi.— (31) *Tô nhu* 鮑鳴: tô là sống lại; nhu là thăm nhuần ơn trạch.— (32) *Nhâm nhân* 壬人: kẻ nịnh-hót.— (33) *Phạm Lãi*: người đời Xuân thu, quê ở nước Sở, làm tướng nước Việt, giúp vua Câu Tiễn nước ấy diệt nước Ngô; xong, không nhận tước-phong, vượt biển sang nước Tề, đổi họ tên là Chi-di Tử-bi, làm ruộng trở nên giàu to; vua nước Tề đón làm tướng, ông lại chia tan của cải, trốn sang nước Đào, đổi tên là Đào Chu công, lại làm ăn buôn bán trở nên giàu lớn.— (34) *Tử Do*: tức là Tử Lộ, học trò đức Khổng-tử. Đức Khổng nói rằng Tử-Lộ có thể cưỡi bè vượt bờ theo ngài (*phú hải*: vượt bờ).— (35) *Bồ*: quả bồ đào.— (36) *Thanh cung* 清宮: cung vua mát-mẻ.— (37) *Lãng uyển* 閑范: nghĩa đen là vườn tiên, đây chỉ vườn nhà vua.— (38) *Phương phi*: thơm-tho.— (39) *Thê thanh hồng*: thê xanh, thê đỏ ở thuyền các quan.— (40) *Vũ nghệ*: tức là « Nghê thường vũ y khúc 穿裳羽衣曲 » (nghệ thường: xiêm màu cầu vòng; vũ y: áo lông chim), khúc hát do vua Đường Minh Hoàng đặt tên sau khi chiêm bao được len cung trăng thấy các nàng tiên ở trên áy múa hát.— (41) *Hải ngu* 海偶: gốc biển.

HOÀNG-QUANG 黃光

(Xem *Tiểu truyện* của tác giả ở *Phản thứ nhất*, Năm thứ nhì, chương thứ X lời chú (11).)

73.— *Hoài nam khúc* 懷南曲

(Xem *Phản thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ X § 1)

Khúc này viết theo thể lục bát và gồm có 670 câu không kể các bài thơ và bài cáo xen vào trong bài.

Thoạt tiên tác-giả kể công-nghiệp các chúa Nguyễn đã khai thác

cõi Nam, rồi nói đến việc Trương Phúc Loan phụ chính, chuyên quyền làm bậy gây nên cái loạn Tây-sơn, khiến cho chúa Trịnh thua cõi tự phía bắc đánh vào, chúa Nguyễn (Đinh-vương) phải chạy trốn vào Gia-định; sau cùng nói đến nỗi cực-khổ đói rét của nhân dân mà kết lại cái ý mong cho chúa Nguyễn lại khôi phục lại được nghiệp cũ để nhân-dân được an-hưởng thái-bình. Lời văn nhiều đoạn rất bi ai thống thiết; sách *đại nam liệt truyện tiền biên* (truyện Hoàng Quang) chép rằng: Bà Ngọc Huyền công chúa (con gái chúa Võ-vương sao được khúc ấy, sai người đưa vào Gia Định, đức Thế-tổ sai đem bài ấy tuyên-bố cho quan quân được biết, những người đọc có người cảm-dộng đến nỗi úa nước mắt khóc ».

- 141 Kẽ từ át đậu (1) lâm triều,
Rồi qua qui tị (2) chút nghèo chín năm.
Giặc đậu nỗi dây xứ Chiêm (3).
Tây.sơn Biện Nhạc (4) nghỉ lầm Võ, Thang (5)
- 145 « Phù minh diệt ám » (6) tiếng vang,
Đã liều búa sắt gươm vàng quản chi.
Trong non khói lửa đèn sì,
Cờ thi treo áo, binh thi rút cây.
Rủ nhau chuột lũ, cáo bầy ;
- 150 Vuốt nanh khách trú, cánh vai buôn bè (7)
Nực cười châu chấu chống xe,
Những ngò chấu ngã, chẳng dè xe nghiêng.
Lớn oai, sao nó chẳng kính ?
Đầu còn chó gặm, sau liền kinh ăn.
- 155 Tới đâu, ngọc thạch cầu phần (8) :
Than ôi ! Thăng, Điện (9) ấy dân tội gì ?
Triều đình xa dẽ chẳng nghe.
Đã đánh đuổi cáo muông què ngọc khua.
Há không lương-sĩ cù-cù (10) ?
- 160 Bởi vì ngọt miệng xôi chùa tham ăn.
Há không lúa thóc đầy căng ?
Ba quản đánh giặc phải ăn cơm nhà,
Há rằng chẳng sắc can qua ?
Can qua sắc nữa, ai hòa đánh cho ?
- 165 Chẳng nài trăm trận đều thua,

Miễn là đắc thắng đầy kho bạc vàng (11).

Tinh binh đồn-phủ Phấn-dương (12)

Đem binh lão-nhược lọt đường Tây-sơn.

Ái ngoài, sai chúng khó-khăn,

170 Góc nhà đồn-thủ về phần cháu con.

Trận bầy dưới biển trên non.

Vầy dân tiền của đắp đồn miễn hơn.

Khéo là dành dạ bất-nhàn :

Một mình muốn sống, muôn dân nỡ hoài.

175 Vi dầu xuống ngựa lên ngai,

Không dàn chua dẽ cùng ai sang giàu.

Tưởng hơn nào thiệt có áu,

Nước nhà đã mất, công-hầu cùng ai ?

Sao không chống sức ra tài,

180 Lấy gan làm lũy, lấy vai làm thành ?

Đề cho giặc nọ vô-danh,

Xòn-xao ếch giêng khoe mình nỗi chi.

Anh-hùng đã phải tế thi (13),

Nào là tài-cán chẳng đi dẹp loạn ?

185 Bình-cơ khéo vận trong màn,

Chưa lo đánh giặc, đã cảng đánh dân.

Mới hay Tân lại công Tân (14)

Quét hang đã lở, cày sân lại chìn (15)

Đến đâu máu mõi đều hao.

190 Của dân sáo khéo tơ hào chẳng kiêng.

Ai là dân Quảng (16) truân chiên,

Dẽ hầu gà lược mấy phen nữa là.

Tranh nhau mấy trận vào ra,

Xương phoi trắng núi, máu hòa dỗ sông.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ất dậu* : tức là năm 1765, năm đức Định-vương Nguyễn Phúc-Thuần (sau truy-tôn là Duệ tôn Hiếu định hoàng-đế) lên ngôi chúa.— (2) *Qui-lị* : tức là năm 1773, năm Nguyễn-Nhạc nổi loạn.— (3) *Xứ Chiêm* ; Tây-sơn (tên xã, nay là đất hai thôn An-khê và Cửu-an thuộc phủ Hoài-nhân, tỉnh Bình-định), quê ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ, vốn là đất cũ của Chiêm-Thành.— (4) *Biện Nhạc* : nguyên Nguyễn-Nhạc trước làm biện-lại ở Vân-dòn nên thường gọi là Biện-Nhạc.— (5) *Nghĩ lầm Võ*, *Thang* (Võ : vua sáng

nghiệp ra nhà Hạ ; Thang : vua sáng nghiệp ra nhà Thương) : tướng lầm minh có tài làm nên vua sáng nghiệp.— (6) *Phù minh diệt ám* 扶明滅暗 : giúp sự sáng, dứt sự tối. Khi Nguyễn-Nhạc nổi loạn, lấy danh nghĩa là trừ đảng Trương-Phúc-Loan là kẻ quyền thần làm bậy.— (7) *Câu 150* : Sau khi Nguyễn-Nhạc nổi loạn, có hai người khách buôn tên là Tập Đinh và Lý-Tài cũng mờ quân đi theo.— (8) *Ngọc thạch* 玉石俱焚 : ngọc và đá đều cháy ; nghĩa bóng : dân sự đều bị tàn phá.— (9) *Thăng-Điện* : p. Thăng-hoa (nay là Thành-bình) và p. Điện-bàn thuộc Quảng-nam.— (10) *Lương sĩ cù cù* 良士瞿瞿 : chử trong *Kinh Thi*, nghĩa là tướng sĩ giỏi mạnh mẽ.— (11) *Câu 166* : tuy quân thua, nhưng Trương-Phúc-Loan lâu man với chúa là quân thắng trận đề xin lấy vàng bạc làm tiền thưởng cho tướng-sĩ.—(12) *Phấn-dương* : tên xã, ở đây có cái biệt-thự của Trương-Phúc-Loan.— (13) *Tế thì* 濟時 : giúp đời — (14) *Tần lại công Tần* : nghĩa đen là quân nhà Tần lại đánh nhà Tần ; nghĩa bóng là quân minh lại làm hại dân minh.— (15) *Quết hang, cày sân* : đánh tràn đi.— (16) *Quảng* i Quảng-nam.

LÊ NGỌC-HÂN 豐玉欣

(Xem *tiêu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, năm thứ nhì, *Chương* thứ X. *Lời chú* (12)).

74.— Khóc vua Quang-Trung (Trích một đoạn)

- 77 Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt !
 Cảnh điu-hiu, thánh thót chau sa.
 Tưởng lời di-*ngữ* thiết-tha.
- 80 Khóc nào nén tiếng, thức mà cũng mè.
 Buồn thay nhẽ xuân về, hoa ở !
 Mỗi sầu này, ai gõ cho xong ?
 Quyết liều, mong vẹn chử « tòng »
Trên lương nào ngại, giữa dòng nào e ?
- 85 Còn trừng nước, thương vì doi trẻ.
 Chử thâm-tình, không nhẽ bỏ đi.

- Vày nên nǎn-ná ngày trì (1),
 Hình đường như ỏ, hồn thì đã theo.
Năm canh luống chiêm-bao lần quất.
- 90 Mơ-tưởng còn phảng-phất thiên-nhan.
Tiếng say trên gối trước màn,
Khi mê đường thấy, khi tàn lại không.
Nhà ngọc-vũ (1a) tiếng đồng văng-văng.
Khúc quran-thieu sao văng âm-hao ?
- 95 Mơ màng luống những khát-khao,
 Ngọc-kinh (2) chốn ấy, ngày nào tới nơi ?
 Tưởng thôi, lại bồi-hồi trong dạ,
 Nguyệt « đồng-sinh » sao đã kíp phai ?
Xưa sao sớm hỏi, khuaya vời,
- 100 Nặng lời vàng đá, cạn lời tóc tơ ?
Bây giờ bỗng thờ-ơ lặng-lẽ,
Tình cô đơn, ai kẻ biết đau !
Xưa sao gang tắc gần chầu,
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca ?
- 105 Bây giờ bỗng cách xa đôi cõi,
 Tin hàn-huyên (3) khôn hỏi thăm lệnh !
Nửa cung gãy phim cầm lành.
 Nỗi con cõi-cút, nỗi mình bơ-vơ !
 Nghĩ nông-nỗi ngắn.ngo dõi lúc,
- 110 Tiếng tử qui (4) thêm giục lòng thương.
Não người thay, cảnh tiêu-lương !
 Dạ thường quắn-quại, mắt thường ngóng trông.
 Trông mé đông, lá buồm xuôi ngược.
 Thấy mènh-móng những nước cùng mây,
- 115 Đông rồi, thời lại trông tây :
 Thấy non chất-ngắt, thấy cây rườm-rà,
 Trông nam, thấy nhạn sa lác-dác ;
 Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.
Khắp trông trời đất bốn phương,
- 120 Cõi tiên khơi thăm, biết đường nào đi ?,

Bản chép khác. — Câu 79 : ... chúc... — Câu 80 : ... mà... nén... — Câu 81 : ... cảnh... — Câu 82 : ... riêng... — Câu 84 : ... rường... đầu... — Câu 85 : ... chút. — Câu 86 : ... tình thâm chưa thoát được... — Câu 87 : ... đồi khi. — Câu 88 : ... tuy còn... phá h... — Câu 89 — 94: Theo buổi trước ngực đèo Bồng-đảo. Theo buổi sau ngực nèo sông Ngân. Theo xa thôi lại theo gần. Theo phen điện quế, theo lùn nguồn hoa. Đường theo, hông tiếng gà sực tĩnh. Đau đớn thay áy cảnh chiêm bao t — Câu 95 : ... thêm nỗi... Câu 99: Khi... — Câu 100... lòng... — Câu 101: Giờ sao. — Câu 102 : ... xét... — Câu 103 : Khi... — Câu 104 : ... lùn ngoài... định... — Câu 105 : Giờ sao... — Câu 106 : ... nghe không... — Câu 107 : ... vừa... đau... — Câu 111 : ... tiên-hương. — Câu 112 : ... quanh-quất, mệt... — Câu 113 : ... mải... — Câu 114 : ... mông-mênh... — Câu 116 : ... ngân... — Câu 118 : ... ngọt... — Câu 119 : No... — Câu 120... diễn...

CHÚ-THÍCH. — (1) *Trì* : đây là tri-hoãn, để chậm lại. — (1a) *Ngọc-vũ 玉宇* : cung điện trang-hoàng bằng vàng ngọc. — (2) *Ngọc kinh* : hoàng đô, kinh-đô. — (3) *Hàn-huyền 寒暄* (lạnh và ấm) : nói về câu thăm hỏi, trò-chuyện. Khi hai người mới gặp nhau, lấy những câu trời lạnh, trời nóng để hỏi thăm nhau. Cùng giống nghĩa như chữ « hàn ôn 寒溫 ». — (4) *Tử qui 子規* : chim đỗ-quyên.

ĐẶNG ĐỨC-SIÊU 德鄧超

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ X*, *Lời chú* (13).)

75.— Văn-té Phò-mā Chưởng hậu-quân Vũ-Tính và Lễ-bộ thương-thư Ngô Tùng-Châu

Vũ-Tính (Võ-Tánh) là một bức danh-tướng của vua Gia-long, lại lấy em gái ngài ; Ngô Tùng-Châu (Tòng-Chu) là bức văa-thần làm Lễ-bộ thương-thư kiêm chức Phụ-đạo Đóng-cung. Khi đức Gia-long đã lấy được Qui-nhon (Bình-định) của Tây-sơn (1799), ngài sai Tính làm trấn-thủ và Châu làm hiệp-trấn để cùng giữ thành ấy. Không bao lâu, quân Tây-sơn lại kéo đến đông vây thành. Trong non hai năm trời hai ông hết sức chống giữ thành-trì ; sau quân-sĩ mệt, lương-thực khát kiệt, hai ông bèn tuẫn-tử để toàn danh-tiết ; Châu thì uống thuốc độc chết (1801). Nên trong bài văn-té này, trong đoạn kể tài-đức hai ông, cứ về trên nói về Tính, về dưới nói về Châu.

Than rắng :

1.— Đạo thần.tử hết lòng thờ chúa, gian.nan từng giải dà trung.thành ; — đứng anh-hùng vì nước quyên.sinh, *điên-bái* (1) *chẳng sai lòng* tiết nghĩa.

2.— Ngọc dấu tan, vẻ trăng nào phai ; — trúc dấu cháy tiết ngay *vân* dề.

Nhớ hai người xưa :

3.— Thao.lược (2) ấy tài ; — kinh.luân (3) là chi.

4.— Phù vạc Hán thuở ngồi trời chêch-lệch (4) chém gai đuôi lũ hung-tàn ; — với xe Đường khi thế nước chóng-chênh (5), cầm bút ra tay kinh-tế (6) .

5.— Mỗi nghĩa sảnh duyên gác tia (7), bước gian-truân từng cậy dạ khuông-phù ; — màn kinh giúp sức cung xanh (8), công mông dường (9), đã dành lòng ủy-ký.

6.— Hậu-quân thuở trao quyền tú-trụ (10), chử ân uy lớn nhỏ đều phu (11) ; — lê-bộ phen làm việc chính-khanh (12), bè trung ái sóm khuỷa chẳng trễ.

7.— Ngoài cõi vuốt nanh ra sức, chỉ tiêm-cùu (13) dành giải xuồng ba quẩn ; — trong thành *then* khóa chia lo, lòng ưu quốc (14) đã thấu lên chín bệ.

8.— Miền biên-khôn (15) *hai* năm chia sức giặc (16), vững lòng tôi bao quẩn thế là nguy ; — cõi Phú-xuân (17) một trận khét uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

9.— Sửa mũ áo lạy về bắc.khuyết (18), ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can ; — chỉ non sông già với cõi-thành, chén tân.khổ (19) nhấp ngon mùi chinh-kí (20) .

10.— Há rằng ngại một phen thí-thạch (21), giải trùng vi mà tìm tới quân-vương ; — bởi vì thương muôn mạng tì hưu (22), thà nhất tử dề cho toàn tướng-sĩ.

11.— Tiếng hiệu-lệnh mơ-màng trước gió, ân tín xưa người bộ-khúc (23) thương tâm ; — bóng tinh-trung (24) thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ kẻ liêu-bằng (25) sai lệ.

12.— Cơ dāng-dịnh (26) kịp chầy dành hẹn buổi, xót
tướng doanh sao vắng mặt thàn huân (27); — phận truy.
tùy (28) gang tấc cũng đèn công, tiếc nhung-mạc (29) bỗng:
thiệt tay trung trí.

13.— Nay gặp tiết thu; — bày tuần úy-tế (30).

14.— Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn-hoa
(31) cũng thỏa chốn u-minh; — nghìn thu hà-nhạc (32)
khi thiêng, giúp mao việt (33) để mở nền bình-trị.

Thượng hưởng !

Bản chép khác.— Liên 1 : *bản dāng dám lay*...— Liên 2 : ...
còn... — Liên 6 : ... *giúp*... — Liên 7 : ... *lòng dạ* (hoặc *vững dạ*)... —
Liên 8 : ... *đời*... *thết*... — Liên 10 : ... *theo*... — Liên 14 : ... *quang*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Điên báu* 頭 沢 : nghĩa đen : đồ lộn nhà ;
nghĩa bóng : loạn-lạc.— (2) *Thao-lược* 軍 略 : (thao : phép kín của
binh ; lược : mưu-mô) : phương-pháp và mưu-mô trong việc binh.—
(3) *Kinh-luân* : xem câu chú-thích số (1) ở Bài 86.— (4) *Phù vạc Hán*
thuở ngôi trời chêch-lệch (phù : giúp ; vạc : dịch chữ dính 駕, biếu-
hiệu của ngôi vua ; Hán : tên một triều vua ở bên Tàu) : giúp nhà
vua khi có hoạn-nạn.— (5) *Với xe Đường khi thế nước chóng-chênh*
(với : kéo lại ; xe Đường : xe vua Đường Huyền-tông chạy vào đất
Thục khi có loạn An-Lộc-Sơn) : vẫn-hồi lại vận nước khi có nguy-
biến.— (6) *Kinh-tế* 經 濟 : do chữ « Kinh bang tế thế 經 邦 濟 世 »,
sửa việc nước và giúp đời.— (7) *Sánh duyên gác tia* (gác tia: chỗ công
chúa ở) : nói về việc ông Vũ-Tinh lấy Ngọc-Du công-chúa em gái vua
Gia-Long.— (8) *Màn kinh giúp súc cung xanh* (màn kinh : cái màn
của ông thầy ngồi giảng-sách ; cung xanh : cung thái-tử Ở) : nói về
việc ông Ngô Tùng-Châu dạy hoàng-tử Cảnh học.— (9) *Mông dưỡng*
蒙 養 : nuôi dạy trẻ con.— (10) *Tứ-trụ* 四 桂 : bốn cột cái ; chỉ
bốn vị đại-thần trong triều.— (11) *Phu 孚* : tin phục.— (12) *Chinh*
khanh 正 卿 : chức quan, trên bậc thiếu-khanh ; chức quan to.— (13).
Tiêm cừu 戢 仇 : giết kẻ thù.— (14) *Uu quốc 夏 國* : lo về việc nước.—
(15) *Biên khôn 邊 闊* : nơi biên-thùy. Bấy giờ vua Gia-Long mới thu-
phục được đất Gia-dịnh, nên thành Qui-nhon cũng kề là nơi biên-
thùy.— (16) *Chia súc giặc* : vì ông Vũ-Tinh giữ vững Qui-nhon, nên
quân Tây-sơn không thể dời đẩy mà ra ngoài Phú-xuân được.— (17)
Phú-xuân : tức là kinh-đô Huế ngày nay.— (18) *Bắc khuyết 陟 閣* :
cửa hoàng-thàn ở phía Bắc. Bây giờ vua Gia-Long đương ở Phú-
xuân, tức ở phía bắc thành Qui-nhon.— (19) *Tân khổ 辛 苦* : cay và

đắng ; chỉ thuốc độc.— (20) *Chính khí* 正氣 : cái khí-tiết ngay thẳng của những bậc trung-thần nghĩa-sĩ.— (21) *Thỉ thạch* 矢石 : tên và dạn.— (22) *Tí hưu* 貌貅 : tên hai loài mãnh thú : chỉ quân hung-dũng.— (23) *Bộ khúc* 部曲 : các đội ngũ trong quân.— (24) *Tinh trung* 精忠 : hồn trung-nghĩa thiêng-liêng.— (25) *Liêu-bằng* 倭朋 : bè bạn cùng làm quan.— (26) *Đặng-dịnh* 湯定 : đẹp yên giặc-giã.— (27) *Thân huân* 親勳 : thân với nhà vua và có công to.— (28) *Truy tùy* 追隨 : theo dõi.— (29) *Nhung-mạc* 戎幕 : màn quan tướng ở trong quân.— (30) *Úy-tế* 鬼祭 : tế để yên-ủi.— (31) *Côn hoa* 余華 : (côn : lễ phục của nhà vua) : sắc của vua ban, làm cho vinh-hiển như khoác áo côn vào mình.— (32) *Hà nhạc* 河岳 : sông và núi.— (33) *Mao việt* 雄鋒 : mao là cờ kết bằng lông mao để biếu-hiệu mệnh-lệnh của nhà vua ; việt là thứ binh-khi hình như cái búa.

ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG 鄧陳常 (1759-1813)

Ông người h. Chương đúc, (nay là h. Chương-mỹ, Hà-động), đậu sinh-đỗ về cuối đời nhà Lê. Sau khi nhà Lê mất, không chịu ra làm quan với Tây-sơn, vào Gia-định theo giúp sức Nguyễn-Ánh lập nhiều công trạng làm đến chức Tán-lý. Bình-định xong, tinh chức Bình bộ Bắc thành, rồi được triều về Kinh làm Bình-bộ thưng-thur. Sau vì có lỗi, phải bắt giam trong ngục, làm bài phúc kẽ dứt; sau phải tội giao.

76.— Hán Vương-Tôn phú 韓王孫賦 (Trích một đoạn)

Hán vương-tôn (vương-tôn : con cháu nhà quý tộc là Hán-Tín 韓信 người đất Hoài-âm; một bậc danh tướng của vua Hán-Cao tổ bên Tàu. Trước hết ra mắt Hạng-Vũ, Vũ không dùng bèn đi theo vua Hán được làm đại tướng, đánh dẹp có công lớn, trước được phong làm Tề-vương, sau đổi làm Sở-vương. Về sau có kẻ tố cáo rằng Tín mưu phản, vua Cao-tổ giả cách đền choi Vàn-mông, bắt Tín, rồi tha và giáng xuống làm Hoài âm hầu, nhưng sau bị bà Lữ-hậu (vợ Cao-tổ) giết chết.

Bài phú này gồm 24 liêng, có thể chia làm 5 đoạn : 1º Lúc hàn vi (liên 1-10), — 2º Lúc làm tướng (liên 11-22) — 3º Công đánh dẹp (liên 23-32) — 4º Lòng trung-thành và nỗi oan-uống (liên 33-38); — 5º Đoạn kết (liên 39-42).

33.— Ôi-á-c biết lòng du-tử (1) : vậy khi đóng Định-dào, khi quân Tu-vũ, ra vào then khóa chẳng ngờ (2) ; — trung trinh giữ tiết nhân thần ; dù rằng chơi Vân mộng, dù rằng được Trần-Hy, chút đính tóc tơ dám nghĩ (3).

34.— Há có lòng như Hy, Bố (4) chút nào ; — tiết thận mặt với Phàn, Đắng (5) một tí.

35.— Ông nho-nhỏ cũng lấy vàng mà báo đáp (6), đính chung (7) này đâu có nhẽ thờ ơ ; — oán rành rành còn cho tước dễ dùng (8), giang-sơn ấy há lại lòng ngấp nghé.

36.— Gio cung bắn thỏ, nặng sức nam-nhi ; — được cá bỏ nom, quản đâu thế vị.

37.— Đường phú quí có sức nào chuyên được : nọ kẻ trưởng màn khuya sớm, chốn Cốc thành còn phải lánh mình đi (9) ; — áng công danh hồ ai dễ xủ đâu, (10) kia người then khóa bấy lâu, vườn Thượng-uyễn cũng còn roi tiếng lụy (11) !

38.— Chót tao phùng đã đính lợi cùng danh ; — thoi vinh nhục lợ bàn phi với thị.

39.— Lành thay ! Văn vũ gặp thời : — còn bằng phỉ chi.

40.— Luận tài năng, suốt Tây kinh, Đông Hán (12) chưa ai : — sở huân nghiệp, dẫu Châu, Thiệu, Thái công (13) khá ví.

41.— Nhà thạch-thất dẫu nhạt son, mòn sắt (14), danh tướng quân dành muôn kiếp còn thơm : — nền kim-dao dù nhạt lứa, phai vàng (15) công tướng quân dẫu nghìn năm như vẽ.

42.— Ta nay : xem pho cựu-sử, đọc truyện nhân thần thấy câu : « Hán dắc thiên hạ đại để giai Tin chi công » (16) chửa từng chẳng thán tích Hán vương tôn chi anh tài, mà thâm trách Hán Cao hoàng chi sai kỵ (17).

CHÚ-THÍCH.— (1) Ôi ác : bạc ác ; du tử 遊子 : khách đi chơi. Hán Cồ tỗ, trong một bài hát, tự xưng là « du tử ». — (2) Định dào Tu-Vũ : tên đất. Khi Hán Tin đóng quân ở đất Định dào và đất Tu-Vũ, vua Hán Cao-tô lén vào trong dinh, lấy ấn đại tướng dấu đi mà Hán Tin vẫn ngủ không biết. — (3) Vân-mộng : tên đất. Vua Hán

Cao Tổ, giả cách di chơi Vạn-mộng ; Hán Tin đến chầu, bị vua bắt trói vào xe đem về. Trần Hy : một người tướng của vua Hán Cao Tổ, sau làm phản. Khi vua Hán Cao-Tổ đương đi đánh Trần Hy, bà Lữ-Hậu nói rằng đã bắt được hắn ; Hán Tin vào mừng, bị bắt và giết chết. Hai việc ấy tỏ rằng Hán Tin một lòng ngay thẳng, không hề có ý nghĩ làm phản— (4) *Hỷ-Bố* : tức là Trần-Hy (vừa nói trên) và Anh Bố đều là tướng của vua Hán Cao-Tổ mà sau làm phản.— (5) *Phàn, Đằng* : tức là Phàn-Khoái và Đằng-Công. Khi Hán Tin làm đại tướng thi cai quản cả bọn, Phàn, Đằng ; sau phải giáng làm Hoài-âm hầu, thành ra ngang hàng với bọn ấy.— (6) *Ôn nho-nhỏ* cũng lấy vàng mà bảo dáp : lúc Hán Tin còn hàn vi, một lần đói khát, được bà Xiếu-mẫu cho ăn : sau Tin làm Sở-vương, đem nghìn vàng tặng bà ấy để đền ơn.— (7) *Đỉnh-chung* 鼎鐘 (vạc và chuông) : tức là « chung minh đỉnh thực 鐙鳴鼎食 : » xưa nhà giàu sang, bày vạc mà ăn và lúc ăn thì phải đánh chuông ; nghĩa bóng nói sự phú quý.— (8) *Oán rành-ranh còn cho trước để sinh dùng* : lúc Hán Tin còn hàn vi, một hôm, cầm gươm ra chợ Hoài-âm, có người hàng thịt muốn làm nhục, bảo Tin rằng : « Có gan chết thì đâm ta : bằng không thi luồn qua khố ta ». Hán-Tin chịu luồn qua khố hắn. Sau tin làm nên không giết hắn, lại còn cho hắn làm quan.— (9) *Đường phú qui... lánh minh di* : thường thường không có sức mạnh nào làm chuyen được lòng ham phú quý của người đời, thế mà Trương-Lương một người đã có công ngồi trong màn bày mưu lập kế cho vua Hán Cao, sau khi bình định lại bỏ cả phú quý mà đi ẩn ở đất Cốc-thành, vì Lương biết rằng vua Hán hay ngờ ghét công thần.— (10) *Áng công danh hồ ai để xỉu đầu* : người bày tôi đã lập nên công danh rất là khó xỉu để toàn được thân, vì vua hay đem lòng ngờ vực.— (11) *Kìa người then khóa còn rơi tiếng lụy* : đây là nói về Tiêu-Hà. Khi vua Hán Cao đánh nhau với nước Sở thì Tiêu Hà giữ đất Quan-trung (như người coi nhà giữ việc then khóa), có công trạng to, thế mà về sau, chỉ vì Tiêu-Hà xin cho dân được vào ở trong Thượng uyển (vườn nhà vua), Vua Hán nghi cho Hà ăn hối lộ, bắt giam vào ngục.— (12) *Tây-kinh, Đông Hán* : tức là nhà Tây-Hán đóng kinh-đô ở phía Tây (Tràng-an) và nhà Đông-Hán đóng kinh-đô ở phía đông (Lạc-dương) — (13) *Châu, Thiệu Thái-công* : Châu là Châu-công ; Thiệu là Thiệu-công, hai bậc tướng giỏi đã giúp vua Vũ-vương dựng nghiệp nhà Châu-Thái-Công : tức là Thái-công-vọng. (xem câu chú-thích số 11 ở Bài 63) — (14) *Nhà thạch-thất dẫu nhạt sơn mòn sắt* : vua Cao-tổ có làm một nhà bằng đá (thạch-thất) trong ghi lời thè viết bằng son khắc vào sắt rằng : con cháu các công-thần được đời đời nối-nghiệp làm chư-hầu. Nhạt son mòn sắt : ý nói không giữ lời thè.— (15) *Nền kim*

đao dù tắt lửa phai vàng : ý nói nhà Hán dù mất ngôi vua. Nền kim-đao chỉ nhà Hán, vì vua Hán Cao-tô họ Lưu, mà trong chữ Lưu 有 có chữ 金 (vàng) và chữ Đao 刀 (dao) : phai vàng là ám chỉ chữ « kim » ở trên ; còn tắt lửa là vì nhà Hán khởi lên tự phương tây, mà phương tây thuộc hành hỏa là lửa.— (16) *Hán dắc thiên hạ đại-dẽ giao Tín chí công* 漢得天下大抵皆信之功 : nhà Hán được thiên-hạ đại-dẽ đều là công của Hán-Tin.— (17) *Thân tích Hán vương-tôn chi anh-tài* : than tiếc cái tài giỏi của Hán vương-tôn. *Thâm trách Hán Cao-hoàng chi sai ky* : sâu trách cái lòng ngờ ghét của vua Hán Cao.

PHẠM QUÍ-THÍCH 范貴適 (1760-1825)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả* ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, *Lời chú* (1)).

77.— Tổng vịnh truyện Kiều (1)

Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,
Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng.
Gót ngọc khôn đánh chốn thủy-quan (2).
Nửa giấc đoạn-trường tan gối điệp (3),
Một dây bạc-mệnh dứt cầm loan (4),
Chó hay những kẻ tài tình lăm,
Trời bắt làm gương dê thế-gian.

Bản chép khác.— Câu 4 : *Vẽ... chưa phai...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Bài thơ nôm này là dịch thoát bài thơ chữ Hán thường in ở đầu các bản truyện Kiều nôm : xem nguyên văn ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, *Bài đọc thêm số 1*). — (2) *Thủy-quan* : như chữ « thủy-phủ » nơi thủy-thần ở.— (3) *Gối-diệp* (diệp : con bướm) : xưa Trang-Chu nằm chiêm-bao thấy mình hóa ra con bướm, nên giấc chiêm-bao y gọi là « giấc-diệp », gối nằm chiêm-bao gọi là « gối-diệp ».— (4) *Cầm loan* (cầm : đàn ; loan : con cái của chim phượng) : nghĩa bóng : tình hòa-hợp của hai vợ chồng hoặc của hai tình-nhân.

NGUYỄN-DU 阮攸 (1765-1820)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ Nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XV*, *Lời chú* (2)).

Kim Văn Kiều 金雲翹

Lược truyện.— Truyện Kiều (xem *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*), *Chương thứ XVIII* gồm có 3254 câu và, trừ đoạn mở bài và đoạn kết, có thể chia làm sáu hồi :

Đoạn mở bài (câu 1-38). — Tác-giả đem cái thuyết « tài mệnh, tương đố » (tài và mệnh ghét nhau) nêu lên làm luận để cuốn truyện. Rồi tác giả nói gia-thế và tả tài sắc hai chị em Thúy-Kiều.

I.— *Thúy-Kiều và Kim-Trọng đính ước với nhau* (câu 39-528).— Thúy-Kiều cùng hai em là Thúy-Vân và Vương-Quan, nhân đi chơi thanh-minh, gặp mả Đạm-Tiên là một người kỵ-nữ xưa có tài sắc mà số mệnh không ra gì ; lúc sắp về, lại gặp Kim-Trọng, hai bên bắt đầu yêu nhau. Kiều về nhà, nghĩ đến thân-thế Đạm-Tiên mà lo cho hậu-vận mình ; lại nhớ đến Kim-Trọng, không biết duyên-phận sẽ ra thế nào. Kim-Trọng từ khi biết Kiều cũng đem lòng tưởng nhớ, rồi tìm đến & cạnh nhà Kiều, nhân thế mà hai bên gặp nhau và thề nguyền gắn bó với nhau.

II.— *Vương-ông mắc oan*. *Thúy-Kiều bán mình* (câu 529-864) — Sau khi Kim-Trọng từ biệt Kiều về hộ tang chú thì bỗng Vương-ông bị thằng bán tơ vu oan phải bắt. Kiều muốn có tiền để chuộc tội cha, phải bán mình cho Mã Giám-Sinh và theo về Lâm-tri.

III.— *Kiều ở thanh lâu* (câu 865-1274).— Mã Giám-Sinh nói dối là mua Kiều làm thiếp ; thực ra, hắn chỉ là tay sai của Tú-bà, một mụ đầu chủ một ngôi hàng thanh-lâu. Khi đến Lâm-Tri, Kiều biết mình bị lừa, toan bồ tự vận. Tú-bà mới dỗ ngọt cho Kiều ra ở lâu Ngưng-bích nghỉ-ngơi, hứa sẽ tìm nơi xứng-đáng gả cho. Tú-bà bèn lập mưu sai Sở-Khanh làm ra mặt nghĩa-hiệp rủ Kiều đi trốn. Đến nửa đường, Sở-Khanh bỏ Kiều, Kiều bị Tú-bà bắt về, ép phải ra tiếp khách.

IV.— *Kiều vào tay Hoạn-thur* (câu 1275-1992).— Kiều ở thanh-lâu ba năm. Sau gặp một người làng chơi là Thúc-sinh lấy Kiều làm thiếp. Nhưng vợ cả Thúc-sinh là Hoạn-thur được tin, nổi ghen, sai

người, nhân khi Thúc-sinh đi vắng, đến bát Thúy-Kiều đem về nhà hành hạ khổ sở.

V.— *Kiều lấy Tù-Hải* (câu 1993-2736) — Kiều bỏ nhà Hoạn-thư trốn đi đến ở chùa bà vãi Giác-Duyên, được ít lâu bà cho Kiều sang ở nhà một người đàn bà thường đến lễ chùa là Bạc-bà. Không ngờ Bạc-bà cũng một phuруг với Tú-bà, giả làm lễ cưới Kiều cho cháu mình là Bạc-Hạnh để đem bán Kiều cho một hàng thanh-lâu ở châu Thai. Thế là Kiều lại phải vào thanh-lâu lần thứ hai. Được ít lâu, Kiều gặp một người tướng giặc là Tù-Hải lấy làm vợ. Kiều nhân dịp báo ơn xưa, trả oán cũ. Nhưng không bao lâu Tù-Hải mắc lừa bị giết chết. Kiều bèn dâm đầu xuống sòng Tiễn-đường, nhưng nhờ có bà vãi Giác-Duyên vớt lên đem đến ở trong am của bà.

VI.— *Kim,Kiều tái hợp* (câu 2737-3240).— Kim Trọng, sau khi về hộ tang chú, trở lại tìm Kiều; nghe tin Kiều phải bán mình, mới nghe lời Kiều dặn lúc ra đi, lấy Thúy-Vân. Sau, cùng với Vương-Quan đi thi đỗ, được bổ làm quan, mới dò la tin-tức Kiều, rồi gặp bà vãi Giác Duyên đưa đến chỗ Kiều ở. Hai bên được đoàn tụ cùng nhau.

Đoạn kết (câu 3241-3254).— Tác-giả nhắc lại thuyết « tài mệnh tương đố » mà khuyên ta nên giữ lấy « thiện tâm ».

78.— Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều

- 171 Kiều từ trở gót trường hoa.
 Mặt trời gác núi, chiêng đà thu không (1).
 Gương Nga (2) chênh-chêch dòn song,
 Vàng gieo ngắn nước, cây lồng bóng sân.
- 175 Hải đường lả ngọn đồng-lân,
 Giọt sương gieo nặng cành xuân la-dà (3).
 Một mình lặng ngắm bóng Nga,
 Rộn đường gần với nỗi xa bời-bời :
 « Người mà (4) đến thế thì thôi,
- 180 « Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi !
 « Người đâu (5) gặp-gỡ làm chi ?
 « Trăm năm biết có duyên gì hay không ? »
 Ngôn-ngang trăm mối bên lòng,
 Nên câu tuyệt-diệu ngũ trong tinh-tinh.
- 185 *Chênh-chênh bóng nguyệt xé màn*,

- Tựa làn bên triện một mình thiu thiu,
 Thoắt đâu thấy một tiều-kiều,
 Có chiều phong-vân, có chiều thanh-tân.
Sương in mặt, tuyết pha thân (6),
- 190 Sen vàng (7) lững-thững như gần như xa,
 Chào mừng đón hỏi dò-la :
 « Đào-nghuyên (8) lạc lối đâu mà đến đây ? »
 Thưa rằng : « Thanh-khí (9) xưa nay ;
 « Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên ? »
- 195 « Hàn gia (10) ở mé tây-thiên (11),
 « Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
 « Đã lòng hạ cõi đến nhau,
 Mấy lời hagy-ném chau gieo vàng !
 « Dâng trình hội-chủ (12) xem tường,
- 200 « Má sao trong số đoạn-trường có tên !
 « Âu dành quả kiếp, nhân duyên (13),
 « Cũng người một hội một thuyền đầu xa !
 « Nay mười bài mới, mới ra :
 « Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời »,
- 205 Kiều vang lĩnh ý đề bài,
 Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm.
 Xem thơ, nắc-nởm khen thăm :
 « Giá dành tú-khầu cầm-tâm (14) khác thường !
 « Vì đem vào tập đoạn-trường,
- 210 « Thị treo giải nhất, chi nhường cho ai ! »
 Thèm hoa, khách đã trở hài,
 Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
 Gió đâu sít bức màn mành
 Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
- 215 Trông theo, nào thấy đâu nào :
 Hương thừa nhường hãy ra vào đâu dày.
 Một mình lưỡng-lự canh chảy,
 Đường xa, nghĩ nối sau này mà kính :
 Hoa trôi, bèo giặt, đã dành :
- 220 Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi.

Nỗi riêng lớp-lớp sóng giòi,
Nghĩ đòi cơn, lại sụt-sùi đòi cơn.

Bản chép khác.— Câu 173 : *Mảnh trăng* — (hoặc : *Gương Nga* *vắng vắng* *vật* *đầy* *sóng*).— Câu 174 : ... *đầy* *nước*...— Câu 176 : ... *đeo* (hoặc : *chúi*) *nặng*...— Câu 177 : *Đầm đầm* *lặng* *ngắm* *bóng* *hoa*.— 185 : *Buồng xuân êm rủ* *bức* *mành*.— Câu 186 : *Tựa* *ngồi*...— Câu 189 : *Tuyết* *in* *vóc* *tổ*...— Câu 195 : ... *ở* *mái* *tây-thiên* (hoặc) : ... *ở* *mái* *tây-hiên*.— Câu 199 : *Váng* *trình*...— Câu 200 : *Mà* *xem*...— Câu 207 : ... *nước-nồm*...— Câu 213 : ... *khua*.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Chiêng dà thu không* : Thu không 镜 空 : lúc chập tối, nhà chùa đánh một hồi chuông (hoặc chiêng) gọi là hồi chuông thu không, tức là để báo hiệu kiềm soát trong ngoài không có gì lạ trước khi đóng cửa chùa.—(2) *Gương Nga* : mặt trăng. Do tích trong *Hoài-nam-lử* : Hằng Nga là vợ Hậu-Nghê, ăn cắp thuốc trường sinh của chồng, trốn lên cung trăng hóa thành con thiêm thù. Do tích ấy người ta gọi mặt trăng « gương Nga », là « ả Hằng », « cung thiêm ».—(3) *Người mà* ... : đây là nói Đạm Tiền.— (4) *Người dâu*... : đây là nói Kim Trọng.— (5) *Tiểu kiều* 小 嬌 : tiểu là nhỏ ; kiều là người đàn bà đẹp.— (6) Câu 189 : Đạm-Tiền ở dưới âm-phủ lèn, dương đèn tối, xông pha sương tuyết mà lèn, nên nom ở mặt có sương in mà ở thân như có tuyết phả.— (7) *Sen vàng* : nghĩa bóng là bước chân đi của người đàn bà đẹp. Do tích vua Tề Đông-hòn-hầu yêu nàng Phan-phi, làm hoa sen bằng vàng lát xuống đất cho nàng đi, rồi cười mà nói rằng : « Qui-phi đi mỗi bước chân nở ra một cái hoa sen ». Chữ « gót sen » cũng do tích ấy.— (8) *Đào nguyên* 桃 源 : suối đào ; chỗ tiên ở, tích một người đánh cá ở cuối đời nhà Tấn đi vào một cái suối hoa đào, vào mãi thì đến một chỗ những người ăn-dật ở (chép trong bài *Đào hoa nguyên* ký của Đào Tiềm).— (9) *Thanh khí* : do câu trong *Kinh Dịch* : « Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 同 齶 相 應 , 同 氣 相 求 ». (Cùng một thanh thì ứng nhau, cùng một khí thì tìm nhau) ; ý nói cùng một tâm ý với nhau.— (10) *Hàn gia* 寒 家 (nghĩa đen là nhà lạnh) : tiếng khiêm-tốn, nghĩa là nhà của tôi.— (11) *Mé tây thiên* : mé : phía ; tây thiên 西 夕 : con đường nhỏ phía tây.— (12) *Hội chủ* : đây là chủ Hội đoạn-trường gồm những người đàn bà bạc mệnh.— (13) *Quả kiếp, nhân duyên* : Quả kiếp 果 缘 (quả : kết-quả ; kiếp : đời) là cái kiếp chịu cái kết-quả của cái việc đã làm ; nhân duyên 因 缘 (nhân : là duyên-nhân ; duyên : duyên-cớ) là cái gốc, cái cớ sinh ra quả. Theo thuyết « nhân-quả » của đạo Phật thì những điều ta hưởng thụ trong kiếp này là

cái kết-quả những công việc ta làm ở kiếp trước, mà các công việc trong kiếp này lại là cái nguyên nhân những điều ta sẽ hưởng thụ ở kiếp sau.— (14) *Tú khâu, cầm tâm* : Tú khâu 繡口 : là miệng thêu ; cầm tâm 錦心 là lòng gấm : ý khen tài thơ văn hay, cũng như mấy chữ « nhả ngọc, phun châu ».

79.— Tú-bà dỗ Kiều

- 1001 Thuốc-thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã đau-dầu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
Lụa lời khuyên giải mơn-mạn gõ dần :
- 1005 « Một người dễ có mấy thân !
« Hoa xuân dương nhụy (1), ngày xuân còn dài.
« Cũng là lỡ một, lầm hai,
« Đá vàng chi nỡ ép nài mưa mây (2) !
« Lỡ chân chót đã vào dây,
- 1010 « Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non (3).
« Người còn thì của hấy còn,
« Tìm noi xíng-đáng làm con-cái nhà.
« Làm chi tội báo oan gia,
« Thiệt minh mà hại đến ta, hay gì ? »
- 1015 Kè tai mấy nỗi nắn-nì,
Nàng nghe nhường cũng thị phi rạch-rời.
Vâ suy thần mộng mấy lời (4),
Túc-nhân (5) áu cũng có trời ở trong.
Kiếp này trả nợ chưa xong,
- 1020 Làm chi thêm một nợ chồng (6) kiếp sau ?
Lặng nghe, thăm thia gót đâu,
Thưa rằng : Ai có muốn đâu thế này ?
« Được như lời thế là may !
« Hắn rằng mai có như rày cho chăng ?
- 1025 « Sợ khi ong bướm dãi-dắng,
« Đến điều sống đục, sao băng thác trong ? »
Mụ rằng : « con hấy thong dong.
« Phải điều lòng lại dõi lòng mà chơi ?

« Mai sau ở chảng như lời,
1030 Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. »

Thấy lời quyết-doán hắn-hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.

Bản chép khác.— Câu 1008 : . . . sao nỡ...— Câu 1012 : . . .
làm . . . — Câu 1017 : . . . Vả trong . . . Câu 1018 : . . . thì cũng . . .
Câu 1020 : . . . lại một.— Câu 1021 : Lặng nầm ngầm nghĩ. . . — Câu
1032 : . . . mới.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Nhụy* : mói nở.— (2) *Câu 1008* : Đá vàng :
nghĩa bóng nói lòng trinh-tiết. *Mây mura* : nghĩa bóng nói thói nguyệt-
hoa. Hai chữ « mây mura » xuất hiện ở bài *Cao-dường phú* của Tống-
Ngọc : Xưa vua Sở Tương-vương đến chơi dài Cao đường, nằm mơ thấy
một người con gái tự xưng là con gái núi Vu-Sơn (tức Vu-giáp),
xin cùng chung chăn gối. Vua bàng lòng ; đến lúc từ-biệt, người ấy
nói : Thiếp xin sớm làm *máy*, tối làm mưa, sớm tối ở dưới Dương-
dài. Những chữ « Vu-sơn », « Đỉnh-Giáp », « Cao-đường », « Dương-
dài » dùng để nói sự trai gái gấp gõ đều do diễn ấy mà ra.—
(3) *Ngày đào non* : ngày đi lấy chồng. Lấy chữ trong *Kinh-thi* (thơ
Đào yêu) : « Đào chi yêu yêu. Kỳ diệp trân-trân. Chi tử vu qui, Nghi
kỳ gia nhân 桃之夭夭, 其葉蓁蓁, 之子于歸, 宜其家人. »
(Cây đào đang non, lá xanh ròn-ròn. Cô kia về nhà chồng, hòa-
thuận với người nhà chồng cô).— (4) *Thần mong mấy lời* : sau khi Kiều
toan tự lện, mè mẫn đi, thi thấy Đạm-Tiên bảo cho biết Kiều chưa thể
chết được.— (5) *Túc nhân 鳳因* : túc : xưa ; nhân : nguyên-nhàn ;
nguyên-nhàn tự kiếp trước, nợ-nần tự kiếp trước.— (6) *Chồng* : đây là
chồng chất.

80.— Kiều gấp Thúc-sinh

- Sinh rằng : Từ thuở tương-tri,
1330 « Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.
« Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
« Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông ».
- Nàng rằng : « Muôn đội ơn lòng,
« Chút e bên thú, bên tòng (1), dẽ đau !
- 1335 « Bình-khang (2) nắn-ná bấy lâu,
« Yêu hoa, yêu dược một màu diễm-trang.
« Rồi ra lat phấn phai hương,

- « Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng ?
 « Vả trong thèm quẽ cung trăng,
 1340 « Chủ-trương dành đã chị Hằng ở trong
 « Bấy lâu khăng-khit dài đồng (3),
 « Thêm người, người cũng chia lòng riêng-tây.
 « Vé chi chút phận bèo mây,
 « Làm cho bẽ ái, khi đầy khi vời !
 1345 « Trăm điều ngang ngửa vì tôi.
 « Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
 « Như chàng có vững tay co,
 « Mười phần cũng đắp-diếm cho một vài.
 « Thế trong dù lớn hơn ngoài,
 1350 « Trước hàm sư-tử (4) gửi người đẳng-la (5).
 « Cúi đầu luồn xuống mái nhà,
 « Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng (6).
 « Ở trên còn có nhà thông (7),
 « *Lương* trên trong xuống, biết lòng có thương ?
 1355 « Sá chi liêu ngũ hoa tường (8),
 « Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
 « Lại càng dơ dáng dại hình,
 « Đành thân-phận thiếp, *ngại* danh-giá chàng,
 « Thương sao cho vẹn thì thương,
 1360 « Tinh sao cho trọn mọi đường thì vắng ».
 Sinh rằng : Hay nói dè chừng (9),
 « Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao ?
 « Đường xa chờ *ngại* Ngô, Lào (10),
 « Trăm điều hối cúi trông vào một ta.
 1365 « Đã gần chi có điều xa.
 Đá vàng đã quyết, phong-ba cũng liều ».

Bản chép khác. — Câu 1337 : .., *l*... — Câu 1354 : *Lòng*
 trên... — Câu 1358 : ... *nghī*... — Câu 1363 *nghī*... — Câu 1366 : ... *cũng*...

CHÚ-TÍCH : (1) *Bên thú, bên tòng* : bên thú (đây là thú thiếp 妻妾 ; lấy vợ lẽ) là bên Thúc-sinh đã có vợ cả mà còn lấy vợ lẽ, bên tòng (đây là tòng lương 徒良 : theo người tử-tế) là bên Thúy-Kiều đương ở thanh-lâu mà di lấy chồng ; hai bên đều khó cả.— (2) *Bình khang* 平康 : tên một xóm ở đất Tràng-an bên Tàu ngày

xưa có những người ca nhi kỵ-nữ ở; nay thông-dụng đề gọi nơi có những người xưởng ca ở. Đây là phô những nhà thanh lâu ở.— (3) *Dải đồng*: dải đồng tâm. Vua Tùy Dương Đế sai tết dải lụa lại gọi là «đồng tâm kết», dưa cho phu nhân.— (4) *Sư-tử*: nghĩa bóng chỉ người vợ cả làm cho người chồng phải sợ: lấy chữ ở bài thơ của Tô Động-Pha riếu Trần Thảo sợ vợ, trong có câu: *Hốt vân Hà dòng sư tử hống, Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên 忽聞河東獅子吼, 柱杖落手心茫然*. (Chợt nghe sư tử Hà dòng réo, Gậy chống rời tay, bung bời hòi).— (5) *Đăng-la* 藤籜: loài cây có dây, phải tựa vào cái que mồi leo lên được; nghĩa bóng chỉ người vợ bé phải nương tựa vào người vợ cả.— (6) *Cầu 1352*: Giảm chua: chỉ người đàn bà ghen; lửa nồng: chỉ nơi thanh lâu.— Lấy chữ trong *Tinh sử* «Người ghen như giảm chua, nhà thô như hang lửa». Cả câu ý nói: Gặp người vợ cả hay ghen thì lại còn khổ hơn là ở thanh lâu.— (7) *Thông* 椿 (chính âm là xuán, dày đọc chạnh đi cho hiệp văn): tên một thứ cây: nghĩa bóng là cha. Theo sách *Trang tử*: cây này thọ lâu (tám nghìn năm là mùa xuân, tám nghìn năm là mùa thu), bởi thế dùng tên cây ấy để chỉ người cha là mong cho cha được sống lâu.— (8) *Liễu ngô hoa tường*: cây liễu mọc ở ngoài ngõ, cây hoa mọc ở ngoài tường, ai hái cũng được: nghĩa bóng nói về những người đàn bà giang hồ.— (9) *Nói dè chứng*: nói phỏng.— (10) *Ngô, Lào*: Ngô là tên ta gọi nước Tàu; Lào là xứ Ai-Lao. Đây ý nói xa-xôi.

81.— Từ-Hải sai quân về đón Kiều

Đêm ngày luống những âm-thầm,

- 2250 Lửa binh đâu đã ầm-ầm một phương.
 Ngắt trời sát-khi mơ-màng;
 Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh (1).
 Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.

2255 Nàng rắng: « Trước đã hẹn lời,
 « Dẫu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa ! »
 Còn đang dùng-dắng ngắn-ngơ,
 Mái ngoài đã thấy bóng cò, tiếng la, (2).
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,

2260 Đồng thanh cùng hỏi: « Nào là phu-nhân ? »
 Hai bên mươi vị tướng quân,
 Đặt gươm, cõi giáp, trước sân khấu đầu.

- Cung-nga, thề nữ (3) nối sau.
 Rắng: « Vàng lệnh-chỉ (4), rước chầu vu-quí (5). »
 2265 Sẵn-sàng phượng-liễn loan-nghi (6),
 Hoa-quan (7) pháp-phó, hà-y (8) rõ-ràng.
Dựng-cờ, nỗi trống lên dàng,
 Trúc tơ (9) nỗi trước, kiệu vàng kéo sau.
 Hỏa-bài (10) tiền lộ ruồi mau.
- 2270 Nam-dinh nghe động trống chầu đại doanh.
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ-công ra ngựa, thản nghênh cửa ngoài.
Rõ minh là vè cân dai,
 Hãy còn hàm én mày ngài như xưa.
- 2275 Cười rắng: « Cá nước duyên ua ?
 « Nhờ lời nói những bao giờ hay không ? /
 Anh-hùng mới biết anh-hùng.
 « Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »
- Nàng rắng: « Chút phận, ngày thơ,
 2280 « Cũng may dày кат (11) được nhò bóng cày.
 « Đến bây giờ mới thấy dây,
 Mà lòng đã chắc những ngày một hai. »
 Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Dang tay về chọn trướng mai tự tình,
- 2285 Tiệc này thường tướng khao binh,
 Thị-thủng trông trận, rập-rình nhạc-quán.
 Vinh-hoa bỗn lúc phong trần,
 Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Bản chép khác. — Câu 2.258 ... tiếng *loa*. — Câu 2.263 :
 theo *hầu* — Câu 2265 : phượng *tún*... — Câu 2267 : ... Kéo cờ...
 Câu 2268 : ... đao vàng... — Câu 2273 : *Lửa* minh... (hoặc); ... là vè
 cân dai. — Câu 2288 : thêm thân...

CHÚ THÍCH. — (1) Câu 2251-2252: Hai câu này tả cái cảnh
 tượng cuộc binh đao. *Sát-khi* 殺氣 là cái hơi tự chế giết chóc
 nhau bốc lên. *Kinh ngạc* 鯨鯢 (cả ông voi và cả sấu) là hai
 thứ cá dữ ở biển; nghĩa bóng chỉ quân lính hung-dũng. *Giáp binh*
 甲兵 (giáp : áo bằng da hoặc bằng sắt mặc khi ra trận ; binh : binh

khi, đồ dùng để đánh trận), nói chung các binh khí.— (2) *La* 遊 : một thứ nhạc khí, mặt tròn và phẳng, nhỏ hơn cái lệnh ; thường gọi là thanh-la — (3) *Cung nga thê nữ* : cung-nga 宮娥 (nga : con gái đẹp) là mỹ-nữ ở trong cung ; thê nữ 緣女 (thê : vè) là con gái hầu ở trong cung.— (4) *Lệnh chỉ* 今旨 : hiệu lệnh của vua hoặc của ông tướng — (5) *Rước chầu vu qui* : chầu túc là chầu bà ; tiếng gọi một vị phu-nhân tôn-quí, vu-qui là về nhà chồng : chữ lấy trong *Kinh-Thi* (xem câu chú thích số (3) ở bài 83).— (6) *Phượng-Liễn* ; *loan-nghi* : phượng-liễn 凤輦 là xe phượng ; loan-nghi 鶯儀 là đồ dùng của những người đàn bà có phẩm tước.— (7) *Hoa quan* 花冠 : mũ hoa.— (8) *Hà-y* 霽衣 : áo màu ráng trời.— (9) *Trúc tờ* : tre và sợi tờ ; đây là sáo và đàn.— *Hỏa bài* 衣牌 (hỏa: lửa, ý nói rất nhanh ; bài : thẻ) ; thẻ bằng gỗ để truyền lệnh quan rất cần kíp ; đây là để báo tin trước.— (11) *Cát* 葛 : một loài cây có dây leo, ví với người đàn bà.

82.— Kiều khuyên Từ-Hải hàng

- 2451 Có quan tống-đốc trọng-thần
Là Hồ-Tôn-Hiển, kinh-luân (1) gồm tài.
Đầy xe (2), vâng chỉ đặc-sai,
Tiện-nghi bát-tiễn, việc ngoài đồng-nhung (3).
- 2455 Biết Từ là đứng anh-hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
Đóng quân làm chước chiêu-an (4).
Phong thư, mâm lê, sai quan thuyết hàng (5)
Lại riêng một lê với nàng :
- 2460 Hai tên thê nữ (6), ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gởi trước trung-quân,
Từ-công riêng hagy mười phần hồ-dồ :
« Một tay gây dựng cơ-dồ,
« Bấy nay bể Sở, sông Ngô tung-hoành,
- 2465 « Bó thân về với triều-định,
« Hàng-thần lo-láo, phận mình ra đâu ?
« Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
« Vào luôn ra cúi, công hầu mà chi ?
« Sao băng riêng một biên-thùy,
- 2470 « Sức này, đã dẽ làm gì được nhau ?

- « Chợt trời, quẩy nước, mặc dầu,
 « Dọc ngang nào biết trên dầu có ai ? »
 Nàng thì thật dạ tin người,
 Lẽ nhiều, nói ngọt, nghe lời dẽ xiêu.
 2475 Nghĩ mình mặt nước cảnh bèo,
 Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.
 Bỗng nay chịu tiếng vương-thần,
 Thênh-thênh đường cái thanh-vân (7), hép gl.
 Công, tư vẹn cả hai bờ,
 2480 Dần-dà rồi sẽ liệu về cổ-hương.
 Cũng ngôi mệnh-phụ đường-dường,
 Nở-nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.
 Trên vì nước dưới vì nhà,
 Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
 2485 Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
 E-dè gió đậm hãi-hùng sóng va.
 Nhân khi bàn-bạc gần xa,
 Thùa cơ nàng mời bàn ra nói vào.
 Răng : « Ôn Thành-dé dồi-dào,
 2490 « Tười ra đã khắp, thăm vào đã sâu,
 « Bình-thành (8) công-đức bấy lâu,
 « Ai ai cũng đội trên đầu, xiết bao !
 « Ngâm từ dãy việc binh dao,
 « Đống xương Vô-định đã cao bằng đầu.
 2495 « Làm chi để tiếng về sau.
 « Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào (9) ?
 « Sao bằng lộc trọng, quyền cao,
 « Công-danh ai dứt lỗi nào cho qua ? »
 Nghe lời nàng nói mặn mà,
 2500 Thể công, Từ mới trở ra thể hàng.
 Chỉnh nghi tiếp sứ voi-vàng,
 Hẹn kỳ thúc giáp (10), quyết đường giải binh (11).

Bản chép khác.— Câu 2453 : *Dẽ xe... (hoặc) : Giấy xe... —*
 Câu 2454 : ... phủ tiều... — Câu 2458 : *Ngọc, vàng, gấm, vóc... —*
 Câu 2462 : ... riêng nghĩ... — Câu 2467 : ... buộc trói (hoặc) ; dùm bọc...

Câu 2471 : ... *Đục* trời *khuấy* nước... — Câu 2474 : *Của* nhiều... —
 Câu 2486 : *sóng* vỗ... *nước* sa (hoặc) *sóng* giỗ.. *cỏ* hoa.— Câu 2489 : ...
Trong Thành-trại h... — Câu 2492 : *bết* bao.— Câu 2493 : ... *khởi*... —
 Câu 2498 : ... *dáu*...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kinh luân* 經 縱 : (kinh : gõ các sợi tơ cho khỏi rỗi ; luân : sắp các sợi tơ cùng loại để xc) : nghĩa bóng nói về cái tài sắp đặt việc chánh-trị.— (2) *Đẩy xe* : dịch chữ « thối cốc ». Chữ lấy trong *Sử-ký* : Thiền-tử mệnh tướng thời cốc, viết : Khôn dĩ nội, quẩn-nhan chế chi ; khôn dĩ ngoại, tướng-quân chế chi. 天子命將推轂, 曰 : 聞以內, 寡人制之 ; 聞以外, 將軍制之 ». (Nhà vua sai tướng đi đánh giặc, lúc tiễn chân đầy xe mà dặn rằng : Từ cửa thành trở vào thi quyền ở ta : từ cửa thành trở ra thi quyền ở tướng quân).— (3) *Câu 2454* : bát tiếu 摭 勿 là đánh dẹp : đồng nhung 董 戎 là đứng đầu việc đánh giặc, cả câu ý nói : cầm quân đi đánh giặc ở cõi ngoài, được tùy tiện mà đánh dẹp.— (4) *Chiêu an* 招 安 : nói về lúc loạn-lạc, gọi dân chúng về yên nghiệp.— (5) *Thuyết hàng* 說 降 : dụ về hàng.— (6) *Thê-nữ* : xem câu chú-thích số (3) ở bài trên.— (7) *Đường cái Thanh-ván* : đường lên mây xanh, nghĩa bóng là đường công danh.— (8) *Binh-thành* : do câu « *địa* bình thiền thành 地 平 天 成 » trong *Binh thư* nói về công đức của ông vua giúp cho đất được bình trị, trời được nên việc.— (9) *Hoàng-Sào* 黃 署 : tên một người ở đời Đường Hi-Tôn 874-888 đi thi tiến-sĩ không đỗ, nổi lên làm giặc.— (10) *Thúc-giáp* 衍 甲 : bỏ áo giáp lại, không dùng nữa.— (11) *Giải binh* 解 兵 : giải tán quân lính, thôi không đánh nhau nữa.

83.— Kiều gầy dàn (a)

1) *Cho Kim-Trọng nghe sau khi đã cùng chàng thề thuyền*
 Rắng : « Nghe nỗi tiếng cầm-dài (1),

Nước non luống những lảng tai Chung-Kỳ (2) ».

465 Thưa rắng : « Tiện-kỷ (3) sá chí ?
 « Đã lòng dạy đến, dạy thi phải vàng ».

(a) Muốn cho học-trò nhận rõ cái tài làm văn của tác-giả truyện Kiều ở hai bài sau này chúng tôi trích những đoạn văn cùng một đề mục mà mỗi chỗ tác-giả biểu-diễn ý-từ một khác.

- Hiên sau treo sẵn cầm-trăng,
 Vội-vàng, sinh đã *tay* nâng ngang mày.
 Nàng rắng : « Nghè mọn riêng *tay*,
 470 Làm chi cho *nặng* lòng này lầm thân (4) ? »
 So dần dây vũ, dày văn (5),
 Bốn dây to nhỏ theo văn cung, thương (6)
 Khúc đâu Hán, Sở chiến-lรุ่ง.
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.
 475 Khúc đâu Tư-mã Phượng cầu (7),
 Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?
 Kê-Khang này khúc Quảng-lăng (8),
 Một rắng lưu thủy, hai rắng hành-vân,
 Quá-quan này khúc Chiêu-quân (9),
 480 Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
 Trong như tiếng hạc bay qua.
 Đục như nước suối mới sa nửa vời.
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm-sập như trời đồ mưa.
 485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Khiến người ngồi đó cũng ngo-ngắn sâu.
 Khi tựa gối, khi cúi đầu,
 Khi vò chín khúc, khi chau đai mày.
 Rắng : « Hay thì thật là hay,
 490 « Nghe ra ngậm dắng nuốt cay thế nào !
 Lựa chi những khúc tiêu-tao (10) ?
 « Thiết lòng mình cũng nao nao lòng người !
 Rắng : « Quen mắt nết đi rồi,
 « Tẻ, vui, thôi cũng tinh trời biết sao !
 495 « Lời vàng vằng lĩnh ý cao,
 Họa dần-dần bót chút nào được không » .
- 2o) Cho Hồ-Tôn-Hiển nghe
- 2565 Trong quân mở-tiệc hạ công (11),
 Xôn-xao tơ trúc, hội đồng quân quan.

- Bắt nàng thị yến dưới màn,
 Giở say lại bắt cung đàn nhặt tâu.
 Một cung gió thảm, mưa sầu,
 2570 Bốn dây rõ máu năm dầu ngón tay.
 Ve kêu, vượn hót nào tày,
 Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rời châu.
 Hỏi rằng : « Nào khúc ở đâu ?
 Nghe ra muôn thảm nghìn sầu lầm thay ! »
 2575 Thưa rằng : « Bạc-mệnh khúc này,
 « Phồ (12) vào đàn ấy những ngày còn thơ.
 « Cung cầm lựa những ngày xưa,
 « Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây ! »
- 30) *Cho Kim-Trọng nghe sau khi tái hợp*
- 3191 Tình xưa lai láng khôn hàn (13),
 Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
 Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ,
 « Lầm người cho đến bây giờ mới thôi !
 3195 « Ăn-năn thì sự đã rồi,
 « Nê lòng người cũ, vâng lời một phen »
 Phím đàn diu-dặt tay tiên,
 Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
 Khúc đâu dầm-ấm dương hòa (14),
 3200 Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh (15) ?
 Khúc đâu êm-ái xuân tình,
 Ấy hồn Thục-dế hay minh đỗ-quyên (16) ?
 Trong, sao chau rõ duềnh quyên (17) ?
 Ấm, sao hạt ngọc Lam điền mới đông (18) ?
- 3205 Lọt tai nghe suốt năm cung,
 Tiếng nào là chẳng não-nùng xôn-xao ?
 Chàng rằng : « Phồ ấy tay nào ?
 « Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy ?

- « *Tè vui bởi tại lòng này,*
 3210 « *Hay là khỗ tận, đến ngày cam lai (19) ?* »
 Nàng rằng : « *Vì chút nghè chơi,*
 « *Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu !*
 « *Một phen tri-kỷ cùng nhau,*
 « *Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa ».*

Bản chép khác.— Câu 468 : ... cầm nàng ..— Câu 469 : ...
 riêng tây.— Câu 470 : ... cho bận...— Câu 478 : ... Một rằng Hoa-
 nhạc, hai rằng Quí-ván.— Câu 486 : ... ngồi đây mà...— Câu 491 :
 So chi những bức...— Câu 492 : ... Đột — Câu 2565 : Quân-Trung.—
 Câu 2568 : ... vận đàn nhật tâu (hoặc) : ... cung đàn nhật tâu.— Câu
 2571 : Ve ngâm...— Câu 2574 : ... muôn oán...— Câu 2577 : Cung
 đàn...— Câu 3209 : Thương vui... Câu 3212 : ... mừng nhau (hoặc) : ...
 mắng nhau.— Câu 3214 : từ đb...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cầm dài* 琴 壺 : chỗ gảy đàn của Tư-mã Tương
 Như ngày xưa ; đây mượn để nói về sự gảy đàn hay.— (2) Câu 464 :
Chung-Kỳ : tức là Chung-Tử-Kỳ, người đời Xuân-thu có tiếng sành
 nghe đàn thường thường-thức tiếng đàn của Bá Nha là một tay hay
 đàn có tiếng đời bấy giờ. Khi Bá-Nha gảy đàn mà nghĩ đến núi cao
 thì ông khen : « Tiếng đàn chót-vót như núi ! » ; khi Bá-Nha nghĩ đến
 nước chảy, thì ông lại khen : « Tiếng đàn cuồn cuộn như nước
 chảy ! » Sau khi Tử-kỳ chết, Bá-Nha dứt dây, đập đàn đi, bảo rằng :
 « Trong thiên-hạ không ai nghe được đàn ta nữa ».— (3) *Tiệu kĩ* 賦 技 :
 nghè hèn mọn ; đây là lời nói khiêm.— (4) *Thân* : Tiếng cõi,
 cũng như tiếng « thay » ; « lảm thân » cũng như lảm thay ! — (5) *Dày*
vũ, *dày văn* : dày vũ là dày to, dày văn là dày nhỏ.— (6) *Cung, thương*
 宮 商 : hai âm trong ngũ âm (cung, thương, giốc, chửy, vũ).— (7)
Tư-mã, phượng cầu : Tư-mã là Tư-mã Tương Như, người đời nhà
 Hán. Phượng-cầu là khúc « Phượng-cầu kỳ hoàng » (chim phượng
 tim chim hoàng) của Tương-Như gảy, tiếng đàn não-nùng ai-oán,
 khiến nàng Trác-văn-Quân (một người đàn bà góa chồng còn trẻ)
 nghe phải cảm-động sinh mè, sau hai bên lấy nhau.— (8) *Kè-Khang* :
 một người hay đàn và đời nhà Tấn. *Quảng lăng* : tên một khúc đàn
 thân dày cho Kè-Khang.— (9) *Quá quan* : qua cửa ải. *Chiêu-quán* :
 cung-nhân đời nhà Hán, vua gả cho chúa Hung-nô, lúc ra đến cửa
 ải, cưới ngựa gảy đàn ti-bà đề tả nỗi nhớ nước nhà.— (10)
Tiêu lao 蕭 騟 : buồn bã.— (11) *Hạ-công* : mừng công đánh xong giặc.—
 (12) *Phổ* 譜 : biên ghi cung điệu bài đàn.— (13) *Khôn hàn* : khó ngán
 lại được.— (14) *Dương-hòa* 陽 和 : (dương : mặt trời ; hòa là êm-ái) ;
 ý nói ấm-áp như khi nóng, mặt trời.— (15) *Hồ-diệp* 蝶蝶 : bướm-

bướm ; *Trang sinh* : tức là Trang-Chu xưa nǎm mơ thấy mình hóa ra bướm-bướm.— (16) *Đỗ quyên* 杜鵑 : chim cuốc. Tục truyền *Thục-dế* xưa mất nước, chết hóa làm con đỗ-quyên ngày đêm kêu mãi không thôi.— (17) *Cháu rỏ duênh quyên* (châu : hạt châu ; rỏ : rỏ nước mắt ; duênh : chỗ nước sâu ; quyên : mặt trăng) : nước biển có ánh trăng soi vào, trông như hạt châu rỏ nước mắt.— (18) *Lam-diên* : tên một huyện thuộc tỉnh Thiểm-tây là nơi săn ngọc qui. *Mời đồng* : mời đọng lại, mời thành.— (19) *Cam lui* 甘來 : (cam : nghĩa đen là ngọt ; đây là vui sướng) sự vui sướng đến.

84.— Kiều nhớ nhà

1o) *Kiều ở lầu Ngưng-bích*

Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình, nửa cảnh, như chia tẩm lòng.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng (1)

1040 Tin sương luống hãy rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể hờ-vơ.

Tấm son (2) gột rửa bao giờ cho phai.

Xót người tựa cửa hôm mai (3).

Quạt nồng ấp lạnh (4), những ai đó giờ ?

1045 Sàn lai (5) cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử (6) đã vừa người ôm !

Bồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm xa-xa ?

Buồn trông ngọn nước mới sa,

1050 Hoa trôi man-máy, biết là về đâu ?

Buồn trông nội cỏ rầu-rầu,

Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duênh,

Âm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghề ngõi,

2o) *Khi ở thanh-lâu*

1251 Ôm lòng dài đoạn xa gần,

Chẳng vò mà rỗi, chẳng dần mà dài !

Nhớ ơn chin chữ cao sâu (7),

Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà,

1255 Dặm nghìn nước thăm non xa,

Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này !

- Sân hòe (8) đòi chút thơ ngây,
Trân cam (9), ai kẻ dở thay việc mình ?
Nhớ lời nguyện trước ba sinh,
1260 Xa-xôi, ai có biết tình chăng ai ?
Khi về hỏi liêu Chương-dài (10),
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay !
Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa ?
1265 Mỗi tình đòi đoạn vò tờ,
Giắc hương quan (11) luống lần mơ canh dài !
Song-sa (12) vò-võ phương_tfời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng (13) !

3o) Khi lấy Thúc.Sinh

- Nàng từ chiếc bóng song the ;
Đường kia nỗi nợ, như chia mối sầu.
Bóng đâu đã xế ngang đầu.
1630 Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi ?
Tóc thè đã chấm *ngang* vai,
Nào lời non nước, nào lời sắt son !
Sắn bìm (14) chút phận con-con.
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng ?
1635 Thân sao lắm nỗi bất bằng ?
Liều như cung Quảng ả Hằng (15) nghĩ nao (16) !

4o) Khi lấy Tù.Hải

- Nàng thi chiếc bóng song mai (17).
Đêm thu đãng-dâng, nhặt cài then mây (18),
Sân rêu chằng vẽ dấu giầy.
2231 Cỏ cao hơn thước, liêu gầy vài phân.
Đoái thương muôn dặm tử-phần (19),
Hồn quê theo ngọn mây Tần (20) xa-xa.
Xót thay huyền cõi xuân già (21),
Tầm lòng thương nhớ biết là có người !
Chốc đã mười mấy năm trời
2240 Còn ra khi đã da mồi tóc sương !

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng.

Dẫu lia ngó ý, còn vương tơ lòng (22).

Duyên em dù nỗi chỉ hồng (23),

May ra khi đã tay bồng tay mang.

2245 Tắc lòng cố-quốc tha-hương,

Đường kia nỗi nợ, ngõa-ngang bời-bời.

Cánh hồng (24) bay bồng tuyệt vời,

Đã mòn con mắt phuơng trời dăm dăm.

Bản chép khác. — Câu 1040 : ... rày mong... (hoặc) : luồng

những rày mong... — Câu 1042 : ... gột đèn... — Câu 1047 : ... gần hôm.— Câu 1053, ... mặt ghènh. — 1251 : Nỗi lòng... Câu 1257 :

Long-đong nhà bạc em ngày. — Câu 1264 : ... cây này... (hoặc) cối

này... — Câu 1266 : ... mầu mơ... — Câu 1931 : ... quanh vai. — Câu

1633 : ... Cát đằng.. — Câu 1634 : Nhân duyên.. — Câu 1636... chị

Hàng... — Câu 2231 : Nàng từ... — Câu 2232 : Ngày thu .. — Câu

2239... là — Câu 2422... mối chi... — Câu 2245 : Tắc niềm...

CHÚ-THÍCH.— (1) Người dưới nguyệt chén đồng : người cùng với mình ngồi dưới bóng trăng uống chén rượu mà thè chữ « đồng-tâm » — (2) Tâm son : dịch chữ « 真心 », chỉ tâm lòng trung-trinh — (3) Người tựa cửa hôm mai : người mẹ. Do tích chép trong Chiến-quốc sách : bà mẹ Vương Tôn-Giả, người đòi Chiến-quốc, một lần mắng con rằng : «Mày đi buổi sớm mà chậm thì tao tựa cửa đứng mong ; mày đi buổi tối mà chưa về thì tao tựa công đứng mong. Nay mày thờ vua, vua chạy trốn, mà mày không biết vua ở đâu, mày còn về làm gì ? » Thị ra lần ấy vua Tề Mân-Vương là ông vua Tôn-Giả đương thờ bị tướng nước Sở giết chết mà Tôn-Giả bỏ chạy về nhà, nên bị bà mẹ mắng như thế.— (4) Quạt nồng, ấp lạnh : Chữ trong Kinh Lê : Thờ cha mẹ, quạt khi nồng, ấp khi lạnh (ấp đây là chỗ cha mẹ nằm cho ấm trước khi mời cha mẹ đi nằm). — (5) Sân Lai : sân nhà cha mẹ. Do tích chép trong Cao-si truyện : Lão Lai, người đời nhà Chu, đã bảy mươi tuổi mà cha mẹ hẵn còn ; một hôm, ông mặc áo ngũ sắc ra sân múa, rồi giả cách ngã, khóc như trẻ con, để làm vui cho cha mẹ. — (6) Tử 梓 : tên một thứ cây : đây chỉ quê hương. Do câu trong Kinh Thi : « Duy tang dữ tử. Tất cung-kính chỉ 維系與梓, 必恭敬止 » Cây dầu và cây tử át phải kính trọng) vì hai cây ấy cha mẹ đã trồng.— (7) Chín chữ cao sâu : Chín chữ trong Kinh-Thi (thơ Lục-nga) nói về công ơn cao sâu của cha mẹ. Chín chữ ấy là : sinh 生 (cha mẹ), cúc 鞠 (nuôi cho ăn) phủ 护 (vỗ-về), súc 畜 (nhắc dạy), trưởng 長 (mong cho lớn), dục 育

(nuôi nồng che chở), cỗ 頭 (tròng nom), phục 徒 (săn sóc), phúc 腹 (ôm ấp nồng niu).— (8) Sân hèo : Vương-Hựu, người đời nhà Tống, tròng ba cây hèo ở trong sân, chú ý mong cho con sau này làm đến chức tam-công (về đời nhà Chu, chỗ các quan hội họp có cây hèo, chỗ của ba vị tam-công). Sau quả nhiên con ông là Vương-Đán làm tới chức ấy. Vậy chữ « sân hèo » ở đây chỉ anh em.— (9) Trân cam 珍 甘 : của ngon vật lạ dâng lên cha mẹ xơi.— (10) Lzeń Chương-dài : nghĩa bóng là tinh nhân (xem câu chú-thích số (7) ở bài 70).— (11) Hương quan 鄉 間 : cồng làng, chỉ quê hương. Giác hương quan là giấc ngủ mơ-màng đến quê hương,— (12) Song sa : cửa sổ che màn bàng sa.— (13) Câu 1268 : Hoàng hôn 黃 昏 (hoàng : vàng ; hôn : tối ; lúc nhá nhem tối). Chữ « hôn hoàng » nghĩa là lúc mặt trăng lặn. Cả câu ý nói : ngày nay hết, lại ngày mai hết.— (14) Sắn, bim : dây sắn và dây bim-bim, ví với người vợ lẽ. Như chữ « cát lũy ».— (15) Cung Quảng, ă Hằng : Cung Quảng là cung trăng. Do tích vua Đường Minh-hoàng, giữa hôm rằm tháng tám, có người phù-thủy dùng phép đưa len chơi trên cung trăng, thấy có sáu chữ đê : Quảng hàn thanh-hư chi phủ 廣 寒 清 虛 之 俯 » (Cái phủ rộng-rãi, lạnh-lẽo, trong trỗi, hư không). ă Hằng là Hằng-Nga, vợ Hầu-Nghệ, ăn cắp thuốc trường sinh của chồng, rồi trốn lên cung trăng. Bốn chữ ấy ý nói : phải ở một mình như Hằng-Nga ở trên cung trăng.— (16) Nao : bồn-chôn bối-tối.— (17) Song mai : cửa sổ người có hoa mai.— (18) Nhặt cài then mây : cài cái then chặt-chẽ. Ý nói : đóng kín cửa ngồi trong nhà.— (19) Tử phàn 梓 粉 : tên hai thứ cây, dùng để chỉ quê hương.— (20) Theo ngọn mây Tân : nghĩa bóng là nhớ nhà. Chữ lấy trong câu thơ của Hàn-Dũ đời Đường : « Văn-hoành Tân lĩnh, gia hà tại ? 雲 橫 泰 嶺 家 何 在 ». Mây che ngang núi Tân, không tròng thấy nhà ở đâu).— (21) Huyền cõi xuân già ; cha mẹ già. Huyền : xem câu chú-thích số (1) ở bài 101. Xuân : xem câu chú-thích số (7) ở bài 84.— (22) Câu 2249 : « ngó » và « to » đây là ngó sen và to sen. Cả câu ý nói : tuy xa cách tinh nhân mà lòng vẫn nhớ đến, vì như cái ngó sen tuy gãy mà to nó vẫn liền.— (23) Chỉ hồng : dịch chữ « xích thẳng 赤 縩 », chỉ việc hôn-nhanh. Do tích chép trong Tình sử : Đời nhà Đường, Vi Cố đi kén vợ gấp một ông cụ ngồi dựa túi xem sách dưới bóng trăng. Anh ta hỏi, thì ông cụ bảo sách ấy chép tên những người lấy nhau và túi ấy đựng những sợi chỉ hồng (xích thẳng) để buộc hai người phải lấy nhau không sao gỡ được nữa. Anh ta hỏi phải lấy ai, thì ông cụ chỉ một đứa bé lên ba tuổi ở trong tay một người đàn bà chột mắt đem rau ra chợ bán mà bảo đó là vợ Vi-Cố. Cố giận, sai người đâm con bé ấy ; nhưng nó chỉ bị thương thôi. Cách mười bốn năm sau quả nhiên Vi-Cố lấy người con gái ấy. Do tích ấy, nên những chữ « xích thẳng », « chỉ hồng », « to thắm » dùng để chỉ việc hôn-nhanh, và những chữ « nguyệt lão », « trăng già », « ông Tơ », « bà Nguyệt » dùng để chỉ vị thần chủ về việc hôn-nhanh.— (24) Hồng 鴻 : giống ngỗng trời ; đây dùng để ví với Tú-Hải.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG 胡春香

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, *Lời chú* (11)).

85.— Bánh trôi

Thân em thì trắng, phận em tròn,
Bảy nỗi ba chìm với nước non,
Dắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

86.— Tự tình

Tiếng gà văng-vẳng gáy trên bom ?
Oán-hận trông xa khắp mọi chòm.
Mõ thảm không khua mà cũng cốc,
Chuông sầu chẳng đánh, có sao om ?
Trước nghe những tiếng thèm rầu-rĩ,
Sau giận vì duyên dề mõm-mòm !
Tài-tử văn-nhân ai đó tá !
Thân này đâu đã chịu già tom ?

Bản chép khác.— Câu 4 : *Trống.. cũng kêu..*

87.— Than thân

Canh khuya văng-vắng trống canh dồn,
Tro cái hồng-nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vừng trắng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu tùng đâm.
Đâm toạc chân mây, đá mây hòn.
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại
Mảnh tình san-sẻ tí con con.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, *Lời chú* (13)).

88.— Chùa Trần-bắc (1)

Trần-bắc hành cung cỏ dài-dầu.
 Khách đi qua đó chạnh niềm đau,
 Mấy tòa sen rót mùi hương ngự,
 Năm thức mây phong nếp áo chầu.
 Sóng lớp phế-hưng coi đã rộn,
 Chuông hồi kim-cô lăng cảng mau.
 Người xưa, cảnh cũ, nào đâu tá?
 Khéo ngẫu ngơ thay lũ trọc đầu!

Bản chép khác.— Câu 1-2 : Qua chơi Trần-quốc cảnh buồn
 rầu, Ngao-ngán tình xưa, dạ chạnh đau (hoặc) : Ngoài cửa hành cung
 cỏ dài-dầu, Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau. — Câu 3 : . . . hơi
 . . . — Câu 6 : dồn . . . — Câu 7 : . . . đi (hoặc) đau . . .

CHÚ-THÍCH (1) Chùa Trần-bắc : tên một ngôi chùa ở bờ phía đông
 Hồ-Tây thành Hà-nội. Nguyên tên là chùa An-quốc 安國 làm tự
 đời nhà Trần ; đến năm Vĩnh-tộ thứ 10 (1628) đời vua Lê-thần-Tôn,
 làm lại, đổi tên là chùa Trần-quốc 鎮國. Năm Dương-hòa thứ 5 (1639)
 chùa Trịnh (Trịnh Tráng) sửa sang rộng thêm, lại đổi tên là chùa
 Trần-bắc 鎮北 ; vua Lê, chúa Trịnh thường ngự tới đó hưởng sen.

89.— Chiều hôm nhớ nhà

Vàng tỏa non tây, bóng ác tà ;
 Đầm-dầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa.
 Ngàn mai lác-dáu chim về tò ;
 Dậm liêu bàng-khuâng khách nhớ nhà.
 Còi mục thét trăng miền khoáng dã (1) ;
 Chài ngư tung gió bãi bình-sa (2) .
 Lòng quê một bước nhường ngao.ngán,
 Mấy kẻ tình chung có thấu là?

CHÚ-THÍCH.— (1) Khoáng-dã 嘉野 : cảnh đồng rộng.— (2) Bình
 sa 平沙 : cát phẳng,

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ 阮公著 (1778-1858)

(Xem Tiểu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (14).)

90.— Tự thuật

*Hai mươi năm lẻ những mo-màng,
Cuộc thế xem qua đã chán-chường.
Lúc đạt, chẳng qua nhở vận-mệnh ;
Khi cùng chờ cây có văn-chương.
Theo thời cũng rắp tìm nghè khác,
Bầm tinh đà quen giữ nét ương.
Thời-thế rủi may thời cũng mắc.
Ai dư nước mắt khóc giàu sang ?*

Bản chép khác.— Câu 1-2 : *Rằng đây há phải khách tầm thường. Theo thế cho nên phải giữ-giàng* (hoặc : *Mát thấy từ đây mới rõ-ràng*) — Câu 5 : *Nghèo...* — Câu 6 : *Võn...* — Câu 7 : *Hết chuyện...* *chẳng trách.* — Câu 8 : *Khéo...*

91.— Khuyên người đời

*Cho hay thiên-hạ khéo xem gương :
Hết khó thời thoi mấy kẻ màng
Miệng nói đã dành mua chuyện ghét ;
 Tay không chưa dẽ ép người thường.
 Khéo khôn ai cũng tranh phần được ;
 Trong sạch ta thời giữ mực thường.
 Đì lại chẳng qua thời với mệnh.
 Cũng đừng thắc mắc (1), chờ lường.*

Bản chép khác.— Câu 3... *toan..* — Câu 4 ... *dẽ dám..* — Câu 5 ... *dẽ chen..* — Câu 6 ... *nhung...*

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thắc mắc* : không yên.

92.— Cây thông

*Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muôn khóc, buồn tênh lại cười.*

Kiếp sau xin chó làm người,
 Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
 Giữa trời, *vách đá* cheo-leo.
 Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

Bản chép khác.— Câu 5 :... *cành lá..*

93.— Chí Nam-nhi

Thông-minh nhất Nam-tử,
 聰 明 一 男 子
 Yếu vi thiên-hạ kỳ (1)
 要 爲 天 下 奇
 Chót sinh ra thì phải chi-chi.
 Chẳng lẽ tiêu lung ba vạn sáu.
 Đố-ky sá chi con Tạo.
 Nợ tang-bồng (2) quyết trả cho xong.
 Đã xòng-phía bút trận, thì gắng gỏi kiếm cung.
 Làm cho rõ tu-mi nam tử.
 Trong vũ-trụ đã dành phận-sự.
 Phải có danh mà đối với núi sông.
 Đi không, chẳng lẽ về không.

CHÚ-TÍCH.— (1) Hai câu 1-2 : một người con trai thông-minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên hạ — (2) Tang bồng : Xem câu chú-thích số (2) ở Bài 39.

94.— Kẽ sī

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,
 將 有 五 士 居 其 列
 Dân hữu tú, sĩ vi chi tiên
 民 有 四 士 為 之 先
 Có giang-sơn thì sĩ đã có tên ;
 Từ Chu, Hán vốn sĩ này là quí.
 Miền hương-dâng đã khen rằng hiếu nghị (2)
 Đạo lập-thân giữ lấy cương-thường,

- Khi hạo-nhiên chí đại chí cương (3),
 So chính-khi đã đầy trong trời đất,
 Lúc vị-ngô, hối tàng nơi bồng-tất (4),
 10 Hiêu-hiệu nhiên điểu Vị, canh Sân (5).
 Xe bồ-luân dầu chưa gấp Thang, Văn (6).
 Phù thế-giáo một vài câu thanh-nghị (7)
 Cầm chính đạo đê tịch tà cự bí (8)
 Hồi cuồng lan nhi chướng bách xuyên (9).
 15 Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
 Đem quách cả sở tồn làm sở dụng.
 Trong lang-miếu ra tài lương-đống (10)
 Ngoài biên-thủy rạch mũi can-tương (11),
 Làm sao cho bách thể lưu phuong.
 20 Trước là sĩ, sau là khanh tướng.
 Kinh-luân khởi tâm thượng, binh-giáp tang hung trung
 經 縱 起 心 上 兵 甲 藏 胸 中
 Vũ trụ chi gian gai phận sự, nam nhi đáo thủ thị
 宇 宙 之 間 皆 分 事 男 兒 到 此 是 豪 雄
 Nhà nước yên mà sĩ được thung-dung.
 Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng-thạch, (13)
 25 Năm ba chú tiểu đồng lêch-thêch,
 Tiêu-dao noi hàn cốc thanh-sơn (14).
 Nào thơ, nào rượu, nào dịch, nào đòn.
 Đồ thích chí chất đầy trong một túi.
 Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,
 30 Gẫm việc đời mà ngầm kẻ trộc thanh.
 Nay này sĩ mới hoàn danh.

Bản chép khác. — Câu 4 : ... Đời... nhất... đều... — Câu 5 : ... xưng rằng hiểu nghị (hoặc) : .. khen rằng hiểu đẽ. — Câu 8 : ... cho... — Câu 11 : ... chưa gấp hội... — Câu 12 : ... lời... — Câu 16 : ... chí... — Câu 18 : ... cậy sức... — Câu 19 : Sí làm cho... — Câu 20 : Đầu nhất... — Câu 21 : tự... — Câu 22... nội... — Câu 23 : ... mình... — Câu 24 : ... se hỏi thăm... — Câu 26 : Tụ nhũng... bích thủy... — Câu 27 : Nào là thi, nào là túu, nào là địch, nào là đàn... — Câu 28 : .. thú đẽ... cuộc thế... — Câu.. nhầm-

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hai câu 1-2* : Trước có năm bậc (thượng-dai-phu-khanh, hạ-dai-phu, thượng-sĩ, trung-sĩ, hạ-sĩ), sĩ được liệt vào trong ; dân có bốn hạng (sĩ, nông, công, thương), sĩ đứng đầu tiên.— (2) *Nghị 賴* : tinh-nghĩa.— (3) *Khi hạo nhiên chí đại chí cương* : khi lớn lao rất to rát cứng ; nói về cái « chính khí », cái khí tiết ngay thẳng của những bậc anh hùng.— (4) *Lúc vị ngộ hối làng nơi bồng tát* (vị ngộ : chưa gặp ; hối-tàn, ăn náu ; bồng-tát : tên hai thứ cõ) : lúc chưa gặp thời thì ăn náu ở nơi thôn quê.— (5) *Điếu Vị, canh Sắn* : Điếu Vị : câu cá ở sông Vị : theo tích ông Lã-Thượng (xem câu chú thích số (11) ở bài (63). Canh Sắn : cây ở đất Sắn. Ông Y-Doãn cày ruộng ở đất Sắn, vua Thương-Thang nghe tiếng ông là người hiền, vời ông ra làm tướng ; ba lần mời, ông mới chịu ra ; sau giúp vua Thang đánh vua Trụ, lập nên cơ nghiệp nhà Thương.— (6) *Xe bồ-luân dâu chưa gấp Thang, Văn* : Xe bồ-luân (bồ : tên một thứ cõ ; luân : bánh xe) : thứ xe bánh có quấn cõ bồ cho êm, vua dùng để dón người hiền. Thang-Văn : tức là vua Thương-Thang đã dón ông Y-Doãn và vua Chu-Văn-vương đã dón ông Lã-Thượng.— (7) *Phù thế-giao một vài câu thanh-nghị* : phù thế-giao 扶世教 : giúp cho đạo giáo của đời. Thanh-nghị 清議 : Lời bàn bạc khen kẽ hay, chè kẽ dở.— (8) *Tịch tà cự bi 閃邪距謬* : trừ những điều gian tà, ngăn những điều bất chính.— (9) *Hồi cuồng-lan nhi chướng bách xuyên* 迥狂濶而障百川 : ngăn sóng dữ mà giữ các dòng sông.— (10) *Lang miếu 廊廟* : nói chung về đền đài nhà vua ; đây nói làm quan ở kinh-đô. *Lương-dống 樑棟* : rường và cột ; nghĩa bóng : người cảng-đáng công việc trọng-dai trong nước.— (11) *Can-lương 千將* : tên một thanh gươm của vua Hợp-Lư nước Ngò ; đây chỉ chung các binh khí.— (12) *Hai câu 21-22* : Tài sắp đặt việc nước tự trong lòng ra, dò dùng đánh giặc chúa săn ở trong bụng ; trong khoảng trời đất đều là phận sự của mình, con trai đến thế mới hào-hùng. Cả câu ý nói : làm trai vừa có tài văn đẽ tri nước, vừa có tài võ đẽ dẹp giặc, bắt cứ việc gì cũng cảng-đáng được, thế mới là giỏi.— (13) *Hoàng-thạch* : tức Hoàng-thạch-công 黃石公 : Một bậc ăn-dặt ở bên Tàu đời xưa.— (14) *Hàn-cốc, thanh-sơn 寒谷青山* : hang lạnh núi xanh.

95.— Cầm kỳ thi túu

Cầm, kỳ, thi, túu,

Đường ăn chơi mõi vê mõi hay.

Đàn năm cung, giéo-giắt tinh-tinh dày ;

Cờ đời nước, rập-rình xe ngựa đó.

Thơ mệt túi, phảm-dề câu nguyệt lộ (1) ;
 Rượu ba chung (2), tiêu-sái cuộc yên-hà (3)
 Thú xuất trần, tiên vân là ta ;
 Sánh Hoàng-thạch, Xích-tùng (4), ở cũng đáng.
 Cầm tú tiêu nhiên, kỳ tú sáng ;
 琴 恩 潘 然 棋 恩 爽
 Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nồng (5).
 詩 懷 樂 矣 酒 懷 浪
 Một chữ nhàn giá lại đáng muôn chung (6)
 Người ở thế, dẫu trăm năm là mấy.
 Sách có chữ: « Nhân sinh thích chí 人生適志 »
 Đem ngàn vàng chắc lấy chuyện cười.
 Chơi cho lịch mới là chơi,
 Chơi cho dài-các, cho người biết tay
 Tài tình dẽ mấy xưa nay.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phảm dề* 品 题: phê lời khen. *Nguyệt lộ* 月 露: ràng và móc; ý nói văn hay.— (2) *Chung* 鍾: chén uống rượu.— (3): *Tiêu sái* 潘 酒: phóng khoáng, không vướng víu với trần tục.— *Yên-hà* 煙 霞: (*yên*: khói, dày là hơi mù; *hà*: ráng); nói về cái cảnh thiền-nhiên, cái thú ẩn-dật.— 4 *Hoàng thạch*: xem câu chú-thích số (13) ở bài trên. *Xích-tùng*: tức là Xích tùng tử 赤 松 子: tên một ông tiều dài xưa.— (5) *Hai câu 9-10*: Từ đòn trong tréo, tú cờ sáng-sủa; lòng thơ vui-vẻ, lòng rượu nồng-nàn.— (6) *Muôn chung*: dịch chữ « vạn chung » xem câu chú-thích (7) ở bài 71.

LÝ VĂN-PHÚC 李文馥

(Xem *tiễn-truyện tác-giả* ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (1).)

96.— Tự thuật ký (1)

Ở cõi trời Nam ; có người đất Bắc (2).

Dòng thi-lê vĩn Minh-trieu tạt lại (2) ; áng binh-quá vừa Lê mạt xuống sinh.

Nhờ nghĩa-phương (3) từ bé chút từng nghe, dưới sân nghiêm mắt quở tai răn, tinh du-dâng uốn lắn cho nhập giáo (4), — theo học-nghiệp đã lớn khôn biết nghĩ, bên trường ráng sớm ôn tối đọc, việc tập-tành gắng mãi cũng thành danh.

Vận đổi-xoay vừa chán cuộc tang thương; — cơ bình-trị sớm rạng vùng thiên-nhật.

Khoa đình-mão (5) cũng nước bầu cơm gỏi, tiếc lẽ đi không về luống, kỳ tú-trường còn nhượng băng Tòn-sơn (6) ; — chốn Tràng-an (7) thời cùi quế gạo châu (8), lấy gì ngọt thảo bùi thơm, đường bách lý những ghi lời Tử-lộ (9).

Nghè buôn bán tay không khôn vỗ ; — bước khó khăn đầu gối hay bò.

Cất mình đi đem lưỡi bút thay cày, hết miền Cồ-nhuế (10), lại Phố Thăng-Long (11), nhờ lộc thánh đã giúp còng rèn tập; — làm thế lại giở túi nghè dãi khách, nay số Tứ-vi, mai pho Dã-hạc, mượn giá thầy cho dắt tiếng xem coi.

Nhàn cùng trí đoán, hết nói khôn ngoan ; — bĩ cực thái lai, là nhò vận chuyền.

Trường ất-mão (12) may tên dự hương-tiến (13), hàng thường lệ (14) nỗi liền ba nhánh, công sinh-thành đã hồn-hở mẹ cha ; — năm canh-thìn (15) vàng ứng chiếu hạ trưng (16), cánh tiêu-liêu (17) gửi ghé một cảnh, đường vinh-dát cũng theo đòi bạn hữu.

Ti-lạp (18) chung nhờ lộc nước ; — đầu-thăng (19) riêng thiết nỗi nhà.

Trong quang mây che đỉnh Hồ khuất đi, một phong

thú lặn suối trèo non, mở ra xem giấy thảm mực sầu, kêu trời thảm những cắt lòng nơi lũ-xá ; — đội vừng nguyệt chỉ quê Phồn (20) ruồi lại, hai tháng hạn năm rơm gối đất, tả chưa hết dòng thương giọt tủi, lại mẹ già thôi trả gót chốn thần-kinh.

Yên phận rồi, đâu đê nỗi gia-tình ; — gác chữ hiếu phải chăm bèle công-sự.

Tài sơ-thiên chực một bè tôm-tép, lần lữa mưa sương nắng nguyệt, trưa tháng ngày nên dự số công-lao ; — duyên tao-phùng may nghìn thuở rồng mây, vẻ-vang áo mảng dai mồi, tuôn mưa móc thảm cả minh bồ-tổ (21).

Đường mây thanh-thả, khi quận khi triều ; — bè hoạn chập-chòn, có vinh có nhục.

Vinh thay buồi ra vào nơi điện bệ, phận hàn-sĩ thoát nhảy ngôi quan cả : tuy chẳng được bảng vàng bia đá, nghĩ lại sáu bảy năm chừng ấy, tâm chín phần đã trả nợ sách đèn ; — nhục thay khi ngồi đứng gốc hành-dương (22), thân á-khanh cam sánh kẻ lính già : gượng cho qua cháo muối cơm rau, tính dồn ba bốn tháng dài ghê, trăm nghìn nỗi đủ nêm mùi cay đắng.

Tội thần-tử dẫu bùa rìu cũng đáng, — ơn thánh minh rồi sấm sét lại qua.

Lầu thái-vân đâu nầy xuồng liêng to, may bóng dương còn soi đến dẫu béo, nét son thảm sáng lòe nha ngục-thất ; — khôi bạch-cốt bỗng nở dần gân thịt, nhờ hòn đất lại nặn lên ông bụt, giấc mộng tàn tinh cả chốn cư-dinh (23).

Trải nhục rồi, mới biết thuở xưa vinh ; — được sống lại, dám quản đâu là thác.

Đêm với bè dã sáu lần thiệp-lịch (24), sóng gió kê bao phen chìm nổi, chắc trong mình vàng có mệnh quân-vương ; — góp non sông vào mây quyền phàm-dề, bút nghiên là vốn nghiệp xưa nay, mở con mắt ngó cùng nơi di-vực.

Trong sai khiến ấy là huấn-hối ; — sức hép-hời thêm được kiến-văn.

Đành tẩm-thân nhờ đào-tạo còn dày, xếp đắc-táng có bàn chi sự cũ ; — cầm tarc dạ với quỉ thần không hổ, miễn thủy-chung cho chó phụ ơn trên.

Buồm thênh-thênh hẫu dâng bảng hồi-sai (25) ; büt thảo-thảo gói ghi thiền tự-thuật.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tự thuật ký* : bài ký kể thân-thế của mình. Bài này tác-giả làm năm 1834 (Minh-Mệnh thứ 15) khi vâng mệnh công-cán ở Áo-môn, trở về (xem câu cuối). Bài này làm theo thể « tú-lục ».— (2) *Người đất Bắc*— *Vốn Minh-triều tại lại* : tác-giả vốn dòng-dõi người Tàu ; khi triều Minh bị nhà Mãn-Thanh đánh đổ, tổ-tiên tác-giả mới sang ở bên nước ta.— (3) *Nghĩa phuơng 義 方* : chỉ hướng hợp đạo nghĩa.— (4) *Nhập giáo 八教* : vào khuôn phép.— (5) *Đinh mǎo* tức là năm 1807.— (6) *Nhượng bảng Tôn-son* (Tôn-son 孫 山 : tên một người đi thi đỗ cuối bảng) ; ý nói hỏng thi.— (7) *Trang-an 長 安* : nguyên là kinh-đô nước Tàu về đời nhà Tây-Hán (nay ở tỉnh Thiểm-tây) ; sau dùng theo nghĩa rộng để gọi chung kinh-đô nhà vua.— (8) *Củi quê, gạo châu* : củi đắt như quê, gạo đắt như hạt châu ; ý nói đắt lầm.— (9) *Đường bách-lý những ghi lời Tử-Lộ* (bách-lý 百 里 : trăm-dặm ; Tử-Lộ 子 路 ; tên một người học-trò đức Khổng-Tử) : xưa Tử-Lộ thờ cha mẹ rất có hiếu ; nhà nghèo thường đội gạo đi trạm dặm để lấy tiền nuôi cha mẹ.— (10) *Cô nhuế* : tên làng, nay thuộc phủ Hoài-đức tỉnh Hà-dông.— (11) *Thắng-long* : tên cũ Hà-nội, đặt ra từ đời Lý-Thái-ți.— (12) *Ái-mão* ; tức là năm 1819.— (13) *Hương tiến 鄭 莊* : đỗ khoa thi hương.— (14) *Thường lệ 常 棟* : tên một thứ cây ; lại là tên một thiền trong Kinh-Thi tả cảnh vui-vầy trong anh em.— (15) *Canh thin* : tức là năm 1820.— (16) *Hạ trung 下 徵* : nói vua hạ tờ chiếu xuống đòi ra làm quan.— (17) *Tiêu liêu 枫 聊* : tức là cây hò-liêu ; tên một thiền trong Kinh-thi nói về quả cây hò-liêu sai đẽ ví với con cháu nhiều.— (18) *Ti-lap 細 粒* : sợi tơ và hạt gạo.— (19) *Đầu-thăng 斗 升* : đấu và thung (phần mười của đấu) : ý nói lương bồng ít-ỏi.— (20) *Què phần* : què-hương. Nguyên vua Hán cao-tồ què ở xã Phàn du 楊 榆 : (tên hai thứ cây), nên đời sau dùng chữ áy để gọi què-hương.— (21) *Bố-lố 布 素* : áo vải mộc-mạc ; chỉ thân người học-trò nghèo.— (22) *Gốc hành-dương* (hành-dương 衢 楊 : cùm bằng gỗ) ; chỉ nơi ngục-thất. Tác-giả một lần đương làm hữu-tham-tri, bị tội phải tuóc chức ; sau theo phái-bộ đi ra ngoại-quốc hiệu lực, rồi lại được khai-phục.— (23) *Cư-dình 居 亭* : nhà trọ.— (24) *Đêm vời bè dã sáu lần thiếp-lịch* : sáu lần vượt qua bè khơi. Đây tác-giả nói đến việc được cử đi công-cán ở Tiều-tây-dương ở Tân-gia-ba, ở Lữ-tống, ở Quảng-đông, ở Tân-gia-ba lần thứ hai, ở Áo-môn.— (25) *Hồi-sai 同 差* : đi việc công sai trở về.

NHỊ THẬP TỨ-HIẾU DIỄN ÂM 二十四孝演音

« Nhị thập tứ hiếu » nghĩa là hai mươi bốn chuyện hiếu. Trong tập này (gồm có 416 câu), tác giả đếm truyện hai mươi bốn người con có hiếu chép ở sử sách Tàu đặt ra lời ca song thất lục bát.

97.— Nàng vắng, khóc mắng

- 297 Người Vương-Tường cũng ra đời Tấn,
Tủi huyên-đường (1) sớm ẵn hóng xa (2).
- 300 Mẹ sao gấp kẻ chua ngoa,
Tiếng gièm thêu dệt với cha những điều.
Lòng cha vẫn còn yêu như trước.
Lòng con thường chẳng khác như xưa.
 Mẹ thường muôn bùa sinh-ngư (3)
Giá đông trời lạnh, bấy giờ tìm đâu ?
305 Trên vắng đóng, quyết cầu cho thấy.
 Cởi áo nǎm, rét mẩy cũng vui.
 Bỗng không ván lở làm đói,
Li-ngư (4) m y được một đôi mang về.
 Bùa cung-cấp một bè kính thuận,
310 Mẹ cha đều đổi giận làm lành.
 Cho hay hiếu cảm lại mình,
Dẫu trăm giận, lúc hạ tình (5) cũng thôi.
- 325 Ngô Mạnh-tôn phụ-sinh sớm khuất,
Thờ mẫu thân lòng thực khăng khăng.
 Tuổi già dần-dọc băn-khoän ;
Khi đau, nhớ bát canh mắng những thèm.
 Trời đông-nguyệt biết tìm đâu được,
- 330 Chốn trúc-lâm phải bước chân đi.
 Một thân ngồi tựa gốc tre,
Ôm cây kêu khóc nắn-nì với cây.
Giữa bình-dịa phút giây bỗng nứt,
Mấy rò mắng mặt đất nầy sinh.
- 335 Đem về điều dặt bùa canh,
Ăn rồi bệnh mẹ lại lành như xưa.
Mắng mùa lạnh bây giờ mới thấy,

Đề về sau nhớ lấy cỏ cây.

Cho hay hiếu động cao dày (6).

340 Tình sâu nên khiến cỏ cây cũng tình.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Huyén đường* 荳 堂 : (nhà trồng cây huyền) : chỉ người mẹ. Huyền là một thứ cỏ có tính giải phiền, nên còn gọi là « vong ưu thảo 忘憂草 » (cỏ làm quên nỗi lo), bởi thế hay trồng ở chỗ mẹ ở để mong cho mẹ được vai. *Kinh thi* có câu : « Yèn đặc huyền thảo, ngôn thụ chi bối 馬得莧草, 言樹之背. » (Ước gì được cỏ huyền, mà trồng ở nhà phía bắc (tức là nhà mẹ ô). Những chữ « huyền dinh », « nhà huyền » cũng có nghĩa ấy (2).— *Sóm ǎn bóng xa* : mắng sóm.— (3) *Sinh ngư 生魚* : cá sống.— (4) *Lí ngư 粒魚* : cá chép. *Hạ tình 下情* : nói người trên đoái tình thương người dưới.— (6) *Cao dày* : trời, đất ; do câu « trời cao, đất dày » nói tắt lại.

NGÔ THẾ - VINH 吳世榮

(Biệt hiệu Trúc-dường, người xã Bùi-dương (nay thuộc p. Nam-trực, t. Nam định), đỗ tiến sĩ năm 189, Minh-mệnh thứ 10).

98.— Thanh phong, minh nguyệt

Giang tâm thu nguyệt bạch,

江心秋月白

Não-nùng thay khi gió mát, lúc trăng thanh !

Bóng thiềm soi đáy nước long-lanh.

Quang cảnh ấy cũng thanh mà cũng lịch.

Vạn khoảnh tịch-nhiên thu dạ vĩnh,

萬頃寂然秋夜永

Nhất hồ oánh nhĩ nguyệt minh thâu (1)

一壺瑩爾月明秋

Đàn năm cung, thư một túi, cờ một cuộc, rượu một bầu,

Tiếng ca quan (2) một vài câu khiền hưng;

Chèo mấy mai, thuyền lan lững-thững,

Bạn mấy người tài-tử *ngao.du*.

Non mấy tầng, đá mọc lò-nhỏ,

Cầu mấy dẹp, bắc ngang sòng Vị-thủy (3)

Hội Xích-bích nợ năm Tuất nhỉ !

Thú phong-lưu há đề một Tô-công (4) ?

Trăng thanh gió mát kho chung.

Bản chép khác.— Câu 1 : Giang tâm, thu nguyệt.— Câu 5... *lai*
— Câu 7 : ... khúc Câu 10 : ... *tiêu dạo* — Câu 11 : ... *so-le*. Câu 12 : ... một...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hai câu 5-6* : Muôn khoảnh (trăm mẫu) vắng
ngắt trong đêm dài mùa thu ; một bầu lồng lành ánh trăng thu.—
(2) *Ca quan 歌管* : hát và sáo.— (3) *Vị thủy* : tức là sông Vị hoàng
chảy qua tỉnh Nam định.— (4) *Tô công* : tức là Tô Đông-pha, một bậc
danh sĩ ở bên Tàu về đời Tống. Năm Nhâm-thuất (1082) ông đi chơi
thuyền ở dưới núi Xich-bich hai lần: nhàn dò làm ra hai bài *Tiền*
Xich-bich và *Hậu Xich-bich* phú

PHAN THANH-GIẢN 潘清簡 (1796-1867)

(Xem *Tiểu-truyện* tác giả ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì. *Chương*
hứ XV, Lời chú (14).)

99.— *Đi sứ nước Pháp*

Chín tầng lồng-lộng giữa trời thịnh,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình ;
Lo nỗi nước kia còn phiến-biển ;
Thương bè dân nọ cuộc giao chinh.
Nghìn trùng biển cả sang tây-dịa ;
Muôn dặm đường xa thẳng đế-kinh.
Mây nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rõ cuộc hòa-minh.

100.— *Tuyệt cốc (1)*

Trời thời, đất lợi, lại người hòa :
Há dè ngồi coi phải nói ra,
Lăm trá ơn vua, đền nợ nước ;
Đành cam gánh nặng, ruồi đường xa
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ ;
Vượt biển trèo non, cảm phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi.
Nào hay ba tinh lại chầu ba (2).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tuyệt cốc 絶巒* : không ăn thóc ; nhịn đói. Năm 1867, sau khi nộp ba tỉnh phía tây Nam kỳ (Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên) cho người Pháp, cụ nhịn đói trong mười ngày, rồi uống thuốc

độc chết.— (2) *Ba lĩnh lại chầu ba* (chầu: thêm vào): đây là nói ba tinh phía tây lại sáp nhập ba tinh phía đông xứ Nam kỳ (bây giờ là Nam Việt (Gia-dịnh, Biên-hòa, và Định-tường) mà vua ta đã nhượng cho nước Pháp theo tờ hiệp-ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862.

CAO BÁ-QUÁT 高伯達 (? - 1854)

(Xem *Tiêu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ XV, *Lời chú* (10)).

101.— Uống rượu tiêu sầu

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,
Cảnh phù-du (1) trông thấy cũng nực cười,
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời,
Tiêu-khiền một vài chuông lếu-láo.
Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,
斷送一生惟有酒
Trầm tư bách kế bất như nhàn (2)
沉思百計不如閒
Dưới thiều-quang thấp thoáng bóng Nam-san (3),
Ngoảnh mặt lại, cửu hoàn (4) coi cũng nhỏ.
Khoảng trời đất, cồ kim, kim cồ,
Mảnh hình-hài không có, có không.
Lọ là thiên tú, vạn chung (5) !

Bản chép khác.— Câu 2 : *buồn*...— Câu 3 : *rượu* (hoặc *chắc*)...
Câu 7 : . . . *Bóng* . . . *dưới* ... — Câu 9 : *Thuở* . . .

CHÚ-THÍCH.— (1) *Phù du* : xem câu chú thích số (10) ở bài 36.— (2) *Hai câu 5-6* : Dứt hẳn một cuộc đời chỉ có rượu ; ngẫm nghĩ trăm kế, không gì bằng nhàn. Cả hai câu ý nói : nghĩ cho kỹ, ở trên đời, chỉ có uống rượu và an nhàn là hơn cả.— (3) *Thiều quang* 曜光 : ánh sáng đẹp đẽ, phong cảnh mùa xuân. *Nam-san* 南山 : quả núi ở phía nam.— (4) *Cửu hoàn* : như chữ hoàn-cầu, khắp trái đất, cả thế giới.— (5) *Thiên tú vạn chung* : xem câu chú thích số (7) ở bài 71.

102.— Ngán đời

Thể sự thăng trầm, quân mạc vấn ;
世事升沉君莫問

Yên ba thâm xứ hữu ngư châu (1)

煙 波 深 處 有 漁 舟

Vắt tay nắm nghĩ chyện đâu đâu,

Đem mộng sự đọ với chân-thân thì cũng hệt.

Duy giang thương chi thanh phong, dã sơn gian
chi minh nguyệt (2)

惟 江 上 之 清 風，與 山 間 之 明 月

Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng,

Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng ;

Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm tâú (3).

Gõ dịp lấy, đọc câu « Tương tiến túu » (4) :

« Quân bất-kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng

lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi » (5)

Làm chi cho mệt một đời !

Bản chép khác. — Câu 4 : ... *mệt*.

CHÚ-THÍCH. — (1) Hai câu 1-2: Việc đời lên xuống, nhà người
chẳng hỏi làm gì (Kia) trong chỗ khói mù sóng rợn, có chiếc thuyền
đánh cá. Ý nói: nên gác bỏ việc đời và tiêu dao ở nơi mây mù sóng
nước vậy, — (2) Câu 5 : Câu này lấy ở bài phú *Tiền xích bích* của Tô
Đông-pha và nghĩa là : chỉ có gió mát ở trên sông, cùng trăng sáng
trong khoảng núi — (3) *Lâm tâú* 林 蔽: rừng và nội cỏ. — (4) *Tương
tiến túu* 將 進 酒 (Sắp kèo rượu) nhan một bài Nhạc phủ đề của
Lý-Bạch. — (5) Câu 10 : 君 不 見 黃 河 之 水 天 上 來, 奔
流 到 海 不 復 回. Câu này là câu đầu bài « Tương tiến túu »
nói trên và nghĩa là : người chẳng thấy nước sông Hoàng hà tự trên
trời xuống, chảy tuôn xuống bê không hè lộn lại ; ý nói : thời giờ cứ
đi, không bao giờ trở lại.

NGUYỄN-QUÍ-TÂN 元 贊 新 (1811-1856)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì. Chương
thứ XX. *Lời chú* (16).)

103.— Vui chơi phong nguyệt

Nhân sinh thiêng địa gian, hối như lữ-hành-khách (1)

人 生 天 地 間 忽 如 旅 行 客

Có bao nhiêu ba vạn sáu nghìn ngày.
 Nợ phong trần trót đã ăn vay,
 Phải trang trả mới phải là tay chí-khi.
 Đã trót nhấp say mùi thế-vị,
 Phải tìm phương tinh thuốc phồn-hoa
 Kiếp phù-sinh thầm-thoắt bỗng nén già,
 Thị tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chí.
 Hồi những khách tang-bồng hồ-thỉ (2)
 Chốn lâm-tuyền thành-thị mấy tri-âm ?
 Trăm năm luống những cười thảm.

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu này nghĩa là : người ta sống trong khoảng trời đất, vụt như người khách qua ở tạm.— (2) *Tang bồng hồ thi* : Xem câu chú thích số (2) ở bài 43.

BÙI HỮU-NGHĨA 裴有義 (1807-1872)

(Xem *Tiều-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XX. Lời chú* (3).)

Kim thạch kỳ duyên 金石奇緣

Đề-mục tóm-tiêu này mượn ở một cuốn truyện Tàu. Việc xảy ra về đời nhà Bắc Tống (960-1126).

Tóm-tiêu chia làm ba hồi, đại-luợc như sau :

Hồi thứ nhất.— Ngạn-Yêm (quê ở Hà-nam) có người con trai tên là Kim-Ngọc đã đính-hôn với Ái-Châu, con gái Lâm-Vượng, một người nhà giàu ở gần Tô-châu (thuộc tỉnh Giang-tô).

Lợi-Đồ, tri-huyện Tô-châu, có một người vợ cả và một người vợ lẽ vốn hiềm-khích nhau, một hôm, vợ cả đau, mời Thạch Đạo-Toàn (thầy thuốc) sang chữa ; vợ lẽ thừa dịp bỏ chắt độc vào thuốc cho vợ cả uống. Người này chết, Đạo-Toàn bị bắt ; con gái là Vô-Hà phải bán mình làm thị-tì cho Ái-Châu để lấy tiền lo cho cha.

Ở vùng núi Đại-lư (thuộc tỉnh Thiểm-tây và Hồ-nam) có tên tưới giặc là Tiêu Hóa-Long vẫn cướp bóc hành khát qua sông. Khi Thiết Định-Quí vâng chỉ đến nhậm chức tri phủ Tây-an (Thuộc Thiểm-tây) đi qua đó, Hóa-Long đón bắt. Định-Quí đâm đầu xuống sông chết, dặn lại vợ đương có mang nên nhẫn-nhục sống để cứu

đứa con. Vợ là Giải-thị dành gượng sống, nhưng thề thề nào cũng trả thù cho chồng.

Sau khi thi đậu giải-nghuyên, Ngạn-Yêm được bổ làm tri-phủ Bồ-châu (thuộc Sơn-tây). Khi cùng con qua vùng Đại-lư để đi nhậm chức, cũng bị Hóa-Long bắt; nhờ có Giải-thị xin cho, mới khôi bị giết và ở đây dạy con bà là Thuần-Lương. Còn con là Kim-Ngọc thì ngã xuống sông, trôi rật vào bờ, rồi đến ở một ngôi chùa gần đây; chả may mắc bệnh hủi. Sau ba năm ở chùa, chàng trở về, nhờ người đến hỏi cưới Ái-Châu. Nhưng Ái-Châu thấy chàng có ác-tật không muốn lấy; mẹ nàng bèn nghĩ cách trả hôn, đem Vô-Hà thay làm Ái-Châu để gả cho Kim-Ngọc. Còn Ái-Châu sau lấy con quan huyện Lợi-Đồ là Ái-Lang.

Hồi thứ nhì. — Kim-Ngọc nhờ có cha nàng Vô-Hà chưa khỏi, lên kinh-dô đi thi, đậu trạng-nghuyên. Lư Khải-Phong làm thủ-tướng trong triều muôn gả con gái cho Kim-Ngọc để mưu sự thoán-doạt nhưng chàng từ chối.

Khi ấy, Hóa-Long lấy được thành Tây-an, giết chết quan tổng-đốc Từ Tuần-Kiệt. Khải-Phong định hại Kim-Ngọc, mới sai chàng đi đánh giặc ấy một mặt lại sai sai đưa mật-thư hứa giúp Hóa-Long. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang (em vợ, con Đạo-Toàn) đi đánh giặc. Hữu-Quang bị giặc bắt; nhưng khi Kim-Ngọc ra trận thì Hóa-Long bị thua, chạy về thành Tây-an. Giải-thị, Thuần-Lương, Ngạn-Yêm bèn mưu với Hữu-Quang cho Hóa-Long uống rượu say, rồi giết chết. Kim-Ngọc được tin vào thành Tây-an, nhận cha nhận mẹ, nỗi mừng khôn xiết. Giải-thị mới chặt đầu Hóa-Long làm lê tể chồng rồi dâng đầu xuống sông chết. Kim-Ngọc kéo quân về kinh-dô, vua nhà Tống thưởng công cho cả mọi người. Còn Khải-Phong can án phản-quốc phải tội chết.

Vì tội hè-lạm, Lợi-Đồ cùng với con là Ái-Lang đều phải tù và bị tịch biên gia-sản; Ái-Châu (Vợ Ái-Lang) cũng bị bắt đem bán lấy tiền cho đủ số sung công.

Hồi thứ ba — Kim-Ngọc được cử đi giữ thành Tây-an. Vợ là Vô-Hà, nhân sinh con, cần người hầu-hạ, bà đỡ đưa một người đến; người ấy lại là Ái-Châu. Vô-Hà thấy Ái-Châu định nhường ngôi vợ cả cho nàng, nhưng Kim-Ngọc không thuận. Ái-Châu bèn tìm

cách quyền-rũ Kim-Ngọc, Kim-Ngọc nổi giận, dò biết tội của Ái-Châu, mới làm án trảm. Nhờ có Vô-Hà xin cho, Ái-Châu được tha, nhưng phải bỏ đi nơi khác. Sau Ái-Châu vào ở thanh lâu.

Trong khi ấy, bọn em Lư-Khai-Phong, muốn báo thù cho anh, bèn đánh Đài-loan bấy giờ do Thành-Trai (bạn cha Kim-Ngọc) và Lý-Thiệu-Cơ (ân-nhân của Thạch-Hữu-Quang) đương làm quan ở đây. Hai ông này thấy thế nguy, bèn phi báo nhà vua. Vua sai Kim-Ngọc đi đánh. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang đến nơi, đánh tan quân giặc, kéo quân về kinh đô. Khi đi qua một ngôi chùa, thấy có người thất cổ ở trước; nhận ra, thì là Ái-Châu. Về tới kinh, Vua Tống ban thưởng cho cả mọi người.

104.— Thiết-Đình-Quí gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long

TIÊU HÓA-LONG (bạch viết) :

Thần cung nhất bả, quái phò tang ;
神 引 一 把 衙 扶 桑
Thiên hạ anh hùng mạc cảm dang.
天 下 英 雄 莫 敢 當
Sử ngã cảm phàm, kình ngạc tầm tôn Bắc-Hải ;
使 我 錦 帆 鯨 鱷 尋 踪 北 海
Huy ngô bửu kiếm, ti hưu viễn tích Nam-sam (1)
揮 吾 寶 劍 貌 然 遺 跡 南 山

(Hữu viết)

Đại-lư san (2) hùng cứ nhất phương; — Ngã trại-chủ Hóa-Long thị dã.

(Như ta) : Chiếm cứ nhất châu thiên hạ; — tự xưng Giang-Hải đại-vương.

Giấu vuốt nanh chờ vận Võ Thang (3), — nuôi vây cánh chờ người thương-khách.

(Lâu la) (4) ! Bài khai kiếm kích; — chỉnh túc thuyền sưu. Truyền đoán-triệt giang đầu; ngõ truy tầm thương-lữ.

THIẾT ĐÌNH-QUÍ (viết) :

Thăng Tây-an trị-phủ; — Thiết Đình Quí thị danh. Khặng thìn (5) hai chữ trung-thành; — nắm giữ một câu cẩn thận.

(Như ta) : Cùng Giải-thị duyên vầy loan phụng ; — roi Thiết-gia chưa ứng bi xà (6).

Trước đà vâng lệnh hoàng-gia ; — nay phải tời chấn trọng-dịa.

GIẢI-THỊ (viết) :

Từ sảnh duyên xe chỉ, — đà dẹp phận nung khǎn.

Mừng nay tam nguyệt hữu thần (7) ; — xinặng nhất thuyền phó-lị.

ĐÌNH-QUÍ (viết) :

Thị Thiết-gia hoan-hỉ ; — (vagyta) hứa hiền-phụ đồng hành.

(Đà-công) (8) ! Phó đà-công nhẹ tέch dòng xanh : ra trọng-dịa vô an con đở,

(Văn viết) :

Trọng-dịa vô an con đở,

Mây móc nhuần cây cỏ càng tươi.

Dương xuân bùa (9) một phuơng trời,

Ngựa tre đón rước (10) vui cười gió nhơn.

GIẢI-THỊ (Văn viết) :

Chữ tung dẹp-dẽ to duyên,

Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đòn (11) gần nhau.

ĐÌNH-QUÍ (viết) :

Muôn trùng voi.voi non cao ; — trăm khúc minh-minh biến thǎm.

(Nợ) ; Đất đã sanh thể hiềm ; — sông lại vắng người đi.

(Đà-công) ! Phó đà-công tu khả thận trì, — quá thủ địa tối vi săm-lịch.

HÓA-LONG (viết) :

Một thuyền nhẹ tέch ; — mấy ngựa ruồi theo.

Kip bě lái rút chèo ; — mau giết người lấy cửa.

ĐÌNH QUÍ (viết) :

Thất thố (12) chon thất thố ! — chí kinh thị chí kinh !

(Ở phu nhơn) ! Hoại ngò vạn lý tiền trình ; — cõ ngã nhất ngôn cốt huyết.

壞吾萬里前程；顧我一言骨血。
 Vật khả chấp kinh tuân tiết ; — tu dương nhẫn nhục tồn cõ
 勿可執經徇節；須當忍辱存孤。
 Tặc thủ bất nghi ô ; — giang trung dương tự tận (13).
 賊手不宜汚；江中當自盡。

GIẢI-THỊ (viết) :

Chung thiên bảo hận ; — phủ địa trường hô.

終天抱恨；俯地長呼。

Khởi khả sự nhị phu ; — quyết tu nhuơng nhứt tử (14)
 直可事二夫；決須讓一死

HÓA-LONG (viết) :

Cấp bảo trụ ! Cấp bảo trụ (15) ! — Vật khinh sanh ! Vật khinh sanh !

Xem qua phải sắc khuynh thành ; — đem lại thay ngôi chủ trại.

GIẢI-THỊ (viết) :

Thè hẹn ấy nước non không cải ; — gian-nan này trời đất có hay.

Lá sương chi quản tấm thân này ; — hột huyết còn mang, hòn mau đỏ.

(Như ta) : Ngộ biến đà mang lấy hồ ; — tùng quyền còn kè chi minh.

Lấp cơn sầu hồn dõi dòng xanh ; — lau giọt thảm máu rơi nước bích,

(Ai văn viết) :

Giọt thảm máu rơi nước bích,
 Thương phận mình giá sạch ra nhơ.

Dây oan khéo vấn sờ sờ.

Vì ai chẳng trọn một thờ với ai.

Gặp khi sóng gió giữa vời,
 Thương vì khi huyết dõi dời non sông.

(Hồi thứ nhất)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thần-cung... tích Nam-san*: Tay cầm một chiếc cung thần và mang theo những cái tên nhẹ. Trong thiên-hạ không người anh-hùng nào dám địch với ta. Hết ta giữ trọng cái buồm bằng gấm lèn, những giống cá voi và cá sấu phải trốn lèn biển Bắc; Hết ta tuốt cái gươm qui ra, những giống lì hưu (tên một giống mãnh thú) phải trốn xuống núi Nam (ý nói: ai ai cũng phải khiếp sợ).— (2) *Đại lư-san*: tức là Tần-linh, một dãy núi ở miền Thiểm-tây, ở giữa sông Vị (chi lưu của Hoàng-hà) và sông Hán (chi lưu của Dương-tử-giang) một nơi rất hiểm-yếu.— (3) *Chờ vận Võ, Thang* (Võ: tức là Võ-vương (1122-116) sáng nghiệp ra nhà Chu; Thang: tức là Thành-thang (1783-154) sáng nghiệp ra nhà Thương): ý nói chờ cơ-hội để làm vua.— (4) *Lâu la 婴々*: quần cướp tụ-hop ở rừng núi.— (5) *Khăng thin* (khăng: một mục; thin: giữ-gìn): một mục giữ gìn.— (6) *Üng bi xà* (bi: con gấu; xà: con rắn): nắm chiêm bao thấy gấu hoặc thấy rắn; ý nói sinh con trai hoặc sinh con gái. Chữ lấy ở *Kinh-Thi Tiêu-Nhã* Thơ Tư-can « Duy hùng, duy bi, nam tử chi tường. Duy hủy duy xà nǚ tử chi tường. 惟 熊 惟 蛇, 男 子 之 祥. 惟 猛 惟 龜, 女 子 之 祥. » (nắm chiêm bao) thấy gấu, đó là điềm đẻ con trai. Thấy rắn là điềm đẻ con gái). Hùng là giống gấu thường, bi là giống gấu lớn; hủy và xà đều là rắn. Giống gấu ở núi khỏe-mạnh nên cho là điềm con trai; giống rắn ở hang, mèm-mại nên cho là điềm con gái.— (7) *Hữu thần 有 妹*: có mang.— (8) *Đà-công 航 工* (đà: bánh lái, công: thợ, người làm việc gì): người bẻ lái thuyền.— (9) *Búa*: tẩy ra khắp mọi nơi.— (10) *Ngựa tre đón rước*: nghĩa bóng là vui-vẻ đón rước một ông quan có nhàn. Theo tích Quách-Cấp đời Hậu-Hán làm quan ở Tinh-Châu. Sau khi đổi di chỗ khác, lại về Tinh-Châu. Khi trở về, các trẻ con trong hạt lấy những thanh tre làm ngựa cưỡi di đón ông ấy vui vẻ làm.— (11) *Tiếng hạc, tiếng đòn*: nói về một ông quan thanh-liêm. Theo tích Triệu-Biện ở đời nhà Tống, di làm quan chỉ đem có một con hạc, một cái đàn đèn quận, tinh rất thanh-liêm.— (12) *Thất-thố 失 措*: chính nghĩa là cuống quít lẩn-lộn; dây nghĩa là nguy đến nơi.— (13) *Hoại ngô... dương tự tận*: (Nó) làm hỏng con đường xương-lai dài muôn dặm của ta; (Phu-nhân) nên nghĩ đến một lời xương máu của ta: Chờ nên giữ đạo thường mà chết vì tiết-nghĩa; phải nên nhẫn-nhục mà cứu lấy đứa con bồ-côi (Còn ta) không nên đê cho tay giặc làm nhơ; phải tự-tận ở giữa dòng sông.— (14) *Chung-thiên nhất-lứ*: suốt đời ôm nỗi giận; cui xuống đất kêu dài. Há có thể thờ hai chồng? Quyết nên một thắc cho rồi.— (15) *Cấp bão trú*: kip ôm' giữ lấy.

105.— Giải-thị tuân tiết theo chòng

GIẢI-THỊ (viết) :

Giai tiền bái yết ; — trướng hạ cung trần.

階 前 拜 謁；帳 下 恭 陳

Thiếp bỗn vị vong nhân ; — quí vi thất tiết phụ (1)

妾 本 未 亡 人；愧 為 失 節 婦

(Như thiếp) : Xử nghịch cảnh (mà) ngoại tân thường
đảm (2) ; — (chẳng qua là tôi) phụng di ngòn (nên mới)
nhẫn nhục 'lòn cõ.

(Nhưng mẹ con tôi) : Chém xương trót đặng trả thù ;
— (mà) mờ miệng càng mang lấy hổ.

KIM-NGỌC (viết) :

Hảo bá.mẫu (3) ba-dào tiết.phụ ; — cứu song thân la.
võng đại ương (4).

好 伯 母 波 潤 節 婦；救 相 亂 羅 網 大 殃.

(Công tử thời sát lặc lập công) ; vẫn hồi nhất thống
bản chương — (là cùng) toàn lại đại gia tâm lực (đó mà).

Tiết bá mẫu nên ghi thê bạc : — (còn) công thê huynh
đáng dựa nhà vàng.

(Để cháu) tu biểu văn thương tấu trào đàng, — (đặng
mà) nhờ lượng thánh minh dương đại tiết (cho).

GIẢI-THỊ (viết) :

(Thura) dám bày tình chí thiết ; — trót trả nghĩa tương
thân.

Hồn tiên phu đó khôn hỏi chốn thủy tân ; — (thura)
đầu Tiêu tặc (tôi xin) tẽ an người tuyển nhưỡng (5).

KIM-NGỌC (viết) :

Đại tiết linh nhàn khả tường ; — dạ dài tuy tử do
sinh (6).

Xin phu nhân an tại biên thành, — cùng hiền đệ tuân
du trọng địa

(Chúng túc) ! Tẽ nghi chỉnh bị ; — thuyền thích
nghiêm minh.

Truyền quân nhân gian khẩu tấn hành ; — (đặng cho
ta) hồ bá mẫu hải tàn tri tẽ (a).

GIẢI-THỊ (viết)

(Hà) ! Oan kết theo hồn tinh-vệ (7) — lụy rơi hóa huyết
đỗ-quyên (8).

Minh-mông sóng thảm bùa đầu thuyền ; — (còn) lai-láng gió sâu xao mặt nước.

(Văn-viết) :

Mặt nước tối ngày quyết biệt.
Đưới suối vàng, ai biết cho chăng ?
Tồn cõi chữ dặn khăng-khăng,
Vì ai, nên lỗi đạo hăng với ai ?
Than ôi ! kia đất nọ trời,
Ấy sông thê thùy, nào lời minh san.

KIM-NGỌC

(Quân) Truyền trụ thuyền ban ; — cấp tràn tể-phàm.

GIẢI-THỊ, THUẦN-CƯƠNG (viết) :

Ngưỡng kỳ linh-sảng ; — nguyện giám đơn thầm (9).
Hương thê chong già bạn đồng tâm ; — chén thảo
rót dung người dị-lộ.

(Thán viết) :

Ta hồ ! tiên giá cảnh hà chi ; — cát đoạn can trường
hận biệt-ly.

Vân ám Bỉnh-hồ long khứ viễn ; — nguyệt minh Hoa-
biểu nhạn qui tri (10).

雲暗鼎湖龍去遠；月明華表雁歸遲。

GIẢI-THỊ (viết) :

Chàng ngâm cười chín suối ; — thiếp uống thảm ngàn
ngày.

Nước oan-thù thảm thoát từ đây ; — sóng ly-biệt lao-
xao thuở nọ.

Đầu Tiêu-tặc đó đà dặng đó , — mặt tiên phu nào
thấy đâu nỗi ?

(*Tiên-phu ôi*) Bất nhị canh hò phận má đào ; — Vô
tư chiểu in vừng trăng bạc.

(*Như thiếp chử*) : Nhơ nhuốc khôn che đầy mặt ; hờ
hang dẽ lắp ngơ lòng.

Nguyệt tận tiết vu ba trung ; — thú tùng phu ư tuyền
hạ (11)

願 盡 詩 於 波 中 ; 猶 從 夫 於 泉 下。
(*Nhập thủy*)

(*Hồi thú nhị*)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Giai tiên... thất tiết phu* : Trước thềm lạy yết ; — dưới trường kính bày : Thiếp vốn là người góa chồng ; — xấu hổ làm người vợ thất-tiết.— (2) *Ngõa tần, thường cảm卧薪嘗膽* : nắn gai ném mặt ; nghĩa bóng là chăm lo sự bảo thủ. Theo tích vua Câu-Tiễn nước Việt bị vua nước Ngô đánh thua, trong hai mươi năm trời, cứ nắm trên cùi gai và thường ném mặt dǎng đẽ lúc nào cũng nhớ đến mối thù.— (3) *Bá mẫu* : bác gái. Đài Kim-ngọc gọi Giải-thị là bá-mẫu đẽ có ý kinh trọng.— (4) *La vồng đại ương* : (la : lười bắt chim ; vồng : lười bắt cá ; đại ương : nạn lớn) : dày chỉ cái nạn bị giặc bắt.— (5) *Tuyền nhuõng 泉 壤* (tuyền : tức là cửu-tuyền, chín suối ; nhuõng : cõi) : cõi cửu-tuyền, nơi âm-phủ.— (6) *Đại tiết... do sinh* : Tiết lớn (của bà) khiến người phải tưởng nhớ đến ; — ở dưới âm-phủ (chồng bà) tuy chết cũng như còn sống.— (7) *Tinh vê 精 衡* : tên một giống chim. Điện cõi : con gái vua Viêm-dé chết đuối ở biển Đông, hóa ra chim tinh-vê ; tự bấy giờ, cứ đi nhặt đá ở núi Tây đẽ lắp biển ấy. Sau người ta mượn biển ấy đẽ nói những người ôm một mối thù hoặc một mối hận ở trong lòng.— (8) *Đỗ quyên 枳 鸟* : cũng gọi là đỗ-vũ 枳 子 : chim cuốc tiếng kêu ai-oán người ta cho là nó kêu mãi chảy máu cổ họng ra. Điện cũ : vua Đỗ-Vũ nước Thục sau khi phải nhường ngôi cho Bá-Linh, hóa ra chim ấy.— (9) *Nhuõng kỳ... đơn thầm* (linh : thiêng-liêng ; sáng : sáng-sủa ; đơn : đỗ như son ; thầm : thành-thực) : mong rằng hồn thiêng-liêng sáng-sủa soi xét đến tấm lòng son thành-thực.— (10) *Ta hồ... nhạn qui trì* (tiên-giá : xe tiên ; nói về người chết ; — đỉnh hồ (đỉnh : cái vạc) : chỗ vua Hoàng-dé bên Tàu sau khi đúc cái vạc thì có con rồng đem đi mất, nên dùng chữ ấy đẽ nói về vua chết ; — hoa-biều (biều : đầm) : chữ lấy trong *Kinh thi* ; đời Lê-vương, dân bị khổ sở ly-tán, đến đời Tuyễn-

vương mới lại được an-cư lạc-nghiệp, bèn tự ví minh như đàn nhạn bay mãi mới đến chỗ đàm hoa mà yên nghỉ : Than ôi ! xe tiễn đi nơi nào ? Cắt đứt gan ruột vì nỗi hận biệt-ly ! Mây mờ trên hồ vạc, con rồng đi dã xa (ý nói : chồng chết dã lâu); trăng soi sáng trên cột trụ đá ở trước lăng-mộ chim nhạn về chàm (ý nói : giặc-giã đã dẹp yên, dân-sự lục-tục trở về).— (11) *Nguyễn Tân Tiết... u tuyển hạ* : xin đậm đầu xuống giữa sóng để trọn tiết ; ngõ hầu theo chồng ở dưới chín suối.

NGUYỄN ĐÌNH-CHIẾU 元廷炤 (1822-1888)

(Xem *Tiểu-truyện* tác giả ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX, *Lời chú* (1)).

106.—Trung thần, nghĩa-sĩ

Làm người trung-nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa càn-khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo dền rồi ơn đất nước ;
Râu mày giữ vẹn phận tôi con,
Tinh-thần hai chữ phao sương tuyết ;
Khi phách ngàn thu rõ núi non.
Gẫm chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ (1)
Lòng đây tưởng đó mắt như còn,

CHÚ-THÍCH.— *Ngựa Hồ, chim Việt* : do câu : « Hồ mã tè bắc phong. Việt-điều sào nam chi 胡馬嘶北風, 越鳥巢南枝 ». Con ngựa rợ Hồ (ở phía bắc nước Tàu) cất tiếng kêu khi thấy gió bắc thổi, con chim đất Việt (ở phía nam nước Tàu) làm tổ ở cành chòi về phương nam. Ý nói : loài vật còn nhớ quê hương.

LỤC VÂN-TIÊN 陸雲仙

(Xem *phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, Chương thứ XIX).

LƯỢC TRUYỀN.— Truyện *Lục Vân-Tiên* (gồm 2246 câu) có thể chia làm 4 đoạn như sau.

I.— *Lục Vân-Tiên và Kiều Nguyệt-Nga gặp nhau* (câu 1-552). — Nguyễn Lục Vân-Tiên là người học trò có nết có tài, con nhà phúc hậu, đã đính hôn với Vũ-thái-Loan, nhân gặp khoa thi, lén kinh đô để kịp ngày vào trường. Lúc đi đường gặp nàng Kiều Nguyệt-Nga bị bọn giặc bắt, chàng bèn ra tay cứu nàng thoát nạn. Sau hai bên từ biệt nhau : nàng về ly sở của cha; chàng đến chốn kinh-kỳ để kịp ngày vào thi.

II.— *Lục Văn-Tiên gặp nạn* (câu 553-1240).— Chàng vừa đến nơi, chợt nghe tin mẹ mất, vội vàng lìa chốn khoa trường, về nhà chịu tang. Đi đường, vì nỗi đau buồn, thụ bệnh mắt mù : đã gặp bọn dung pháp-sĩ lừa dối, tiền mắt tật mang, lại gặp người bạn bắt lương (Trịnh-Hâm) lập mưu hại. Sau tối nhà ông nhạc, thì đã không cứu giúp lại sinh lòng hiềm-độc đem chàng bỏ vào một cái hang sâu. Nhưng may gặp một tiên-ông cứu ra, gặp bạn hiền (Hán-Minh) đem đến ở một ngôi chùa.

III.— *Kiều Nguyệt-Nga phải sang cảng Phiên* (câu 1241-1740) — Về phần Kiều Nguyệt-Nga, vì có tên nịnh thần muôn ép duyên không chịu, nhân có giặc Phiên sang quấy nhiễu, tên ấy bèn tâu với vua Sở bắt nàng sang cảng vua Phiên. Nàng định thủ-tiết, đi nửa đường đâm đầu xuống sông tự vẫn. May gặp người-ông quăng lưới vớt lên, sau đến ở một ngôi chùa.

IV.— *Lục Văn-Tiên và Kiều Nguyệt-Nga được sum-hop hiền-vinh*, (câu 1741-2246).— Lục Văn-Tiên sau nhòe có thuốc tiên uống khôi mắt về nhà thăm cha, thăm Kiều-Công (cha nàng Nguyệt-Nga), rồi đi thi đỗ Trạng-nguyễn. Nhân có giặc Phiên lại sang quấy nhiễu, vua sai đi đánh giặc thua tan. Lúc về, nhòe mệt sự tình cờ, gặp Kiều Nguyệt Nga ở chùa hai bên nhau nhau rồi lại được sum họp một nhà. Sau nhân vua không có con, mới truyền ngôi cho Lục Văn-Tiên, thật là vinh-quang sung-sướng. Còn bọn gian nịnh tham ác trước thì đều bị tội và cực khổ cả.

107.— *Lục Văn-Tiên đánh bọn cướp,* *cứu nàng Kiều Nguyệt-Nga*

- 91 Bỗng nghe tiếng khóc vang rầm,
Xôn-xao rừng bụi, ý-ầm núi non,
Vân-Tiên hỏi lù cõng con :
« Việc chi *tấp-nập la om chạy hoài?* »
- 95 Dàn rắng : « Tráng sĩ kêu ai ?
« Hay là *cũng lũ Sơn-dài đuổi ta?* »
Chàng rắng : « *Chớ ngại chi mà,*
« Hãy *xin dừng lại, để ta trao lời,*
« *Ta đây du học qua chơi,*
- 100 « Giữa đường, thấy việc lạ, thời hỏi xem,
« *Đề cho được tò cǎn nguyên* (1) ;
« *Dở hay sẽ liệu kinh quyền* (2) *giúp cho.* »

- Dân nghe khôi sợ hết lo,
 Rủ nhau đứng lại, nhỏ to trình rắng :
 105 « Dám thura tráng-sĩ qua đường,
 « Sự này nói lại thêm càng ngứa gan.
 « Ở đây có đảng côn-quang (3),
 « Ra vào nhiễu-loạn thôn-trang trăm bè.
 « Còn thẳng đầu-mục (4) nó kia,
 110 « Tên là Đỗ-Dự, hiệu thi Phong-lai.
 « Họp nhau ở chốn Sơn-dài,
 « Người đều sợ nó tri tài khôn đương.
 « Vừa rồi xuống cướp ban-hương,
 « Gặp người thực-nữ qua đường bắt đi,
 115 « Xóm làng chẳng dám nói chi,
 « Cảm thương hai gã nữ-nhi mắc nàn;
 « Con ai vóc ngọc mảnh vàng.
 « Má đào, mày liễu, dung-nhan, lạnh lùng.
 « Vì mà mắc chung hành hung,
 120 « Uồng trang thực-nữ sánh cùng thất-phu !
 « Hở mồm, bụng lại thêm lo,
 « Thôi thôi chạy trốn đi cho rảnh mình. »
 Vân-Tiên nỗi trán lôi-dịnh (5).
 Hỏi thăm « Lũ ấy nâu hinh nơi nao ?
 125 « Tôi xin ra sức anh-hảo,
 « Trở dương việc ấy, người nào lo chi ? »
 Dân rắng : « Lũ nó còn kia.
 « Xin chàng qua đó một khi mới dành.
 « E khi họa hổ bất thành (6).
 130 « Khi không mình lại chôn mình vào hang. »
 Vân-liên chí khi hiên ngang (7).
 Bè cây làm gậy rẽ đường thẳng vô,
 Thét rắng : « Hồi đảng hung-đồ !
 « Chớ quen thói cũ mo-hồ hại dân. »
 135 Phong-lai mặt đỏ mang rắng :
 « Thẳng nào lớn mật lẫy-lùng vào đây.
 « Trước gậy việc dữ tại mày. »

Truyề̄n quân bốn phia bồ vây nghiêm phòng.

Vân-Tiên tả đột hữu xung,

140 Khác nào Triệu Tử vượt vòng Dương-dương (8).

Lâu la (9) bốn phia tan-hoang,

Đều quăng gươm giáo, kiêm đường chạy ngay.

Bản chép khác. — Câu 93 : Tiên rằng : Bé chú... — Câu 94 : nén nỗi bon bon... — Câu 96 : một lũ... — Câu 97 : Tiên rằng : « Cơ sự làm sao ? — Câu 98 : Hãy dừng gót lại mà trao một lời... — Câu 103 ... tiếng nỗi khoan thai. — Câu 111 : Nhóm.. — Câu 112 :... có tài... — Câu 113 : Bảy giờ... thôn... — Câu 114 : Thấy con gái tốt... — Câu 115 : Dân chúng... — Câu 116 : Càng nhau lẩn khóc vạy thì đã vang. — Câu 119 : E khi... đảng... — Câu 121-122 : Thời thời chẳng dám nỗi lâu ! Chạy đi cho khôi, kéo au tới mình. — Câu 123 : ... giận... — Câu 124 :... nó còn định.., — Câu 126 : Cứu người cho khôi lao đao buổi này. — Câu 127 :... đây... — Câu 128 : Qua xem tướng bậu thơ ngày đã đánh. — Câu 130 : xuồng hàng — Câu 131 : ... ghé lại bên đảng. — 132 :... nhảm làng xông... Câu 134 :... làm thói mồ-hồ... — Câu 135 :... phùng phùng. — Câu 138 :... bit bùng — Câu 141 : Lu... vỡ tan. — Câu 142 :... nhảm — Câu 143 :... chẳng — Câu 144 :... Bị Tiên mệt gãy thác rày, thân vong.

CHÚ-THÍCH. — (1) Căn-nghuyên 根 源 : rễ cây và nguồn nước ; nghĩa rộng là : duyên do, gốc tích. — (2) Kinh quyên : do câu : « Xử thường chấp kinh, xử biến tòng quyền 處 常執經, 處 變從權. » nghĩa là : Ở cảnh thường thì giữ đạo thường, nhưng khi gặp cảnh biến thì phải theo tình-thế mà đổi-phó, định-đoạt, không thể câu-nệ được — (3) Côn quang (côn 棍 : cái gậy dùng để đánh vỗ ; quang 梢 : then ngang của cái thang) : chỉ bọn du-côn, bọn giặc cướp — (4) Đầu mục 頭 目 : người đứng đầu trong một bộ-lạc hay một đảng — (5) Lôi đình 雷 霆 : sấm và sét ; nghĩa bóng là giận dữ — (6) Họa hồ bất thành : do câu ở trong sách Hậu Hán thư « Họa hồ bất thành phản loại cầu 畫 虎 不 成 反 獵 狗. » (Vẽ hổ không nên lại giống chó) ; ý nói làm việc quá cao mà không thành công. — (7) Hiên ngang 轩 昂 : (hiên : chỗ cao ở đằng trước một cái xe ; ngang : ngang cao lèn) : cao kỳ, khác người thường. — (8) Triệu Tử vượt vòng Dương-dương : tích lũy trong truyện Tam-quốc-chi diễn nghĩa : Triệu Tử-long đánh ở Dương-dương Trường-bản-kieu, phá tan quân Tào-Tháo, cứu được A-dầu. — (9) Lâu-la 喇 嘉 : quân cướp tụ họp ở rừng núi.

108.—Lục Văn-Tiên bị Vũ-công hâm-hại

- Vũ-công trong dạ ưu-phieền,
 Muốn toan một chước chu-tuyễn độc thay !
 « Văn-Tiên ngươi hãy ngồi đây,
 1050 Đè ta vào trước, sẽ rày liệu toan.
 Với cho đòi mụ Quỳnh-Trang (1),
 Cùng là ái-nữ Thái-Loan đều vào.
 Mọi bè sau trước tiêu-hao
 Sợ chàng lam-lũ, tìm vào đến đây.
 1055 Nên hư, tùy mẹ con mà,
 « Đã không ép vợ, há rày ép con. »
 Loan rằng : « Gót dỗ như son,
 « Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn ?
 « Có đâu sen, ấu mọc chùm ?
 1060 « Có đâu chanh, khẽ sánh cùng lựu, lê ?
 « Thà không thì chịu một bè,
 « Còn hơn mình ngọc dựa kè thất phu.
 « Quyết lòng chờ đợi danh-nho,
 « Có đâu lấy dứa đui mù thế nay ?
 1065 « Vả nghe người nói hỏi này,
 « Có Vương lử-Trực đỡ dày thủ-khoa.
 « Xin cha cố kết thông-gia,
 « Họ Vương, họ Vũ một nhà mới xinh »
 Công rằng : « Muốn trọn việc mình,
 1070 Phải toan độc-kế dứt tình mới xong.
 « Gần đây có núi Xương-tòng,
 « Hang sâu thăm-thẳm, bịt bùng khôn ra.
 « Đông Thành (2) nghìn dặm cách xa,
 « Đem chàng bỏ đó, ai mà biết đâu ? »
 1075 Ngán thay họ Vũ mưu sâu !
 Cha con khen khéo bảo nhau hại người !
 Bóng trắng vừa gác non doi,
 Văn-Tiên ngồi tựa nhà ngoài thở-than,
 Vũ-công khi ấy dỗ chàng :
 1080 Xuống thuyền, cho linh đưa sang Đông.Thành.
 Đưa đi vừa lúc tan canh,

- Dẫn vào hang đá, bỏ dành Vân-Tiên.
 Đoạn rồi, ren-rén bỏ lên,
 Vội đưa chèo quẽ, tách miền xa trông.
- 1035 Vân-Tiên thực dạ tin lòng,
 Hùng hò, nào biết Vũ-công hại mình.
 Thưa rằng : « Nhạc-phụ xét tình,
 « Cho người đưa đến Đông-thành quê nay,
 « Gắng lòng báo đáp ơn dày,
- 1090 « Một phen tưởng đến ngàn ngày dám quên».
 Hay đâu vắng tiếng dõi bên,
 Tay chân đựng đá, dưới trên chập-chồng,
 Vân-Tiên khi ấy hãi-hùng,
 Nghĩ ra nói biết Vũ-công hại mình.
- 1095 Nực cười con Tạo dành.hanh,
 Chữ duyên điêu-trác, chữ tình đòi trao,
 « Nghĩ mình tai nạn xiết bao !
 « Mời qua khỏi bến, lại vào ngay hang.
 « Dãy sầu ai khéo vẫn-vương,
- 1100 « Tranh nơi núi kẽm, gấp đường hang beo.
 « Quanh hang đá mọc tai mèo.
 « Muốn ra cho khỏi, ai diu-dắt tay ?
 Ông-gia ai khéo dựng gác ?
 « Đã dành một thác thân này cho an ? »
- 1105 Chắc rằng xa cõi nhân-gian,
 Cho nên vào chốn thạch-bàn nằm lo,
 Đêm khuya ngọn gió thổi lùi,
 Sương sa ẩn thấp, mưa to lạnh-lùng.

Bản chép phác.— Câu 1047 : ... khôn ngót lòng... — Câu 1048 : Anh tình thế lợi có tuyển vay vay.— Câu 1049 : Dạy... — Câu 1050 : Cho ta trả lại sau này... — Câu 1051-1056 : Công rằng : « Mục hổi Quỳnh-Trang ! Dù lòng ái-nur Thổ-Loan thế nào ? Mặc bay toan liệu làm sau, Võn không ép vợ, lẽ nào ép con.— Câu 1059 : Ai cho sen muồng mệt bồn.— Câu 1061 : ... trót... — Câu 1063 : Dốc... — Câu 1064 : Rẽ đâu có rẽ đui mù thó này ? — Câu 1065 : Tôi... — Câu

1066 : *Rằng... đâu...— Câu 1067: : Ta dấu muôn...sui...— Câu 1069: ...đặng...— Câu 1070 :... một bước... cho.— Câu 1071 : *Nghe rằng trong... Thương... — Câu 1072 : Có hang sâu...— Câu 1073 :.., còn xa — Câu 1077 : Phút vừa trăng đã đồng đầu.— Câu 1078 :... triều...cầu...— Câu 1079 :..: ra đê phinh...— Câu 1080 :...trê...— Câu 1081 : *Ra... tam...—Câu 1082 : Dắt.., tôi — Câu 1083 : Bỏ tôi len lén bước liền — Câu 1084 : Xuống gay.., dời thuyền tránh xa.— Câu 1085-1090 : Tiết rằng : « Các chú đưa ta ! Xin đưa cho tôi quê nhà sê hay ! Ghi lòng đặc trọn thảo ngay ! Một phen ra sức ngày ngày chẳng quên ! ».— Câu 1091 : *Lặng nghe... hai...— Câu 1092 : Tay lần hang tôi, đá...— Câu 1095 :.. trú trinh.— Câu 1096 : tráo chác... lảng sao.— Câu 1079 : *Gầm...— Câu 1098 : ...lên... trong... — Câu 1099 : *vương mang.— Câu 1100 :... lưỡi thò... bảy cheo...— Câu 1101 : Trong hang sau trước quạnh hiu.— Câu 1102 :...đi... —Câu.. 1103 : nợ đã khéo gầy.— Câu 1104 : *Ôi thài ! thân thế còn gì mà toan ? — Câu 1105 : Đã đành...— Câu 1106 : *Dựa mình... co.— Câu 1107 : Đêm đông...— Câu 1108 :... lác đác ... tro...********

CHÚ-THÍCH.— (1) *Quỳnh-trang* : vợ Vũ-Công.— (2) *Bồng-thành* : tên quận, quê Lục Vân-Tiên.

109.— Vương Tử-Trực nhiếc mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan

Nhân khi Tử-Trực (1) hỏi hương,

1250 *Vào nhà họ Vũ, thăm chàng Vân-Tiên.*

Công rằng : « *hỏi đến thêm phiền.*

« *Nó đã lâm bệnh, hoảng tuyền xa chơi.*

« *Thương thay tài trí ở đời !*

« *Nhỡ đường danh phận, nhỡ nơi tơ hồng ».*

1255 *Nghe thôi Tử-Trực động lòng,*

Hai hàng nước mắt ròng-ròng như mưa.

Than rằng : « *Rày nhớ linh xưa (2).*

Nghĩa đà tỏ nghĩa, tình chưa tỏ tình.

« *Trời sao nở phụ người lành ?*

1260 « *Bảng vàng chưa chiếm, ngày xanh đã mòn !*

- « Cùng nhau *chứa* được vuông tròn,
 Người dà *sớm* mất, ta còn ích chi ?
- « Trong *trần* mấy kẻ cố-tri ?
 Máy trang đồng đạo, mấy *nghì* đồng-tâm ? »
- 1265 Công rằng : « ta cũng *xót* thầm,
 « Túi duyên con trẽ, sắt cầm dở-dang.
 « *Mất* rồi, *không* lẽ tái hoàn,
 « Lão dà *sớm* tính một đường *tiên* ngay.
- « Tới đây thì ở lại đây,
 1270 « Cùng con gái lão, sum-vầy thất-gia.
 « Phòng khi *sớm* tối vào ra,
 « Thấy Vương Tử-Trực, cũng là thấy Tiên ».
 Trực rằng : « *Cùng* bạn *bút* nghiên,
 « Anh em trước đã kết nguyễn cùng nhau.
- 1275 « Vợ Tiên là Trực chị đâu,
 « Chị đâu, em bạn, có đâu lỗi nè?
 « Chẳng hay người học sách gì ?
 « Nói ra những *chuyện* dị-kỳ khó nghe !
 Hay là học thói nước Tề ?
- 1280 « Vợ người Tử.Cù dưa về Hoàn-công (3).
 « Hay là học thói Đường-cung ?
 « Vợ người Tiêu-Lạc sánh cùng Thể-Dân (4)
 « Hay là học thói nhà Tần ?
 « Bất-Vi gả vợ, Dị Nhân lấy nhầm (5).
- 1285 « Nói sao chẳng biết hồ thân ?
 « Người ta há phải loài cầm thú sao ? »
 Vũ-công hồ hẹn xiết bao,
 Sương sùng khôn cãi lẽ nào cho qua.
 Thái-Loan trong trường bước ra,
- 1290 Miệng mừng thầy cử tân khoa mới về :
 « Thiếp nay lỗi đạo xướng tùy,
 « Lỗi đường sửa túi, lỗi bè nưng khăn.
 « Uồng thay dạ thỏ khăng-khăng,
 « Đêm đêm chờ đợi bóng trăng bấy chầy.
- 1295 « Chẳng ưng thì cũng làm khuây,

« Nő *đem chuyen sách mà bày chảng kiêng?* »

Trực rằng : « Ai Lã Phụng-Tiên (6),

Mà toan đem thói Đieu-Thuyền (7) trêu ngươi ?

« Mồ chồng ngon cỏ còn tươi,

1300 « Lòng nào mà nő *buông lời* nguyệt hoa ?

« *Hỗ thay mặt ngọc da ngà,*

« So loài cầm thú, *dẽ* mà khác chi ?

« Văn-Tiên anh hối cố-tri !

« Suối vàng có biết việc gì *cho ta* ? »

1305 Tay lau nước mắt, trở ra,

Vội vè sắm sửa sang qua Đông-thành.

Bản chép khác.— Câu 1249 : *Xây đán... vừa về*.— Câu 1250:

bè...— Câu 1251 : ... ché hoi...— Câu 1252 : Chàng...— Câu

1253 ... chàng phận bạc...— Câu 1254 : Cũng vì nguyệt lão xe lối

mỗi hồng.— Câu 1255 ... qua ... hạnh...— Câu 1256 : ... lụy

ngọc...— Câu 1257 : ... Chạnh...— Câu 1258 ... kết ... phi...

— Câu 1259 : ... tài...— Câu 1260 : ... gấp, mày...— Câu

1261 : ... chưa đứng...— Câu 1262 : ... thác... làm...— Câu 1263 : ...

đời... bực...— Câu 1264 : ... người...— Câu 1265 : ... tuối...— Câu

1267 : Thôi thói khuyên chí chờ than.— Câu 1268 : ... tính đứng ... rất hay

— Câu 1271 : khuya sớm ... — Câu 1272 : ... I Vân ... Câu 1273 ..

ngồi viết đĩa... — Câu 1274 : ... xưa có thề... — Câu 1276 : ... dám —

Câu 1277 : ... chí ... Câu 1278 : ... tiếng ... Câu 1283 : Người nay nào

phải ... Câu 1285 : ... thăm.— Câu 1286 : ... dẽ ... — Câu 1288 : Người

trên không ... — Câu 1290 : ... chào — Câu 1291 : ... đà chảng trụn lời

thề. — Câu 1292 : ... bè, tráp, lỗi ... — Câu 1293 : ... nồng nồng — Câu

1294 ... thu ... — Câu 1295 : Không ... — Câu 1296 : buông lời nói chảng

vì ... — Câu 1298 : Phùng ... — Câu 1300 : ... quên — Câu 1301 : hung

vậy cũng người ta — Câu 1302 : ... — Câu 1304 : ... thế này chặng là ? —

Câu 1306 : ... tìm ...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tử-Trực* : họ Vương, bạn của Lục Văn-Tiên, đi thi
đỗ thủ khoa. — (2) *Linh xưa* : hồn thiêng xưa, đây chỉ Lục Văn-Tiên —
(3) *Vợ người Tử-Cử đưa về Hoàn-công* : Tử-Cử là anh Hoàn-công nước
Tề bị Hoàn-công giết đi, rồi cướp lấy vợ.— (4) *Vợ người Tiêu-Lục sanh*

cùng Thế-Dân : Tiếu-Lạc là em Thế-Dân, bị Thế-Dân giết đi, cướp lấy vợ ; rồi lên làm vua tức là vua Đường Thái-Tôn (627-650). — (5) *Bát-Vi gả vợ, Di-nhân lấy nhầm* : Lã Bát-Vi, người đời Chiết-quốc, buôn-bán giàu có, có một người thiếp rất đẹp đã có mang, đem dâng cho Hoàng-tôn Di-nhân (tức là Tần Trang-nhương vương). Ông này không biết sự gian-trá, lấy người thiếp ấy, sau sinh ra Tần Thủ-Hoàng. — (6) *Lã-Phụng Tiên, Điều-Thuyền* : tích phép trong *Tam-quốc-chí diễn nghĩa* : Phụng-Tiên là tên tự của Lã-Bố, người đời Đông-Hán, con nuôi Đồng-Trác, Điều-Thuyền là tên tự một mĩ-nhân đời ấy, dùng sắc đẹp mà phân ly Đồng-Trác với Lã-Bố : vì Trác say mê Điều-Thuyền, Bố nỗi ghen, giết chết bố nuôi. Sau dùng tên ấy để chỉ người đàn bà lấy nhan-sắc khiêu-động người khác.

DỤC-TÔN 爾宗 (1829-1883)

110.— Ngẫu cảm

Sự đời ngâm nghĩ, nghĩ mà ghê !
 Sống gủi, rồi ra lại thác về.
 Khôn dại cùng chung ba thước đất ;
 Giàu sang chưa chín một nồi kê (1).
 Tranh dành trước mắt mây tan tác ;
 Đày-dọa sau thân núi nặng nề.
 Muốn dè hỏi tiên, tiên chẳng bảo,
 Gương làm chút nữa dè mà nghe.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Giàu sang chưa chín một nồi kê* : ý nói cuộc giàu sang ở trên đời rất chóng tàn. *Điền cũ* ; Trong bài *Châm trung ký* 杖中記 của Lý-Bí 李泌, có chép truyện này ; Lư-sinh đời Đường gặp một nhà đạo-sĩ tên là Lữ Ở nhà trọ, than thở với nhà ấy rằng mình cứ phải chịu cảnh bần cùng mãi. Bấy giờ chủ trọ đương nấu nồi kê, Lư-sinh muốn ngủ một giấc rồi dậy ăn. Nhà đạo-sĩ bèn lấy một cái gối ở trong túi đưa cho Lư-sinh bảo nằm lên đây thì sẽ được vinh-hiển như ý. Lư-sinh nằm xuống thì quả nhiên thấy mình lấy được vợ đẹp, thi thi đậu tiến-sĩ, làm quan to, sinh được năm người con trai đều làm nén, thật là hiền-vinh sung-sướng, lại sống đến tám mươi tuổi mới chết. Bấy giờ tỉnh dậy thì thấy mình vẫn nằm ở nhà trọ, mà nồi kê của chủ trọ vẫn chưa chín. Bởi tích áy nên sau mới dùng mấy chữ « *Hoàng-Lương mộng* 黃梁夢 » (giấc mộng kê vàng) để nói về cuộc phú-quí ở trên đời ngắn-ngủi chóng tàn.

NGUYỄN NHƯỢC-THỊ 阮若氏

(Xem *Tiểu-truyện* tác giả ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XX*, *Lời chú* (7).)

HẠNH THỰC-CA 幸蜀歌

(Xem *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XX*)

111.— Việc kinh-thành thất thủ năm Ất-dậu(1885)

Khuyên can chúng thảy hết điều,
 Cắt thàm Tôn-Thuyết (1) dậy liều nửa đêm (2)
 Phen này may rủi thử xem,
 Đã dành cõi chú quyết đem đánh vầy.
 Chẳng cho ai biết ai hay,
 Cũng chẳng lâu đạt, một tay thiện hành.
 Chiến công, đều « phẩn nghĩa binh » :
 Chỉ dùng những phúc-tâm mình mà thôi.
 Chắc chi bẽ nạn chống trời !
 Hay là làm chước thoát nơi lửa thành ?
 Hay làm bất ý thỉnh-linh,
 Họa là mayặng công thành tiên kỵ ?
 Thất kinh, ai nấy hồn phi :
 Đêm khuya, nào biết sự vì làm sao.
 Quanh-co hờ-hải cùng nhau ;
 Lệnh truyền gác cửa hỏi mau cho tường.
 Giờ lâu mới thấy gửi sang (3).
 Răng : « Nguyên ở đó (4) thị cường bắn lên.
 « Ta nay không nhẽ điềm-nhiên,
 « Phải toàn cự địch, hư nêu nhò trời. »
 Âm-ầm tiếng súng khắp vời :
 Khói dùn mù đất, lửa lòe nhòe mây.

Canh tư, thăng phụ chưa hay ;
 Canh năm, nghe báo (5), rút may mừng lòng :
 Bình dài (6) thu phục đã xong,
 Lầu Tây (7), đương đốt lửa dong bốn bề.
 Liệu chừng thuốc dạn đã mòn,
 Giãy lên, Tây mới thành-môn bắn vào (8).
 Nhường như sấm sét àm ào ;
 Dẫu là núi, cũng phải chao, huống thành !
 Quân ta khôn súc đua tranh,
 Đem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Tôn-Thuyết* : tức là Tôn-thất-Thuyết 尊室說, làm phụ-chánh đại-thần, kiêm binh-bộ thương-thứ lúc bấy giờ. Sau khi vua Tự-Đức mất (19 tháng 7 năm 1883), quyền chính ở trong triều đều ở tay hai ông Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường 殿文祥 là phụ-chánh đại-thần. Hai ông này chuyên quyền, làm sự phế lập : vua Dục-đức mới lên ngôi được ba ngày thì hai ông bỏ đi mà lập vua Hiệp-Hòa, rồi lại bỏ vua Hiệp-hòa (tháng 1 năm 1884) mà lập vua Kiến-phúc ; được chín tháng vua Kiến-phúc mất, hai ông lập vua Hàm-Nghi mới có 12 tuổi (tháng tám năm 1884). Tuy triều-dinh đã ký tờ hiệp-ước ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 nhận cuộc bảo-hộ của nước Pháp mà hai ông vẫn lo cuộc chống cự ; mỗ quân « phẫn nghĩa » lập đồn Tân sở 新所 (ở gần Cam-lộ, thuộc tỉnh Quảng-trị), chưa vàng bạc ở đây để phòng khi hữu sự.— (2) *Nửa đêm* : tức là đêm hôm 22 sang ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu, Hàm-Nghi nguyên-niên (đêm ngày mồng 4 sang ngày mồng 5 tháng 7 năm 1885). Một giờ đêm hôm ấy, Tôn-thất-Thuyết ra lệnh cho quân đánh tòa Khâm-sứ và trại quân Pháp ở Mang cá — (3) *Gởi sang* : đây là lời Thuyết tâu với vua Hàm-Nghi.— (4) *Ở đó* : ý nói bèn người Pháp.— (5) *Nghe báo* : nghe lời Thuyết báo.— (6) *Bình-dài* : tức là Mang-cá nói trên. Chính tên là Trần-bình-dài, một khu thành nhỏ ở góc đông-bắc kinh-thành Huế.— (7) *Lầu Tây* : tức là tòa Khâm-sứ Pháp.— (8) *Giãy lên, Tây mới thành mòn bắn vào* : Khi quân ta bắn sang, quân Pháp đang ngủ, chợt tỉnh dậy, chưa biết ra làm sao, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến gần sàng, quân Pháp mới tiến lên đánh thành thì quân ta thua chạy.

LÊ NGÔ-CÁT 黎吳吉 và **PHẠM ĐÌNH-TOÁI** 范廷体

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả* ở Phàn thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ VII, Lời chú (14) và (16).

Đại-nam quốc-sử diễn-ca

大 南 國 史 演 歌

(Xem Phàn thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ năm)

112.— Hai bà Trưng

- 331 Bà Trưng quê ở Châu Phong (1)
 Giận người thám-bạo, thù chòng chẳng quên.
 Chị em nặng một lời nguyền,
 Phát cờ nương-tử (2) thay quyền tướng-quân.
- 335 Ngàn tay (3) nỗi áng phong tràn,
 Âm-ầm binh-mã xuống gần Long-Biên (4).
 Hồng-quần nhẹ bước chinh-yên (5),
 Đuôi ngay Tô-Định dẹp tan biên-thành.
- Đô-kỵ (6) đóng cõi Mi-linh (7),
 340 Lĩnh-nam (8) riêng một triều đình nước ta.
 Ba thu gánh vác sơn-hà,
 Một là bảo-phục (9) hai là bá vương (10).
 Uy-thanh động đến Bắc-phương,
 Hán sai Mã Viện lên đường tiến công.
- Hồ Tùy (11) đưa sức vãy vùng,
 345 Nữ-nhi chống với anh-hùng được nao !
 Cấm-khé (12) đến lúc hiềm-nghèo,
 Chị em thất thế cũng liều với sông.
 Phục-bà (13) mới dựng cột đồng,
- 350 Ái-quan truyền dấu biên công cõi ngoài.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Châu Phong* : tức là Phong-Châu 峯州 tên đất cũ ở nước ta, ở vào khoảng phủ Vĩnh-tường (trước thuộc tỉnh Sơn-Tây nay thuộc tỉnh Vĩnh-yên).— (2) *Nương-Tử* 女子 : con gái. Cờ Nương-Tử là cờ của một vị tướng đàn bà đi đánh giặc.— (3) *Ngàn tay* : chỉ què bà Trưng, vì Phong-Châu ở phía tây thủđô nước ta bây giờ.— (4) *Long-biên* 龍編 : tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Thuận-thành tỉnh Bắc-ninh.— (5) *Chinh-yên* 征鞍 : cái yên đặt liên minh

ngựa cưỡi đi đánh giặc.— (6) *Đô-kỵ* 都 羈 : cũng như chữ « kinh-dò » chỗ nhà vua đóng.— (7) *Mi-linh* 墓 冷 : tên đất cũ của nước ta, nay thuộc địa-hạt phủ Yên-lăng tỉnh Phúc-yên.— (8) *Lĩnh-nam* 嶺 南 : (nghĩa đen là phía nam dãy núi Ngũ-lĩnh) tên : người Tàu ngày xưa gọi chung phần đất ở phía nam dãy ngũ-lĩnh, gồm có Quảng-dong, Quảng-tây và nước nam ta.— (9) *Báo-phục* 報 徒 : tức là báo ân, phục thù, nghĩa là đèn ơn và trả thù.— (10) *Bá-vương* 霸 王 : bá là người có quyền thống lĩnh các nước nhỏ, ở dưới vương ; vương là vua : nói về người làm nên sự-nghiệp hùng tráng.— (11) *Hồ Tây* : tên một cái hồ ở phía bắc thành-phố Hà-nội. Đây chép « Hồ Tây » vì sử cũ chép rằng Mã-Viện đánh nhau với bà Trưng ở Lãng-bạc, mà « Lãng-bạc » là một tên cũ của Hồ Tây. Nhưng ở các nhà sử-học gần đây xét ra rằng « Lãng-bạc » nơi bà Trưng đánh nhau với Mã-Viện, không phải là tên hồ mà là tên đất, tức là Tiên-du sơn huyện Tiên-du tỉnh Bắc-ninh bây giờ (Xem H. Maspéro. *L'expédition de Ma Yuan*, BEFEO, t. XVIII, số 3).— (12) *Cấm-khé* 禁 網 : tên đất cũ ở nước ta, nay ở địa-hạt phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-yên.— (13) *Phục-ba* 伏 波 : tức là Phục-ba tướng-quân, chức của vua Hán phong cho Mã-Viện.

TÔN THỌ-TƯỜNG 尊 壽 祥

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (5)).

113.— *Đi sứ nước Pháp*

Mùa gươm, quăng chén cất mình đi,
Bịn rịn đâu màng thói nực-nhi.
Mây khói một màu thayền thoát-thoát !
Biển trời muôn dặm núi ti-ti.
Phượng xa xe ngựa lừa đi đến ;
Nước cũ non sông ngóng lúc về.
Tên cỏ cung dâu là chi trẻ,
Danh mà chi đó, lợi mà chi ?

114.— *Tôn phu-nhân qui Thục* (1)

Cật ngựa thanh gươm vẹn chẽ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-dong (2).
Liá Ngô, bịn-rịn chòm râu bạc ;

Về Hán trau-tria mảnh má hờng.
 Sơn phẩn thà cam dày gió bụi;
 Đá vàng chi đẽ thẹn non sông?
 Ai về nhẫn với Châu Công-cần (3) :
 Thà mất lòng anh, dặng bụng chồng.

Bản chép khác.— Câu 5 : ... *đem* *đày*...— Câu 8 : ... *Chu*...—
 Câu 8 : ... *đuợc*...

CHÚ-THÍCH.— *Tôn phu-nhân qui Thục* 孫夫人歸蜀 : Phu-nhân họ Tôn về nước Thục. Tôn phu-nhân, em gái Tôn-Quyền vua nước Ngô, lấy Lưu-Bị vua nước Thục (hoặc Hán) năm 209 (sự tích đời Tam quốc). Tác-giả mượn việc này để ám-chỉ cảnh ngộ minh, trước đã làm quan với Nam triều, sau lại làm quan với Chánh-phủ Pháp — (2) *Giang-dông* 江東 : phía đông sòng Dương-tử giang. Đây chỉ đất nước Ngô ở phía đông-nam sông ấy về phía đông sòng Tương là một chi lưu của sông ấy.— (3) *Công-cần* : tự của Chu Du, có tài văn võ, giúp Tôn-Quyền, đánh thua Tào Tháo ở trận Xích bích.

115.— Tự thuật

(Tất cả mười bài liên hoàn : dưới đây trích lọc hai bài)

I

Giang-san ba tinh hãy còn đây ;
 Trời đất xui chi đến nỗi này?
 Chớp nhoáng thăng bon dây thép kéo ;
 Mây tuôn den kịt khói tàu bay.
 Xăng-văng chậm tính, thương đời chõ ;
 Khắp-khởi riêng lo, biết những ngày.
 Miệng cọp, hàm rồng, chưa dẽ chọc :
 Khuyên dàn con trẻ chờ thay lay (1).

IX

Kè mấy mươi năm nước lẽ văn,
 Trời đà xui thế, thế khôn ngăn.
 Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy ;
 Ba tinh riêng lo việc ở ăn.
 Hết sức người theo trời chẳng kịp,
 Hoài công chim lấp biển khôn băng.

*Phải sao chịu vậy, thôi thì chờ...
Nhắm mắt đưa chân, lối đạo hẵng !*

Bản chép khác.— Bài IX, Câu 1 : ... nèp... — Câu 7 : *Ở thôi !*
~~đi...~~

CHÚ-THÍCH.— (1) *Thay lay* : mua chuốc lấy những việc không phải
việc của mình.

116.— **Thân thế nàng Kiều (1)**

Mười mấy năm trời nợ giũ xong,
Sông Tiền-đường đục hóa ra trong,
Mảnh duyên bình lăng (2) còn nồng-nả ;
Chút phận tang-thương lấm ngại-ngùng.
Chữ hiểu ít nhiều, trời đất biết ;
Gánh tình nặng nhẹ, chị em chung.
Tâm lòng thiên cõi thương mà trách :
Chẳng trách chi Kiều, trách Hóa-công.

Bản chép khác.— Câu 1 : ... uỷt rùa... — Câu 2 : ... nén... —
Câu 7 : *Soi gươong...*

CHÚ-THÍCH.— (1) Bài này tác giả làm khi đã về tri sỹ, mượn thân
thế nàng Kiều để ký thác tâm sự mình.— (2) *Bình-lăng* 平浪 : bèo
và sóng; như chữ «bình thủy» nói về cái duyên hai người ngẫu nhiên mà
gặp gỡ nhau.

PHAN VĂN-TRỊ 潘文植

(Xem *tiểu-truyện* tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương
thứ XX. *Lời chú* (6).)

117.— **Tôn phu-nhân qui Thực**

(Hoa vận Bài của Tôn Thọ-Tường, xem Bài số (2) ở trên)

Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng.
Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.
Ngút lỏa dồi Ngô un sắc trắng.
Duyên về đất Thực đượm màu hồng.
Hai vai tóc belden trời đất ;
Một gánh cang (cương) thường nặng núi sông.
Anh hời ! Tôn-Quyền anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

Bản chép khác. — Câu 1 : ... sửa trap (hoặc . xốc áo)... — Câu 2 : ... già... — Câu 3 : Ngút tỏa trời Ngô... (hoặc) : Khói tỏa vùng Ngô xen thíc bạc — Câu 4 : Duyên xe về Thục.. — Câu 7 : Nhấn với họ Tôn người...

118. — **Tự thuật**

(Hoa văn bài của Tôn-Thọ-Tường, xem Bài số 122 ở trên)

Hơn thua chưa quyết đó cùng dày,
Chẳng dã, nên ta phải thế này.
Bèn Nghé (1) quản bao cơn lửa cháy ;
Cồn Rồng (2) dẫu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở :
Búa lười (3) săn nai cũng có ngày,
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ :
Lòng ta sắt đá, há lung lay ?

IX

Một đôi mươi uống tinh xăń-văn (4) !
Đất lở, ai mà dẽ dám ngăn ?
Nong-nả, (5) dốc vun nền đạo nghĩa ;
Xốn-xang (6) nào tưởng việc làm ăn !
Thương người vì nước ngồi không vững
Trách kẻ cầm cán kéo chẳng bằng.
Gió xăng mới hay cây cỏ cứng,
Dối theo người trước giữ năm hắng.

Bản chép khác. — Bài IX câu 7 : ... mạnh.

CHÚ-THÍCH. — (1) *Bến-nghé* : tên một cái bến ở thành Saigon — (2) *Cồn rồng* : tên một cái cồn ở thành Saigon. — (3) *Búa lười* : chǎng lười. — (4) *Xăń-văn* : tức là xăń-văng : vội-vàng, hấp tấp. — (5) *Nong nả* : hăm hở, liăng-hái. — (6) *Xốn-xang* : rõ ràng, bối rối trong lòng.

CAO BÁ-NHẠ 高伯迺

Người xã Phú-thị (nay thuộc q. Gia làm t. Bắc-ninh), con Cao-Bá-Đạt cháu Cao-Bá-Quát.

Tự tình khúc 故情曲

Năm 1854 Tự-đức thứ 7, sau khi Cao-Bá-Quát (xem *Tiểu truyện* ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XV. Lời chú (10).) khởi loạn, rồi bị chết chém, người anh đồng-bào song-sinh là Cao-Bá-Đạt (đỗ cử-nhan năm 1834, Minh-mạng thứ 15) bấy giờ đương làm tri-huyện Nông-cống (Thanh-Hóa) cũng bị bắt giam, sau ông tự tận. Cả nhà ông đều bị bắt. Duy có Cao-Bá-Nha trốn thoát, ăn náu ở hòn Mỵ-đức (Hà-dông) được tám năm trời thì lại bị bắt. Khúc *Tự-tình* này, Nha làm khi đương bị giam ở trong ngục.

Kể về lời văn tự tình thì khúc này đáng kể là một áng văn hay, vì tình ý thiết tha, lời văn thống thiết, thật là tả hết nỗi đau đớn của một người chẳng may gặp cảnh gia biến bị nỗi oan uổng, mà vẫn giữ được lòng trung hiếu nghĩa thủy chung, khiến cho ai nấy đọc đến cũng phải cảm thương cho cái thân thế của tác-giả.

Khúc này gồm có 608 câu và viết theo thể « song thất lục bát ».

119.— Lúc đi trốn

- | | |
|----|--|
| | Đạo con lấy hiểu trung làm trọng, |
| 70 | Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh, |
| | Phù sinh một sợi tơ màn hờ, |
| | Giữ-gìn di-thè (1) như hình thiền-kim (2). |
| | Nhạn sa nước, nồi chìm bè khô ; |
| | Yến e cung, tim đỗ cây lành, |
| 75 | Đường ngang những sợ chóng-chênh, |
| | Khăng-khang quyết giữ tấm thành như son, |
| | Áo bạch-chữ (3) dấu cơn mưa nắng, |
| | Khăn ô-luân (4) đội nặng gió sương. |
| | Cành mai chẽch-mác càng thương, |
| 80 | Câu thơ tang tử (5) giữa đường càng đau, |
| | Ngàn non Thái mệt màu mây bạc (6), |
| | Giật chân bèo lưu lạc bè oan. |
| | Gặp-ghềnh từng bước gian-nan, |
| | Một vùng khách-dịa, muôn vận thương tâm. |
| 85 | Lòng hiểu-dưỡng trăm năm đã lỡ, |

Lời di-danh (7) hai chữ còn mang.

Trong khi biến, chẳng khác thường;
Đến điều cùng quá, lại càng kiên trinh.

90 Thu nước mắt, gia-tình biếng cạn;
Thẩm mồ-hôi, vận-hạn lâu qua.

Tràng-dinh ngoảnh lại xa-xa,
Khỏi cầu « chiết liêu » (8), ai là cõ-nhân?
Ghé chán bước phong-trần mới tráy,
Nặng lòng ôn sơn-hải chưa đành.

95 Nước mày mình biết cho mình,
Trời dành tuế-nguyệt đất dành điền-viên (9).
Thú thôn-ô ; ao nghiên, ruộng chữ ;
Màu giang-sơn ; cơm sứ, áo kinh.

100 Đồi màu lữ.khách, thay hình hàn-nho.
Người mến cảnh, giang-hồ nên thú.
Cảnh yêu người, tân chủ phải duyên.

Lần hồi trong tám, chín niên,
Gõi nhàn tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn ;
Năm dài, xem yến nhạn bay qua.

Song hồ ngày tháng làn-la,
Một hai hoàng-quyền, năm ba tiều.đồng.
Tráp Vĩnh-thúc (10), tay phong, tay mở ;
110 Tập Thiếu-lăng (11), câu lụa, câu ngâm,

Thờ-ơ thàn-thể phù trầm,
Khi rong trước gió, khi nắn dưới trăng.
Khuôn tạo-hóa dẫu răng phong, sắc (12),
Nợ phù-sinh phó mặc bi, hoan.

115 Thôn-cư riêng thù bàn-hoàn (13)
Đem thanh giải trọc, đem nhàn giải ưu.
Túi Tư-niā (14) giờ câu thánh-phú,
Vườn Đào Âm (15) quyền chủ thần hoa.

Mấy phen điếm xuyết yên.hà (16).
120 Cúc mươi lăm khóm, mai và bốn cây.

CHÚ-THÍCH.—(1) *Di-thể 遺體*: thân-thể của cha mẹ để lại cho.—(2) *Thiện-kim 千金*: nghìn vàng; ý nói quý lâm.—(3) *Bạch-chữ 白紵*: gai trắng.—(4) *Ô-luân 鳥輪*: (ô : quạ : đen như quạ ; luân : sợi to) sợi to đen.—(5) *Câu thơ lang tử*: câu thơ trong *Kinh-Thi* (*thơ tiêu-biện 小弁*): Duy « tang dã tử, tất cung kinh chỉ 緋桑與梓, 必恭敬止. » (Cây dâu và cây tử (của cha mẹ giồng, phải kính trọng nó.) Hai chữ « tang tử » sau dùng để chỉ quê cha mẹ.—(6) *Ngàn non Thái một màu mây bạc*: xưa Địch Nhàn-Kiệt đời Đường đi làm quan xa, trở đám mây trắng ở núi Thái-hàng 泰行, nói : « Nhà cha mẹ ta ở dưới đó ». Sau dùng những chữ « non Thái », « mây hàng » để nói lòng nhớ cha mẹ.—(7) *Lời di danh*: lời cha mẹ dặn mình phải sống để truyền tên họ lại về sau.—(8) *Cầu chiết liễu* (chiết liễu 折柳: bẻ cành liễu) : ở cầu Bá kiều bên Tàu, có cây liễu : khách đi xa, qua đây, thường bẻ cành liễu : rồi từ biệt những người tiễn đưa, nên gọi là cầu chiết liễu.—(9) *Trời dành tuế-nguyệt, đất dành diên viên*: (tuế-nguyệt : năm tháng ; diên-viên : ruộng vườn) : ý nói : mình còn sống thì còn ngày giờ, còn đất cát.—(10) *Tráp Vĩnh thúc*: tráp đựng sách của ông Vĩnh-thúc, tên tự của Âu Dương-Tu, một văn-hào đời Tống bên Tàu.—(11) *Tập Thiếu-lăng*: tập thơ của ông Thiếu-lăng, tên hiệu của Đô-Phủ, một thi-hào đời Đường bên Tàu.—(13) *Phong, sắc*: (phong : nhiều, hơn ; sắc : ít, kém) do câu : « Phong vu bỉ, sắc vu thủ 豊于彼, 善于此 » hơn bèn này kém bèn kia.—(13) *Bàn-hoàn 盤桓*: quanh quẩn, không nỡ dứt đi.—(14) *Tư-mã*: tức là Tư mã Tương-như làm bài phú « Lăng-vân » nổi tiếng là thánh-phú ở đời nhà Hán bên Tàu.—(15) *Đào-Am*: ông có cái vườn giồng hoa, mỗi thứ có một vị thần hoa ; người chủ vườn hoa tức là chủ các thần hoa.—(16) *Điêm-xuyệt yên-hà 黑繼煙霞* (điêm-xuyệt : tờ vẽ cho đẹp ; yên-hà : khói và ráng ; chủ cảnh thiên-nhiên) : sula sang cảnh thiên-nhiên cho đẹp-dẽ thèm.

120.— Lúc bị bắt

Tưởng khuây-khôa ngày qua, tháng tối ;

Bỗng hãi-hùng gió thổi, mưa chan.

Nồi chìm, chìm nồi bể oan,

Mấy năm sau cạn, một con lợn dày.

Nặng kiếp trước, vò giày chi mãi?

Ngầm tình này oan trái sao càn?

195 Nghĩ thân mà ngán cho thân

Một thàn mang nợ mẩy lần chưa thôi !

Chữ bắc-mệnh, ai ơi ! xót vời,

Câu đà gian (1), trời hối thấu chăng ?

Gớm thay ! ngọn lửa đốt rừng :

200 Đập tàn, tàn lại bừng-bừng bỗng không.

Ghé cho kẻ mọc lồng trong bụng (2) :

Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi (3).

Ngựa hươu thay đổi như chơi :

Đầu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay (4)

205 Gảy ra sự chia cây, rụng lá,

Đề cho ai chém cá, giật bèo.

Năm ba kẻ thuộc, người hèo.

Ngô Nhan lời cái đan-biều đập tan (5).

Gà eo.óc vừa tàn giấc mộng,

210 Nhặng vo-ve sực động hồn kinh,

Tiểu-dòng thôn-thức chung quanh.

Thè-nhi lăn-lóc bên mình khóc than.

Phút nửa khắc muôn ngàn thê-thảm

Trong một mình bảy tám biệt-ly.

215 Ngảnh vào, ái ngại thù-nhi.

Ngảnh ra, ái cũ cầm thi ngại-ngần.

Lay ngọn cúc gió dǎn lăn-lóc,

Thảm cảnh mai sương khóc chan hòa.

Trông hoa, đau đớn cùng hoa.

220 Ai ngờ từ đây hóa ra vô tình ?

Ào xốc-xéch nửa manh chắp nỗi,

Tóc loǎn-xoǎn trăm mối bòng-bong.

Sầu dài chia nửa vào song (?)

Bước ra dùng-dắng, lại trông giờ vào.

225 Hồn khuê-phụ lao-dao lặng ngắt,

Người hương-quan quanh-quất thương thay.

Bèo mây lỡ bước từ đây,

Nước non tiền khách là ngày hai nhăm.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đa-gian* : nhiều nỗi gian-truân, cực-khổ.— (2)

Mọc lồng trông bụng : tục-ngữ ; ý nói : bụng dạ độc ác.— (3) *Vẽ bóng*,
ngoài môi : ý nói : đặt chuyện nói vu.— (4) *Đầu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay* : ý nói : lấy miệng lưỡi vu hăm mà giết người ; bắt

thinh-linh dùng mưu kế ác-độc mà làm hại người — (5) *Ngõ Nhan lôi cái dan-biều đập tan* (dan : rỗ ; biều : bâu) : xưa Nhan Hồi, học trò đức Khổng-Tử, nhà nghèo, ở ngõ hẻm, chỉ có một rỗ cơm, một bâu nước. Cả câu ý nói : linh tráng vào nhà đập phá hết cả.

NGUYỄN-KHUYẾN 沈 勸 (1835 - 1909)

(Xem *Tiêu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XV. Lời chú* (20)).

121.— Cảnh già

*Nhớ từ năm trước hãy thơ ngây,
Phút chốc mà già đã đến ngay.
Mái tóc chôm đen, chôm lốm-dốm ;
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay,
Nhập nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,
Khắp-khênh ba chân dở tinh say.
Ông ngâm mình ông thêm ngắn nỗi :
Đi đâu, giờ những cõi cùng chày.*

Bản chép khác. — Câu 1 : *Vìa thuở ngày nào hãy đợi ngày*. — Câu 2 : *Cái già sòng sọc đã theo ngay*. — Câu 3 : *chùm đen, chùm ...* (hoặc) : *phản sâu, phản...* (hoặc) : *chòm râm, chòm...* — Câu 5 : *Lèm-nèm...* (hoặc) *lập lò...* — Câu 6 : *bước...* — Câu 7 : *Còn một nỗi này thêm chán ngắt* (hoặc) : *thêm nỗi chán*.

122.— Ông tiến-sĩ giấy

*Khéo chù hoa man (1) khéo vẽ trò,
Bốn ông mà lại dữ thắng cu.
Mày râu vẻ mặt vang trong nước ;
Giấy má nhà bay dáng mấy xu ?
Bán tiếng, mua danh, thây lũ trẻ ;
Bảng vàng, bia đá, vẫn nghìn thu.
Hỡi ai muôn ước cho con cháu ?
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu,*

CHÚ-THÍCH. — *Chú hòa-man* : người thơ mũ.

123.— Nước lụt hỏi thăm bạn

*Ai lên, nhắn hỏi bác Châu-cầu (1) :
Lụt-lội năm nay bác ở đâu ?*

Mấy ô lợn con rày lớn bé ?
 Vài gian nếp cái ngập nòng, sâu ?
 Phận thua, suy tính càng thêm thiệt ;
 Tuổi cả, chối bời họa sống lâu.
 Em cũng chẳng no, mà chẳng đói.
 Thung-thăng chiếc lá, rượu lung bầu.

Bản chép khác. — Câu 3 : ...mua đất, rẻ ? — Câu 4 : ...thép ...

CHÚ-THÍCH. — (1) *Cháu-cầu* : tên một làng thuộc huyện Thanh-liêm
 tỉnh Hà-Nam, quê bạn tác-giả là Bùi-Quế.

124.— Đêm mùa hạ

Tháng tư đầu, mùa hạ,
 Tiết trời thực oi.ả,
 Tiếng dế kêu thiết tha ;
 Đàm muỗi bay tơi.tả,
 Nỗi ấy biết cùng ai ?
 Cảnh này buồn cả dạ !
 Biếng hắp năm canh chầy,
 Gà đà sớm giục-giã.

125.— Mẹ Mộc

So danh-giá ai bằng Mẹ Mộc (1) !
 Ngoài hình-hài, gấm vóc, cũng thêm ra.
 Tầm hồng-nhan dem bôi lâm, xóa nhòa ;
 Lâm thế để cho qua mắt tục.
 Ngoại mạo bất cầu như mỹ-ngọc ;

外 貌 不 求 如 美 玉
 Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2)

心 中 常 守 似 坚 金

Nhờ chồng con muôn dặm xa tìm,
 Giữ son sắt êm-dềm một tiết.

Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết
 Mảnh gương Trinh vắng-vặt quyết không nhu.
 Đắp tai ngảnh mặt làm ngo.
 Rắng khôn cũng kệ, rắng khờ cũng thây.
 Khôn em dẽ bán đại này.

Bản chép khác. — Câu 6 : *Thân* 身 ... — Câu 8 : *Dù* ... —
Câu 11 : *lo...*

CHÚ-THÍCH. — (1) *Mẹ Mốc* : tên một người đàn bà hóa đại ở tỉnh Nam Định xưa — (2) *Hai câu 5-6* : ngoài mặt không cầu như ngọc đẹp ; trong lòng thường giữ bền tựa vàng.

TRƯƠNG VĨNH-KÝ 張 永 記 (1837-1898)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, Lời chú (1).)

196.— Vài nơi cung điện đèn chùa ở Hà-nội

Trước hết vô Hoàng-thành cũ. Lọt khỏi ngũ-môn-lâu, lên đến Kính-thiên. Đèn ấy nền cao lấm, có 9 bậc xây đá Thanh, hai bên có hai con rồng cũng đá lộn đầu xuống. Cột đèn lớn trót ôm, tinh nhung là gỗ liêm (*lim*) cẩm. Ngó ra đằng sau còn thấy một hai cung điện cũ chõ vua Lê ở thuở xưa, bày giờ hưu tệ còn tích lại đó mà thôi. Ra ngoài cửa ngũ-môn-lâu, thẳng ra cửa Nam, có cột cờ cao quá xây bằng gạch, có thang khu ổc trong ruột nó mà lên tới trên chót vót...

Coi rồi mới ra đi đến xem chùa một cột, là cái miếu cất lên trên đầu cây cột đá lớn trồng giữa ao hồ. Nguyên tích ai thiết-lập ra thì người ta nói mờ-or, không biết lấy đâu làm chắc cho mấy. Cứ sách sử-ký và Đại-sam-nhát thống chí, thì chùa ông thánh đồng đèn kêu là Trần-vô quan tự, ở xã huyện Vinh-thuận, phường Đoan-chương đời nhà Lê, năm Vinh-trị năm Chánh-hòa, vua Hi-tông (1675) sửa lại đúc tượng đồng đèn cao 8 thước 2 tấc, nặng 6600 cân, tay hữu chống trên cây gươm, chỉ mũi trên lưng con rùa, có rắn vắn doanh theo vỏ gươm... Còn chùa một cột, thì cũng ở xã huyện Vinh-thuận, làng Thanh-bửu ở giữa cái bờ vuông, có trụ đá cao trót trượng, yên-viên chừng chín thước, trên đầu có cái miếu ngồi chõng lên, như cái hoa sen ở dưới nước ngóc lên. Sứ chép rằng : Thuở xưa vua Lý Thái-Tông năm chiêm-bao thấy Phật Quan-âm ngồi tòa sen đặc (*dát*) vua lên dài. Tỉnh dậy học lại với quần-thần, sợ điềm có xấu có hệ chi chăng. Thì thầy chùa thầy sãi tâu xin lập ra cái chùa thế ấy, đặng cho các thầy tụng kinh mà cầu diên-thọ cho vua, thì vua cho và dạy lập ra. Qua đời vua Lý Nhân-

Tông sửa lại, bồi-bổ, lập tháp, đào ao, xây thành làm cầu-tế-tỷ, hê tháng tư mồng tám vua ngự ra đó kỵ-yên.

*Voyage au Tonking en 1876, Chuyến đi Bắc-kỳ năm ắt-hợi (1876)
Saigon, Guilland et Martinon. (1881)*

HUỲNH TỊNH CỦA tức PAULUS CỦA (1834-1907)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ III, *Lời-chú* (2)).

197.— Chí-kí cao

Thuở xưa vua Nghịêu muốn truyền ngôi cho Hứa-Do (1), bèn đòi Hứa-Do tới mà dạy rằng : « Trâm nghe người có tài đức lớn, trâm muốn truyền ngôi cho người, người phải nối ngôi cho trâm mà làm vua thiên-hạ. » Hứa-Do nghe nói, tức cười, vội-vàng đi xuống suối mà rửa tai. Cũng một khi ấy, có người Sào-Phủ là người giữ trâu, đem trâu xuống suối mà cho uống nước, thấy Hứa-Do đương lum-khum rửa tai, hỏi Hứa-Do làm sao mà rửa tai ? Hứa-Do lắc đầu nói : Ông Nghịêu đòi tôi, biếu tôi thì làm vua. Sào-Phủ nghe nói, liền đem trâu lên trên dòng nước mà cho uống. Hứa-Do hỏi, làm sao anh lại đem trâu lên trên ấy mà cho uống ? Sào-Phủ rằng : Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm. Sào-Phủ lại rằng : Anh đi đâu cho người ta biết anh mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh-lợi.

Nghe mà rửa, chỉ bằng giữ vẹn đừng nghe.

Chuyện giải buồn

DƯƠNG-KHUÊ 楊桂 (1839-1902)

Hiệu Văn-trì 文池, người xã Văn-định, huyện Sơn-minh, tỉnh Hà-nội (nay thuộc phủ Ứng-hòa tỉnh Hà-đông), đậu tiến-sĩ năm 1868 (Tự-đức thứ 21), làm quan đến hàm thượng-thư, sung-chức tham-tá nhà Kinh-lược Bắc-kỳ).

198.— Lại gặp người quen

Hốt ức lục thất niên tiền sự (1).

忽憶六七年前事

*Trái trăng hoa chưa trả nợ hương nguyên,
Đến bây giờ lại gặp người quen,*

Nỗi lưu-lạc sự ghét-ghen là thế *nhi*.
 Thiếp tự thâu khinh, lang vị khì;
 妾自身輕郎未棄
 Thần tuy tội trọng, đế do liên (2).
 臣雖罪重帝猶憐
Can chi mà tui phận, hòn duyên.
 Đế son phẩn *dàn em* thêm khúc-khích.
 Ý-trung-nhan tự khả tình tương bạch (3)
 意中人自可情相白
 Thôi bút nghiêん, *dàn* phách cũng đều sai.
 Trông nhau nói nói, cười cười.

Bản chép khác— Câu 2 : *Nợ phong-lưu chưa trả hương* nguyên.— Câu 2 : *Tôi...*— Câu 4 ... thế — Câu 7 : *Vội...*— Câu 8:... *Lũ đàn em* (hoặc : *mặc đàn em*).— Câu 9:... *chỉ* (hoặc : *đán*).— Câu 10:... *sinh...*— Câu 11 : *Gặp..* (hoặc) :... *cùng nói cà cười* (hoặc) :... *ta sê vui cười*.

CHÚ-THÍCH.— (1) Câu 1 : Chợt nhớ đến việc tự sáu bảy năm về trước.— (2) Câu 5-6 : Minh thiếp dù khinh, chàng chưa nỡ bỏ; tội bảy tội dẫu nặng, vua vẫn còn thương.— (3) Câu 9 : Đối với người thương yêu của mình, có thể đem tình thực mà nói rõ cho nhau hay.

129.— Gặp cô đầu cũ

Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết,
 Mời ngày nào còn chưa biết chi chi.
 Mười lăm năm thăm-thoắt có xa gì!
 Chợt ngẩn lại, đã đến kỳ tơ-liễu.
 Ngã lăng du thời quân thương thiếu;
 我浪遊時君尚少
 Quân kim hứa giá, ngã thành ông (1)
 君全許嫁我我翁
 Cười cười, nói nói them thùng.

Mà bạch phát với hồng nhau chừng ái ngại,
Riêng một thù Thanh Sơn (2) đi lại,
Khéo ngày-ngày dại-dại với tình.
Đàn ai một tiếng dương tranh ?

Bản chép khác.— Câu 2 : ... Chưa biết cái.— Câu 3 : ... lầu.— Câu 4 : Ngành mặt lại... trái...— Câu 7 : ... sương sùng (hoặc : ngưỡng ngùng).— Câu 8 : bạch phát, hồng nhau, (hoặc : lạ lạ, quen quen).— Câu 9 : ... xuân...— Câu 10 : Lưỡng...

CHÚ-TÍCH.— (1) Hai câu 5-6 : Lúc ta chơi bời phóng túng thì người còn nhỏ ; bây giờ người đến tuổi lấy chồng thì ta đã thành ông (ý nói đã già) — (2) Thanh-Sơn : Có người cho Thanh là Thanh thần ; Sơn là Sơn minh (sau đổi là Sơn-lăng, tên huyện, quê tác-giả). Làng Thanh thần thuộc h. Sơn-lăng (nay thuộc p. Thanh-oai, t. Hà Đông) là làng có nhiều cô đầu.

CHU-MẠNH-TRINH 朱孟楨 (1862-1905)

(Xem Tiêu truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì, Chương thứ XX, Lời chú (12)).

130.— Kiều mắc lận Sở-Khanh

Những nghĩ chim lồng chắp cánh bay,
Có khi phận rủi tới hồi may.
Làng nho người cũng coi ra vẻ ;
Tổ bợm ai ngờ mắc phải tay.
Hai chữ tin hồng trao gác nguyệt ;
Một roi vó kỵ têch đường mây.
Mẫu-dơn vùi-vập cơn mưa gió,
Cái nợ yên-hoa khéo đọa dày.

Thanh-tâm tài-nhân thi tập

Bản chép khác.— Câu 2 : Họa... cb., — Câu 4 : Bợm sđ., — Câu 5 : ... nhau... — Câu 6 : ... ngựa.

131.— Thúc-sinh về thăm Hoạn-thur

Trong hứa năm trời mới bén hơi,
Hồ vui sum họp, lại xa khơi,
Chén đưa lòng những băn-khoăn nỗi ;
Dặm thẳng lòng còn lẩn-quất nơi.

Nước lâ̄ ra chừng coi cũng *lạnh* ;
 Bồ-hòn hầu dẽ ngâm làm tươi.
 Ghê cho cái gái tay danh-dá ;
 Giòn-giã càng thêm vẻ nói cười.

(*Thanh-tâm tài-nhân thi tập*)

Bản chép khác.— Câu 5 : ... *lâng* — Câu 8. *Đúng đinh...*

132.— **Tổng vịnh truyện Kiều**

Cuốn ngò rèm xuân trải mấy sương,
 Sắc tài chi lâm dẽ làm gương.
 Công cha bao quản liều thán thiếp ;
 Sự nước xui nên phụ với chàng.
 Cung oán nỉ-non đàn bạc mệnh,
 Duyên may dun giùi lười Tiền-dường.
 Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
 Đem bắc đồng cân đàng mấy vàng.

(*Thanh-tâm tài-nhân thi tập*)

133.— **Phong cảnh Hương-sơn**

Bầu trời, cảnh bụi,
 Thú Hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
 Kia non non, nước nước, mây mây,
 « Đệ nhất động » (2), hỏi là đây có phải ?
 Thủ thẻ rừng mai chim cung trái ;
 Lửng lơ khe Yên (3) cá nghe kinh.
 Thoảng bèn tai một tiếng chảy kinh. (4),
 Khách tang-hải giật mình trong giấc mộng !
 Nay suối Giải oan (5), nay chù Cửa vồng (6).
 Nay am Phật-tích (7), nay động Tuyết-quynh (8).
 Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình :
 Đá ngũ sắc long-lanh như gǎn dệt.
 Thăm-thăm một hang lồng bóng nguyệt,
 Gập-ghềnh mây lối uốn thang mây.

*Chừng giang-sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo-hóa sẽ ra tay sáp-dặt ?
Lần tràng-hạt, niệm: Nam-vô Phật !
Cửa từ-bi công-đức biết là bao.
Càng trông, phong-cảnh càng yêu.*

Bản chép khác. — Câu 1 : ... *Phật*. — Câu 4 : ... *rằng.. chẳng..* —
Câu 6 : ... *nước..* — Câu 10 : ... *hang... quỳnh..* — Câu 11 : ... *hoa nén..* —
Câu 14 : ... *đôi..* — Câu 15 : *Ý..* — Câu 16 : ... *sẽ ra tay xếp đặt* (*hoặc*) *kéo ra tay xếp-dặt !* Câu 18 : ... *xiết*.

CHÚ-THÍCH. — (1) *Hương son*: xem câu chú-thích số (1) ở Bài 64 — (2) *Đệ nhất động*: ngoài cửa động Hương-tích, có đè nặm chữ « Nam-thiên đệ nhất động 南天第一峒 » (Động thứ nhất ở trời Nam) — (3) *Khe Yến*: dòng suối thuộc địa-phận làng Yến-vĩ; muốn vào động Hương-tích, phải xuống thuyền ở bến đò Suối (ở đầu làng Yến-vỹ, thuộc p. Mỹ-đức, Hà-đông), rồi theo dòng suối ấy đi đến Chùa Ngoài (tên chữ là Thiên-trù); đoạn, đi theo đường núi vào đến động (tục thường gọi là Chùa Trong). — (4) *Chày kinh*: xem câu chú-thích số (3) ở bài 65. — (5) *Suối giải-oan* (*giải oan* 解冤: cỏi gỡ những nỗi oan): ở khoảng giữa lối đi tự Chùa Ngoài vào Động Hương-tích, có một cái mạch nước trong và mát, khách đi lễ thường dừng lại đẩy lấy nước uống; suối ấy gọi là « Suối giải oan » và ngôi chùa xây ở đấy gọi là « Chùa giải oan ». — (6) *Chùa Cửa vồng*: tên một ngôi chùa cũng ở lối vào động. — (7) *Phật tích 佛跡*: dấu vết của Phật; tục truyền Động Hương-tích là nơi hóa kiếp của Phật-Quan Âm. — (8) *Động Tuyết-quynh*: không biết có phải tác-giả nói về chùa Tuyết ở mé ngoài Động Hương-tích, gần Bến đò Suối không ?

TRẦN TẾ XƯƠNG 陳濟昌 (1870-1907)

(Xem *Tiểu truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, Năm thứ nhì, *Chương thứ XX Lời chú* (19).)

134.— Than thân

Kè đã ba mươi mẩy tuổi rồi.
Tôi ngồi tôi nghĩ cái thằng tôi.
Mấy khoa hương-thí không đâu cả;

Bà luống vườn hoang bán sạch rồi.
 Gạo cứ lệ ăn đong bữa một;
 Vợ quen dạ đẻ cách năm dôi.
 Bắc thang lên hỏi ông trời nhẹ:
 Trêu gheo người ta thế nữa thôi?

135.— Đưa cho vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông.
 Nuôi nấng năm con với một chồng.
 Lặn lội thân cò khi quãng vắng;
 Eo-sèo mặt nước buổi đò đông.
 Một duyên, hai nợ, âu đành phận;
 Năm nắng, mười mưa, dám quản công.
 Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
 Có chồng, hờ hững cũng như không!

Bản chép khác.— Câu 1 : ... miễn... — Câu 2 : ... đủ đòn... —
 Câu 3 : *Lật đặt chán* (hoặc lặn lội chán...) — Câu 4 : ... lúc... — Câu
 6 : ... sương...

136.— Tết đến

Anh em đừng nghĩ tết tối nghèo.
 Tiền của trong kho chửa lĩnh tiêu.
 Rượu cúc nhắn dem, hàng biếng quầy;
 Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
 Bánh đường sắp gói, e nồng chảy,
 Giò lụa toan làm, sợ nắng thiu.
 Thói thế thì thói, dành tết khác,
 Anh em đừng nghĩ tết tối nghèo.

137.— Thói đời

Vì chúng chẳng có, hóa thân hèn,
 Hỗn với anh em chúng bạn quen.
 Thuở trước chơi bời còn quyến-luyến;
 Böyle giờ đi lại dám mon-men.
 Giàu sang àu-yếm tình quen thuộc;
 Bần tiện, thò-or dạ bạc đen.

Ví khiến trong tay tiền bạc có,
Nói dối, nói chuột, chán người khen.

Bản chép khác. — Câu 1 : ... ra... — Câu 8 : Nói dối chuột cũng...

138.— Năm mới

Chỉ bảo nhau rằng : mới với me,
Bảo ai rằng cũ, chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tay rẽ ;
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
Công-đúc tu-hành sư có lòng ;
Xu hào rủng-rỉnh mán ngồi xe.
Chẳng phong lưu, cũng ba ngày tết :
Kiết cù như ai cũng rượu chè.

Bản chép khác. — Câu 1 : khéo... — Câu 2 : Thầy ai mặc
rách... — Câu 3 : ... cụ... — Câu 4 : ... cả... — Câu 5 : ... cũng... —
Câu 6 : đứng đinh... — Câu 7 : Phong lưu rất mực... — Câu 8 : Dù...
(hoặc) .. vẫn...

139.— Phường tuồng

Nào có ra chi lũ hát tuồng !
Cũng hò, cũng hát, cũng y-uông.
Dẫu rằng dõi được đàn con trẻ.
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn.

Bản chép khác. — Câu 1 : ... một lũ... — Câu 4 : ... thết...

140.— Chiêm bao

I

Bỗng thấy chiêm-bao thấy những người,
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra, mới tiếc người trong mộng.
Mộng thế thì bằng tinh mẩy mươi !

II

Năm nghe tiếng trống, trống canh ba,
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra.
Thiên-hạ có khi dương ngũ cả,
Việc gì mà thức một mình ta ?

Bản chép khác.— Bài II. Câu 2 : ... lúc... sực... — Câu 3 : ...
để thường... — Câu 4 : Tôi..

141.— Vợ chồng Ngâu (1)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con trời lấy chú chăn trâu cũng phiền.
Một là duyên, hai thời là nợ,
Sợi xích-thẳng ai gỡ cho ra ?
Vụng-về cũng thề cung nga,
Trăm nghìn khôn khéo chẳng qua mục-đồng.
Hay là sợ muộn chồng chẳng tá
Hơi đâu mà kén cá chọn canh !
Lấy ai, ai lấy cũng dành,
Rê trời đâu cả đến anh áo buồm.

Bản chép khác.— Câu 2 : ... đúra... — Câu 3 : ... rằng...rằng...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Vợ Chồng Ngâu* : xem câu chú-thích số (6)
ở Bài 37.

TỬ DIỄN-ĐỒNG 徐演桐**142.— Than nghèo**

Cái khó theo nhau mãi thế thôi !
Có ai, hay chỉ một mình tôi ?
Bạc đâu ra miệng mà mong được !
Tiền chưa vào tay đã hết rồi !
Van nợ, lầm khi tràn nước mắt :
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.
Biết ráy, thuở bé đi làm quách :
Chẳng Ký, không Thông, cũng cậu bồi.

Bản chép khác.— Câu 7 : ... than... trước...

143.— Đêm dài

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò !
 Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
 Con trẻ uốn chừng muôn dậy ;
 Ông già *thúng-thẳng* vẫn dương ho.
 Ngọn đèn giữ trộm khêu còn bé,
 Tiếng chó nghi người cắn vẫn to.
Hàng xóm láng-giềng ai đã dậy ?
 Dậy thì lên tiếng gọi *nha* Nho.

Bản chép khác.— Câu 4 : ... *khủng-khang*... còn ho.— Câu 5 : ... *rinh*... tí.— Câu 6 : ... *kính*... — Câu 7 : *Bốn gốc*... *thu*.— Câu 7 : *Tinh*... *làng*.

HOÀNG CAO-KHẢI 黃高啟 (1850-1933)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất*, *Năm thứ nhì*, *Chương thứ XX*, *Lời chú* (4).)

144.— Ông Trần Quốc-Tuấn

Ông Trần Quốc-Tuấn là quan tôn-thất nhà Trần, tư-chất thông-minh, có tài trí, có can-dám. Cha là ông Yên-sinh vương, trước cùng vua Thái-tôn có hiềm-khích ; khi ông ấy đã làm quan, cháu hầu vua Thái-tôn, tay cầm cái gậy gỗ có mũi nhọn, ai nấy cũng ngờ, nên chi ông ấy lại phải bỏ cái mũi nhọn mà cầm cái gậy không ; ấy là hay lấy chữ hiếu mà làm chữ trung vậy.

Ông ấy thường hay làm sách binh-thư đồ trận để mà dạy bảo chư tướng, như là người Yết-Kiều, người Dã-Tượng là người đầy túc giỏi, ông Trương Hán-Siêu, ông Phạm Ngũ-Lão là người tướng-tá hiền ; ông ấy thường nói rằng : « Chim hồng hộc cao bay cũng vì nhở chưng sáu cánh ». Dương đời vua Trần Thánh-tôn, nhà Nguyên có ý muốn chiếm nước ta, mượn có sinh sự, đem 500.000 quân sang đánh ; ngài sai ông ấy làm quan tiết-chế coi các đạo quân ; trận thứ nhất đánh ở cửa Hàm-tải cùng đò Chương-dương mà người Toa-Đô phải giết, trận thứ hai đánh ở làng Vân-dồn cùng sông Bạch-Đằng mà người Ô Mâ-Nhi phải thua. Từ đó, nhà Nguyên không dám lại xâm chiếm nước ta nữa. Vua Thánh-Tôn có câu rằng : « Xã-tác lưỡng hối-lao thạch-mã, Sơn hà thiên-cổ diện kim-âu » (1), tướng cũng là bài thơ kỵ

niệm công việc trong đời ấy vậy. Ông ấy khi đã mất rồi người ta lập đền mà thờ, & núi Vạn-Kiếp, đền bây giờ vẫn còn lấy làm linh-Ứng.

Non bẽ yên lang, sóng ngạc dãy,
Tráp gươm ba thước tuốt ra tay.
Nếu như xã-tắc hai hồi ấy,
Đâu có tang-thương một hội này,
Muôn kiếp thần thiêng vì tướng mạnh:
Trăm năm con thảo với tôi ngay.
Đời đầu xa cách, lòng không cách.
Phản-phất mây hồng sáu cánh bay.

Bài thơ này là khen ông Trần Quốc-Tuấn có công nghiệp từ trước mà làm cho người đời sau tưởng tượng không quên vậy. Đại ý nói rằng: Nước có anh-hùng thời thế mới mạnh, người có huân nghiệp, thời giá mới cao. Dương buổi vua Trần Thánh-Tôn phải nhà Nguyên đem quân sang đánh, lấy mạnh hiếp hèn, núi ngắt khỏi lang, bẽ dãy sóng ngạc, thế chẳng là nguy hiểm cho nước ta lầm ru! May mà nhờ ông ấy hết dạ trung-trinh ra tay chống vác, hồi thứ nhất thì đánh cửa Hàm-tải, đòn Chương-dương mà người Toa-Đồ phải giết, hồi thứ hai, thì đánh ở làng Vân-đồn, sông Bạch-đằng mà người Mā-Nhi phải thua. Xã-tắc nhờ đó mà duy-trì, giang-sơn nhờ đó mà vinh-hiển, thế mới biết rằng nước có thịnh suy, cũng bởi người có hay dở, người mà hay thì nước bao giờ cũng là thịnh, người mà dở thì nước bao giờ cũng là suy. Dù bời bẽ lấp thay đổi không thường, không nên trách bời & trời, mà chỉ nên trách bởi & người vậy.

Xưa nay sống làm danh-tướng, chắc là thắc làm danh-thần, làm tôi giữ trung cũng bởi làm con giữ hiếu, như ông ấy thù vua thì gậy không mũi nhọn, đánh giặc thì tráp có gươm thiêng, dẫu rằng muôn kiếp tôn là thánh là thần, cũng chẳng qua một lòng giữ trung lấy hiếu. Than ôi! sáu cánh hồng bay, nghìn lần mây bồng, người tuy cách mà lòng không cách, đời càng lâu thời tiêng càng lâu, núi Vạn-Kiếp, sông Lục-dầu, anh-hùng sự-nghiệp, nghìn thau vẫn còn.

CHÚ-TÍCH.— (1) *Xã tắc... kim âu* 社 複 兩 回 勞 石 馬 山 河 千 古
奠 金 風. Xã tắc (thần đất và thần lúa; nghĩa bóng là đất nước) hai
phen chòn ngựa đá. Non sòng ngabin thuở vũng âu vàng (âu: ang nhỏ :
âu vàng : nghĩa bóng chỉ cơ nghiệp nhà vua).

145.— Xét về việc quan lại người Tàu cai trị dân ta trong những hời Bắc thuộc

Nhà nước đã lấy thuộc địa, thế tất phải đặt quan lại mà cai-trị, mà những
kẻ quan lại ấy là người thay mặt cho nhà nước, mà để chủ-tể cho nhân-dân,
nếu mà quan-lại được người tốt thì dân yên, quan-lại phải người dở thì dân
khốn. Xem như đời nhà Hán tham bạo có ông Tô-Định, thời nước ta phản-
đổi lại có bà Trưng-Vương : đời nhà Lương tham tàn có ông Tiêu-Tư
thì nước ta phản đổi lại có vua Lý-Bý : đời nhà Đường tham bạo như ông Lưu
Diên-Hựu, ông Cao Chính-Bình thì nước ta phản-đổi lại có ông Định-Kiến,
ông Phùng-Hưng. Những việc giống như thế còn nhiều, không kể cho xiết
được, và những đời ấy cũng đã lâu rồi, xin kể gần đây, như là nhà Minh. Lúc
nhà Minh sang lấy nước ta, trước vẫn nói rằng lập con cháu nhà Trần, mà sau
thì chiếm lấy, người nước ta có ông Lê Cảnh-Tuân là người học trò có danh
tiếng, có làm ra ba bài sách, mà khuyên nhà Minh rằng phải lập con cháu nhà
Trần thì nước mới yên, nếu không thì làm thế nào về sau cũng sẽ loạn, tướng
rằng ông ấy nói như thế, chẳng những có ích cho nước ta mà cũng có ích cho
nhà Minh nữa, thế mà quan nhà Minh đã không nghe lại thêm bất tội, giải
cha con ông ấy về đất Kim-lăng mà về sau đều phải chết cả. Làm như thế
thì nước ta làm sao mà chẳng thù ? Chẳng những thế mà thôi, mà lại nặng đó
lấy việc thuế khóa, như là thuế muối, người nước ta ai mà nấu muối đã phải
thuế rồi, mà những kẻ bán kẻ mua lại đặt quan ra mà coi sóc. Chẳng qua là
mượn tiếng thêm thuế, để mà cầu lấy sự thăng-thuống, mà không nghĩ sự phiền
nhiều cho dân ta. Chẳng những thế mà thôi, mà lại buông lấy lòng tham lam,
như là bắt dân đi khai mỏ để mà lấy vàng bạc, bắt dân mò xuống bể để mà
lấy hạt trai: chẳng qua là tham của mà cầu sự ích riêng, mà không nghĩ đến
nỗi thiệt hại cho dân-sự. Vả lại quan lại nhà Minh đã như thế, mà dùng những
người nước ta làm quan thì rặt những đồ bôn-cạnh, như là người Lương
Như-Hốt, người Đậu Duy-Trung cũng đều là một lũ tham-tàn, thế thì dân
ta làm sao mà không oán ? Đến khi người nước ta đâu đâu cũng là dãy, mà

ông Lê-Lợi cũng đã dựng cờ ở núi Lam-Son, thế mà quan nhà Minh tâu với vua nhà Minh, mặt thì nói rằng : ông Lê-Lợi đã chết, hai thì nói rằng : ông Lê-Lợi đã hàng. Đến lúc tướng Liễu-Thăng phải chết, thành Đông-quan phải hàng, mà trong khoảng mười bốn năm trời, nhà Minh phải bỏ mà về không còn cai-trị nước ta được nữa. Thế có phải rằng việc cai-trị của một người riêng, mà làm hại cho sự cai-trị của nhà nước chung vậy.

Tuy thế, dân nước ta thuở trước còn đương mọi rợ, từ khi nước ta sang cai-trị nước ta, chẳng những làm cho ta hóa được cái sự giống nòi, mà lại mở cho ta lấy đường giáo hoá, dẫu như ông Nhâm-Diên, ông Sĩ-Nhiếp là những người dạy cho ta lẽ nghĩa, bởi sự dạy lẽ nghĩa ấy, mới nên ra giòng văn-minh; dẫu đến ông Lý-Bân, ông Mā-Kỳ làm cho ta oán thù, bởi sự oán thù ấy, mới nên cho ta lấy sự độc-lập.

Thế thì chung lại mà nói rằng : người hay người dở cũng đều là có công với nước ta vậy.

*Gương sứ Nam
(Nhà in Nguyễn-văn Vĩnh et Cie, Hà-nội 1910)*

NGUYỄN BÁ-HỌC 阮伯學 (1857-1921)

(Xem *Tiểu-truyện* tác-giả ở *Phần thứ nhất Năm thứ ba, Chương VII, Lời chú (1)*).

146.— Ở đời

Ở đời, mỗi người phải gánh một việc. Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học thuật và tài-đức từng người; sự nghiệp tuy có khác nhau, song cũng là muôn có ích-lợi chung cho xã-hội. Nếu ai cứ riêng mình, không biết đến kẻ khác, như thế gọi là ký sinh (1).

Người ta là giống đa-tình, đã có tình thời có dục, muốn điều nọ lại muốn điều kia, muốn ngọt, muốn yên vui, muốn công-danh muốn tiền của; bấy giờ mới sinh ra công-này việc-nọ : tình càng nhiều, dục càng lớn, việc càng nhiều. Cho nên vô tình, vô dục, không gọi là người ở đời được.

Than ôi ! cảnh đời là một cái trò rồi, người đời là những con người rồi. Nếu ở đời mà không săn có lòng cao-thượng, mỗi khi gặp cảnh-ngộ, sao

cho khôi động tâm. Lúc giàu sang sinh ra kiêu-ngạo ; lúc nghèo hèn sinh ra xiểm-du ; lúc thất chí thì khóc, lúc đắc chí thì cười, có khác gì con người gõ cù dẽ người ta giật mà nhảy mà múa. Phải biết rằng khi tình dục người ta đã no đã chán, nghĩ lại mùi đời cũng không có ý-vị gì mật-thiết cho lắm.

Thứ dẽ mình ra ngoài thế-giới, nganh lại mà trông, nào hình hình, sắc sắc, nào lợi lợi danh danh, người ta đang om-sὸm trên chổn diễn-trường, mà thực đã nêu người giác-ngộ. Làm người có tình dục cũng phải có nghĩa-lý. Tình-dục bởi khí-huyết mà ra, mà nghĩa-lý bởi học văn mà ra ; vậy nghĩa-lý dẽ phòng tình-dục thì nghĩa-lý thắng, tình-dục phải lui ; nếu cứ buông dông thả dài, mắt trông dộng lòng, tai nghe dộng trường, cả đời chỉ dẽ cho cái tình-dục nó sai khiến mình, nó chói buộc mình, thẽ gọi là tình lụy (2).

Ở đời, có học-văn cũng phải có kinh-lịch ; học-văn cho biết lẽ phải, kinh-lịch để tập thói quen. Những kẻ có học-văn mà không có kinh lịch, ngồi nói thì thật là khôn, đến lúc ra tay mà làm lại hay nát việc. Như thẽ gọi là gan. Những tay triết-học non non, hồ hởi mắc phải bệnh ấy.

Gan nên lớn mà lòng phải tế-nhị (3). Nếu táo gan mà hay xuất-lực (4), chỉ là người tráng-sī chờ chưa được là vĩ-nhân.

Tình nêu thiệt mà tính phải hòa-bình. Nếu cứ nóng-nẩy không biết nhân nhục, thành sự thì ít mà bại sự thì nhiều.

Tư-tưởng nên cao mà nước đi phải thấp ; ý-chí nhỏ hẹp thì ra người tầm-thường, mà việc làm không cứ tuần-thường (5) thì ra người vu-khoát (6).

Phàm vật đã đến cực-điểm thì hay giống nhau : cho nên người cực hiền giống như ngu ; người cực gian giống như thật, cực nhã giống như tục ; còn những kẻ chí nhỏ tài sơ, mới hay khoe tài, khoe trí.

Lời khuyên học trò
(Nam-phong tạp-chí số 26, Août 1919)

CHÚ-THÍCH— (1) *Ký-sinh* 寄生 (*Sống nhờ*) : dùng để nói các giống động-vật (như giun, sán) hoặc thực-vật (như tằm gỉ) ăn bám vào một giống khác.— (2) *Tình-lụy* 情累 (lụy : vướng-vít bận-biuj) :

sự bận-biụ trói buộc bởi tinh-dục mà ra.— (3) *Tế-nhi* (tế 細 : nhỏ ; nhí 少 : phần ở trong hoa, đầu có phấn vàng và thơm) : để ý đến những điều nhỏ-nhỏt tinh vi.— (4) *Xuất lược* 率略 (xuất : bộp-chộp, không cẩn-thận ; lược : sơ-sài) : không tinh-lé.— 5 *Tuần thường* 常常 : noi theo lề lối thường.— (6) *Vu-khoát* 遍閱 : bòng-lông.

147.— Một cảnh gia-dình

Trong tỉnh Nam-định về Phủ Thiên-trường, trước có người đàn bà họ Trần, mới ngoài hai mươi tuổi mà góa chồng chưa có con, có nử-công, có tư-sắc ; trong lối xóm.., còn những kẻ thiểu-niên nghịch ác hay nói chồng ghẹo, hẽ thay mặt chị ta nghiêm-nghị, thì không dám giờ thóikhinh bắc ra nữa. Ai cũng bảo chị ta còn kén chồng, cứ ở một mình, đi làm thuê mà kiếm ăn.

Sau có một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi tự đến nhà giãm lấy. Nói mình là họ Lý, & cùng một xứ, góa vợ đã hơn hai năm, có một đứa con riêng, còn nhỏ, phải mượn người nuôi. Mình đi làm công cho nhà máy, ăn công mỗi ngày bốn hào. Coi giáng người cao mà mảnh, hai con mắt dài mà đen, ngoài mặc cái áo thảm đã sờn tay, đi đôi giầy da đầy những bụi. Tiếng là người lao-lực mà có vẻ nhàn-nhã, mới trông biết ngay là người có tinh-thần hơn là lữ-lực.

Chị chàng kia xem người vừa ý không còn dấn-đo hơn thiệt gì cả ; hai bên đính-hôn với nhau. Trong lời giao-ước không ai có của tây riêng gì, có một điều phải giữ là trong việc làm ăn của người chồng, dù đi sớm về khuya, người vợ không được can-thiệp và ngăn-trở.

Từ bấy giờ hai người lập nên một cái gia-dình nhỏ ở trong một cái nhà có ba gian : một gian làm phòng ngủ, một gian làm phòng ăn, còn một gian để cho người chồng làm việc riêng ; chồng cứ sáng đi tối về ; vợ cũng làm thuê, kiếm được mỗi ngày một phần tiền công của người chồng. Hai bên ăn cắn & kiệm, cách sinh nhai càng thấy khó nhọc bao nhiêu, thì tình thương yêu nhau lại càng thiết-tha bấy nhiêu.

Một hôm, anh chồng từ ngoài về cho vợ mấy tấm bính và mấy trái quả, vừa cười vừa nói : « Lâu nay chúng ta đã từng kham-khổ, nay sẽ nem

chút ngọt bùi. » Người vợ cầm lấy rồi cứ phàn-nàn rằng : « Vợ chồng mình ăn dè uống sên còn lo không đủ mà nuôi con ; người ta không phải là sát đá sao cũng có lúc hu-hâm, có dè-sên được ít nhiều cũng để phòng khi thiếu-thốn. Nếu cứ như ai bóc ván cẩn dài, ngày nắng chẳng nghỉ đến ngày mưa, như thế chỉ gọi là đói ăn sỗi. » Người chồng nghe nói sưng-sốt mà nói rằng : « Hôm nay nhân linh tiền công làm ngoài giờ, chúng bạn rủ đi mua vui một vài chén rượu. Sực nhớ đến kê ở nhà cà chua mắm mặn, mới cấp nắp về một chút, gọi là cùng nhau sẻ ngọt chia bùi ? ai ngờ trung-tín mà phải tội như mình, cũng là vô-lý quá ! ». Bấy giờ hai vợ chồng cứ nhìn nhau mà cười, lại đem bánh và quả chia nhau mà ăn ; tưởng cái ý-vị đoàn-viên bấy giờ không còn có miếng cao-lương nào mà ngon ngọt hơn được. Cả ngày cũng như một lúc, cả năm cũng như một ngày, nghe tiếng nào cũng là lời âu yếm, trông mặt ai cũng có ý hả-hê. Thiên-đường ở đâu ? Cực-lạc ở đâu ? Chính ở trong ba gian nhà vợ chồng người chung-ái.

Có gan làm giàu

(Nam-phong tạp-chí, số 23, Mai 1919)

PHAN KẾ-BÍNH 潘 繼 炳 (1875-1921)

(Xem Tiểu-truyện Tác-giả ở Phần thứ nhất. Năm thứ ba Chương thứ VII Lời chú (2).)

148.— Luận về nguyên-lý văn-chương

Phàm việc gì cũng có nguyên-lý. Nguyên-lý là cái lẽ căn-nguyên của việc ấy. Văn-chương cũng vậy. Đặt nên câu thơ câu hát, viết ra bài luận bài văn, thì gọi là văn-chương. Song thử xét xem cái căn-nguyên của văn-chương ấy, bởi lẽ gì mà có, vì ở đâu mà sinh ra thì gọi là nguyên-lý văn-chương.

Cha mẹ dạy con, giảng giải điều hơn lẽ thiêt, rạch-ròi kẽ tóc chân tơ. Hai người tự tình biệt-ly với nhau, ấm lạnh, ngọt bùi, kẽ hết nỗi này sang nỗi khác. Người đàn bà lờ bước thở dài than vắn, phàn nàn số phận những hẩm-hiu. Dứa mục-đồng đi chăn trâu, nhân khi thích chí, nghêu-ngaô vài tiếng giữa đồng, đó toàn là cái mầm của văn-

chương cả. Nói cho cùng thì một tiếng cười một tiếng khóc của đứa trẻ thơ, cũng là cái gốc văn-chương.

Người ta có tính-tình, có tư-tưởòng, có ngôn-ngữ văn-tự, tự nhiên phải có văn-chương. Tính-tình người ta cảm-xúc với ngoại-vật, sinh ra khi mừng, khi giận, khi vui, khi buồn, khi xót xa, khi ham muốn. Các mối tình ấy chứa ở trong bụng, tất phải phát-tiết ra lời nói: đó tức là nguyên-lý văn-chương.

Tư-tưởòng là cái trí suy nghĩ tự trong óc, biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái biết phán-doán điều hay, biết suy-xét đến những lý cao xa mắt không trông thấy, tai không nghe tiếng. Những điều nghĩ ra được lại muốn tỏ cho người khác biết, đó cũng là nguyên-lý văn-chương.

Có tính-tình, có tư-tưởòng, mà nếu không có ngôn-ngữ văn-tự thì cũng không thành văn-chương được. Xem như giỗng súc-vật cũng có cảm-giác, có trí thức, mà không có văn-chương, là bởi không có ngôn-ngữ văn-tự. Vậy ta phải nhờ có ngôn-ngữ văn-tự mới đạt được tính-tình tư-tưởòng của ta thì ngôn-ngữ văn-tự cũng là cái nguyên-ûy của văn-chương.

Nói rút lại thì số-dĩ có văn-chương, một là bởi ở tính-tình, hai là bởi ở ngôn-ngữ văn-tự, đó là ba cái căn-nguyên trước nhất. Có ba cái căn-nguyên ấy, rồi những sự quan-cảm ở bè ngoài đưa đến mới, thành ra văn-chương vậy.

Quan cảm bè ngoài, thì lại do ở cảnh-tượng của tạo-hóa, do ở công việc của cuộc đời và ở cảnh-ngộ của một mình.

Cảnh-tượng của tạo-hóa hiển hiện ra trước mắt ta nghìn hình-muôn trạng làm cho ta phải nhìn phải ngắm, phải nghĩ ngợi ngắn-ngoài. Ta cứ theo cái cảnh-tượng mà tả ra thì gọi là văn-chương tả cảnh.

Công việc của cuộc đời xảy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc. Ta cứ theo công việc đó mà ghi chép thì gọi là văn-chương tự sự hay là nghị luận.

Cảnh ngộ của một mình, khi gặp được cảnh sung-sướng khi gặp phải cảnh chua cay. Ta nhận cái cảnh ngộ đó, ta muốn giải tỏa tình cảm của ta thì gọi là văn-chương tự tình hay là thuật hoài.

Văn chương tuy nhiều, nhưng đại ý thì bất ngoại ba điều ấy.

Việt Hán văn khảo
(Đông-dương tạp-chí, Lớp mới, số 167)

I49.— Am chúng sinh

Mỗi làng, đầu làng hoặc cuối làng, có một khu đất rộng để làm chỗ tha-ma mộ-địa, trong làng có ông già, bà cả hoặc người nào mất thì cứ đem lại đó mà chôn.

Mỗi chỗ tha-ma mộ-địa có lập một cái am năm ba gian hoặc xây bệ lô thiêん, để ba chữ « hàn lâm sở » (1), để thờ chung cả những mồ mả vô chủ, gọi là am chúng sinh. Mỗi cửa am có một bà đồng ở, sớm tối đèn hương thò phụng. Về ba tháng hè thì cứ ngày rằm, ngày mồng mệt nấu cháo cúng, đổ vào cái lá đà cuộn tròn lại, cắm hai bên dọc đường gọi là cúng các quan, hoặc gọi là cúng bách linh. Cho nên tục có câu rằng cướp cháo thí lá đà, là nói những người vô hậu.

Bà đồng ở đó thường bày một cái nong ra cạnh đường đi, đốt vài nén hương để khuyên-giáo, kể qua lại ai cũng cúng một vài đồng kẽm. Bà đồng thì ngồi trong am đánh trống kẽ kệ, hoặc là họp năm ba bà vãi chèo đò.

Nhiều nơi mỗi năm về tháng bảy, hoặc công làng, hoặc riêng một hội thiện, thiết đàn tràng tại cửa am để làm chay cúng hai ba ngày hoặc năm bảy ngày...

Các nơi chiến trận, có nhiều tướng-sĩ tử trận chôn một chỗ thì nhà vua lập đàn thờ, gọi là Lệ-dàn. Lệ-dàn thì mỗi năm nhà vua sai quan về tế, hoặc là hội thiện góp tiền với nhau mà cúng hay là làm chay.

Tục thường cho chỗ am chúng sinh và lệ-dàn là nơi rất thiêng-liêng, cho nên nói đến việc bách linh thì nhiều người dốc lòng làm phúc. Nhất là những khi bắt đất đi phải thiêng mộ địa đi nơi khác, các nhà giàu tranh nhau mà cúng tiễn, cúng gạch Bát-tràng (2) còn các thiện nam tín nữ tranh nhau mà đi rước bách linh, để bách linh phù-hộ cho được vận sự như ý.

Tục ta tin quỉ thần, cho nên sự gì cũng cho người chết có linh hồn, có tri giác cũng như người sống. Mà ở dưới âm-phủ cũng có kẻ khổ người sướng như trên dương gian. Người có con cái giữ hương-hỏa thì hồn phách có chỗ bằng-y, người bắt hạnh tuyệt tự thì không có ai cúng cắp, chắc là phải phiền não ở dưới âm-phủ. Vì thế đám mộ địa nào cũng có am, có đàn, có người hương hoa thờ phụng, để cho u-hồn oán quỉ, dẫu không ai nhìn nhận, cũng có chỗ mà hương khói nương nhở.

Đi đến chỗ mộ-địa, trông thấy mồ mả san sát, ai là không động lòng cảm thương; mà nghĩ đến mồ mả vô-chủ, thì lại đau đớn thay cho người nằm dưới suối vàng lấp.

Nhất là đi qua những nơi trận trường thuở xưa, nghĩ đến các đứng anh-hùng hào kiệt, khi sinh tiền dung-manh can-dám biết là bao nhiêu, mà nay chỉ thấy gò cao lõn-nhỏn, cỏ rậm rì rì thì lại xui cho người ta buồn rầu nữa

Kia những lúc bóng chiều nhạt vè, gió bắc lạnh lung, đêm tối mưa sa, bốn bề vắng ngắt, qua chỗ đó mà ngắm cái cảnh đìu-hiu, lại nghĩ đến nồng nỗi người xưa nằm đó, biết bao nhiêu tình-cảnh sầu người.

Nói đến đó thì am kia đàn nợ, bách linh dẫu thiêng dẫu chẳng thiêng, dẫu biết dẫu chẳng biết, dẫu có dẫu chẳng có, chẳng kể làm gì, nhưng cũng chưa xót mà xin gửi tặng vài ba giọt lệ.

Than ôi! từ xưa đến giờ, biết bao nhiêu người khôn ngoan, biết bao nhiêu người vụng dại, biết bao nhiêu người hưng công lập nghiệp, biết bao nhiêu người vong thân tang gia, nào hiền, nào ngu, nào phàm, nào thánh, bây giờ ở đâu cả, chẳng qua cũng mù mịt trong đám cỏ xanh mà thôi.

Việt-nam phong-tục

(Đông dương tạp chí, Lớp mới, số 31 và 32)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hàn lâm sở* 寒林所 (sở rừng lạnh) : nơi thờ chúng sinh — (2) *Bát-tràng* : tên một làng thuộc p. Gia-lâm, t. Bắc-ninh gạch Bát-tràng là thứ gạch làm ở làng ấy.

THÂN TRỌNG-HUÈ 甲 仲 捷 (1869 — 1925)

Người xá An-lê, h. Phong-diền, phủ Thừa-thiên; sau khi sang học ở bên Pháp về, được bổ biên-tu viện Co-mật, rồi làm quan ở Trung-Việt và Bắc-Việt từng làm đốc-học trường Hậu-bổ (1905), bồi thẩm tại phòng thứ tư tòa Thượng-thẩm Hà-nội (1913). Năm 1921 (Khải-Định thứ 6), được triệu vào Kinh làm Thượng-thư bộ Học và bộ Binh.— Tác-phẩm gồm có *Học luật-lệ an-nam* (trg. ĐDTC... Lớp mới, số 1 tđ). *Phép cai trị an nam* (trg. ĐDTC... Lớp mới, 83 tđ.), và nhiều bài luận-thuyết đăng trg ĐDTC và NP.

150.— Đức hiếu của vua Dực-tôn

Ngài hiếu-phụng đức Từ-dụ, xưa nay ít ai bằng. Lệ-thường, ngày chǎn thì chầu cung: ngày lẻ thì ngự triều, trong một tháng chầu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se-yếu. Trong 36 năm thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Khi Ngài chầu cung, thì Ngài tâu chuyện này, chuyện kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ-dụ thuộc sử sách đã nhiều, mà biết việc đời cũng rộng, khi đức Từ-dụ ban câu chi hay, thì Ngài biến vào một quyển giấy hiệu là : « *Từ huấn lục* ».

Đọc quyển sách ấy, thì tôi tưởng xưa nay mẹ & với con, con & với mẹ, ít ai được như thế.

Khi rảnh việc nước, Ngài hay ngự đi bắn chim hay là câu cá. Cách kinh-thành chừng 15 kilomét, ở bên bờ sông Lợi-nông, có một cái bàn cǎm gọi là Thuận-trực. Chỗ ấy nhiều chim, Ngài thường ngự đến bắn.

Một hôm Ngài ngự bắn ở bàn Thuận-trực, gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kỳ đức Hiển-tổ, là đức Thiệu-Trị, mà Ngài chưa ngự về. Đức Từ-dụ nóng ruột, sai quan đại-thần là ông Nguyễn Tri-Phương đi rước. Quan Nguyễn Tri-Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tối thuyền ngự mới đến bến. Khi ấy trời đang mưa, mà Ngài vội-vàng lên kiệu trắn đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ-dụ

ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài ngự mói lấy một cây roi mây, dâng lên để trên ghế trác-kỷ, rồi Ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ-dụ xoay mặt ra, lấy tay hất cái roi mà ban rằng :

— Thôi, tha cho ! Đã chơi để cho quan quân cực khổ, thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kỵ.

Ngài lạy tạ lui về, nội đêm đó Ngài phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi ông được một đòn ; tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên một quan tiền kêm. Đến sáng Ngài ngự ra điện Long-an lạy kỵ.

Chân-dung của đức Đức-tôn Anh hoàng-đế

(Đông-dương tạp-chí số 61 và 62.)

PHẠM DUY-TỐN 范維遜 (1883 — 1924)

(Xem Tiểu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ V, Lời chú (1).)

151.— Câu chuyện thương tâm.

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh ; đường đá cù-dau cù-khoai trồi ra chồn-nhổn.

Tôi đứng cửa trông, thấy có một người già-gò yếu-duối, khẳng kheo ; cổ công cùng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chòng-chốt hai bờ nghe chừng đã nặng, lại còn một mụ vắt-véo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nói, mà mụ thì mỉa-mai nặng lời xỉ-vả. Cho đến nỗi người ta phải đặt xe xuống, thở dài mà thura : « Chịu, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy : bà thuê xe khác. » — Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ-hôi tăm-ta. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc... Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà hỏi : « Chú con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già-nua tuổi-tác, yếu-duối thế này mà phải đi kéo xe vất-vả ? »

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ-mờ, hình như ruột nhahn, nước chảy chúa-chan, mà chung quanh vành thì đỏ hổng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập-ngừng, thì tôi lại hỏi :

— « Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì, sao cụ lại đi kéo xe ? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi ; xin cụ nói cho tôi nghe. »

Ông lão nói rằng :

— « Thưa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt-lội, đê-diều vỡ-lở chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghè khốn, trẻ-mồ ốm đau, sài ghê ; vợ nó phải ở nhà trông nom để tôi xuống Hà-nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy răm ba xu, một hào, mà nuôi nấng đàn cháu mồ côi, cậu à. Tôi ngoại sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi... » — Miệng ông lão nói, hai mắt mờ-mờ, vẫn cứ nhìn tôi.— Tôi thương, úa hai hàng nước mắt ra, anh à...

Triền oai ! sao mà lại có cái khổ cực đường này, hử ông trời xanh cao ngất ?...

Bực-mình

(Đông-dương tạp-chí số 55).

NGUYỄN VĂN-VĨNH 阮文永 (1882-1936)

(Xem *Tiểu-truyện tác-giả* ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ IV § 1)

159— Gi cung cười

An-Nam là có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì ; quấy cũng hì. Nhẵn răng hì một tiếng mọi việc hết nghiêm-trang.

Có kẻ bảo cười hết cả, cũng là một cách của người hiền. Cuộc đời muôn việc chẳng qua là trò phuờng chèo hết thảy không có chi là nghiêm đến nỗi người hiền phải dấn mà mà nghẽn ngợi.

Ví dù được y như vậy, thì ra nước An-nam ta cả dàn là người hiền. Nếu thế tôi đâu dám đem lời phuờng chèo mà nhủ rồi nhẽch mép bô tính tự-nhiên mà làm bộ đứng-dắn lại, nghiêm nhàn những cuộc trẻ chơi.

Nhưng mà xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vỗ tinh độc ác ; có cách láo-xược khinh người ; có câu chửi người ta ; có nghĩa yên trí không phải nghe hết lời người ta mà đã gièm trước ý-tưởng người ta, không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê săn công cuộc người ta.

Thực không có túc gì bằng cái túc phải đổi đáp với những kẻ nghe mình nói chỉ lấy tiếng hì-hì mà đáp. Phản-đổi không túc, kẻ bịt tai chẳng thèm nghe cũng không túc đến thế...

Út, mà gì bức mình bằng rát cổ bồng họng, mỗi lưỡi, tê môi, để mà hỏi ý một người, mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng thì khen chẳng on, mắng chẳng cãi, hỏi chẳng thưa, trước sau chỉ có miệng cười hì, thì ai là không phải phát túc...

Ta phải biết rằng khi người ta nói với ta, là để hỏi tình ý ta thế nào. Ai nói với mình thì mình phải đáp. Tùy ý mình muốn tỏ tình ý cho người ta biết thì nói thực ; không hiểu thì hỏi lại ; mà không muốn nói tình ý cho người ta biết, thì khéo lấy lời lịch-sự mà tỏ cho người ta hiểu rằng câu hỏi khi phạm đến một điều kín của mình. Hoặc là có khôn thì lựa lời mà tỏ cho người ta biết những điều mình muốn cho biết mà thôi, và khiếu câu chuyện cho người ta không khỏi căn vặn được mình nữa. Nhưng phàm người ta hỏi, mình đã lắng tai nghe, là mình nợ người ta câu đáp.

Xét tật mình. XVII. Gi cũng cười
(Đông dương tạp chí, số 22)

153.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu

Vốn nghề hát bội của An-nam ta, thì là một cái thể mượn sự trang hoàng, mượn điệu ca-nhạc, mượn lời tỏ mừng, mà ôn lại những việc cũ, hoặc để phô những gương trung nghĩa cho người bắt chước, hoặc để bêu những đứa gian ác cho người ta sỉ nhauếc mà đừng bắt chước. Thể ôn lại ấy là một ước thể, nghĩa là chỉ dùng những cách phác diễn ra cho người ta biết việc thể nào mà thôi, chứ không cần phải

tả cho in sự thực. Như núi thì bày cái bàn cái ghế, sông thì trải cái mền mà cầm hai đầu rú ; trận đánh nhau thì hai người cầm hai cái giáo gỗ múa-may, lù trè cầm cờ vừa chạy vừa la, v. v. là đủ hiểu. Chớ nên thấy cách người ta thế kia, thấy cách nhà mình thế ấy mà khinh. Đó cũng là một lối tả, nhưng khác cái tinh-lý mà thôi. Trong lối ấy cũng có cái hay, cái thú riêng. Cũng có khéo, có vụng ; có lè, có phép. Trong tiếng trống oai tai như óc người không hiểu, cũng có cái cao-thú động lòng. Gió thảng cánh điểm hai tiếng tùng tùng vào giữa chỗ xuống giọng hay cũng sướng bằng cái lay mũi giày của người Đại-Pháp (1) đứng nghe kèn.

Đến như nghề diễn-kịch của người Âu-châu thì khác lắm. Trước hết nên cất nghĩa cho rõ chữ một nghề (*art*) theo lý-tưởng Âu-châu là thế nào, Nghề đây là mỹ-nghệ (*beaux arts*). Mỹ-nghệ là tổng cả những chước thuật mà người ta dùng để khêu gợi sự cảm giác và cảm tình, nhất là cảm tình vì điều đẹp. Lấy mục-dịch, thì mỹ-nghệ là sự tố cái đẹp ra ; lấy phương-thuật thì mỹ-thuật là sự làm thông-ngôn cho Tạo-hóa. Mỗi người ngắm các sự vật các cảnh tượng trong Tạo-hóa có một cách thấy đẹp, đem cái đẹp ấy tố ra cho người khác cũng cảm giác như mình, vị chi là mỹ-nghệ. Cho nên mỹ-nghệ lại có người cất nghĩa là cách lấy tính của mình (*tempérament*) mà làm kính cho thiên-hạ soi Tạo-hóa (*La nature vue à travers un tempérament*). Nghĩa là tuy mỹ-nghệ là thực-tả, nhưng mỗi người thực tả cái cách mình trông thấy đẹp mà thôi, chớ không thực tả được hết cả cái đẹp. Mắt mình trông to hơn sự thực thì mình tả cũng to ; mắt mình trông nhỏ thì mình tả cũng nhỏ, quí-hồ có thành-thực (nghĩa là mắt trông thấy thế nào là đẹp thì tả như thế, mình hiểu cảnh thế nào thì làm thông-ngôn cho Tạo-hóa mà đạt ra như thế) thì nghệ được thiện.

Diễn-kịch cũng là một mỹ-nghệ. Mục-dịch cũng là để tố cái đẹp trong tính-tình người ta, trong cách người ta cư-xử với nhau & đoàn thể. Mà phương thuật thì cũng dùng cách làm thông-ngôn cho Tạo-hóa, nghĩa là mắt người làm kịch trông ở trong nhân-tình thế-cố thấy điều gì đẹp, điều gì kỳ-khô, thì cũng diễn ra cho người khác được trông thấy mà cảm-động như mình. Nghệ diễn-kịch mượn nhiều nghề thực-tả khác mà diễn ra cho người ta trông thấy.

nghe thấy, cho người ta cảm-giác một cái quang cảnh bịa đặt ra, đã y như là sự thật vậy. Nào dùng văn-chương để mà thuật lại những lời người ta nói với nhau ; lại dùng âm-nhạc nhảy-múa để tả cái thế và cái nhịp-thước cảm tình của người ta ; lại dùng đèn nghệ họa, nghệ diêu khắc để bày biện, để tô-diểm chỗ sàn hát khiến cho người xem tưởng-tượng như có sự thực trước mắt.

Nghệ diễn kịch bên Đại-Pháp (1)
(Đông-dương tạp chí, Lớp mới, số 18)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT 阮仲述 (1882-1940)

(Xem Tiêu-truyện tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ nhì. Chương thứ VII, Lời chú (3).

154.— Giữa bể khơi

(An-Tiêm vốn làm quan về đời vua Hùng-vương thứ XVII ; sau vì một câu nói làm cho vua giận, phải đày ra một nơi hoang-đảo giữa bể. Đây là lúc An-Tiêm đi thuyền ra đảo ấy.

Trời hâng-hâng rạng đông, ba chiếc mành, đánh cánh ra cửa bể mênh mông, đậm sương lạnh-leo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi khuất để tránh rét, lúc đó & cái mành đi giữa, lờ-mờ có một người ra đứng trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình rằng : « Mình vốn sinh & sống đường bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào ; sau lưu lạc được vào vương-cung, lúc việc chực chờ, khi đi chinh-thảo, lúc đi khẩn hoang, nào cái cảnh vương-triều để-khuyết, nguy-nga hùng-tráng, nào cái cảnh hậu cung thương-uyển, mĩ-lệ huy-hoàng, nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu, lại như cái cảnh diễn-gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nồng-ca theo tiếng gió véo-von quang đồng vàng, cảnh nào mình cũng đã lịch-duyệt qua ; mình chỉ ước được xem cảnh bể buổi sáng nứa, thì cái trí tang-bồng kia mới phỉ, thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may, nếu không bị thoán ra qua đây, thì bao giờ được biết cái cảnh thiền-

(1) Tiếng Đại Pháp bây giờ không thông dụng.

nhiên nõ, phương chi lại được cái cửa bể Đại-nha này là một cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa bể này lại thông với cửa Thần-phù.

*Lênh-dênh qua cửa Thần-phù;
Khéo tu thi nỗi vung tu thi chìm;*

nỗi chìm nhò đúc cao xanh, ta đã đến đây, ta cứ ta xem ta ngắm cho sướng mắt thích tình ».

Thuyền chạy vùn-vụt, gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc-nhích chút nào, chợt đâu văng thái-dương ở dưới gầm thương-hải kéo lên đó lùng-lùng, trong hầm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỗ nào của thế-gian mà tì-nghĩ được, bấy giờ ánh triều-dương chiếu ra, mây khói sóng nước đều đổi có vẻ hồng-hồng cả, rồi càng lên thế-gian càng rạng dần ra, mà nhỡn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được; sóng mông-mênh bát-ngát, tí-tắp mù khói không biết đâu là bờ, cơn mây bốn chân trời kéo lên tối-tấp, khoảnh-khắc biến-thiên, vô số hình sắc, mà nganh lại phía tây chốn non sông tề-quốc thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vỗ-hạn. Người ấy không phải là An-Tiêm ở ba cái mành áp giải ra phổi-sở thì còn là ai? An-Tiêm nganh lại trời tây tựa hồ có ý buồn, mà trông ra bể lại càng thích ý được thường một cuộc hào-du hiếm có trong thiên-thế, lòng thơ phơi-phói, bèn ngâm lên một bài rằng :

*Văng trăng lùng-lùng bể đông.
Thần-châu mù-mịt mây phong non Đoài.
Sóng kẽnh dào-dạt doanh khơi,
Lưng ngao ngùn-ngụt chân trời mênh-mang.
Sa chân xuống cõi trần-hoàn.
Đã xem xem khắp kỳ quan của trời.*

*Quả dira đỗ
(Nam-phong tạp-chí, số 104, Avril 1926).*

NGUYỄN KHẮC-HIẾU 元克孝 (1889-1939)

(Xem *Tiêu-truyện* tác-giả ở Phần thứ nhất, Năm thứ ba, Chương thứ VI, Lời chú (1).)

155.— Muốn làm天堂 Cuội

Đêm thu buồn lắm ! Chị Hằng ơi !
 Trần-thê em nay chán nữa rồi.
 Cung quế đã ai ngồi đó chửa ?
 Cảnh da xin chị nhắc lên choi.
 Có bầu, có bạn, can chi túi ;
 Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
 Tụa nhau trong xuống thế-gian, cười.

Khối tình con. Quyển thứ nhất

(Nhà in Văn-Minh Haiphong-Hanoi, In lần thứ hai, 1918)

156.— Mỹ-châu, Trọng-thủy (Vân-thê)

Một đôi kẻ Việt người Tần,
 Nửa phần ân ái, nửa phần oán thương.
 Vuốt rùa chàng đổi mây,
 Lồng ngỗng thiếp đưa đường.
 Thè guyễn phu phụ,
 Lòng nhi-nữ,
 Việc quân-vương,
 Duyên nợ tình kia dở dang,
 Nệm gấm vỏ câu,
 Trầm năm giọt lệ.
 Ngọc trai nước giếng,
 Ngàn thu khói nhang.

Khối tình con. Quyển thứ nhất

NGUYỄN BÁ-TRÁC 阮伯卓

157.— Quanh đường vượt biển ra khơi

Ngày tháng giêng năm 1908, tôi với người bạn ra chơi Bắc-kỳ ; định ở lại Nam-dịnh mà học. Đến tháng ba, nhân việc ngăn trở, phải đáp tàu về Đà-nẵng (Tourane). Khi về đến nơi không tiện lên bờ, bèn chạy thẳng vào Qui-nhân. Đến đây đã bộ đi xuyên-sơn vào Phú-yên, lẩn-lút trong rừng tám chín tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới đáp mành vào Nam-kỳ. Từ cửa bể Xuân-dài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909 tôi Mỹ-tho, lần vào Bến-tre, đến làng Tân-hương tìm chỗ ngồi bão trề.

Nhớ khi ngồi bão trề có làm bài ca rằng :

*Một nghìn lô-mét xa là mây ;
Hăm bốn hành-canhl lớn biết bao.
Bè trầm theo với ngọn ba-đào ;
Buồm quá-độ dập-dìu trên quả đất.*

*Nhích thử gánh tang-bồng biết súc,
Nặng ai dùu mà nhẹ cũng ai nâng.
Cái hợp tan là đám phù-vân ;
Chim bay nỗi lượng theo buồm với giò,*

*Vậy có câu rằng : Phong-trần tùy sở ngộ ;
Hà tất kể cùng thông,
Áy mà thôi ! Gió mát trăng trong ;
Tạm lẩy cảnh đỡ khuây miển đất khách.*

*Vây-vây một đồi trò, huây-huây ba-chữ sách ;
Nhắc chuyện đồi cho trẻ nhỏ nói nghe chơi,
Đi Tầm-dương gãm chị cũng nực cười ;
Khéo dõi khách mà trêu người cho Tư-mã khóc.*

*Thôi ! chuyện cũ kẽ chi cho nhoc ;
Hồi sông Hương có mấy thức trăng tròn.
Tôi đâu là chẳng nước non...*

Tới đây là chẳng nước non ; nhưng mà lèn-đênh đất khách một mình, ngồi chăn ba đứa trẻ của nhà người, để nương thân cho qua cái thì giờ không có hy-vọng, cái cảnh-ngộ không có chủ-đích, thời cũng dẽ chán thật. Trời cao đất rộng, tới đâu là chẳng nước non ; nghĩ đến đây mà không thể ngồi yên được.

Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo bạn lên Saigon mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ mồng tai nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, kể những kỳ túa và cách đi, hôm sau bèn xuống ngay tàu mà châm-chước với một người thủy-thủ. Được người ấy chịu lời rồi, đêm mồng 3 tháng tư xuống tàu mà làm khách xuất-dương từ đấy.

Xuống tàu rồi ngồi trong một cái phòng kín dưới khoang... Bấy giờ ngồi một mình, hồi tưởng cảnh ngộ sinh-bình lịch-lịch như in trong tâm-khảm ! Nào những lúc đang vui đầu óc chốn trăng-ốc, cùng chúng bạn quyết tranh lèo giật giải, ý-kí hăng-hái biết là nhường nào ! Lại những lúc cười trăng cợt gió, một nǎm trời vui thú Hành-sơn, sớm hôm cảnh phật người tiên, buồm ngư đồng-hải, chuông chiền Từ-tâm, thì thân-thể lại thanh-lịch là nhường nào ! Lại nhớ lúc làm ruộng Cẩm-nê, thay trò dùu-dất, có khi đặt câu ca cho thợ gặt hái, thú diền-gia nghĩ cũng vui thay ! Lại nhớ lúc bài cỏ bên đường, mái chùa cạnh suối, cùng đôi ba chúng bạn trò - trò chuyện - chuyện, mượn bóng tù-dương, mảnh tàn nguyệt soi chung một tấm tâm-can. Lúc bôn tẩu về việc hội thương, lúc hô-hào về việc hưng-học ; bạn cựu-nho đã ché là phuờng hu-hông, kể bàng-quan cũng cười là lũ diền-cuồng, thế mà mình vẫn ngông-ngông nghênh-nghênh, tự lấy làm đặc-ý. Lại nhớ vừa nǎm ngoái đây, bảy tám tháng trời, trèo non lách núi, không tìm được một chỗ thê-thân. Than ôi ! Trời đất hép-hòi, khách chơi lõi bước, vào chốn nồng-gia, không đủ làm một người diền-tốt ; ra nơi thành-thị thường phải nhục

với đứa phu tuần. May mà lúc còn ẩn bóng chùa Vân (Suối mây),
lúc còn nương thân trại Cổng (Cổng-sơn) : lúc gặp bạn trong núi, lúc
đi săn trong rừng ; trong cảnh cùng sầu, mà cũng lắm lúc tiêu dao tự tại.

Hạn mạn du ký
(Nam-phong tạp-chí, số 38, tháng 8 — 1920)

DƯƠNG BÁ-TRẠC 揚伯灝

158.— Chức-trách các văn-sĩ trong xã-hội ta ngày nay

Nước ta là một nước trải mấy ngàn năm chỉ học mượn viết nhò, cứ nói cho đúng ra thì các nhà trong văn-giới ta kể cũng còn hiếm quá ; song, vào khoảng vài chục năm nay, nhò cái hồn linh-thiêng phảng-phất của những người cùng nói cái thứ tiếng Việt-Nam này ngập-ngùi túc-tối ở dưới cõi-nhà, âm thầm xui-giục mà cái phong-trào quốc-văn đã nổi lên một ngày một bành-trướng, một ngày một tràn-lan. Trong bọn các nhà văn Tàu, các nhà văn Tây, cũng đã có được một số kha-khá người không chịu cam tâm kiều-cư ký-ngụ trong văn-giới Tàu, văn-giới Tây mà đã gióng trống mỗ cờ lập lênh ở cái miếng đất sông Lê non Tân cũng có một cái văn-giới ta, tuy mới phôi-phác thành hình mà không phải không có cái cơ vũng bền chắc-chắn ; mà chẳng những là vũng bền chắc-chắn, may ra lại mong có ngày tráng-lệ nguy-nga ; cái nền quốc-văn của ta đương lúc mới gây dựng như bây giờ đã là đúc lại cả hai lối văn Tàu văn Tây thì đến lúc trưởng-thành sau này tất là cũng hòa-hợp được cả hai lối văn ấy ; mà hai lối văn ấy chính đều là lối văn rất phong-phú, rất tốt đẹp mà rất hoàn-bị trong các lối văn ở thế-giới từ xưa đến nay ! tòa lâu-dài quốc-văn của ta mà kiến-trúc bằng những vật-liệu lương-hảo như thế thì còn gì bằng.

Các nhà trong văn-giới ta mà nếu thực là bực thượng-lưu hoàn-toàn xứng đáng thì thực là Pháp-học đã thâm thúy mà Hán-học cũng có uyên nguyễn, hoặc là Hán-học đã tinh-thông mà Pháp-học cũng biết đại-khai, tư-tưởng tất là thuần-túy mà cao-thượng, học-thức tất là xem rộng mà biết nhiều nghiên-cứu cái tình-thể bản-quốc đã tường, quan-sát

cái cục diện hiện thời lại rõ, từng-trải việc đòi hay dở đã lầm, phán đoán những điều khuyết-diểm quốc dân lại rành ; không vì danh lợi mà đổi bụng, không lấy khen chê mà khác lòng, không a-dua cái hiếu-thượng thiên-lệch của xã-hội mà cố đem ngọn bút làm lưỡi gươm kiêu chính những tệ-tục đồi-phong không kiêng nể cái oai thế hống-hách của cường-quyền mà cố đem quyền sách làm tấm gương soi mói những mưu gian chước độc, cái tinh-thần chỉ-thú của thánh hiền đòi trước xiển-phát cho hết đẽ luyên nêu những tê thuở nuôi hồn, cái tân-lý kỳ-tưởng của Âu-mỹ đòi nay, thu nhặt cho sành đẽ chẽ lấy những thang bồ óc, về thông-tục giáo-dục thì hoặc báo-chương hoặc tạp-chí, hoặc thi ca, hoặc tiểu-thuyết, hoặc kịch-bản, lấy miệng thêu lồng gấm mà dệt thành những lời khuyễn giới đầm-thẩm khôn-ngoan ; về thanh-niên giáo-dục thì sách luân-lý, sách sử-ký, sách địa-đư, sách khoa-học, sách chuyên-môn, lấy nhụy Á hoa Âu mà xếp thành những tập giáo-khoa tƣờng-minh giản-quát ; không kể những cái văn bại-hoại phong-tục, cùng những cái văn khua mồi múa mép, nhặt nhạnh dông dài, không hề khi nào dám đẽ cho trong văn-giới ta mọc ra có cái mầm xấu-xa nhôp-nhúa như thế, mà mỗi khi cầm đến cây bút, cái biệt-huyết yêu nước yêu nòi thường sôi nổi & trong trí nghĩ mà mình tự hỏi cây bút của mình rằng : Mì định viết cái gì đây ? Viết ra mà có ích gì cho nhân-tâm thế-đạo, bồ-cứu cho thời-tệ, mở mang cho trí-thức được phần nào không ? Hay chực viết ra để cầu lấy cái danh lợi gì, kiếm lấy cái gì, mua chuộc lấy cái lòng khờ dại ham ưa của công-chúng gì đây chăng ?

Tiếng gọi đàn

(Nghiêm Hàm ấn-quán Hà-nội, 1925)

NGUYỄN HỮU-TIẾN 阮有進

159.— Thuyết tính thiện của Mạnh-Tử

Thuyết triết-học của thầy (Mạnh) tƣỜng nhất là luận về tính thiện 性善, thầy nói rằng : Tính người ta vốn là thiện, cũng như nước chảy xuồng chỗ trũng : không người nào là tính chẳng thiện, cũng như không nước nào là chẳng xuồng chỗ thấp. »..

Thầy Mạnh luận về tính thiện viễn dẫn ra có bài lê: Một là chứng lời kinh *Dịch* rằng: «Trong vũ-trụ một khí âm, khí dương hợp lại thành đạo: tiếp thu lấy cái đạo ấy là thiện, thành ra quen là tính 一陰一陽之謂道. 繼之者善也, 成之者性也.» Sách *Luận-nghĩ* rằng: «Tính người ta gần giống nhau vốn là thiện cả; duy bởi tập-nhiễm mới sinh ra xa khác nhau 性相近也, 習相遠也.» *Trung-dung* rằng: «Mệnh trời phú cho người ta cái lẽ nhân nghĩa lẽ trí ấy là tính, cứ noi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm là đạo. 天命之謂性率性之謂道.» Tuy rằng những lời chứng dẫn trên ấy chưa nói rõ là tính thiện, nhưng cũng đã ám nhận là tính thiện rồi. Hay là thầy Mạnh lại chứng về sự thực, cho rằng: «Người ta ai cũng có lòng bất nhẫn, như là khi trông thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải chột dạ thương-xót đứa trẻ không phải là muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, mà cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất-nhân mà phải giả cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự-nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là cái đầu mối điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hổ thẹn điều xằng, tức là đầu mối điều nghĩa, cái lòng nhủ-nhường lẽ-phép tức là đầu mối điều lẽ; ai cũng sẵn có cái lòng phân biệt điều phải, điều trái, tức là đầu mối trí khôn: xem thế thì trong tâm người ta ai cũng có sẵn bốn cái đức tính: nhân, nghĩa, lẽ, trí, ấy tức là tứ-doan 四端, thì biết tính người ta ai cũng bản thiện »...

Thầy Mạnh lại nói rằng: «Người ta sinh ra, cái sự gì chẳng đợi học tập mà tự mình làm được, tức là cái lương-năng 良能; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, tức là cái lương-tri 良知. Cái lương-năng, lương-tri đó tức là điều thiện bản-nhiên tự trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết. Xem như đứa trẻ con kia không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó; khi nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Cái lòng biết yêu, biết kính đó, tức là lòng nhân, lòng kính trưởng đó tức là điều nghĩa. Nhân-nghĩa vốn là cái bản-tính tri-năng của người ta ai cũng có thể thì tính ai là chẳng thiện »..

Thầy Mạnh đã dựng lên cái thuyết tính thiện như trên, thì tính người ta ai cũng thiện, trong cõi đời lè ra không có người ác nữa thì phải. Sao trong thế-gian vẫn thấy vô-số là người ác, nhất là đời Chiến-Quốc, biết bao nhiêu là kẻ loạn-thần tặc-tử xuất-hiện, đạo-đức dối-bại phong-hóa tồi-tàn, nào là tranh cướp quyền-lợi mà giết nhau, say-dám sắc-dục mà tự giết mình, thì tính thiện ở đâu?

Thầy Mạnh phải gỡ cái cớ ấy mới nói rằng người ta mà sinh ra ác là tại phải cái vật-dục nó làm hồn-mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu nó làm trại mất mầm cây đi vậy.

Thầy Mạnh có nói rằng : « Cây ở trái núi Ngưu-Sơn kia, nó vốn xanh tốt ; vì nó gần nơi thành-thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cội rẽ nó mọc lên, ngày đêm sinh-trưởng mưa móc tươi-nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đậm ra. Nhưng lại bị trâu dê nó đến phá, nên cây núi mới trại sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi nó trại sạch như vậy cho rằng trái núi kia nó vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản-tính của núi ấy như thế đâu? »

Cũng ví như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương-tâm nhân-nghĩa, chỉ vì vật dục nó làm phong mất cái lương-tâm đi, cũng như rìu búa nó làm trại mất cây đi, ngày nào cũng đập phá đi mãi, thì thế nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện-tâm nó chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tĩnh-mịch nó lại hồi tâm tươi tinh lên, như những lúc bình-mịch buổi sớm, khi còn tĩnh, tâm còn thanh, cái mầm nhân-nghĩa lương-tâm nó cũng hồi tinh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết, bao nhiêu là vật-dục nó cùm trói cái lương-tâm ấy nó đem đi mãi, đem dát đi mãi thì cái thằn-khí trong sạch lúc ban đêm lại mờ tối đi cái tâm lại sinh xăng, không khác gì loài cầm-thú. Người ta thấy con người kia nhân diện mà thú-tâm, mới nghĩ rằng con người kia chưa từng có lương-tâm bản-thiện bao giờ, nào có phải cái bản-tính người ấy nó vẫn như thế đâu,

« Phải biết rằng cái tâm-tinh người ta nò vốn bản-thiện phải nên giữ-gìn lấy cái tâm-mới được, cũng ví như cây ở núi kia, biết giữ-gìn nuôi nó thì nó mới sinh-trưởng được, nếu chẳng biết giữ-gìn nuôi nó thì nó tắt phải tiêu mòn đi. »

Hoc thuyết thầy Mạnh
(Nam-phong tạp-chí, số 183, tháng 4 — 1933).

BÙI-KÝ 裴 紀

160.— Bài truy-diệu cụ Tiên-diền (1)

(mồng mười tháng tám)

Kiếp kim cỗ tài-tình là bạn
Hòn văn-chương vơ-vẫn non sông.
Xót thay nước đục bụi trong.
Nghìn thu biết ngỏ tấm lòng cùng ai!
Trộm nhớ thuở anh.tài giáng-lhể,
Cõi Tiên.diền rót khi linh-kỳ.
Gặp cõi Lê.thị suy-vi,
Kim.thành muôn lở, thang trì muôn voi.
Mắt chi-sĩ trông đòi ngao.ngán,
Muôn ra tay tát cạn bề đồng.
Trách người chi bấy hóa-công,
Lỗi thời dê khách anh-hùng bó tay,
Miền Bắc.tái rồng bay mỏi cánh,
Đỉnh Hồng-sơn hạc lánh xa xa.
Rắp toan tìm thú cổ hoa,
Tang-bồng gác mái yên-hà cùng cao.
Trời Đông-phố (2) ào-ào gió động,
Hội tào-phùng đáy-ứng tân-quân.
Giang hồ lang-miếu một thân,
Đật-dân bỗng hóa hàng-thần, lạ thay!
Há chẳng biết cao bay xa chạy,
Cái công danh là bấy trên đời.

Song-le con tạo trêu ngươi,
 Buộc nhau chỉ một chữ thời mà đau.
 Bắt dày.đọa cát dầu không nỗi,
 Bắt đến điệu mỏi gối chồn chân.
 « Bắt phong-trần phải phong-trần,
 « Cho thanh-cao mới được phần thanh.cao. »
 Xuất với xứ bên nào cũng khó,
 Nhục hay vinh ở đó mà ra.
 Cát lầm ngọc trắng cũng là,
 Càng kiên-trinh lầm, càng ma-chiết nhiều.
 Song chẳng lẽ cũng liều nhắm mắt,
 Cũng dày mày dạn mặt cho xong.
 Cầm bằng như kiếp má hồng,
 Hơn nhau chỉ một tấm lòng chính.chuyên.
 Dạ trinh-bạch đã nguyễn sắt đá,
 Giả hình.hài tiếu-mạ mà chi ?
 Dở.dang thay cái tu-mi,
 Cực trăm nghìn nỗi trong khi tòng quyến !
 Bước đã lỡ mượn thuyền sao nỗi,
 Nợ còn nhiều định chối không xong.
 Hỏi ai gạn đục khơi trong,
 Đục trong trong đục mà lòng trơ tro.
 Đồng ly-thứ gió mù bụi tối,
 Nỗi hương.quang ruột rỗi như vỏ.
 Lâm-ly ngọc bút song hồ,
 Văn.chương một áng diễm-tò tuyệt vời.
 Vì mặt hăng thương người mệnh bạc,
 Khúc đoạn-trường tả bước lưu-ly.
 Lờ-mờ nước chảy mây đi,
 Tri-âm biết có Chung-Kỳ là ai ?
 Đồng thê thùy núi mai sông lở,
 Tâm lòng son gót rửa bao phai.

Bận mình chi bấy chữ tài,
 Túi cơm giá áo như ai cũng nhàn !
 Muốn động đến cửu-toàn linh-thinh,
 Hỏi bao giờ tài mệnh không ghen.
 Mệnh sao hay bỡn hay chen ?
 Tài sao vùng-vãy những toan chọc trời ?
 Lòng bằng-diều mẩy lời giải tỏ,
 Đỉnh trầm bay ngọn gió hiu-hiu
 Non sông man-máu mọi chiều,
 Khi thiêng phảng-phất ít nhiều dây.

Tháng 8 năm Đinh-mão (1927)
 (Nam-phong tạp-chí, số 120, tháng 8 1927)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Cụ Tiên-diền* : Nguyễn-Du, tác-giả truyện Kiều; vì cụ quê ở làng Tiên-diền, thuộc h. Nghi-xuân, t. Hà-tĩnh.— (2) *Đồng, phố* : tên cũ của thành Gia-dịnh (Sài-gòn).

NGÔ BẰNG-GIỰC 吳 鵬 翼

161.— Ông giàn

Mắc tiếng giàn mà tự nghĩ không có điều gì giàn, thì ông giàn cho là đời nói càn, không để ý đến. Nhưng sau thấy vợ rầy-rut : vì ông chồng giàn mà bà vợ cũng bị giêu là « bà giàn », nên muốn tìm người hỏi xem mình giàn về nỗi gì. Một hôm dạo sơn-thủy, gặp một ông cụ ở trên một ngọn núi cao, bèn đem câu chuyện ra hỏi.

Ông cụ hỏi : « Thế anh có hay nói chuyện đạo-đức không ? »

Ông giàn đáp : Thưa cụ, có.

— Thế là một tội giàn rồi ! vì người ta đều nói chuyện lợi danh, sao anh lại nói chuyện đạo-đức.

Ông cụ lại hỏi : « Thế anh có tròn không ?

— Thưa cụ không, cháu tất phải bánh chưng ra góc mới được.

— Thế là hai tội giàn rồi ! sao người ta tròn như cây gỗ, lăn đâu cũng được mà anh lại bánh chưng ra góc cho chướng đời.

Ông cụ lại hỏi : « Thế anh có hay ngâm thơ không ? »

— Thưa cụ có.

— Thế là ba tội gàn rồi ! đời bây giờ người ta tranh nhau vì miếng ăn, giết nhau vì đồng tiền, nghĩ nát óc vì cách cướp ăn, vét tiền mà anh ngồi ngâm thơ thì sao hợp thời được. Cái gàn của anh ở đây chứ ở đâu. Anh phải biết : phàm trái với đời là gàn, dẫu mình phải mướt mươi cũng mặc. Nhưng thôi ! săn tiền đây, anh có bán cái gàn ấy, lão mua.

— Thưa cụ, nếu thế là gàn, thì cái gàn ấy bao nhiêu tiền cháu cũng không bán. Muốn tạ cụ có lòng chỉ giáo, cháu lại xin ôm cái gàn này về nhà.

Thực là :

*Gàn cũng năm bảy đường gàn,
Bàn tay bưng miệng thế-gian được nào !
Đời này còn muốn thanh cao,
Khen chê thôi có để vào chi tai.*

Thời-hài
(Nhà in Ngô Tử-Hạ, Hà-nội)

PHAN KHÔI 潘魁

163.— Sự thực với việc làm thơ

Đã biết rằng làm thơ không phải như làm văn : làm văn phải giữ cho đúng với sự thực, còn làm thơ thì đói khi không kẽ sự thực nữa thế mà thơ lại hay. Đã biết vậy, nhưng lại phải biết rằng : về ý thì có khi bỏ sự thực, song về sự thực thì bao giờ cũng phải giữ cho đúng.

Trời có ai bán được, nhưng ông Tú-Xương lại nói : « Lúc túng toan lên bán cả trời », thì ai đọc đến cũng phải chịu là hay. Đó, ông Tú-Xương chỉ căn-cứ & câu tục-ngữ « Bán trời không chứng » mà thôi ; hễ có căn-cứ như thế là đủ cho câu thơ của mình dùng được.

Nhưng, đó là thuộc về ý. Cái ý của thi-nhân muốn gì thì muốn, надо ai cầm ngăn được ư ? Cho nên vẫn biết trời là không bán được mà thi-nhân muốn bán cũng vô-hại. Cái ý ấy chẳng qua là để tả cho ra cái túng đáo-dé.

Xưa kia ông Tô Đông-pha có một bài thơ « Đùa Tử-do ». — Tử-do là Tô-Triết, em ruột tác-giả, làm giáo-thợ, dạy học-trò mà lương-bổng bạc-béo lắm, ông Đông-pha trong bài thơ « đùa » ấy có những câu này :

Uyền-khâu tiên-sanh trường như khâu
 宛 邱 范 生 長 如 邱
 Uyền-khâu học-xá tiêu như chau.
 宛 邱 學 舍 小 如 舟
 Thường thời đê đầu tụng kinh sử,
 常 時 低 頭 讀 經 史
 Hốt nhiên khiêm thàn ốc dã đầu.
 忽 然 大 伸 屋 打 頭

(*Nghĩa là: Ông giáo Uyền-khâu mình dài như cái gò; trường-giáo Uyền-khâu nhù như chiếc ghe. Bình-thường ông giáo cúi đầu đọc kinh sử; thành-linh ngang đầu lên, mái nhà đụng đầu ông.*)

Coi mà coi, cái nhà trường đầu có nhỏ đến thế nào nữa, cũng không đến nỗi con người ta ngồi trong ấy hē cúi đầu luôn thì thôi mà ngược đầu lên là đúng. Con người ta đầu có cao mẩy cũng không đến nỗi ngồi mà đúng đầu trên mái nhà bao giờ. Vậy mà ông Đông-pha lại làm thơ nói được như vậy. Ấy chẳng qua để tả cho ra cái bộ-tịch ông Tứ-do cao lồng-không và cũng tả cho ta cái trường-giáo, chỗ ông ở làm ủm-thùm không ra chi đó thôi. Đó cũng là thuộc về ý, cho nên không đúng sự thật cũng không hại.

Sự thực là như cái cảnh trước con mắt và cái việc xảy ra mới là sự thực. Cái sự thực ấy thì không bao giờ thi-nhân được làm sai đi.

Khí-hậu ở Nam-kỳ, nói cho thật ra, chẳng có thể phân bốn mùa được. Mùa xuân thì nắng thiếu điều phỏng da, vậy mà ôn hòa gì? Mùa thu cũng chẳng thấy cái vè gì là tiêu-sát. Nam-kỳ không có xuân, hạ, thu, đông mà chỉ có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa.

Vậy mà thi-nhân tả cái xuân của Sài-gòn những là *trăm bông đua nở*, tả cái thu của Sài-gòn những là *lá rụng sương sa*, có phải là vô-lý không? Ấy là sai với sự thực. Nhà làm thơ mà khôn ra, gặp cái xuân cái thu của Sài-gòn nó phản thường như vậy, lẽ đáng nhè chỗ phản thường ấy mà tả, mới thấy cái nghệ-thuật của mình chó; có sao lại cứ rập theo sách cũ, cứ hê xuân thì hoa nở, thu thì lá rụng, làm cho trái với cảnh đi là sao?

Nước Nam ta chẳng đời nào thấy tuyết, vậy mà trong thơ nôm, thường thấy có những chữ *tuyết phũ*, *tuyết ngâm*, thì thật là láo quá! Họ không sợ làm vậy rồi con cháu đời sau nó đọc đến, nó tưởng đời chúng ta đây có tuyết mà đến đời chúng nó không có!

Chương-dân thi thoại

(Nhà in Đắc-lập, Huế, 1936)

PHẠM QUỲNH 范 璞

163.— Cách lẽ phép của người mình

Người ta ở trong xã-hội, trong khi giao-tế với nhau, cần phải có lẽ-phép, dấu đời với người cao hơn mình, người ngang bằng mình hay người thấp kém mình cũng vậy, kẻ khôn-khéo thời tùy-nghi mà già-giảm, nhưng bao giờ cũng phải có lẽ-nhượng mới là người có giáo-dục. Nhưng giữ lẽ phép không phải là tự làm đê-hạ mình đi mới là tôn-trọng kẻ khác, không phải là tự nằm rạp xuống đất hay uốn gầy mình làm đôi mới rõ là mình kính-trọng người ta. Cách lẽ-phép như vậy thời một là già-dối, hai là đê-hèn, đều đáng khinh-bỉ cả, tướng người được hưởng sự lẽ-phép ấy nếu biết cũng nên khinh trước mới là phải. Xét trong cách lẽ-phép của người mình phần nhiều như thế cả. Đời với người dưới thời đã tuyệt-nhiên không có chút lẽ-phép gì, thường lấy sự thô-bỉ tàn-nhẫn mà dài kẻ kém mình, đời với người trên thật đê-tiện quá chừng. Rụt-rè, khúm-núm, gãi đầu, gãi tai, bẩm bẩm thưa thưa, vâng vâng dạ dạ, coi lời ăn tiếng nói, dáng đứng cách ngồi, tướng phàm người biết trọng cái phẩm-giá con người không ai tự hạ đến thế. Mà thật những người ấy không biết lòng danh-dự là cái gì. Lòng danh-dự là biết tự-trọng mình, trọng cái nhân-cách của mình: người ta là người, mình cũng là người, không có lẽ một người đời với một người mà phải tự coi mình như con giun, con đê, dấu người kia có oai-quyền thế-lực đến thế nào nữa mặc lòng. Vả lại muốn biểu dương cái lòng tôn-trọng với người: tự-hạ mình đi là làm hạ giá cả cái lòng kính-trọng của mình, không

những thế, tức là khi người ta nữa, vì tự hờ như cho người ta là hép lượng lấy những cách khum núm quy-luy của mình làm chán thành vậy.

Danh dự luận

(Nam-phong tạp-chí, số 25 tháng 7-1919)

164.— Triết-lý của đạo Phật

Trung-tâm đạo Phật là thuyết về luân hồi, nghĩa là vạn-vật đã vào trong vòng sinh tử thời cứ sống đi chết lại mãi mãi, không bao giờ dừng, cũng như cái bánh xe đã quay thời càng quay càng tít, không bao giờ dừng. Theo thuyết ấy thời đã sinh ra tất phải chết đi, đã chết đi tất phải sinh lại, sinh tử, tử sinh, vô cùng vô hạn, hết đời nợ đến đời kia, hết kiếp này đến đời khác, chữ phạt gọi là *samsara*, chữ Tàu dịch là luân hồi. Nhưng những đời đời kiếp kiếp, tử tử sinh sinh ấy là làm nhân quả lắn cho nhau, không phải là vô bằng, vô cứ ; các việc xảy ra ở đời này là sự thường hay sự phạt những việc đã xảy ra trong kiếp trước, và là nguyên nhân mầm mống những việc sẽ xảy ra về kiếp sau. Đạo Phật gọi phép báo ứng ấy là nghiệp báo (*karma*). Nghĩa chữ nghiệp báo là vừa chỉ các việc làm, vừa chỉ cái kết quả việc ấy sau này. Nay đệ nhứt đề gọi « khổ đề » (1) là thế nào ? — Chính là phép khóc hại nó bắt chúng sinh cứ phải chết đi sống lại mãi, cứ phải qua hết đời nợ sang kiếp kia mà chịu những sự khổ não vô cùng, chính là phép luân-hồi vậy. Thành ra khổ (*dukha*) là một chữ đồng nghĩa với chữ nghiệp (*karma*), và khổ với nghiệp cũng lại là đồng nghĩa với luân-hồi, vì có nghiệp báo nên phải luân-hồi vì có luân-hồi nên phải khổ não, ba chữ bổ nghĩa lắn nhau, giải thích cho nhau, và là ba cái động lực rất mạnh gây ra cái thế-gian « hưu tình », cái cõi đời khổ nạn này...

Cơ-mẫu đã như thế, thời người trí-giả phải mưu tính thế nào ? Chắc là phải tìm cách ngăn ngừa sự luân-hồi, trả át-cái phép khóc hại ấy cho không thi hành được nữa. Nếu có thể tiêu-diệt được nghiệp báo thời tiện thi là ngăn cấm được luân-hồi, thoát khỏi được vòng sinh tử, cùng tránh được hết những sự khổ não nó đi kèm với cái sống cái chết, và trong một khoảng từ khi sinh ra đến khi chết đi tiếp tục nhau.

mà bày ra cái cuộc đời rất sầu thảm này. Đã ngăn cấm được sự luân-hồi thời không có sống, không có chết nữa. Không sống, không chết, đạo Phật gọi cảnh ấy là nát-bàn (*nirvâna*), nghĩa là chốn an ổn vô cùng, tịch mịch vô cùng. Nhờ vậy thời đệ-tam đế (2) gọi là diệt đế (*nirodha*) tức là nát-bàn ; diệt với nát-bàn, hai chữ đồng-nghĩa, vì nát-bàn là cái kết-quả trực-tiếp của sự tiệt-diệt : diệt được khổ-não, tiễn-thị là nhập nát-bàn vậy.

Phật-giao lược khảo

(Nam-phong tạp-chí ; số 40, tháng 10-1929)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Đệ-nhất đế*, (2) *Đệ-tam đế* : xem phần thứ nhất Năm thứ nhất, Chương thứ VI. Bài đọc thêm số 1.

165.— Tính cách chung của văn-chương Pháp

Hai thời đại trước-danh nhât trong văn-học sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời cổ-diển, thế-kỷ thứ 18 là đời cách-mệnh. Các nhà làm văn đời cổ-diển chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một « giông rất hú-hoang, uyển-chuyển, tạp-đẹp » (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khóe ăn ở của nó, để tìm cách mà chữa dạy. Vì các nhà ấy thông-tỏ cái tâm-tính con người ta mà biết rằng người ta tính bẩn ác, nếu không kiềm-chế những cái dục-tinh sảng-lại thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-dích vì xã-hội có duy-trì được lòng người có kiềm-chế được thì người ta cùng xã-hội mới được sung-sướng. Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chưa đời, chủ sự ích lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực hành vậy. — Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời cách-mệnh cũng chỉ nghiên-cứu một cái vấn-de về sự hạnh-phúc của người ta, nhưng khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc & sự kiềm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc & sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời này xướng người đời tính vốn lành.

Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khố-sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đỗ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội mà tán-tụng đời cổ-so là cái « hoàng kim thời đại » của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái-ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải cái tôn-chỉ cũng là giống nhau không? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là vị cái nhân-đạo vậy...

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tính cách hay nhất: một là phân-minh, hai là giản-dị, ba là thành-thực. Ba cái tính-cách ấy cũng là cái bối nhán-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý làm văn thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giắc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mồi khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vì người hơn vị mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhát là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mộc-mạc thế mà đem diễn ra đâu; còn suy đi nghĩ lại, chất-lọc chung đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành lời; cái lời văn ấy cũng không phải là cầu-thả, thực là chải-chuốt trau giũa cho nó rất vấn-tắt, rất giản-dị, rất phân-minh, khiến cho người đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. Cái danh-dự ấy thực là xứng-đáng vậy thay!

*Bản vở văn-minh học-thuật nước Pháp
(Nhà-phong tạp-chí, số I, tháng 7 - 1917)*

166— Vườn Luxembourg ở Paris

Vườn này rộng độ hai mươi lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công-viên đẹp-nhứt ở thành Paris. Kiểu vườn là kiểu đời Phục-hưng (*Renaissance*) đồng-thời với cung *Luxembourg* ngày nay làm nhà Thượng-nghi-viện. Trong

vườn nào là tượng đá, nào là bể nước, nào là chiếu cỏ nào là thảm hoa, quanh mình rặt những hình - tượng đẹp, màu sắc tươi cả, thật như một bức gấm tröm hoa. Cây lớn thời toàn là những cổ - thụ hai ba trăm năm tröm thẳng băng tùng dãy dài, dưới có lối đi cho khách bộ du. Đẹp nhất là những thú dương-ngô-đồng (cây vông tây : *platanus*) lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghị-viện mà trông thẳng ra, tưởng không cảnh gì đẹp bằng, cực - mục như một tấm gấm. tấm lụa giải thẳng cho đến kỳ - cùng & giữa hai rặng cây xanh rậm, vì trước mặt vườn Luxembourg này lại thông với vườn Thiên-văn-dài, nên coi nó lại càng man-máu nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công viên như thế này, thật cũng khéo quá : không khác gì như lấy những cỏ hoa cây cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gấm tröm hoa, để cho khách ưu-du thường ngoạn. Mà trong cuộc ưu-du vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh mình không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi họp cả tượng các bà danh-phi liệt-nữ của nước Pháp thời xưa.— Nhưng trong vườn Luxembourg này có một chỗ thanh-thú nhất, là nơi gọi là *Fontaine Médicis*, có cái bể băng đá hình bồ-đục, bên trong có một bức chạm tích thần-tiên Hi-lạp ngày xưa, bốn bể toàn những ngô - đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu ríu rít, rõ ra một cái cảnh lâm-tuyễn mà lại có tay khéo của người ta tô điểm. Hai bên có hai dãy ghế cho khách du ngồi thường - ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này ngồi đến thâu giờ tan buối, tho-thần một mình, không phải là những người trong trường náo-nhiệt ; phần nhiều là những hạng thi-nhân họa-khách cũng như những bậc thiều-phụ nhàn-sầu, đến đây để tiêu-sầu khiền-hưng. Mà cảnh êm-dềm người lặng lẽ, cho đến nỗi chim sẻ tùng đàn lượn qua trước mặt, đậu tận bên mình cũng không sợ.

Ba tháng ở Paris (tháng 5 — 7 năm 1922)

(Nam-phong tùng-thư.)

Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x.b., 1927)

**167.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng
và quan-niệm người « chính-nhân »
trong cổ văn Pháp**

Trong khi nghiên-cứu về người quân-tử trong đạo Khổng, tôi có tự hỏi không biết Tây-phương từ xưa đến nay có cái quan-niệm nào giống như thế không. Khổng xét đến thượng-cỗ Hi-lạp La-mã, nhân đọc lại các cổ-văn nước Pháp, tôi lấy làm lạ thấy cái quan-niệm người « chính-nhân » (*l'honnête homme*) về thế-kỷ thứ 17, có nhiều điều giống như người quân-tử của đạo Khổng. Người « chính-nhân » của Pháp cũng như người « quân-tử » của Tàu, cũng vui lè phải hơn cả, chuộng điều-độ, ưa trật-tự, thờ Chính-lý làm phép chung của vũ-trụ, ghét những cái gì là quá-đáng, không tự-nhiên.

Cái quan-niệm « Chính-lý » của các nhà làm sách Pháp về thế-kỷ thứ 17 chẳng là giống như hệt với cái quan-niệm « Thiên-lý » của các nhà triết-học Tàu dư ? — MALEBRANCHE nói rằng : « Chính-lý soi sáng cho loài người là trí-tuệ của Thiên-chúa... Như tôi đau đớn, người ngoài không cảm được cái đau của tôi ; đến như cái chân-lý mà tôi quan-niệm, thì ai cũng có thể quan-niệm được như tôi... Nhờ có chính-lý, tôi có thể cảm-thông được với Thiên-chúa (nhà triết-học Tàu thì nói là Trời), cùng với cả các giống thông-minh ở đời, vì các giống có linh-tính cùng với tôi đều có một cái dây liên-lạc chung, một cái phép-tắc chung là Chính-lý vậy » . — Cái « chính lý » của MALEBRANCHE đó, có khác gì cái « đức sáng » (*Minh đức*) của Trời phú-bẩm cho mọi người, như trong *Đại-học* đã nói vậy ?

Chính-lý là luật thiên-nhiên của vạn-vật đem ra ứng-dụng thời là lè phải hàng ngày, theo lời nhà triết-học DESCARTES là « cái của ở đời chia đều hơn cả ». Trong « Phương-pháp-luận » của ông cùng những thư-trát ông viết cho bà Công-chúa ELISABETH, ông thường nói đến « người lương-thiện là người làm việc gì cũng theo như chính-lý ». Người « lương-thiện » ấy, đời bấy giờ gọi là người « chính-nhân » (*l'honnête homme*), há chẳng giống với người « quân-tử » trong đạo Khổng như hệt dư ?

DESCARTES lại nói rằng : « Phàm cư-xử, tôi muốn bao giờ cũng theo những ý-khiến trung-bình, không thái quá, không bắt cập, xét chung quanh mình, người nào là người khôn-ngoan biết điều thường hay theo thì tôi theo. » — « Như có nhiều cái ý-khiến thiên-hạ cùng theo cả, thời tôi chỉ chọn cái nào là trung-bình hơn nhất mà theo, một là bởi ứng-dụng ra nó tiện, và cũng có lẽ tốt hơn, vì lệ thường cái gì quá đáng vẫn không hay, hai là vì làm như thế thì không sợ sai đường chính bằng giá mình chọn bên này mà thành ra bên kia mới phải vậy... »

Nghe mấy lời đó, ai không bảo là một thầy học-trò cụ Khổng đương bàn về đạo « trung-dung » ? Đạo « trung dung » là gì, chính cái « lẽ phải phải-chẳng (raison raisonnable) kia, nó « thường hay tránh chỗ cực-doan, mà muốn cho người ta có đạo-đức cũng đạo-đức cho có chừng » như lời PHILINTE trong hài kịch « Người chán đời » của MOLIÈRE vậy.

Giá cứ so-sánh được như thế mãi cũng hay, có thể dẫn sách MOLIÈRE, BOILEAU, CORNEILLE cả RACINE nữa, tuy văn ông mô-tả những cái dục-tình rất mạnh, mà vẫn giữ được điều-dộ, vẫn có phong-thể, vẫn hợp lẽ phải lắm. Nay nhân tiện đây nói qua cho biết người « quân-tử » Đông-phương với người « chính-nhân » Tây-phương có điều giống nhau là như thế mà thôi.

Thế là nghĩa làm sao, há chẳng phải là tuy văn-si nước Anh KIPLING có câu chán đời rằng : Đông-phương với Tây-phương khác nhau, vạn-cỗ không bao giờ gặp nhau được, nhưng kỳ thực Đông Tây không đến nỗi xa cách nhau như thế ? Đông-phương và Tây-phương từ xưa đến nay đã cùng ngã ra được một cái kiểu-mẫu làm người điều hòa tốt đẹp, giá nhiều người theo được như thế, thời cõi đất này sẽ thành chốn bồng-lai cho một cái tân-nhân-loại & vậy.

*Cái quan-niệm người quân-tử trong triết-học đạo Khổng.
(Nam-phong tùng thư.—Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán x.b.1928)*

168.— Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam

Muốn cho bọn tân-thượng-lưu nước Nam bây giờ có thể hưởng-thụ được văn-hóa Pháp cho ích-lợi, lại có thể giúp cho nước cũng nhờ đó mà chấn-chỉnh được tinh-thần trí-thức, thời cần phải tự mình

nhiệm-chân lấy mình, phải bỏ cái thái-độ tiêu-cực như bây giờ, phải tỏ ra biết suy-nghĩ phán-doán, có tư-cách đặc-biệt, đối với văn-hóa ấy cũng như đối với các trạng-thái khác của văn-minh đời nay, phải xem-xét cho kỵ-càng, nhiệt-thành mà không háo-hức, tin theo mà biết phẩm-bình, có thể thời mới hiểu rõ và dần dần tiêm-nhiễm lấy được. Phải biết rằng văn-hóa nước Pháp có thể làm một cái động-cơ rất mạnh trong sự-nghiệp cải-tạo nước Nam sau này, nhưng muôn cho được hoàn-toàn hiệu-lực, thời cần phải có mấy cái tư-cách mà người mình hãy còn thiếu. Những tư-cách ấy phải gây lấy cho được. Nghĩa-vụ chúng ta ngày nay là phải chấn-chỉnh lấy cái hồn Việt-Nam của ta để có thể theo phong-trào mới mà cải-cách duy-tân vậy.

Trong cái sự-nghiệp chấn-chỉnh tinh-thần đó, văn-hóa Pháp có thể giúp cho ta được nhiều lầm. Đây không cần phải tán-dương những cái hay của văn-hóa ấy. Trong thế-giới thiều gì những bậc danh-giá đã từng ngợi-khen nhiều lần rồi. Mới đây công-sứ Hòa-lan & Paris làm lễ đặt viên đá thứ nhất cho nhà học-hiệu Hòa-lan & Xóm Học-sinh, có tò lòng cảm-phục cái tinh-thần học-thuật nước Pháp như sau này :

« Chỗ này là chỗ học-sinh vạn-quốc đến tụ-hội, sẽ được nhờ tinh-thần nước Pháp truyền cho mấy cái tính tốt, như tính sáng-sủa, đích-xác, lý-luận, phong-phú, là những đặc-tính của một nước về văn-học đã sản-xuất được những bậc đại-danh như Montaigne, Descartes, Pasteur, Berthelot, Branly. »

Lại ngay sau khi chiến-tranh, mấy học-giả nước Mỹ có nói riêng với giáo-sư Bergson một câu rằng :

« Cách dạy học của người Pháp, chúng tôi ưa nhất có hai điều : một là bài giảng của thầy giáo bao giờ cũng có mạch-lạc sáng-sủa lắm ; hai là khéo khiết cho học-trò, không những là học-sinh trường lớn mà cả học-trò trường nhỏ nữa, phải thường-thường suy-nghĩ biền-báo luôn. »

Sáng-sủa, đích-xác, có lý-luận, có kết-cấu, hay sáng-nghĩ, hay biến-

báo, đó chẳng phải là những tính-cách mà trong tâm-trí người Việt-nam ta hiện hây còn thiếu dữ? Tính-cách ấy, văn-hóa Pháp có thể đào-huyễn cho ta được. Nếu ta biết khéo lợi-dụng, thời quoc-hồn Việt-nam của ta sẽ được nhờ đó mà phong-phú thêm lên, tức là cái diềm nước Nam có cơ tái-tạo vậy.

*Văn-hóa Pháp đối với tiền-dò nước Nam
(Nam-phong tạp-chí, số 1247, tháng 2-1930)*

169.— Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo

Có thể nói cả cái dời luân-lý của dân-tộc Việt-nam là hún-dúc bằng đạo Khổng, nói thế không phải là nói quá vậy. Những lời huấn-đu, những lời cách-ngôn của ông Đại Hiền-Triết vừa là Socrate vừa là Lycurgue của xã-hội giống da vàng, trong hai ngàn năm đã tiêm-nhiễm tâm-hồn người Việt-nam và đã sáp-nhập vào cái kho trí-thức của dân-chúng xú này.

Nay luân-lý đạo Khổng không phải là một lý-thuyết bằng không mà kết-cấu ra, chính là nguồn gốc của sự thực hiển-nhiên của lẽ thường người ta, căn-cứ ở đạo *hiếu* và đạo *trung*, hiếu với trung là gốc của gia-dinh, của tổ-quốc, và gia-dinh với tổ-quốc là hai cái hiện-tượng hiển-nhiên, ai ai cũng phải công-nhận vậy.

Người ta là một giống ở xã-hội, Aristote thì nói là một động-vật sinh-trưởng ở xã-hội. Cái thiên-tính của người là phải ăn ở trong xã-hội, trong xã-hội những kẻ đồng-loại với mình. Cái xã-hội thứ nhất sau khi lột lỏng mẹ ra là gia-dinh; căn-cứ ở máu-mủ. Xã-hội này lại thuộc một xã-hội lớn hơn căn-cứ ở đất nước, gọi là tổ-quốc. Cả « nhân-luân » là ở giữa hai cái đầu mối đó : gia-dinh, tổ-quốc. Tưởng rằng cá nhân có một địa-vị gì là tưởng lầm : cá-nhân không có gì cả ; cá-nhân chỉ có địa-vị là ở trong phạm-vi gia-dinh, & trong phạm-vi tổ-quốc mà thôi.

Phạm xã-hội phải có trật-tự. Không có gì gọi là bình-dâng cả. Auguste Comte đã nói : « Chính tạo-vật đã tổ-chức loài người theo lẽ tôn-ti sai-biệt. » Vậy thời gia-dinh với quốc-gia phải có chủ : gia-trưởng là cha, quốc-trưởng là vua. Hai bậc đó bản-thể không có sai-biệt : chỉ có sai-biệt ở trật tự mà thôi. Bỗn-phận của mỗi người đối với cha là

hiểu, bốn-phận của mỗi người đối với vua là *trung*. Đó là hai mối tình-cảm thâm-trầm mà sự giáo-dục phải khai-phát ra trong lòng người, vì đó chính là nền tảng của gia-dình, tổ-quốc vậy. Không có hiểu thì không có gia-dình được, không có trung thì không có tổ-quốc được, vì gia đình với tổ-quốc không phải hai cái danh-từ trùu-tượng để nêu lên làm khẩu-hiệu mà thôi, chính là hai hiện-tượng có sinh-hoạt mà nguồn gốc là tự trong thâm-tâm người ta vậy.

Cố-nhân ta đã có câu rằng : *Xuất mẫn hoài tiễn thị hưu quân thắn*, nghĩa là ở trong lòng mẹ ra đã có nghĩa vua tôi với cha con rồi.

Nghĩa đó là nghĩa tùy-thuộc, nghĩa phục-tòng cái trật-tự thiên-nhiên nó chi-phối sự sinh-hoạt của đoàn thể. Con người ta mới sinh ra đòi bé-nhỏ yếu-ót đã có ngay một hoàn-cảnh, một cái phạm-vi sẵn-sàng để đón lấy, che-chở cho, bênh-vực cho. Lý tự-nhiên là đem mình sáp-nhập vào phạm.vi đó, tùy-thuộc vào cuộc sinh-hoạt chung của đoàn-thể. Không những nghĩa phải như thế, lợi cũng khiển nên như thế. Vì cuộc sinh-hoạt chung đó vẫn đã có trước-mình từ bao giờ, và sẽ còn có sau mình biết bao lâu nữa. Mình có nương tựa vào đó, có sáp-nhập vào đó, thì mới có cơ sinh-hoạt tồn-tại được, chứ không phải tự-phụ đem cái cá-tính đơn-độc của mình mà ngang-nhiên phản-đổi lại được, cá-tính nọ cũng như cá-nhân kia là hão huyền không có cả.

*Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp
và khôi-phục cỗ-diển ở nước Nam*
(Nhà in Đắc-lập, Huế)

170.— Nền luân-lý cỗ của dân-tộc Việt-Nam

Thờ gia-dình, mến tổ-quốc, phụng tổ-tiên, tôn cỗ-diển nhũng tình-cảm đó nhờ giáo-dục vun trồng, thói quen bồi-đắp, văn-chương cùng phong-tục cỗ-lệ tán-dương, dần dần tạo thành cho người nước Nam một cái thần-trí vững-vàng ngay-thẳng, một cái tâm-địa chắc-chắn điều-hòa, một cái hồn-tính thiết-thực và kiên-toàn, có lẽ không được bay bổng cao-xa lắm, nhưng gấp khi quan-hệ đến vận-mệnh gia-dình tổ-quốc thì cũng có thể tận-tụy hi-sinh được. Lòng hiểu thảo trong đạo cha con, lòng tiết-nghĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung-thành với nhà vua

là trạng-thái đặc-biệt của lòng ái-quốc người Việt-Nam, cỗ-lai vẫn gây nên những bức anh-hùng liệt-nữ, hoặc hiền-bách, hoặc vô-danh, hoặc tên đẽ chói-loi trong sử-sách, hoặc việc chép lưu-truyền trong gia-phả, hay chỉ còn đẽ lại cái bài-vị trong một gian miếu nhỏ nấp dưới bóng tre xanh. Lòng vị-nghĩa đó có khi siêu-việt đến bậc tuân-tử một cách oanh-liệt. Như việc, Võ-Tánh và Ngô-Tòng Châu tuân-tử ở thành Bình-định vậy.

Một người thời :

Chén tân-khổ nhắp ngon mùi chính-khí,

Một người thời :

Ngọn quang-minh hun mát tấm trung-can,

Nhưng đó là những bậc anh-hùng có đóng vai quan-trọng trong lịch-sử. Ngoài những bức đó, còn biết bao nhiêu những người nữa, và trong những người đó thiểu chi người đàn-bà, âm-thầm lặng-lặng mà can-dảm quyền-sinh để giữ tròn danh-tiết. Cho nên có câu thơ :

Khẳng-khai cẩn vương di,

Thung-dung lựu nghĩa nan.

Như vậy thời cái luân-lý cỗ thoát-thai ở đạo Khổng mà ra đó một phần cẩn-cứ ở thiên-nhiên, — là máu-mủ và đất nước, — một phần cẩn-cứ ở lịch-sử, — là sự kinb-lịch của đời trước, — rất là hợp-lý lắm, không có mâu-thuẫn chút nào với tư-tưởng đời nay, và rất có thể khôi-phục lại để làm cơ-sở cho sự sinh hoạt về đạo đức của dân-tộc Việt-nam này. Luân-lý ấy không phải là một lý-thuyết trừu-tượng ở trong sách cổ đâu ; những điều giảng dạy của luân-lý ấy đã tiêm-nhiệm sâu-xa cả thường-lưu cùng quần-chúng trong nước vây. Những danh-tử dùng để chỉ các quan-niệm cốt-yếu của luân-lý đó, như : tam-cương, ngũ-thường, quân-tử, tiễn-nhân, tam-tòng, túc-đức, v.v... đã thâm-nhập vào tiếng nói của bình-dân từ bao giờ đến giờ ai ai cũng hiểu rõ và ai ai cũng thường dùng vây.

*Công-cuộc chấn-chỉnh quốc-gia ở nước Pháp
và khôi-phục cỗ-diền ở nước Nam*

TRẦN TRỌNG-KIM 陳仲全

171.— Tôn-chỉ đạo Khổng

Khổng Phu-tử ngắm cảnh-tượng của tạo-hóa mà xét việc cổ-kim, đạt được cái kẽ biến-hóa của trời đất. Ngài muốn người ta theo cái đạo ấy mà hành-động, khiển cho nhân-sự và thiên-lý cùng thích-hợp với nhau theo đạo thái-hòa trong vũ-trụ. Ngài tin rằng người ta sinh ra đã bẩm thụ cái lý-khí của trời đất, tất là cùng với trời đất có thể tương-cảm tương-ứng với nhau được. Sự tương-cảm tương-ứng ấy lúc nào cũng có, nhưng khi ta để lòng tư-dục mạnh lên, rồi chỉ dùng lý-trí mà tính toán những điều hơn-thiết riêng của mình, thì cái tinh-thần rời loạn đi, cái trực-giác thành ra ám-muội, đâu có cảm-ứng ta cũng không biết được. Nhưng nếu ta biết nén cái tư-dục xuống, giữ cho lúc nào cũng có cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì cái trực-giác thành ra mẫn-nhuệ, trong cái gì thấy ngay được đến phần rất sâu-xa, u-ẩn.

Giữ được cái thái-độ điều-hòa và cái bình-hành hoàn-toàn, tức là giữ được cái trung. Cứ ở trong cái trung ấy mà hoạt-động, mà lưu-hành theo thiên-lý, rồi cứ đòn-đốc cái tình-cảm cho thật hậu, thì tất là đến bậc nhân. Người nào tu-duong đến bậc nhân, thì cái tinh-thần rất hoạt-động, xem xét điều gì cũng biết rõ thực hư, và sự hành-vi bao giờ cũng hợp với đạo thái-hòa của trời đất. Đã nhân mà lại thành, là bức thành. Thành là chân-thực, đúng như cái lý tự-nhiên của trời đất. Người chí-thành tức là người đã khiển mình trở nên thuần túy như cái nguyên-tính của Trời phú cho, thì tự-khắc biết được hết cái tính của muôn vật và có thể giúp sự hóa-dục của trời đất mà sánh ngang với trời đất. Bởi thế cho nên mới gọi là thánh. Cái tôn-chỉ đạo Khổng rút lại chỉ có thể mà thôi. Còn những điều hiểu, nghĩa, lẽ, trí, trung, tín, đều bởi đây mà ra cả.

Cứ như ý-kien của Khổng Phu-tử, thì vạn-vật ở trong vũ-trụ cứ biến-hóa theo lề điều-hòa và lề tương-đối mà lưu-hành mãi mãi, không lúc nào nghỉ. Thiên-đạo đã không nhất-định, thì ở đời có việc gì là việc nhất-định được. Vậy ta cứ nên tùy thời mà hành-động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy cái thái-độ điều-hòa, cái bình-hành hoàn-toàn, thì sự hành-vi của ta bao giờ cũng được trung-chính. Làm việc gì cũng

giữ cho trung-bình, vừa phải, không thái-quá, không bất-cập, ấy là theo cái đạo trung-dung rất phải rất hay. Phu-tử đem cái tôn-chỉ ấy mà lập thành một cái đạo *nhân-sinh triết-học* là cái đạo luân-lý rất êm-ái, rất hòa-nhã, đủ là cho người ta có cái-về thư-thái vui thú, không có những điều lo sợ buồn-bã.

Nho-giáo, Quyển I

(Hà Nội, Bản in Trung-Bắc tân-văn, 1930)

179.— Luân-lý của Đạo-giáo

Lòng người ta bao giờ cũng phải không-không, việc gì cũng không lấy làm thiết, chỉ nhất tâm giữ lấy được tinh, như thế là có thể gần với đạo được. Thường có bô hết được những cái lòng ham muốn, thì mới biết được những cái huyền-diệu của Đạo, chứ hễ còn có lòng ham muốn, thì chỉ biết được ngọn mà không biết được đến gốc, chỉ biết được những cái kết-quả ở đời, mà không biết được đến nguyên-nhân sâu-xa của muôn vật 常無欲以觀其妙, 常有欲以觀其微 (1). Nếu chỉ biết được những cái ngọn mà thôi, thì cái biết của mình có ích gì đâu vì những sắc mà mắt mình trông thấy, những tiếng mà tai mình nghe thấy, những vị mà miệng mình nếm thấy, sự vui mừng, sự ao-ước, lòng ham danh-lợi v.v... đều làm loạn cái tinh-thần của mình. Vì thế cho nên thánh-nhân chỉ lo cái bụng cho no mà thôi, chứ không cần đến những cái áo-hình áo-tuфтng làm gì.

Và lại chịu khó-nhoc làm công nợ việc kia để hao thần tổn-trí để làm gì? Có việc gì là việc được lâu dài, không? Cơm gió to cũng không thổi luôn được buổi sáng, trận mưa lớn cũng không suốt được cả ngày: mưa gió là việc của trời đất, mà trời đất còn không làm việc gì được lâu dài, huống chi người ta muốn làm việc lâu dài làm sao được. Vậy 爲無爲, 事無事, 味無味, 大小多少報怨以德 (2) thánh-nhân chỉ nên làm những việc không làm, lo những việc không lo, thích những việc không thích, lớn nhỏ nhiều ít cũng cho như nhau, không lấy làm hơn kém gì cả, đối với người thì lấy đức mà báo oán, nghĩa là người ta làm điều ác cho mình,

thì mình làm điều lành mà báo cho người ta, chứ không đem lòng thù-oán ai. Ta phải biết rằng: 少則得, 多則惑, 是以聖人抱一為天下或 (3) hễ người ta chỉ lưu-tâm vào ít thì được, muốn nhiều thì hỏng, cho nên thánh-nhân chỉ cốt lấy một việc là chăm-chăm về Đạo mà thôi, nghĩa là giữ yên-tĩnh trong sự vô-vi, để làm gương cho thiên-hạ, thế mà đắc-đạo...

Làm người & đời thì bao giờ cũng nên giữ lấy ba điều làm quý: 一曰慈, 二曰儉, 三曰不敢為天下先 (4) một là từ, tức là lòng nhân-ái, hai là kiệm, tức là giản-dị không xa-xỉ; ba là không dám tranh hơn ai, tức là lòng khiêm-nhuong. Có ba điều ấy thì không có đánh nhau giết nhau, không hoang-phí, không tham danh-tham lợi, ai cũng như thế cả, thì việc gì mà không thái-bình yên-trị.

Và chẳng, cạnh tranh mà làm gì, danh-lợi mà làm gì, chẳng qua ai thì cũng cần lấy sự an-nhàn sung-sướng mà thôi. Mà cái đó mình có thể tự mình tìm thấy được. Hễ mình biết tri-túc thì không việc gì mà phải bị những sự lâm-lụy khổ-sở. Đã tri-túc là đã giàu rồi 知足者富 (5); cần gì nữa phải vất-vả khó-nhọc để cho lụy đến thân...

Tóm lại mà xét, cái luân-lý của lão-tử là cốt lấy thanh-tịnh, vô-vi, cái gì cũng để theo lẽ tự-nhiên, không có phiền-phức điều gì cả, là người mờ đời được thế nào là hay thế, tự lấy thế làm sung-sướng, không tham danh-lợi. Đời với người thì không nên kết-thù kết-oán, cốt lấy lòng từ-ái mà giao-thiệp với nhau. Bất kỳ việc gì cũng lấy ơn mà trả thù. Cho cái cảnh đời là một cuộc tuần-hoàn xoay đi chuyền lại đâu đâu rồi cũng trở về cái nguyên-lý độc nhất, tức là Đạo. Sự sống sự chết cũng do cái lẽ tuần-hoàn ấy mà ra, không nên quan-tâm làm gì, cứ ung-dung tự-tiện để mặc tạo-hóa theo lẽ tự nhiên mà biến-đổi.

Cái luân-lý ấy có phần rất thanh-nhã cao-thượng, nhưng chỉ phải một điều nó khiến người ta không thiết đến cái gì cả, nó hủy mất cả cái nghị-lực, và sự cỗ-gắng của giống người, là hai cái yếu-diểm cho sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội.

Đạo giáo (Đạo Lão-tử)

(Nam-phong tạp-chí, số 67, tháng giêng 1923)

CHÚ-THÍCH.—(1) *Đạo-dúc-kinh*, chương I.—(2) *Đạo-dúc-kinh*, chương 63.—(3) *Đạo dúc-kinh*, chương 22.—(4) *Đạo-dúc kinh*, chương 67.—(5) *Đạo- dúc-kinh*, chương 33.—(*Lời chú-thích của tác-giả*).

NGUYỄN VĂN-NGỌC 阮文玉

173.—Tư-tưởng Lão, Trang trong những bài hát nói

Hầu hết các cụ xưa bỏ buộc với Luân-thường, giam-hàm trong Khổng, Mạnh, xuất thân chỉ có một đường khoa-cử, vật-lộn chỉ trong một trường sĩ-hoạn, cho nên các cụ chỉ lắn-lóc chen-nhau trong cái phạm-vi hẹp-hội không hề để cho tâm-trí lảng-mạn sa lạc vào đâu, sợ mang tiếng rằng ra ngoài vòng danh-giáo. Hết Tứ-Thư là đến Ngũ-Kinh, hết Ngũ-Kinh lại đến Tứ-Thư, ngoài chín cái quyền sách đã như là sách bói, sách ước để đi thi, để đỗ-đạt vê-vang, để làm nên công-hầu khanh-tướng ấy, là các cụ không muốn biết, không dư thời-giờ đọc quyền nào khác, các cụ đặt tên gọi là «sách ngoài» khác nào như đời bây giờ cho là «sách cẩm» vậy. Gián hoặc có một đôi cụ siêu việt khác người, tham bác ít nhiều kinh-kệ nhà Phật, bay tiêm-nhiêm lâu ngày tư-tưởng Lão, Trang thì các cụ đã cũng không biết đem những tư-tưởng khác lạ cao xa ấy mà phu-diễn, bộc-lộ vào đâu nữa. Học chỉ còn được cái đám văn gọi là nôm-na mách-qué, văn chơi, văn đưa, những lúc trà dư, túu hậu là còn mượn được để lấy cái cớ là tiêu sầu khiển-muộn đó mà thôi. Mà những văn chơi đưa lối nôm-na ấy, còn gì để chơi mà vui hơn là văn nhà trò.

Cho nên ta có thể nói được rằng phần nhiều các bài Hát Nói gần xa hay ít nhiều là có chịu ảnh-hưởng của Lão, Trang, là một cách ứng-dụng của sự xem đọc Lão, Trang hay các «sách ngoài» vậy. Vì có Lão, Trang, mà nhiều bài Hát Nói mới có cái vẻ phong-lưu, cái tính phóng-khoáng, cái chí cao-xa nhẹ-nhàng, cái giọng hùng-hồn khảng-khai vượt ra hẳn ngoài khuôn phép nghiêm-nhặt của Khổng, Mạnh.

Đạo-nương ca. Tập I, Hát nói và Hát múa

Việt-văn thư-xã

(Vĩnh-hưng-long thư-quán, Hà-nội. 1932)

HOÀNG NGỌC-PHÁCH 黃 玉 媚

174.— Trên bãi bê Đồ-sơn

Trên mặt bê mènh-mông, bát-ngát, sóng cuồn-cuộn tung lớp đuối nhau, chạy giòn vào bãi cát phẳng, nước tóe trắng phau-phau. Trên bãi cát dài hàng mấy nghìn thước phết-phói áo vàng, áo đỏ, áo trắng, áo xanh như buồm-buồm lượn; trẻ con reo, tiếng sóng vỗ, ồn-ào như tiếng chợ đông người...

Đến đêm, lúc người đã vắng... phong cảnh lại càng thêm bát-ngát. Trước chõ trời cao bê rộng, mình lại thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gọn bụi, như mây lông, lửng-lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh sợ, sợ cái tối vĩnh tối đại của Hóa-công. Nhưng, có một điều chúng tôi tự thấy hơn cái vô-cùng vô-cực đó, là chúng tôi có tri-giác biết Tạo-hóa là to, có tính-tình biết yêu nhau là sướng. Còn trời cao bê rộng mấy muôn ngàn vẫn tro-tro đó, ngọn sóng kia cư việc ào-ào suốt ngày nọ đến ngày kia, không biết mình là to lớn. Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát, rồi ngồi xuống những mỏm đá nổi lên ở gần bờ. Lúc đó, thủy-triều lên mạnh, chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh-thoảng bị con sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt...

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy, & đó chỉ nghe tiếng thông reo trên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngõi mà ngắm quang-cảnh, thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm-giác mơ màng như các con đồng ngõi trước điện nghe những tiếng đàn tiếng hát, người những mùi hương khói trầm thì ngà-ngà say và thấy trong lòng khoan-khoái vô-hạn...

Tờ-mờ sáng hôm sau... Lúc đó cả Đồ-sơn còn đương an giấc, mặt bê phẳng-lặng, gió hiu hiu hơi gọn sóng lăn-tăn. Ngoài xa lờ-thu những chiếc thuyền đánh cá, buồm trắng phết phor in vào mây rặng núi mờ xanh ở bên chân trời hung-hung đỏ. Trên bãi cát cũng phẳng-phắn chưa có một vết chân giẫm xuống: nước thủy-triều lên ban đêm đã rửa sạch những ghét rách phồn-hoa chiều hôm trước rồi.

*Tổ Tâm, Tâm-lý tiền-thuyết.
(Nhà in Chân-pbương, lià-nội, 1925)*

ĐÔNG-HỒ (LÂM TẤN-PHÁC) 東湖 (林進樸)**175.— Nhớ rằm tháng hai**

Non Bình-san (1) lững.lờ bóng nguyệt,

Nước Đông-hồ (2) man mác hơi may.

Cũng rằm năm ngoái tháng này,

Cũng trăng, cũng nước non này năm xưa.

Cảnh năm trước vẫn là năm trước,

Tình năm xưa đã khác năm xưa.

Này trăng, này núi, này hồ,

Mà người cùng ngắm bấy giờ là đâu ?

Chợt nhớ thuở trăng nhô đầu núi,

Dưới bóng trăng lùi-thùi bóng ai.

Bóng ai tha.thuốt cảnh mai,

Cành mai tuyết diêm, cành mai trăng lồng.

Ta cùng ai thong-dong dưới nguyệt,

Sẽ dang tay người ngọc thân-thơ.

Hồ Đông một vũng nồng sờ,

Non Bình một dãy tờ.mờ ngọn cao.

Em mới hỏi : « Trăng sao sáng tỏ,

Anh đáp rằng : « Trăng có dỏi ta »

Bây giờ em đã vắng xa,

Vàng trăng cũng vẫn chưa lòa bóng gương.

Áy mới biết trăng thường soi tỏ,

Mà lòng ta vẫn có với nhau.

Màn trăng cũng vẫn một màu,

Mà màu mai tuyết thế nào, đổi thay ?

Khóm lau lách lung-lay trận gió,

Khiến lòng anh nhớ chõ năm xưa.

Bóng ai trăng dãi thuốt-tha,

Tiếng ai gió thổi gần xa dỏi hỏi.

Nay vẻ tuyết chiều mai đã vắng,

Tiếng ai còn vắng-vắng bên mình.

Bụi hồng đã mồi mắt xanh,

« Xa-xôi ai có hay tình chàng ai ?

Đi về những lối này năm nọ,
Anh vắng em, anh nhớ xiết bao.

Non Bình này vẫn cao-cao,
Nước Hồ kia vẫn một màu xanh-xanh.
Ngơ-ngẫn mãi với tình non nước,
Nước cùng non đôi bức sầu treo.
Nước non non nước dùi-hiu,
Người xưa cản-lí cũ biết bao nhiêu tình t

Thơ Đông-Hồ.

(Văn-học tùng-thư. Nam-kỳ thư-quán, Hà-nội 1933)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Bình-san* : Tên một trái núi ở Hà-tiên.— (2) *Đông-hồ* : tên một cái hồ ở Hà-liên.

176.— Phong cảnh Cửa cạn ở đảo Phú-Quốc

Cửa-cạn về mặt tây đảo Phú-quốc, về phía bắc cách Dương-dông
vài ngót mươi lăm ngàn thước. Đi có hai thể, đi ghe có gió nam
thì thuyền xuôi, và đi bộ dọc theo bãi cát. Hôm nay không có gió
nam, đi thuyền chèo thì cũng được, nhưng sóng cồn chập-chờn lảo-
đảo không quen đi biển cũng khó chịu, vậy cùng nhau bỏ thuyền lên
bè, đi cho được nhẹ-nhang thong-thá. Vả cái thú đi chân mới sẽ phải
là cái thú của khách nhàn-du, mà thú thiệt. Tôi mới được ngắm cái
cảnh đẹp ở bãi biển lần này là một. Ở Hà-tiên cũng có bãi biển,
nhưng không được dài rộng thênh-thang bằng ở đây; già-dì ông Tạo-
hóa cũng khéo tô-diễn, trong cái cảnh rùng xanh biển lục, thêm cái
cảnh cỏ lạ hoa thơm. Bóng dương mờ-mờ, tư điều thưốt-tha diên-
cuồng trên ngọn gió; nước biển chập-chờn, làn sóng nhấp-nhô dào-
dạt trên bãi cát, chạy dài hàng mươi ngàn thước thỉnh thoảng điểm-
nhิêm có cái cảnh chòm cây khóm đá trông thanh-thú lầm. Mỗi một
cảnh là một bức tranh thủy-mặc con-con của các nhà danh-họa Tàu,
nét bút nguệch-ngoạc khô-kỳ đơn-sor mà thắn-diệu vô-cùng. Đi hết một
cái bãi cát lại phải đi lên trên ghềnh đá hay đi bên chân đồi, cho
mới biết ông Tạo cũng khéo xếp-đặt. Chứ nếu trong cảnh sa-mạc mà
không điểm cho cái cảnh cây cao bóng mát, để cho có lúc hăng-há
mà đi, rồi cũng có lúc thảnh-thơi mà nghỉ, thì khách lữ-hành còn biết
gì là thú ..

Xóm Cửa-cạn nhà cửa dân-cư ở tụ-tập theo hai bên bờ sông. Con sông xinh làm sao ! Thường đi chơi cũng gặp được nhiều cảnh sông cảnh rạch, nhưng chưa gặp được chỗ nào có cảnh đẹp bằng con sông ở Cửa-cạn này. Sông không rộng, có cầu cây bắc ngang, lối cầu chừa đoạn giữa để cho ghe thuyền qua lại. Chiều trời êm-ả, lên đứng trên cầu tựa vào lan-can mà trông, dòng nước trong như lọc, chảy từ-từ trong lòng cát trắng, hai bên bờ tùng túp nhà báo-ẩn bán-hiện trong khóm đước, dặng bần, càنه xòe mặt nước, bóng lộn dòng sông, hoa lá đều có vẻ hàn-nhuận, có chiều xinh-xắn. Dòng sông uốn quanh ra hữu-ngạn rồi mới ra biển, có cánh cồn cát chắn ngang, bóng dương lơ-thor dưới bóng trời cây bảng-lảng, trông thích quá, anh em bèn thuê chiếc thuyền chèo cùng nhau chờ thuyền đi chơi phiêm. Böyle giờ bóng dương đã nhạt, cây núi màu lam, vẻ trời sắc nước như có nhịp-nhang điều độ với nhau, chiếc thuyền từ-từ xuôi dòng sông, quanh ra cửa biển, tiếng gió thổi vào cành cây thủy-liễu du-duong lẫn với tiếng nước reo dưới dịp khê-kiều thánh-thót, rõ vê ra cái cảnh :

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ, cuối ghềnh bắc ngang.
Trời tây bảng-lảng bóng vàng.
Một gian nước biết mây vàng chia đôi.*

Thăm đảo Phú-quốc
(Nam-phong tạp-chí số 124, tháng 12 — 1927)

THIẾU-SƠN (LÊ SĨ-QUÝ) 豐仕貴

177.— Lối văn tả-thực

Gần đây, khắp văn-học thế-giới đâu đâu cũng có cái phong-trào tả thực. Mà cái phong-trào này là nguyên-lai tự cái trí-thức của nhân-loại nó đã tiến hóa theo khoa-học tới một cái trình-degree khá cao.

Nhưng tả-thực là thế nào ?

Tả thực là đem những sự mắt thấy tai nghe cho vào văn-chương sách vở. Nhà cổ-diễn chỉ tả những cái hiện-tượng đại-dồng của tâm-giới. Nhà

Nhà lâng-mạn chỉ tả những mối tình-cảm mơ-màng của thi-nhân. Còn nhà văn-học tả-thực thì chẳng chịu bỏ sót một cái gì mà không nói đến. Tâm-giới cũng tả mà ngoại-giới cũng tả. Cả những cái xưa nay người ta vẫn chê là tầm thường thô-tục không được nói vào văn-học mà nay cũng thấy họ đem làm tài-liệu cho văn-chương.

Trong phái tả-thực đã có người chịu khó trà-trộn vào những hạng lao-động thợ-thuyền, lẩn-quẩn ở những nơi đầu đường xó chợ, cốt để tìm-tòi học-hỏi cho biết cái sinh-hoạt của khắp các hạng người trong xã-hội. Hy-sinh vì chân-lý, khổ công cho văn-học, những đức-tính đó thật là đáng quý, đáng phục vô-cùng.

Nhưng ngoài ra ta lại thấy một cái tệ cũng rất nên đáng tiếc.

Tệ là những nhà văn-tả-thực thường có ý muốn phê-trương những cái xấu hơn những cái tốt, đem cái bể trái của xã-hội mà vẽ ra hơn là đem bể mặt của nó mà tâ-diễn.

Có lẽ họ cho rằng cái tốt trước đây đã có nhiều người nói đến thì cái xấu nay tới lượt họ phải trưng ra, cái bể mặt vốn bình-an vô-sự mà cái bể trái mới có lầm chuyện lý-thú ly-kỳ.

Đây cũng là một cái thiên-kiến. Mà đã là thiên-kiến thì đều là có hại.

Như ý tôi thì tả-thực là nên, nhưng phải tả hết cả sự thực, chờ không nên nói cái này mà bỏ cái kia. Nhân-loại không phải chỉ có những tụi trộm cắp, sát nhân, gian hùng, xảo-trá, mà cũng còn có người lương-thiện, có bậc anh hào, có kẻ phong-lưu hảo-hán, có dũng nghĩa-hiệp trượng-phu.

Tả đủ sự thực, tức là cách-vật trí tri. Ta có thể coi đây mà biết rõ được nhân-tình thế-thái, gần ra thì ở cái xã-hội của ta, xa ra thì ở cái phong-tục xứ người, mà cốt nhất là biết được cái bản-sắc của nhân-loại.

Cái bản-sắc của nhân-loại (*le fond humain*), chính là cái có trực-tiếp-quan-hệ đến ta.

Nhân-loại vốn đại-dồng mà tiểu-dis, thì nhân sinh đều nên hiểu biết lẫn nhau. Người cao-thượng, khách phàm lưu, kẻ giai-nhân đài các, tụi đàng-diễn chơi-bời, nhất thiết đều là những người trong nhân-loại thì nhất-thiết đều có chút ít giống ta.

Ta là người tầm-thường mà ta cũng có chút ít cao-thượng Ta là kẻ lương-thiện mà ta cũng có đôi cái yếu hèn, vì ta là người trong nhân-loại mà cái bản-sắc của nhân-loại là phức-tập ly-kỳ như vậy đó.

Nhà văn-sĩ có tài là người hay diễn-tả được cái bản-sắc đó ra cho ta coi đến mà biết người, biết mình, biết cái phần cao thượng của nhân-loại mà cảm phục, biết những chỗ yếu hèn của nhân-loại mà xót-thương, biết những cái cảm-giác đó mà phát-sinh những tư-tưởng thâm-trầm về cái nhân-sinh triết-học.

Phê-bình và cảo-luận

(Văn-học tùng-thư.— Nhà xuất-bản Nam-kỳ, Hà-nội, 1933)

THẾ-LŨ (NGUYỄN THÚ-LỄ) 阮 忒 禮

178.— Cây đàn muôn điệu

Tôi là người bộ-hành phiêu-lãng,
Đường tràn gian xuôi ngược đề vui chơi :
Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian-lao, trong giờ sung-sướng.
Khi phấn-dấu cũng như hồi mơ-tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm-than,
Cảnh thương-tâm, ghê gớm, hay dịu-dàng.
Cảnh rực-rỡ, ái ân hay dữ-dội.
Anh dù bảo : tính-tình tôi hay dỗi,
Không chuyên-tâm, không chủ-nghĩa : nhưng cần chi ?
Tôi chỉ là một khách tình-si,
Ham vẻ Đẹp có muôn hình, muôn thế.
Mượn lấy bút nàng Ly-Tao, tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phiếm, tôi ca.
Vẻ Đẹp u-trầm, dǎm-duối hay ngây-thơ,
Cũng như vẻ Đẹp cao siêu, hùng-tráng,
Của non-nước, của thi-văn, tư-tưởng
Dáng yêu-kiều tha-thướt khách gai-nhan ;
Ánh tung-bừng linh-hoạt nồng trời xuân ;

Vé sầu muôn âm-thầm ngày mưa gió ;
 Cảnh vĩ-dại sóng nghiêng-trời, thác ngàn đồ,
 Nét mong-manh, thấp thoáng cánh hoa bay ;
 Cảnh cơ-hàn noi nước động bùn lầy ;
 Thủ sán-lạn mo-hồ trong ảo-mộng ;
 Chí hăng-hái ganh đua đời náo động :
 Tôi đều yêu, đều kiêm, đều say mê.
 Tôi săn lòng đau vì tiếng ai bi,
 Và cảm khái bởi những lời hăng-hái.
 Tôi ngồi ca với tiếng lòng phán-khởi,
 Tôi thở than cùng thiểu-nữ băng-khuâng,
 Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng,
 Tôi yên-ủi với tiếng chuông huyền diệu,
 Với Nàng-thơ, tôi có đàm muôn điệu,
 Với Nàng-thơ, tôi có bút muôn màu ;
 Tôi muôn làm nhà nghệ-sĩ nhiệm mầu ;
 Lấy Thanh Sắc trần-gian làm tài liệu.

Máy văn thơ, Tập Mới
 (Hà-nội, nhà xuất-bản Đời Nay, 1941)

179.— Câu chuyện trên tàu thủy

Tôi biết một kẻ cắp rất giỏi, tên là Hai Nhiêu, người Ninh-bình. Bác ta rất thông-minh, thiệp-nhã, lại « quân-tử » nữa. Quân tử trong phường kẻ cắp — cố-nhiên. Không bao giờ bác thèm lấy của người nghèo, cũng không hay lấy của ai mẩy khi. Ăn cắp đổi với bác không phải là một nghề kiêm corm, đó chỉ là một cách giải-trí của tay chơi hay có thể nói là một... « nghệ-thuật ». Bởi thế việc lấy cắp càng khó càng nguy hiểm. Hai Nhiêu càng thích. Bác ta khi dâ « nhầm » món nào, tất món ấy phải lầm tiền, mà dâ cố ý lấy tất không bao giờ hụt...

Hồi ấy Hai Nhiêu đang trổ tài nghệ trong mấy sòng bạc ở Hải-phòng. Bác ta thí-nghiệm ngón khôn khéo trên túi ai là các túi ấy sẽ phải rỗng. Nhưng bác lại có tính máu mê, được đồng nào của con bạc thì lại nướng cho nhà cái hết. Đang lúc lập một mưu « chưa xuất bản » để ăn to, bỗng có tin nhà ra báo cho biết rằng vợ Hai Nhiêu ốm nặng.

Là ăn cắp, nhưng cũng là chồng tốt, bác Hai Nhiêu phải đến vay tạm tài sản đồng để về thuốc thang cho vợ. Rồi ngay chiều hôm đó đi tàu thủy xuôi Nam (1). Xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác là xem xét mọi nơi : Bác ta mong gặp được cái may có thể giúp mình được ít tiền nữa. Nhưng hành khách tuy đông mà không người nào có « máu mặt ». Phàn nhiều là hàng người buôn bán, túi tiền không xứng đáng với tài-hoa của bác ; hay những người phu mỏ ốm dở trớn về... Bác thông thả đến ghé ngồi bên mép chiếu & gần buồng máy, uể-oải mượn cái diều cầy rít một hơi, rồi ngả lưng dựa vào cái cột sắt ngủ gà ngủ gật cho đến khi trong tàu lèn đèn.

Bỗng những tiếng ồn-ào gần đó nỗi lên. Anh chàng mở độc một mắt ra coi rồi lại nhắm lại. Nhưng tiếng ồn-ào lại thành tiếng quát mắng lẫn tiếng van-lợn. Bác khó chịu, phải mở cả hai mắt ra thì thấy người mai-bản đang xả-xói một người nhà quê thiếu tiền tàu và nhất định đuổi người ta xuống. Hai Nhiêu bức mình quá, đứng lên can-thiệp, thì người nhà quê kia lạy lấy lạy đế, vừa nhăn vừa kêu :

« Bẩm Ông, con về Nam, nhưng thiếu mất một hào. Con nói với chủ ấy cho chịu đến khi lên bến, còn vay con trả, mà chủ ấy không nghe ».

Tên khách thì cứ luôn mồm.

« Cái lày ti tàu, không có tiền thì ti làm gì ? Không ! Cái lày phải xuồng tây, không có lôi-thoi »... Rồi hậm-hở toan túm lấy ngực người đàn ông kia lôi đi.

Sự bất-bình liền sôi trong máu Hai Nhiêu. Bác ta chợt thấy mình là người anh hùng kề cù, liền gạt anh khách ra, rút tờ giấy bạc quẳng vào mặt nó, hách-dịch nói :

« Bán một cái vé về Nam-định, giữ lấy một hào của người này nữa rồi trả lại tiền ».

Tên Khách đưa vé xong vừa lầm bẩm quay đi thì Hai Nhiêu lại giữ vai kéo hắn lại :

« Từ nay phải nhã-nhặn với khách đi tàu chút nữa, nghe không ?»

Nói đoạn, bác ta về chỗ cũ ngồi, làm bộ không thèm để ý đến những câu trầm-trồ khen-ngợi của mọi người gần đó.

Người nhà quê thì cảm ơn đi, cảm ơn lại, đưa cái điều cày mòi Hai Nhiêu hút và xin miếng trầu của một bà ngồi bên cạnh mòi Hai Nhiêu ăn. Lại đem nồng nỗi làm ăn vất-vả kể với Hai Nhiêu để che sự hổ-thẹn thiểu tiền tàu lúc này. Lúc Hai Nhiêu thoát được những lời tử-tế thái-quá ấy thì người nhà quê lại đem cái lồng gà (2) đến bên như ý gửi mình coi hộ, rồi đi ra đằng lái tàu...

Đợi mãi người nhà quê không trở lại, Hai Nhiêu ngẩn nhìn bốn phía thì thấy người ấy nằm ngay cạnh đó, đã ngủ một giấc bình yên! Bác ta bỗng mồi bật ra một tiếng cười khẽ rồi cũng đẹp đẽ ngủ nốt.

Sáng hôm sau thức dậy, Hai Nhiêu quên việc tối hôm vừa qua. Tàu tới Nam-định, bác ta vừa bước lên bến thì người nhà quê, tay xách cái lồng gà rỗng, đã đứng chờ đó và mòi bác lên xơi với hắn một chén nước cảm ơn.

« Đến đây thì chúng tôi đã có nhiều người quen, chúng tôi sẽ trả lại số tiền ông cho giật hôm qua với lại xin ông để chúng tôi đến đáp lại ông một chút ».

Hai Nhiêu nóng về Ninh-bình ngay, nhưng từ chối thế nào, người nhà quê cũng không nghe.

« Chả mấy khi gặp người tử-tế như ông, nếu ông không cho tôi được trả ơn, thì tôi ân-hận mãi... Nào, mòi ông, xin ông đừng từ-chối, phụ lòng tôi. »

Thấy vẻ chân-thực của người nhà quê và biết không khi nào họ để cho mình đi ngay, Hai Nhiêu phải ưng theo vậy.

Người nhà quê mừng rõ :

« Thế thì quý-hóa quá ! Chúng tôi chẳng dám phiền giữ ông lâu... »

— Nào có gì mà bác phải bày vẽ ra...

— Không, nếu không có ông thì hôm qua chúng tôi bị rầy-rà lám.

Câu lẽ-phép đi, câu lẽ-phép hơn đáp lại ; cứ thế đến chừng năm phút, khi hai người bước tới hàng cơm gần đó thì câu chuyện kết-luận bằng một câu không lẽ-phép mấy, nhưng nghe cũng vui tai :

« Bà hàng đâu, làm cho tôi một mâm rượu thực ngon ấy nhé, mà làm mau lên, ông quý-khách của tôi vội. »

Hai Nhiêu ngạc-nhiên, bụng bảo dạ :

« Có lẽ nào một người đi tàu thiếu tiền mà lại dám tiêu rộng-rãi đến thế, hay là họ lại định nhờ khéo mình thêm một bửa cơm nữa đây ? »

Nhưng thấy bà hàng ra chừng quen thuộc người nhà quê, nên Nhiêu ta cũng yên bụng. Uống xong bát nước, người nhà quê bỗng gọi bảo một người nhà quê khác đứng chờ đó, đưa cho hắn cái lồng đựng gói mò và hai cái nồi đất :

« Chú Ba về làng trước, đưa cái này cho bu nó cất đi, tôi còn bận chút, xoàng về ngay. »

Rồi quay lại bảo Hai Nhiêu :

« Nào bây giờ mời ông vào hàng, xơi với tôi chút cơm rồi tôi lại xin tiền ông lên đường không dám giữ. »

Cơm rượu xong, thấy người nhà quê mở hầu-bao ra chi tiền cơm, Hai Nhiêu không hiểu ra sao, toan hỏi nhưng sợ bất tiện. Đến lúc đưa cháo ra gá, người kia lại nhất-định nài lấy vé cho mình, Hai Nhiêu lại càng kinh ngạc. Người nhà quê thấy vậy mỉm cười và thong-thả nói :

« Thưa ông, ông lấy làm lạ cũng phải. Nhưng việc thiếu tiền hôm qua, chỉ là một mèo đó thôi. Tàu *Chấn-linh* này có tiếng là lầm kê cắp. Chúng tôi có tiền mang theo mà không làm thế, thì giữ sao được ?

— Vâng, nhưng tôi thấy ông chỉ mang có hai, ba đồng thì tội gì phải thế ?

— Nếu hai, ba đồng thì cất đâu chẳng được. Đày tôi lại dồn một món tiền lớn về để mua cái phó-lý cho tôi, lo cưới vợ cho thằng cháu, lo khao, lo vong...

— Ô thế ra...

— Vâng, tôi về chuyên này đem những ngọt nấm trâm bạc mà để kê cắp biết, thì tôi có khi cũng không về được tới nhà.

— Nhưng... ông giắt trong mình thì...

— Chết ! Giắt trong mình nguy-hiểm lắm. Tôi phải bỏ vào một cái nồi đất trong cái lồng chú nó đem về ban nãy đó. »

Rồi vừa cười người nhà quê vừa tiếp :

« Cái lồng gà với mấy cái nồi, mà lại của một anh nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu.. ông tính, còn kẻ cắp nào để ý đến nữa. Nếu tôi không nghĩ đến kẻ ấy thì ngủ yên sao được... mà nếu không làm thế thì sao tôi được gặp người quí-hóa như ông. »

Bên đường thiên lôi

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời Nay).

CHÚ-THÍCH.— (1) *Nam*: tức là tỉnh Nâm-định.— (2) *Cái lồng gà*: hành-lý của người nhà quê ấy chỉ có một cái lồng gà rỗng trong có một gói mo với hai cái nồi đất.

KHÁI-HƯNG (TRẦN KHÁNH GIỮ) 陳慶餘

180 — Anh phải sống

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chồng lại với sức nước, chồng cho mũi thuyền quay về phía thượng-du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phảng xuồng phía dưới, khi nhô khi chìm, khi ẩn khi hiện trên làn nước phù-sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mất chết đuối trong ngobiên son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ gìn lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trôi đổ mưa... Rồi chớp-nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền oan nhỏ, đầy nước, nặng trùi. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phảng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc :

— Giời ôi !

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bợn cũ và lanh-lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ :

— Mình liệu bơi được đến bờ không ?

Vợ quả-quyết :

— Được !

— Theo dòng nước mà bơi... Gối lên sóng !

— Được ! Mặc em !

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi :

— Thế nào ?

— Được ! Mặc em !

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lịm. Cố hết sức bình sinh, nàng lại mới ngoi lên mặt nước. Chồng vội vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ một tay bơi. Vợ mềm cười, âu yếm nhìn chồng. Chồng cũng mềm cười. Một lúc, Thức kêu :

— Môi lấm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi ! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng nghe chừng càng mõi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi :

— Có bơi được nữa không ?

— Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

— Em buông ra cho mình vào nhé ?

Chồng cười :

— Không ! Cùng chết cả.

Một lát — một lát nhung Lạc coi lâu bằng một ngày, — chồng lại hỏi :

— Lạc ơi ? Liệu có cố bơi được nữa không ?

— Không ?... Sao !

— Không. Thôi dành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói :

— Thằng Bò ! Cái Nhón ! Cái Bé !... Không ?... Anh phải sống !

Thức bỗng nhẹ hẳn đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lảng-lảng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.



Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sông đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên

canh Đó là gia-dinh bác phó Thức ra bờ sông từ-biệt lần cuối cùng linh-hồn kẽ dã hy-sinh vì lòng thương con.

Trong cảnh bao-la, nước sông vẫn lạnh-đạm chảy xuôi dòng.

trong *Anh phái sông*

(Hà-nội, Nhà xuất-bản Đời Nay, 1937)

181.— Cảnh chùa Long-giáng ở Bắc-ninh

Hai người (1) đứng lại ngắm chùa. Lưng-chứng một trái đồi cao, mẩy-nóc nhà rêu mốc chen lấn trong đám cây rậm-rịt, bốn góc gác chuông vươn lên trên từng lá xanh um.

— Chùa đẹp quá, chú nhỉ ?

— Vâng, Long-giáng là một danh-lam thắng-cảnh ở vùng Bắc. Cụ tôi thường thuật cho tôi nghe rằng chùa này dựng lên từ đồi Lý Nhân-Tôn (2). Trước chỉ là một cái am nhỏ lợp gianh, sau vì có một bà công-chúa đến xin nương nhờ cửa Phật, nên nhà vua mới cho sửa-sang nguy-nga nbus-thể. Câu chuyện thụ-pháp của công-chúa thực tỏ ra rằng phép Phật huyền-diệu biết bao.

— Chú làm ơn kể lại cho tôi nghe có được không ?

— Vâng, tôi xin thuật hầu ông nghe những lời cụ tôi đã kể. Chắc ông cũng biết đức Thái-Tổ nhà Lý (3), khi còn hàn-vi, nhờ đạo Phật rất nhiều, nên lúc ngài lên ngôi rồi, ngài dốc lòng chăm-chỉ sửa-sang các chùa chiền. Đến đức Nhân-Tôn vì bận việc chinh phục Chiêm-thành và chống-chọi với người Tàu nên trê nải đạo Phật.

« Ngọc-hoàng thượng-de như muốn giúp nhà vua tinh ngã, liền cho một nàng tiên-nga giáng-thể đầu thai, tức là Văn-khôi công-chúa. Công-chúa nhan-sắc diễm-lệ một thời, nhưng khi lớn lên chẳng tướng gì đến việc trần-duyên, chỉ ngày đêm học đạo tu-hành. Sau vì nhà vua cố ý kén phò-mā, công-chúa liền đương đêm lên bước trốn đi, nhờ có các thần-tiên đưa đường tới nơi này thụ pháp đức Cao-huyền hòa-thượng.

« Về sau có thám-tử báo tin, đức vua mẩy phen cho quan quân đến chùa đón công-chúa về triều. Công-chúa nhất định không nghe. Nhà vua nổi

giận truyền quan quân phóng hỏa đốt chùa. Ngọn lửa vừa nhóm, bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước tắt ngay. Vì thế chùa này mới lấy tên Long-giáng từ thuở ấy. Nhà vua nghe tin cả sợ. Từ đó ngài dốc lòng tin theo phép mầu-nhiệm của đức Thích-già Mâu-ni và lập tức cho sửa-sang chùa để công-chúa ở lại tu-hành. Chùa này vì thế bắt đầu trùng-tu từ thời ấy, đã bao phen tu-bổ lại nhưng kiểu chùa vẫn nguyên như cũ.

Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng, lấp-loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lấn màu cung đất, cung cây, cung cỏ. Khoảnh-khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lờ-mờ in hình trong cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm.

Trong làn không-khí yên-tĩnh, êm-dềm, tiếng chuông thong-thả ngân-nga như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp cảnh thiên-nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thưốt-tha, bông lúa sét-soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu-ni muốn theo về nơi hư-không tịch-mịch.

Hồn bướm mơ tiên
(Hà-nội, Nhà xuất bản Đời Nay)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Hai người* : Ngọc, cháu sư cụ chùa Long-giáng và một chú tiểu ở chùa ấy.— (2) *Lý Nhân-Tôn* : trị vì từ năm 1072 đến năm 1127.— (3) *Lý Thái-Tông* : trị vì từ năm 1009 đến năm 1028.

NGUYỄN-LÂN 阮麟

182.— Ra đồng làm việc

Gà vừa gáy sáng, trời mới rạng đồng, vàng ô đỏ ối cánh đồng, sương mù phủ mênh-mông một vùng.

Trong một làng kia thuộc tỉnh Hưng-yên, đã rộn-rãp ồn-ào, mẹ gọi con, vợ gọi chồng, người nào việc ấy : kẻ vo gạo thổi cơm, người sấp gầu tát nước.

Tuy dạo ấy cày cấy đã xong, lúa đương con gái, nhưng cũng còn phải tát nước, đắp bờ, nghiệp nhà nông quanh năm cặm-cụi, ít khi nhàn rỗi thảm-thoải.

Cơm nước vừa xong, ai nấy kéo ra đồng ; ở nhà chỉ còn những bực già-nua tuổi-tác, suốt ngày đan vông, bện thùng cùng trông nom trẻ nhỏ.

Trên con đường từ cổng làng ra, hai bên cỏ mọc, giữa trơ đất thịt gờ-ghề, kẽ cuốc người già, lũ-lượt ra đồng làm việc. Bọn đàn ông quần nau-xán đến gối, một vuông khăn bịt đầu, thắt nút ra trước trán, miệng còn ngậm tăm, vừa đi vừa chuyện vừa cười.

Bọn đàn bà áo vải mộc, xổng nhuộm bùn, khăn ba-ga chít mồ qua, miệng nhai giàu bóm-bém, thỉnh-thoảng lại cười rú lên, nhẹ hai hàm răng đen nhưng nhức như hạt na vậy. Mọi người đều tươi cười vui-vẻ, hình như không ai cho làm việc là khổ-sở, là khó chịu cả...

Trông xa đồng ruộng mènh-mông, một màu xanh ngắt ; sương mù dần-dần tan, trời đất dần-dần sáng rõ ; cỏ vệ đường lóng-lánh móc sương, trông tựa hồ hàng muôn nghìn hạt kim-cương vậy.

Cây cối nhỡ khí lạnh bao đêm tròng tươi mơn-mòn. Trong những bụi ruồi, bụi tre, chim sẻ chim sâu bay nhảy, kêu lép-nhép. Trên những cành đa, cành đê, kia con sáo hót, con gáy gù : cành-tượng thực là ngoạn-mục !

*Cậu bé nhà quê
(Hà-nội, Nhà in Thành-niên)*

PHỤ CHƯƠNG

TRẦN-ĐÉ QUÍ-KHOÁCH

183.— Bài văn tế ông Nguyễn-Biéu

Than rắng : sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền-tạo mờ mờ : sắc
sắc, không không, bụi hồng-trần phơi phới.

Bất cộng thù, thiên địa chứng cho, vô cùng hận, quý thần
thè với.

Nhớ thuở Tiên-sinh, cao dơ mạo (*mẫu*) *trãi* (1), chăm chăm
ở ngôi *dài-gián* (2), dành làm cột đá đề ngăn dòng ; tới khi
Tiên-sinh xa gác vó câu, hăm hăm chỉ cán cờ mao, bỗng trở
gió vàng bèn nén nỗi.

Thói *tinh-chiên* (3) Hồ-tặc *chǐn-hăm* (4) ; gan thiết thạch
Tô-công dẽ đổi.

Quan Văn-Trường gặp Lữ-Mong, dẽ sa cơ ấy, mảng thấy
chữ « phệ tê hà cập » (5) dạ những ngùi ngùi ; Lưu Huyền-Đức
giận Lục-Tốn mong giả thù này, nghĩ đến câu « thường đâm
(6) bất vong » lòng thêm dội dội.

Sầu kia khôn lắp cạn dòng ; thảm nợ dẽ xây nêni núi.

Lấy chi báo chưng hậu đức, rượu Kim-tương (7) một lọ,
voi voi mượn chúc ba tuần ; lấy chi ủy thửa phuơng hồn (8),
văn dụ-tế mấy câu, thảm thảm ngõ thông chín suối.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Trãi* ♂ i mẫu ông Ngự-sử.— (2) *Dài-gián* 叢 謹 :
quan Ngự-sử.— (3) *Tinh chiên* 猩 狒 : con khỉ, con chồn.— (4) *Hăm* :
dọa.— (5) *Phệ tê hà cập* 嘘 臈 何 及 : ăn năn hối lỗi.— (6) *Thường đâm*
嘗 滯 : nếm mật, ý nói khỗ tâm mong trả thù.— (7) *Kim tương* 金 裝 :
rượu quý.— (8) *Ủy thửa phuơng hồn* 慇 其 芳 魂 : an ủi hồn thảm của
người ấy.

HOÀNG SĨ-KHẢI (VĨNH-KIỀU HẦU)

184. — Mùa thu

Chon vọn một đỉnh vọng phu,
Trời thu mấy trượng, bể thu mấy trùng.

Tiết thu trung, dã về quá nửa,
 Nguyệt một vùng, sáng sửa mươi phân ;
 Rì-rì nấm mọc đầy sân.
 Lầu cao mấy trượng đòi lầu gấm phong.
 Một bầu nồng ba nghìn thế-giới.
 Cung Quảng-hàn bóng mới lòe ra :
 Lầu-lầu chặng bám chút nhơ,
 Bốn bề bằng một, ai ngờ rắng đêm.
 Gió cung thiềm mây hơi thoảng đến.
 Lụa khúc nghệ (1) uyển chuyên (2) Hằng-Nga
 Long-thành thấy đã truyền ngoa,
 Xanh kia mấy trượng, dẽ hòa khà lên.
 Dưới lầu trên làn băng vắng-vặc.
 Cùng xanh-xanh một thíc tầy nhau ;
 Dù không điêm-nhận thuyền câu,
 Hay đâu là nước, hay đâu là trời.
 Khói hơi hơi ngàn lầu lác-dá,
 Non ba cần cò ác cùng bay ;
 Thu bao ảo-não người thay,
 Đã chuông quán bắc lại chày thành nam.
 (Trích trong « Tứ thời khúc »)

CHÚ-THÍCH.— (1) *Khúc nghệ* : khúc Nghê thường, khúc hát của tiên trên cung giang.— (2) *Uyển chuyên* : du-duong, tiếng khi cao khi thấp.

NGUYỄN BÁ-LÂN

(*Người tinh Sơn-tây, đỗ tiến-sĩ năm 1731, làm quan đến thương-thứ*).

185.— Trương-Lương

Trương Lưu-hầu : *ngao cực* (1) gây thiêng, hồn-tinh (2) cầu sáng. Vắng-vặc mi thanh mục tú, kỳ-sĩ phong-lư, nhơn nhơn thíc viễn tài cao, nho-gia khi-tượng. Y-bát (3) noi một dấu thi thư, chung dỉnh rồi năm dời khanh tướng...

Một tấm vải (4) dọc ngang trong tám cõi, đủ phiu-pha ơn Hán nợ Hán ; ba tắc lưỡi đưa dón ngoại năm năm, bè vẹn vẻ thù Tân oán Hạng. Sánh từ trên như Trọng-Liên, Phạm-Lãi

còn thua ; so dở xuống đâu Lý-Tĩnh Khồng-Minh chưa đáng. Vị đế-sư (5) mà cao-sĩ, ngoại-vật (6) vẫn còn trong lý, nghìn thu chữ thăm chưa rời phai ; nền nho-gia mà danh-thần, chẳng tiên nhưng cũng khác tràn, muôn kiếp bia danh còn để sáng...

CHÚ-THÍCH.— (1) *Ngao cực* (鼈 極) điền bà Nữ-Oa em gái vua Phục-Hi cắt 4 chân con ngao (giống rùa bè) để lập ra tứ-cực (phương giới xa nhất).— (2) *Câu 構* : kết lại làm ra.— (3) *Y bát 衣 鉢* : áo cà-sa, đồ đựng cơm của nhà phật chuyền lại cho tin đồ, ý nói về sự thầy chuyền đạo cho trò.— (4) *Một tấm vải* : một thân.— (5) *Đế sư* : thầy vua.— (6) *Ngoại vật* : không dính dáng với đời.

LÊ QUÍ-ĐÔN

186.— Kinh nghĩa

ĐẦU BÀI :

Mày về nhà chồng, phải kính phải răn, chờ trái lời chồng (chữ kính
Lễ : vâng chỉ như gia, tất kính tất giới, vô-vi phu-tử).

BÀI LÀM :

(*Câu phá*).— Khuyên con giữ đạo làm dâu, bà già nghĩ đã đến lầm vậy.

(*Câu thừa*).— Phù (1) con đại cái mang (2), lẽ xưa nay vốn thế. Khuyên con phải kính trọng chồng, há chẳng phải đạo lầm ru !

(*Khoe giảng*).— Mẹ đưa con ra cửa, ý nghĩ rằng : trong phổi định (3) ba giờ lung đao cả (4), thực là muôn hóa (5) chi theo ra ; mà hôn-nhân hai họ giao vui, há để một lời chi trách đến.

(*Câu lính mạch*) — Mẹ đưa con ra, mẹ càng nghĩ lầm, con ạ !

(*Khai giảng về trên*).— Con, con mẹ, mà dâu, dâu người vậy i Hoặc lời ăn nói chi ra tuồng, tức lành đồn xa, dữ đồn xa, ai bảo rằng con chi còn nhỏ.

(*Khai-giảng về dưới*).— Dâu, dâu người, mà con, con mẹ vậy ! Hoặc trong cửa trong nhà chi có chuyện, tức yêu nêu tốt, ghét nêu xấu, rồi ra trách mẹ chi không răn.

(*Câu hoàn-dè*).— Về nhà chồng phải kính phải răn, chờ trái lời chồng, con nhé !

(*Trung-cỗ vế trên*).— Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng, nhờ chồng nhờ con, nhé ! Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời, chờ bắt chước người đời xỏ chân lỗ mũi chi lăng nhăng. Nhủ này con, nhủ này con : đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa cho siêng năng ; hỏi thì nói, gọi thì thura, thờ mẹ thờ cha cho phải lẽ. Kinh lấy đấy ! răn lấy đấy ! Liệu học ăn, học nói, học gói, học mở ; khi anh nó hoặc ra xô-xát chi lời, cũng tươi, cũng đẹp, cũng vui cười, chờ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cà con kê chi kè-lề.

(*Trung-cỗ vế dưới*).— Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà chồng là đâu là con, nhé ! Khôn cho người giải (6), dại cho người thương, chờ bắt chước người thế mặc áo qua đầu chi khủng khinh. Nghe chưa con ? Nghe chưa con ? Ăn có nơi, nằm có chốn, lời ăn nết ở cho ra tuồng ; gọi thì dạ, bảo thì vàng, thờ mẹ thờ cha cho phải đạo. Kinh vậy thay ! Răn vậy thay ! Chờ cậy khôn, cậy khéo, cậy duyên, cậy tài ; khi anh nó hoặc nỗi băng băng chi sắc, thì lạy, thì van, thì lê phép, dừng học chi những tuồng đĩ-thỏa mà hoặc dây mơ rẽ mải (7) chi lời thôi.

(*Hậu-cỗ vế trên*).— Đời có kẻ xem chồng như dứa ăn, dứa ở, thậm đến điều mày tò chi khinh. Chẳng biết rằng : ngu si cũng thè chồng ta, dẫu rằng khôn khéo cũng ra chồng người. Chẳng suy chẳng nghĩ, lại ra điều cả vú lấp miệng em (8), sao chẳng biết xấu chàng hồ ai chi lý ! Mẹ khuyên con giữ đạo cương thường, khôn hèn cũng chịu, hay dở cũng dành, chờ hoặc sinh vênh-vênh chi mồi ; khi anh nó quá giận sinh xắng, mẹ con ắt phải mắc bèo trôi (9) chi tiếng.

(*Hậu-cỗ vế dưới*).— Đời có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thậm đến điều mày tao chi quá. Chẳng biết rằng : khôn ngoan cũng thè đàn bà, tuy rằng vụng dại cũng là đàn ông. Bà ăn bà nói, lại ra điều múa dùi qua mắt thợ (10), sao

chẳng biết già đòn non nhẽ chi cơ ? Mẹ khuyên con giữ nết thảo-hiền, vợ roi cũng chịu, yêu đương cũng nhở, chờ hoặc lộ sầm sầm chi mặt, khi anh nó nói dai thêm chuyện, cha conắt phải mang vớ (11) cọc chi cười.

(Kết cõ).— Con ơi, nhập gia tùy tục (12), mẹ nhủ cho đạo vợ chi thường ; xuất giá tòng phu, con phải giữ nhà chồng chi phép.

(Thúc đẽ).— Thói mẹ về.

CHÚ-THÍCH.— (1) Ôi.— (2) Mẹ mang tiếng.— (3) Vợ chồng kết duyên do giới định.— (4) Là tam cương : vua tôi, cha con, vợ chồng.— (5) Đầu các sự sinh hóa.— (6) Giải : nề.— (7) Mái cũng là mây : lôi thôi rút dây nọ động dây kia.— (8) To họng cãi bừa.— (9) Tục ngữ ; mẹ vợ như bèo trôi sông : ý nói khinh miệt.— (10) Khoẻ khéo, khoẻ tài.— (11) Tục ngữ : bố vợ là vớ cọc chèo : ý nói không coi ra gì.— (12) Theo thói nhà ấy.

187.— Văn sách

CÂU HỎI

Văn : Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bô công trang-diềm má hồng răng đen.

Truyện rằng : « chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Kim khảo (1) : « Dài lưng tổn vải, ăn no lại nấm ». Tặng kiến (2) ư thiêng vạn nữ-nhi chi nghị ; bất tri hà sở thủ ư anh đồ, nhi quyển luyễn nhược thị (3) dư ?

Thi vị (4) trần chí, dĩ quan xuân-hoài tình-lự.

BÀI LÀM

Em nghe rằng : sen ngó đào tơ, may gặp hội hôn-nhân chi phải lứa ; chả chim corm trắng, vẫn là mong giải-cầu (5) chi tốt đói ; chọn mặt gửi vàng, đâu ý ai cũng vậy.

N y vàng lời sách hỏi mà lược bày ra.

Tròm nghĩ rằng : rồng bay còn đợi đám mây, bắn bình trước (6) phải đợi tay anh hùng. Lấy chúng em chi má đỗ hồng hồng.

răng đen nhung-nhức, chẳng những muốn cô tú, dì nho chi dự, vẫn là mong chồng loan, vợ phụng chi chung tình. Nếu mà cù đậu cành mai, thì công trang-diềm chẳng hoài lầm ru ? Vậy nên sớm gửi tơ duyên, ai là chẳng ngọc đá vàng thau chi lựa lọc.

Nay xét phuong ngôn, chị em bạn gái nói chuyện rằng :

— « Chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ».

Ý trộm nghĩ rằng : Ngọc còn đợi giá, vàng chẳng lộn thau. Cây gỗ lim chìm, quyết chẳng nỡ mang làm cọc giậu, hoa đào tươi tốt, hẳn không đem bán cho lái buôn. Cam đường với quả quít hôi, cũng cần nhắc ba đồng một, một đồng đôi chi giá.

Thứ ngó coi : ruộng sâu ao cả, chàng nông kia chi trọc phú (7) những khoe giàu, song Vương-Khai, Thạch-Sùng đã từng đấu phú (8), rồi cũng giương mắt ểch ư của đời người thế cbi thu.

Nghiên ruộng bút cày, anh đồ nọ chi da văn (9) không ngại khó ; kia Mãi-Thần, Mông-Chính có lẽ tràng bần (10), rồi cũng bồng cánh hồng ư bĩ cực thái lai chi hội.

Nông nhì sĩ nhất, lẽ ấy đã rành.

Vả : chân lấm tay bùn, chàng nông nái vũ-phu chi cục. kịch, lấy yếm thắm giải đào chi tha thưốt, giá thê mà mang bầu xách lọ, sao cho cam hạt ngọc đẽ ngâu vầy.

Miệng thêu dạ gấm (11), anh đồ là quân tử chi dịu dàng, lấy môi son má phấn chi nhởn-nho, giá thê mà sửa túi nâng khăn, thì mới đáng cành ngô cho phụng đậu.

Vậy có thơ rằng :

Dẫu có bạc vàng trăm vạn lạng,

Chẳng bằng kính sứ một vài pho.

Lại có thơ rằng :

Gươm trời chi đẽ tay phàm tuốt,

Búa nguyệt (12) sao cho đúra tục mài.

Vâ : tiêng tăm con gái, nết na học trò, nên em nghĩ duyên em, em nghĩ tình em, lại tưởng đến anh đồ chi sự-nghiệp : Đèn xanh một ngọn, án tuyêt ân-cần ; quyền vàng mẩy pho, cửa huỳnh (13) gióng-giả.

Còn trong trần-lụy, anh đồ là vị vũ chi giao-long, may khoa thi mà kim-bảng (14) đề danh, túc hôm nọ chi hàn nho, mà hôm nay đã bảng-nhỡn (15), thám-hoa chi dài các, em phỏng có duyên ưa lá thắm, thì trước voi anh, sau vồng thiếp, cũng thỏa đời ư vồng lộng chi nghênh.ngang.

Đương thuở hàn vi, anh đồ là tại sơn chi hồ báo, gặp vận thái mà thanh-vân đắc-lộ, túc bùa tê chi tiên-sĩ, mà bùa ni đã thương-thư, đồ-đốc chi phong-phú ; em phỏng như phận đẹp chi hồng, thì anh quan cả thiếp hầu bà, cũng sướng kiếp ư ngựa xe chi đúng-dỉnh !

Huống chi : kinh sử lầu thông, anh đồ chi tài học, đã sẵn tay kinh-tế ; tuy có dài lưng tốn vải, bấy giờ đã dai vàng áo gấm chi bánh-bao.

Tài năng rất mực, anh đồ chi duyên-phận, gặp được lúc long vân ; tuy có ăn no lại nằm, bấy giờ cơm chúa vồng đào chi chèn-chẹn.

Gương trời vắng-vặc, sáng soi nhà vàng gác tía chi linh.lung.

Lộc nước miên-miên, súc-tích gấm cuốn vàng cân chi ban-cấp.

Như thế thi : chồng quan sang, vợ hầu đẹp, ai chẳng khen nhất thế chi thần tiên. Danh phận cả, bỗng lộc nhiều, thế mới thỏa tam-sinh chi hương.hỏa. Khỏi vò sở thủ ư anh đồ tai (16) ?

Vậy nên : yêm trắng nước hồ, vả đi vả lại, chỉ mong anh nho-sĩ chi yêu-dương. Miệng ong luối én, uốn ngược uốn xuôi, cũng mặc giọng thế gian chi mai-mỉa.

Em nay : tuổi mới giăng tròn, tiết vừa hoa nở ; vàng lời sách hỏi, giải hết niềm đơn (17).

Em cân thưa.

CHÚ-THÍCH.— (1) *Kim khảo* 今 汲 : nay xét ra.— (2) *Tảng kiến* 石見 : từng thấy.— (3) *Nhược thi* : như thế.— (4) *Thí vị*... *tình tự* : thử bày tỏ tình-tự nhớ xuân.— (5) *Giải cấu* : gấp gỡ tình duyên.— (6) *Bắn bình lược* : vẽ ba con chim sẻ vào bình phong đánh số tượng trưng ba cô gái, ba cậu rể bắn được con nào theo số lấy cô ấy (Điền xuất Đường-Cao-Tồ).— (7) *Trọc phú* : giàu mà bần.— (8) *Đầu phú* : đua giàu.— (9) *Đa văn* : nhiều chữ.— (10) *Tràng bần* : nghèo mãi.— (11) *Cầm tám tú khâu* : nói văn hay như thêu như gấm.— (12) *Búa nguyệt* : cái búa hình trăng lưỡi liềm.— (13) *Huỳnh* : dom dóm.— (14) *Kim bảng* : bảng vàng.— (15) *Bảng nhỡn* : đỗ thứ hai. *Thám hoa* : đỗ thứ ba (Thi đình).— (16) *Nhẽ đâu anh đồ không có điều gì hay, đáng khen ư ?*— (17) *Niệm đơn* : lòng đỗ (niêm là lòng, đơn là son).

NGUYỄN HUY-HỒ

Ông Nguyễn Huy-Hồ tục là Nhâm, hiệu Liên-Pha, tự: Cách-Như. Ông sinh năm Cảnh-Hưng thứ 44 (1783), kém cụ Nguyễn Du 18 tuổi. Ông là con thứ cụ Nguyễn Huy-Tụ và bà vợ kế Nguyễn Thị-Đài. Cụ Nguyễn Du là chú. Ông là cháu cụ thám-hoa Oánh và cháu ngoại cụ Nghè Nguyễn-Khản.

188.— Mai-Đình Mộng-Ký

I.— Nhập đề

Trăm năm là kiếp ở đời,
Vòng tròn này dẽ mấy người trăm năm.
Cuộc phù sinh (1) có bao lăm;
Nő qua ngày bạc (2) mà làm tuổi xanh.
Duyên tết-ngoè (3), hội công danh,
Là hai, với nghĩa chung tình là ba.
Đều là đường cái người ta.
Là cầu nối đó ai qua mới từng.
Tình duyên hai chữ nhắc bắng,
Há rắng duyên chướng há rắng tình si.
Chuyện xưa còn có sá chi,
Đêm thanh vui chén muối ghi nỗi mình.
Cho hay là giống có tình,
Chiêm bao lần-quất năm canh lần lần.

II.— Cuộc xem đèn ở Phù-Thạch

Nhớ xưa năm Ty, tháng Dần,
 Thường xuân vừa gặp giữa tuần tròn trăng.
 Thắng du tiễn nèo quan dǎng,
 Trông vời non liễu, băng chừng dặm hoa.
 Trông hòm xuân nhuốm màu da,
 Cơn mưa rửa tuyết, trận hà (4) cuốn mây.
 Chim về xao xác lá cây,
 Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.
 Lửa đâu thấp thoáng trong rèm,
 Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
 Đá đâu lấp ló giữa giòng,
 Như bay hoa sóng, như chồng gương nga.
 Thành đâu xây lấp yên hà.
 Bình non nền cũ, cán cờ bụi sương.
 Đèn đâu lảng dấu khói hương,
 Bè reo công trước vàng tượng mái tàu.
 Lần theo ngọn nước lâu lâu,
 Gió lay chiếc cọc, thuyền mau lười chài.
 Trong gương ai cắm cành mai?
 Dưới mây ai ném một vài lưu-tinh? (5)
 Phồn-hoa nỗi ánh thị thành,
 Nay Phù-thạch phố (6) là danh lịch-triều.
 Thủ phong-lưu cũng ít nhiều,
 Đèn chong vè tố, lò thiêu bụi trần.
 Vững doi trải mấy xây vần,
 Dập dùi còn đó với xuân dẽ nào.
 Thảo mà cánh điệp lá đào,
 Đi về Vu, Giáp (7) ra vào Vũ-Lăng.
 Một trời hoa cỏ làng lâng,
 Mơ màng mưa Sở gió Đằng đâu đây.
 Chiều xuân chuốc chén voi đầy,
 Thủ xem người tinh, người say mới là.

III.— Thuyền ngược dòng sông Lãm

Dã men vừa sánh giọng trà,
 Nhà lan treo tháp, doanh La xuống thuyền.
 Gió xuân rút cánh buồm duyên,
 Thiều quang chín chục vân yên một chèo.
 Bến tinh nhẹ nhõ con neo,
 Đầu mai yến vần (8) mạn chèo oanh đưa.
 Thành thời bầu rượu túi thơ,
 Ngón đàn khiền hứng, nước cờ giải mê.
 Não nùng vượn suối hoa khe,
 Voi người dường có vả vê chữ tình.
 Phong quang tám bức vén tranh,
 Bình non mượn khắm gương doanh lết tơ.
 Bến Nam liêu bá con đò,
 Mảnh mây viễn phố (9) cánh cò hàn sa (10)
 Ngàn đồng khói lẩn lạc hè,
 Giọt mưa cồ thụ tiếng gà cô thôn.
 Vó câu pha gió nhẹ bon,
 Bên lầu thử hỏi hoàng hôn dịch nào?
 Trời tây bóng hạc non sào,
 Đường rêu khách quạnh ruồi vào Thiên-thai,
 Nợ xem góc bẽ bên trời,
 Một xuân biết mấy mươi nơi dập-dìu.
 Đời cơn giốc-mục (11) ca tiêu (12)
 Cần hòn (13) mấy cán tơ chiều (14) nửa manh.
 Thành thời gió mát trăng thanh,
 Nay đầm Đồng-lại, này ghềnh Bàn-khé.
 Mảng vui sào cây mái phê,
 Doanh ngàn bóng thỏ dã xê ngang đầu.
 Nài xuân chén những kèo mau.
 Tưởng duyên kỳ-ngộ, ngâm câu Vị-dường.
 Nay này quẽ trạo lan tương (15)
 Ví đưa Xích-bích chi nhuòng Đông-Pha.

Mộng đến Mai-Đình

Say xưa đòi thú lẩn la,
 Giang thành đã gióng canh gà (16) sang tư.
 Giấc hòe (17) thiếp thiếp lẩn mơ,
 Trong mơ mòng thấy tình cờ lạ sao.
 Tưởng mình lạc lối nguồn Đào,
 Khi ra Đông-khẩu khi vào Bồng-Doanh.
 Đồi nơi chim lá hoa cành (18)
 Đường chiều dòn rước như tình rủ rê.
 Mây chòm len lỏi sơn-khê,
 Dòng ngăn thú dật (19) vách che bụi trần.
 Ruồi quanh hoa kính (20) lẩn-lẩn,
 Cảnh tiên riêng để tay thần mỏ mang.
 Bầu trời ả chiếm thanh-quang.
 Néo xa trông tỏ mây trang lão tùng.
 Dưới tùng có gác Nghênh-phong (21)
 Cách chừng những tưởng phạm cung Bảo-dài.
 Băng chừng đạo bùroc tới nơi,
 Tường sau nghìn gốc thảo mai quanh thành.
 Biển đâu nét tạc ranh ranh,
 Đề ba chữ : « Thưởng mai đình » vàng tượng (22).

Thiếu nữ đè thơ

Trong đình bốn báu (23) sẵn-sàng,
 Cánh mây mới thảo ngòi sương chưa rời;
 Xồng mai chót động bóng người,
 Về lan vừa chán vời rời gót sen.
 Rẽ ngang về mái tây hiên,
 Cành dao khuất bóng xiêm tiên lᾶn màu.
 Ít nhiều cụm thược (24), trời đâu
 Hương thừa còn phảng-phất đâu trước đình.
 Vé sao ngọc chuốt giá thanh,
 Bút thần đỗ vẽ nên tranh truyền-thần !
 Giá sao báu Triệu châu Tần,
 Người sao so dưới cõi trần chưa ai !

Thực âu sắc nước hương trời.
 Chẳng dòng thần-nữ cũng vời tiên cung.
 Nguyên phong đồng tỏa trùng trùng,
 Khách thơ luống những mơ mộng hồn thơ,
 Biết đâu nước đợi non chờ,
 Chúa xuân sao khéo hững hờ cho dang.
 Bao tinh l่าน thăm giọt Tương,
 Thần-thờ ngọn khói cành sương một mình.
 Lén vào kẽ trước Côn-dinh,
 Vách mai còn dán rành rành tiên mai.

*Lúra ngọc cùng ai đó ?
 Trăng kia với khách này
 Một cành xuân đã sớm
 Mấy đóa tuyết nào bay.
 Vé sạch mưa càng dài,
 Lồng thơm gió nồng lay,
 Bướm ong đìng thóc mách;
 Cho hái có đường tay.*

Họa thơ thường mai

Tứ cao cách lạ tột vời,
 Quần thoả hiếm nhỉ nảy tài Âu, Tô.
 Nữ trung được mấy này ru !
 Song mai (25) biết mấy công phu tập rèn.
 Câu thần chữ thánh người tiên,
 Hay đâu rồi chẳng phi nguyên trăm năm.
 Phím hoàng đợi khách tri-âm.
 Nên treo cân Lê, ai cầm giá Côn.
 Nghĩ mình gióng ruồi nước non,
 Niềm kinh-quốc (26), nỗi hương-thôn bấy chày.
 Đoái chi bướm lũ, ong bầy,
 Đàm Tao (27) nào mấy đua tay cắm vè,
 Dù chẳng con Tạo khắt khe,
 Thị chi cánh điệp còn mê với tình.
 Trót đà tới Mẫu đơn đình,
 Thơm chẳng cũng bẻ một cành làm duyên.

Tục diêu (28) gắng bộ vần tiên,
 Liễu-trì trước lá, hoa tiên thế nào ?
 Ngòi dao vừa ráo luật Đào,
 Với vần thơ trước sắp vào một phong :

*Dao trì in vỏ ngọc
 Đúc lại lá tiên này
 Nắn gió hoa vừa nâu,
 Nay hương nguyệt muốn bay.
 Chiếc đình còn phảng-phất,
 Cái bướm bỗng thay lay
 Chẳng những xuân kia chọn,
 Thần tiên cũng chấp tay.*

Người tiên dẫu cách mấy trùng,
 Dấu tiên càng phi thi đồng chắt chiu.
 Bỗng dung trăng dật gió dùi,
 Làm sao lui tới cho deo dang này.
 Cuộc mê càng mải miết thay,
 Dập dờn chiếc bóng, chay vay trót giờ.
 Một đình một khách thần thơ,
 Thôi thăm thì hỏi, lại mơ mẫn chờ,

Dạo bước tìm người

Hiến dâu kéo dây hoa đào,
 Đành liều quả quyết bước vào thủ xem.
 Thướt tha tơ liêu buồng rèm,
 Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi.
 Nhụy xuân đón gió như cười,
 Chòm thanh, khóm dật khác với chân du.
 Cỏ cây có đá lô xô,
 Cỏ lầu túc điểu, có hồ du ngư.

CHÚ-THÍCH.— (1) Phù sinh 浮 生 Đời sống trôi nổi.—(2) Bạch nhật 白 日 : sáng rõ.—(3) Tế ngộ 際 遇 : Gặp gỡ.—(4) Hà 霞 : giáng.—(5) Lưu tinh 流 星 : sao đổi ngôi.—(6) Phù thạch phố 浮 石 浦 : Bến Phù thạch.—(7) Vu giáp 止 峴 : vua Sở Tương vương gặp thần nữ ở Vu-sơn.—(8) Yên vần: chim yến hót.—(9) Viễn phố 遠 浦: bến xa.—(10) Hàn sa 寒 沙 : cát lạnh.—(11) Dốc mục: mục đồng thời tù và.—(12) Ca tiêu: tiêu phu hát.—(13) Cầm hôm: Cầm câu buồi tối.—(14) Tơi chiều: áo tơi mặc buồi chiều

— (15) Quế trạo lan tương 桂棹蘭槳 : Chèo quế sào lan.— (16) Canh gà : gà gáy sang canh.— (17) Nằm dưới cây hòe chiêm bao.— (18) Lả loi : chí nghênh, diệp tống 枝迎葉送.— (19) Dật 遊 : Nhàn-ha.— (20) Hoa kinh 花經 : Đường giòng hoa.— (21) Nghênh phong 過風 : Hóng gió,— (22) Tương 鑊 : gắn vào, thiếp vàng — (23) Nghiên, bút, giấy, mực, văn phòng tứ bảo (文房四寶).— (24) Cây thưoc dược.— (25) Cửa sổ có cây mai.— (26) Kinh-dô.— (27) Đàm tao : tao đàm, nơi làm thơ.— (28) Điều là loài cáo ; nói nhún như ta nói « nỗi đuôi ».

PHAN HUY-VINH

Ông Phan Huy-Vinh 潘輝泳 tên chū là Hàm-Phú 澄甫 người Thụy-Khuê, huyện Yên-Sơn tỉnh Sơn-tây, ông thi đỗ Cử-Nhân năm Minh-Mệnh thứ chín (1828) đến năm Tự-Đức thứ 23 (1870) ông tri-sĩ thi mất, hưởng thọ 71 tuổi, ông là con ông Phan-huy-Thực cháu ông Phan-huy-Ích.

189.— Tỳ-bà hành diễn nôm (1)

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quanh hơi thu, lau lách diu-hiu.

Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti,
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh-mông đượm vẻ gương trong.

Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuây-khoa lại, khách dừng-dắng xuôi.

Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Đừng dây to, nắn-ná làm thịnh.
Rời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn, thèm rượu, còn dành tiệc vui.
Mời mọc mãi, thấy người bõ ngõ,
 Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.

Vẫn đàn mấy tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc, tình đã thoảng hay.
Nghe não-nuột mấy dây buồn-bực,
Dường than-niềm tấm-túc bấy lâu;

Mày chau tay gầy khúc sầu,
Đãi-bay hết nỗi trước sau muôn vàn.
Ngón buồng, bắt khoan-khoan diu-dặt
Trước Nghè-thường, (1) sau thoắt Lục-yêu (2);

Dây to nhường dỗ mưa rào,
 Ní-non dây nhỏ khác nào truyện riêng.
 Tiếng cao thấp lụa chen lấn gầy,
 Mâm ngọc đậu bông nẩy hạt châu (3).
 Trong hoa oanh riu-rít nhau,
 Nước tuôn róc-rách, chảy mau xuống ghềnh.
 Nước suối lạnh, dày mành ngừng đứt.
 Ngừng đứt nền phút bắt tiếng tơ ;
 Ôm sầu, mang giận ngắn.ngo,
 Tiếng tơ lặng ngắt, bấy giờ càng hay.
 Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước (4).
 Ngựa sắt giọng, xô-xát tiếng dao ;
 Cung đàn trọn khúc thanh-tao,
 Tiếng buông xé lụa, lụa vào bốn dây.
 Thuyền mây lá đông tây lặng.ngắt,
 Một vầng trăng trong vắt lòng sông ;
 Ngâm-ngùi đàn bát xếp xong,
 Áo xiêm khép-nép hẫu mong dài nhòi.
 Rằng : « Xưa vốn là người kẻ chợ,
 Cồn Hà-mô trú ở lân-la ;
 Học đàn từ thuở mười ba,
 Giáo-phường đệ-nhất chỉ đà chép tên.
 Gã thiện-tài sợ phen dừng khúc,
 Ấ Thu-nương ghen lúc điềm.tô ;
 Ngũ-lặng, chàng trẻ ganh đua,
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn,
 Vành lược bạc gãy tan dịp gỗ,
 Bức quần hồng hoen ố rượu rơi ;
 Năm năm lần lữa vui cười,
 Mải trăng hoa chẳng đoái.hoài xuân-thu.
 Buồn em chảy (5) lại lo di thác,
 Sầu hôm mai đổi khác hình-dung ;
 Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
 Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
 Khách trọng lợi khinh đường ly-cách,
 Mải buôn chè sớm têch nguồn khơi ;

Thuyền không, đậu bến mặc ai,
 Quanh thuyền trắng dãi, nước trời lạnh-lùng.
 Đêm khuya, sirc nhớ vòng tuổi trẻ,
 Chợt mơ-màng dòng lệ đỏ hoen;
 Nghe đàn ta đã tranh buồn,
 Lại rầu nghe nỗi nỉ-non mẩy nhời.
 « Cùng một lứa bên trời lận-dận,
 Gặp-gỡ nhau lọ săn quen nhau;
 Từ xa kinh-khuyết (6) bấy lâu,
 Tàn-dương đất trích (7) gối sầu hòm mai.
 Chốn cùng tịch lấp ai vui thích,
 Tai chẳng nghe đàn địch cả năm,
 Sông Bồn gần chốn cát lầm,
 Lau vàng, trúc yô, àm-thàm, quanh hiên.
 Tiếng chi đó nghe liền sớm tối:
 Cuốc kêu sầu, vượn hót véo-von:
 Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
 Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng.
 Há chẳng có ca rừng, địch nội (8)?
 Giọng liu-lo, buồn nỗi khó nghe;
 Tỷ-bà nghe dạo canh khuya,
 Đường như tiên nhạc gần kè bên tai.
 Hãy ngồi lại gầy chơi khúc nữa,
 Sẽ vì nàng sửa-soạn bài ca»;
 Đứng lâu đường cảm nhời ta,
 Lại ngồi lụa phím đàn đà kíp dày.
 Nghe não nuột khác tay đàn trước,
 Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi;
 Lệ ai chan-chứa hơn người?
 Giang-châu Tur-mã (9) đượm mùi áo xanh.

CHÚ-THÍCH.— (1) Tỷ-bà Hành bản chữ của Bạch Cư Dị.— (2) Tên
 hai khúc nhạc tiên.— (3) Tiếng đàn sang-sảng như hạt châu gleo xuồng
 mâm ngọc.— (4) Tiếng đàn rào rào như nước ở bình-bạc vỡ téo
 ra.— (5) Chảy: đi lính,— (6) Cung-quyết nhà vua.— (7) Trích 脱:
 đi đầy.— (8) Chốn thôn quê — (9) Tác-giả bài này, trước làm Tur-mã
 ở Giang-châu.

TRẦN TẾ-XƯƠNG*Hát nói***190.— Đánh tôm**

Bực chǎng nhẽ anh hùng khi vị ngô (1),
Như lúc đèn chơi cuộc tôm tòm (2),

Bài trạm thành cuối cánh phông ầm ầm,
Ngồi thoi chǎng bốc quân rác rảnh.

Cũng có lúc không chi thi bát.sách,
Cũng có khi bạch-dịnh bốc yêu-hồng;

Cắt bài lên ông-lão vẫn lắn vòng,
Không đâu cả gấp kè năm bảy phông.

Cũng có ván tôm lèo lên chờ rộng,
Vớ phải thăng bạch-thủ phông tay trên.
Góm ghê thay đèn thực là đèn !

Sắc như mác cũng thua thắng vận đỏ.

May mắn nhẽ hữu duyên nǎng tài-ngô,
Bĩ circ rồi đến độ thái lai;

Tiếng tam.khôi chi đê nhường ai,
Hết bạch lại hồng, thông mãi mãi.

Nào những kẻ tay trên ban nãy,
Đến bây giờ thay.thay dưới tay ta;

Tiếng bài cao lùng-lẫy khắp gần xa,
Bát-vạn ấy người ta ai dám dọ.

Thế mới biết tôm có đèn thì có đỏ,
Thì anh hùng vị-ngo có Jo chi;

Trước sau, sau trước làm gì ?

CHÚ-THÍCH.— (1) *Vị-ngo*: chưa gặp thời.— (2) *Tôm tòm*: bơi hai
chữ tự-tam (hợp ba quân thành một phu); Bài lá có 120 quân chia
ra hàng sách, hàng vạn, hàng văn.

BA-GIAI**191.— Chính khí ca**

Quan Tòng-đốc Hoàng-Diệu tuẫn.tử.

Một cơn gió thảm mưa sầu,
Đúc nung gan sắt, giãi.giàu lòng son;

Chữ trung đã rắp vuông tròn,
 Quyết đem gởi cái tàn-hồn (1) cỏ cây,
 Trời cao, bể rộng, đất dày,
 Núi nùng, sông Nhị, chốn này làm ghi !
 Thương ôi ! trong buổi lưu-ly,
 Tắc (2) riêng ai cũng thương vì người trung.
 Rủ nhau tiền góp của chung,
 Đưa người ra tảng ở thung (3) học-đường,
 Thiết-tha nhẽ ! ngần ngại nhường !
 Tả-toi thành-quách, tồi-tàn vật nhân,
 Ngán thay cho cái phong-trần !
 Tiếc thay cho kẻ trung-thần lầm thay !

.

Vì ai nên nỗi nước này ?
 Đề người danh-tiết biết ngày nào quên ?
 Dải Nhị-hà, cõi giang-biên,
 Trăm năm tiêu-cốt đề nghìn người coi.
 Họ Hoàng tống-dốc là ai ?
 Anh-hùng khảng-khai vĩn người cõi Nam.
 Ngòi thành Hà-nội mấy năm,
 Một phương cõi Bắc ngửa trông thế nào !

CHÚ-THÍCH.— (1) Tàn hồn 魂 : Hồn đã tàn.— (2) Tắc riêng :
 òng riêng (bởi từ ngữ : thốn tâm : tắc lòng).— (3) Thung : Khoảng đất.

NỮ TÚ-TÀI (1)

192.—Nàng Phi-Nga, nǚ tú tài

Họ Vân có nữ tú-tài,
 Con quan tham-tướng tuổi vừa xuân-xanh.
 Và thêm quốc-sắc, khuynh-thành,
 Đã hay nghè ngựa, lại lành nghè cung.
 Chân thiếu-nữ giá anh-hùng,
 Trượng phu mấy kẻ địch cùng kém xa.

Đặt tên là ả Phi-Nga,
 Huyên-dường sớm vắng, còn nhà nghiêm-quân (2).
 Tống-triều đại-chấn tư-văn (3)
 Nho-phong thì thăng (4), vũ-quyền thì khinh,
 Phi-Nga có ý cậy mình,
 Quyết lòng nấu sứ sỏi kính theo thi.
 Quần chàm áo chít cài khuy,
 Giả hình làm dạng nam-nhi học hành,
 Cải tên hiệu gọi Tuấn-Khanh.
 Lạy cha rồi mời khởi trình tòng sư.
 Đêm ngày luyện tập thi thư,
 Phong-tư chèn-chện, ngôn từ khoan-dung.
 Bạn cùng Ngụy-Soạn, Tử-Trung.
 Đua nhau trận bút, vẫy-vùng kình côn.
 Một phen cá vượt Vũ-môn (5),
 Ba chàng cùng chiếm khôi-nguyên tú-tài.
 Tiếng đồn rộn khắp vang trời,
 Kẻ xin sửa túi, người nài nâng khăn,
 Bướm ròn ong rạo lìm xân,
 Ai hay rằng kẻ nho-nhàn nữ-tài.

Vô danh.

CHÚ-THÍCH.—(1) *Tú-tài* : (tú là đẹp tốt, tài là giỏi) Giỏi giang anh tài.—(2) *Nghiêm quân* : bố.—(3) *Đại chấn tư văn* : 大振斯文 : Phát triển nền văn học.—(4) *Thăng* : Trọng.—(5) *Vũ-môn* : Tên một khúc núi ở miền thượng-du sông Trường-giang nước Tàu, chàm núi có cái vực sâu, tục truyền đến mùa thu, cá đến đó thi nhảy, con nào vượt qua được Vũ-môn thì hóa ra rồng. Điều này dùng để ví học-trò thi.

MỤC-LỤC

<u>Số bài</u>	<u>Ca-dao</u>	<u>Số trang</u>
1.— Súc-sắc súc sè.	.	3
2.— Thằng Bờm	.	3
3.— Ru con.	.	4
4.— Chèo đò	.	4
5.— Chặt củi	.	4
6.— Mẹ dạy con gái.	.	5
7.— Chồng khuyên vợ	.	5
8.— Vợ khuyên chồng.	.	6
9.— Thói hay chế giễu	.	6
10.— Thói ham danh lợi	.	6
11.— Cảnh chồng con	.	6
12.— Tình cảnh người nhà quê	.	7
13.— Việc làm ruộng	.	8
14.— Ba mươi sáu phố ở Hà-nội	.	8
15.— Con trai ngỏ ý với con gái	.	9
16.— Con gái ngỏ ý với con trai	.	9
17.— Tiếc sự biết nhau quá chậm.	.	10
18.— Trách sự sai lời nguyễn-uroc	.	10
19.— Nỗi ly biệt	.	10
20.— Bài hát đố.	.	10

Các tác-phẩm vô-danh

Trê, cóc	.	12
21.— Trê, cóc sinh sự kiện nhau	.	12
22.— Nhái bén khuyên bảo cóc cái	.	14
Phan, Trần	.	16
23.— Nỗi buồn của Kiều-Liên khi ở chùa	.	17
24.— Phan-sinh gặp Diệu-lhường lần đầu.	.	18
25.— Phan-sinh và Kiều-Liên nhận nhau	.	19
Quan-âm Thị-Kính	.	21
26.— Thị-Kính mắc tiếng oan giết chồng.	.	22
27.— Thị-kính vào tu ở chùa Vân-Tự.	.	21
Bích-câu kỳ-ngộ	.	27
28.— Tú Uyên mắc bệnh tương-tử	.	28
29.— Giáng-Kiều xin kết duyên cùng Tú-Uyên	.	29

Nhị độ mai	30
30.— Mai-công đến mừng lễ thọ Lư Kỷ	32
31.— Hạnh-Nguyễn trẫm minh	34
32.— Nhân nguyệt vấn đáp	36
Bàn nữ thần	39
33.— Chỉ vì nỗi nghèo..	39
Lục súc tranh công	41
34.— Trâu kẽ công trạng minh	41

Các tác-giả

TÁC-GIẢ ĐỜI TRẦN.

35.— Vua dụ Vương Tường để gả cho chúa Thuyền-Vu.	43
36.— Vương Tường vào bái-yết Hán-vương	43

HỒ HUYỀN-QUY.

Trịnh-thử

37.— Chuột đực lấy lời lẽ ngọt ngào quyến rũ chuột bạch.	45
38.— Hồ-sinh khuyên răn chuột cái	47

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH,

39.— Tặng Nguyễn Biều	48
NGUYỄN BIỀU.	

40.— Bài họa lại.	49
NGUYỄN-TRÃI (1380-1442)	

Gia huấn ca

41.— Phép dạy con.	49
42.— Việc nội-trợ	50

LÊ THÀNH-TÔN (1442-1491)

43.— Người ăn mày.	52
44.— Con chó dá.	52

THƠ NÔM ĐỜI HỒNG-ĐỨC (1470-1497)

45.— Nguyệt.	53
46.— Cảnh mộng	53

47.— Hạ thủ.	53
48.— Lặng mẫu tống sứ-giả	54

NGÔ CHI-LAN.

49.— Thơ tứ-thời	54
NGUYỄN-HÃNG.	

50.— Vui cảnh ẩn-dật	55
----------------------	----

NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM (1491 — 1585)	
51.— Vui cảnh nhàn	57
52.— Cảnh nhàn lúc tuổi già	57
53.— Nhân-tinh thế-thái	58
54.— Dĩ hòa vi quý	58
55.— Mùa thu đi chơi thuyền	58
ĐOÀN-THI-ĐIỀM	
Chinh-phụ ngâm	59
56.— Nỗi khó-nhọc, nguy-hiểm của người chồng	59
57.— Nỗi trông đợi	61
NGUYỄN-CƯ-TRINH (1716 — 1767)	
58.— Sai vãi	63
NGUYỄN-BÁ-LÂN (1701 — 1785)	
59.— Ngã ba Hạc-phú	66
TRỊNH-SÂM (1742 — 1782)	
60.— Chơi động Hương-tích	68
61.— Tây-hồ tức cảnh	68
NGUYỄN-HỮU-CHỈNH (?-1787)	
62.— Than thân	69
63.— Tự biết mình	70
NGUYỄN-HUY-TỰ (1743-1790) VÀ NGUYỄN-THIỆN (1763-1818)	
Hoa tiên	70
64.— Lương-sinh và Dương Dao-Tiên gặp nhau	71
65.— Lương-sinh từ-biệt Dương Dao-Tiên về thăm quê nhà . .	73
66.— Lương-sinh trở lại nhà Dương Dao-Tiên	75
67.— Cuộc trùng-phùng của Lương-sinh và Dương Dao-Tiên .	77
ÔN-NHƯ HẦU NGUYỄN-GIA-THIỀU (1741 — 1798)	
Cung oán ngâm khúc	80
68.— Lúc được nhà vua yêu mến	80
69.— Sau khi bị nhà vua chán bỏ	82
NGUYỄN-HUY-LƯỢNG	
70.— Tụng Tây-hồ phú (trích một đoạn)	84
PHẠM-THÁI (1777 — 1813)	
71.— Tự trào	90
72.— Chiến tụng Tây-hồ phú (trích một đoạn)	90
HOÀNG-QUANG	
73.— Hoài nam khúc (trích một đoạn)	95
LÊ-NGỌC-HÂN	
74.— Khóc vua Quang-trung (trích một đoạn)	98

ĐĂNG-ĐÚC-SIỀU

75.— Văn-té Phò-mā Chưởng hậu quân Vũ-Tính và Lẽ-bộ thương-thư Ngô-Tùng-Châu	100
ĐĂNG-TRẦN-THƯỜNG (1759 — 1813)	
76.— Hàn Vương-Tôn phú (trích một đoạn)	103
PHẠM-QUÝ-THÍCH (1760 — 1825)	
77.— Tống vịnh truyện Kiều	106
NGUYỄN-DU (1765 — 1820)	
Kim vân-Kiều	107
78.— Đạm-Tiên ứng mộng cho Kiều	108
79.— Tú-bà dỗ Kiều	111
80.— Kiều gặp Thúc-sinh	112
81.— Từ-Hải sai quân về đón Kiều	114
82.— Kiều khuyên Từ-Hải hàng	116
83.— Kiều gầy đàn	118
84.— Kiều nhớ nhà	122
HỒ-XUÂN-HƯƠNG	
85.— Bánh trôi	126
86.— Tụ tình	126
87.— Than thân	126
BÀ HUYỆN THANH-QUAN	
88.— Chùa Trấn-bắc	127
89.— Chiều hôm nhớ nhà	127
NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (1778 — 1858)	
90.— Tụ thuật	128
91.— Khuyên người đời	128
92.— Cây thông	128
93.— Chí nam nhi	129
94.— Kẻ sĩ	129
95.— Cầm kỳ thi túu	131
LÝ-VĂN-PHÚC (1785 — 1849)	
96.— Tụ thuật ký	133
Nhị thập tứ hiếu diễn âm	136
97.— Nằm váng, khóc mòng :	136
NGÔ-THÈ-VINH	
98.— Thành phong, minh nguyệt	137

PHAN THANH-GIẢN (1796-1867)	
99.— Đì sứ nước Pháp	138
100.— Tuyệt cốc	138
CAO BÁ-QUÁT (?-1854)	
101.— Uống rượu tiêu sầu	139
102.— Ngán đời	139
NGUYỄN QUÍ-TÀN (1811-1856)	
103.— Vui chơi phong nguyệt	140
BÙI HỮU-NGHĨA (1807-1872)	
Kim Thạch-kỳ duyên	141
104.— Thiết Đinh-Quí gặp bọn giặc Tiêu Hóa-Long	143
105.— Giải-thị tuẫn tiết theo chồng	147
NGUYỄN ĐÌNH-CHIỀU (1822-1888)	
106.— Trung-thần, nghĩa-sĩ	150
Lục Vân-Tiên	150
107.— Lục Vân Tiên đánh bọn cướp, cứu nàng Kiều Nguyệt-Nga.	151
108.— Lục Vân-Tiên bị Vũ-công hăm-hại	154
109.— Vương Tử-Trực nهيec mắng Vũ-công và Vũ Thái-Loan	156
DỨC TÔN (1829-1883)	
110.— Ngẫu cảm	159
NGUYỄN NHƯỢC-THỊ (1830-1909)	
Hạnh thực ca	160
111.— Việc kinh-thành thất-thủ năm Ất-dậu (1885)	160
LÊ NGÔ-CÁT VÀ PHẠM ĐÌNH-TOÁI	
Đại-nam quốc-sử diễn-ca	162
112.— Hai bà Trưng	162
TÔN THỌ-TƯỜNG (1825-1878)	
113.— Đì sứ nước Pháp	163
114.— Tôn phu-nhân qui Thực	163
115.— Tự thuật	164
116.— Thân thế nàng Kiều	165
PHAN VĂN-TRỊ	
117.— Tôn phu-nhân qui Thực	165
118.— Tự thuật	166
CAO BÁ-NHẬ	
Tự tình khúc	167
119.— Lúc đi trốn	167
120.— Lúc bị bắt	169

NGUYỄN KHUYẾN (1835-1909)	
121.— Cảnh già	171
122.— Ông tiến-sĩ giấy	171
123.— Nước lụt hỏi thăm bạn	171
124.— Đêm mùa hạ	172
125.— Mẹ Mốc	172
TRƯỜNG VĨNH-KÝ (1837-1898)	
126.— Vài noi cung-diện đền chùa ở Hà-nội	173
HUỲNH TỊNH-CỦA túc PAULUS CỦA (1834-1907)	
127.— Chi-kí cao	174
DUƠNG-KHUÊ (1839-1902)	
128.— Lại gặp người quen	174
129.— Gặp cô đầu cũ	175
CHU MẠNH-TRINH (1862-1905)	
130.— Kiều mắc lận Sở-Khanh	176
131.— Thúc-sinh về thăm Hoạn-thư	176
132.— Tổng vịnh truyện Kiều	177
133.— Phong cảnh Hương-sơn	177
TRẦN TẾ-XƯƠNG (1870-1907)	
134.— Than thân	178
135.— Đưa cho vợ	179
136.— Tết đến	179
137.— Thói đời	179
138.— Năm mới	180
139.— Phường tuồng	180
140.— Chiêm bao	180
141.— Vợ chồng Ngâu	181
TỬ DIỄN-ĐỒNG	
142.— Than nghèo	181
143.— Đêm dài	182
HOÀNG CAO-KHÁI (1850-1933)	
144.— Ông Trần Quốc-Tuấn	182
145.— Xét về việc quan-lại người Tàu cai-trị dân ta trong những hồi Bắc thuộc	184
NGUYỄN BÁ-HỌC (1857-1921)	
146.— Ở đời	185
147.— Một cảnh gia-dinh	187
PHAN KẾ-BÍNH (1875-1921)	
148.— Luận về nguyên-lý văn-chương	188
149.— Am chúng-sinh	190

THÂN TRỌNG-HUẾ (1869-1925)	
150.— Đức hiếu của vua Dực-lôn	192
PHẠM-DUY-TỐN (1883-1924)	
151.— Câu chuyện thương tâm	193
NGUYỄN-VĂN-VĨNH (1882-1936)	
152.— Gi cõng cười	194
153.— Nghề hát bội của ta và nghề diễn kịch của người Âu-châu	195
NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (1883-1940)	
154.— Giữa bê khơi	197
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU (1889-1939)	
155.— Muốn làm thẳng cuội	199
156.— My-châu, Trọng-Thủy	199
NGUYỄN-BÁ-TRÁC	
157.— Quanh đường vượt biển ra khơi	200
ĐƯƠNG-BÁ-TRÁC	
158.— Chức-trách các văn sĩ trong xã-hội ta ngày nay	202
NGUYỄN-HỮU-TIẾN (1875-1941)	
159.— Thuyết tính thiện của Mạnh-tử	203
BÙI.KỶ	
160.— Bài truy-diệu cụ Tiên-diền	206
NGÔ-BẰNG-GIỰC	
161.— Ông giàn	208
PHAN-KHÔI	
162.— Sự thực với việc làm thơ	209
PHẠM-QUỲNH	
163.— Cách lẽ-phép của người mình	211
164.— Triết-lý của đạo Phật	212
165.— Tính-cách chung của văn-chương Pháp	213
166.— Vườn Luxembourg ở Paris	214
167.— Quan-niệm người quân-tử trong đạo Khổng và quan-niệm người « chính-nhân » trong cổ văn Pháp	216
168.— Văn-hóa Pháp đối với việc chấn-chỉnh tinh-thần người Nam	217
169.— Đạo hiếu và đạo trung trong luân-lý của Khổng-giáo	219
170.— Nền luân-lý cổ của dân-tộc Việt-Nam	220
TRẦN-TRỌNG-KIM	
171.— Tôn chỉ đạo Khổng	222
172.— Luân-lý của Đạo-giáo	223

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

173.— Tư tưởng Lão Trang trong những bài hát nói	225
HOÀNG-NGỌC-PHÁCH	
174.— Trên bãi bờ Đèo-sơn	226
ĐÔNG HỒ (LÂM TẤN-PHÁC)	
175.— Nhớ rằm tháng hai	227
176.— Phong cảnh Cửa-cạn ở đảo Phú-quốc	228
THIẾU-SƠN (LÊ-SĨ-QUÝ)	
177.— Lối văn tả-thực	229
THẾ-LŨ (NGUYỄN-THÚ-LỄ)	
178.— Cây đàn muôn điệu	231
179.— Câu chuyện trên tàu thủy	232
KHÁI-HƯNG (TRẦN-KHÁNH-GIỮ)	
180.— Anh phải sống	236
181.— Cảnh Chùa Lóng-giáng ở Bắc-ninh	238
NGUYỄN-LÂN	
182.— Ra đồng làm việc	239

PHỤ CHƯƠNG

TRẦN-ĐẾ QUÍ-KHOÁCH

183.— Bài văn tế ông Nguyễn-Biều	242
HOÀNG-SĨ-KHẢI	
184.— Mùa thu	242
NGUYỄN-BÁ-LÂN	
185.— Trương-Lương	243
LÊ-QUÝ-ĐÔN	
186.— Kinh nghĩa	244
187.— Văn sách	246
NGUYỄN-HUY-HỒ	
188.— Mai đình mộng ký	249
Cuộc xem đèn ở Phù-thạch	250
Thuyền ngược dòng sông Lam	251
Mộng đến Mai-Đình	252
Thiếu nữ đẽ thơ	252
Họa thơ đẽ thường mai	253
Đạo bước tim người	254
PHAN-HUY-VỊNH	
189.— Tý-bà hành diển nôm	255
TRẦN-TẾ-XUỐNG	
190.— Đánh tồ tên	258
BA GIAI	
191.— Chính khỉ ca	258
NỮ TÚ TÀI	
192.— Nàng Phi-Nga, nữ tú tài	259

In tại nhà in TÂN-PHÁT
994, Gia-long — SAIGON

Giá bán : 80\$00